

Thiên Lương

TỬ VI NGHIỆM LÝ *Toàn Thư*



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

LỜI GIỚI THIỆU

Trong kho tàng văn hóa của nhân loại chúng ta phải kể đến kinh dịch một bộ sách cổ nhất của Tàu do nhiều người viết, qua nhiều thời đại khác nhau và có căn bản thực nghiệm của tất cả tư tưởng triết học Trung Hoa và Á ngày nay. Tử vi bói toán được thoát thai từ đó và bành trướng trong dân gian. Tiên khởi có tính cách huyền bí, định mệnh con người được cho rằng đã an bài ngay từ lúc chào đời, nên đã lấy thời điểm này để tiên đoán vị lai theo một số nguyên tắc đặt định, theo sự tốt xấu của các vì tinh tú hội chiếu ... Dần dần về sau tử vi được san định và bớt tính cách mê hoặc tuy rằng những nguyên tắc và định lý vẫn xây dựng trên những dữ kiện trù tượng, khó có thể kiểm chứng cho mọi người tha hồ muốn hiểu sao cũng được, các thầy tử vi bói toán muốn tiên đoán cách nào cũng được và tranh luận liên tu bất tận.

Trong chiều hướng phá bỏ tính cách huyền bí mê hoặc của khoa tử vi, đưa khoa này về chỗ thực dụng, về tính nhân bản của con người, về đạo sống ở đời, Thiên Lương tiên sinh đã quan niệm tử vi như là một đạo lý của thánh nhân xưa, một môn giáo dục đạo đức của kẻ sĩ, tự biết mình, biết người để chung hòa dễ dàng và thích hợp với đời sống cá nhân và cộng đồng xã hội. Cụ đã hệ thống hóa khoa tử vi bằng kinh nghiệm và lý giải. Qua tờ Nguyệt San Khoa Học Huyền Bí, những khám phá mới của cụ đã lần lượt được phổ biến và gây sôi nổi trong giới tử vi của những năm 1972, 1973 và đến mùa xuân 1974 quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý của cụ ra đời. Cụ đã đưa khoa này thành một khoa tâm lý học. Cụ dự định sẽ cho phát hành cuốn sách thứ hai tựa là : “ Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư” vào mùa xuân năm 1975 với nhiều khám phá mới lạ, nhưng vì thời cuộc thay đổi nên hoài bão của cụ đã không thành. Nay, mười năm sau đó, và cũng vào dịp giỗ đầu cụ, quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư được ra đời do thứ nam của cụ là ông Lê Hồng Đức ở San Jose và ông Cam Vũ chủ nhiệm nghiên cứu thuộc Hội Nghiên Cứu Tử Vi Lý Số ở Westminster nỗ lực nối tiếp thực hiện.

Phải công tâm mà nói rằng quyển Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư ra đời là kết quả của một quá trình nghiên cứu lâu dài của cụ trải qua nhiều triều đại chính trị, nhiều thăng trầm của cuộc đời của quốc gia xã hội.

Với quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư này chắc chắn rằng quý vị cũng sẽ say sưa với những lý giải thâm sâu, với lối hành văn tuy cô đọng nhưng bóng bẩy, ví von, với những tiết mục nói về nhân quả luân hồi, về hai chữ tài thọ, về đào hồng, tam hóa liên châu, về oan trái nghiệp quả của hình riêu không kiếp và vòng tràng sinh mà đã có một thời các nhà hâm mộ tử vi hải ngoại tranh luận kịch liệt qua hội thảo và trên mặt báo chí Trắng Đen, Hồn Việt, Tập San Nghiên Cứu Tử Vi ... chắc quý vị sẽ thích thú khi tìm thấy những phát kiến mới khắp nơi những bài của cụ, về những cơ cấu chặt chẽ liên hệ của tinh đầu hình hại, tinh đầu đối cung và tinh đầu nhị hợp, chúng ta sẽ thấy rõ hơn về cái bản thể của mỗi người, thấy rõ khoa tử vi không phải là một khoa huyền bí mà là một khoa có bố cục tinh vi, linh hoạt, không tà thuật, mê hoặc.

Trong tinh thần tiếp nối truyền thống nghiên cứu chúng tôi thay mặt Hội Nghiên Cứu Tử Vi và Lý Số xin trân trọng giới thiệu đến quý vị quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư.

Fullerton, California ngày 15 – 8 – 1985
NGUYỄN XUÂN QUANG
Tổng thư ký
Hội Nghiên Cứu Tử Vi và Lý Số



Cự Thiên Lương

Tiểu sử Cụ Thiên Lương

Cụ Thiên Lương có tên là Lê Quang Khải, sinh ngày 12-07 -1910 nhằm ngày 06 tháng 06, giờ mao trong một gia đình nho giáo tại làng Phụng Lau, tỉnh Hưng Yên Bắc Việt. Thân phụ cụ lúc đó là một nhà địa lý có tiếng tại tỉnh nhà, anh ruột cụ cũng nổi danh về môn dịch lý vào thời kỳ 1950 -1963 tại Sài Gòn dưới danh hiệu Đầu Sơn.

Năm 18 tuổi cụ hoạt động chống thực dân Pháp trong lực lượng Việt Nam Quốc Dân Đảng do cố liệt sĩ Nguyễn Thái Học lãnh đạo, nhưng chẳng bao lâu tông tích bị bại lộ, cụ bị mật thám Pháp truy lùng nên phải trốn vào Nam. Cụ đã lập gia đình và lập nghiệp tại xã Chánh Lưu tỉnh Thủ Dầu Một (nay là xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé). Thời gian ở đây cụ có tất cả 6 người con nhưng bỏ mất 03. Năm 1945 cửa hàng buôn bán của cụ đang hồi cực thịnh nhưng chỉ sau 05 phút tất cả chỉ còn lại một đồng tro tàn lẫn trong một đồng gạch vụn; đây là hậu quả của cuộc oanh kích của phi cơ Đồng Minh vào quân đội Nhật bản trú đóng cách đó không quá ½ cây số. Buồn vì gia sản tiêu tan nên cụ bà sau khi sinh người con út (9/1945) đã bỏ cụ ở lại với 03 đứa con đại hường dương 34 tuổi. Qua năm sau cụ dẫn dắt đám con thơ trở về quê nội lập lại sự nghiệp. Qua năm sau cụ lập gia đình lần thứ hai và từ đó có thêm được 4 người con nhưng lại bỏ mất 1.

Ngày 16/8/1954 cụ và cả gia đình một lần nữa lại rời quê cha di cư vào Sài Gòn lánh nạn Cộng Sản và làm việc tại Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện cho tới năm 1971 thì về hưu sống với con cháu cho tới ngày 17/09/1985 (nhằm ngày 22 –08 Giáp Tý) lúc khoảng 3 giờ chiều thì quy tiên vì bệnh gan: vừa đúng tròn 40 năm sau ngày cụ chánh thất qua đời: hưởng thọ 76 tuổi tại xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé.

Như vậy trải qua biết bao nhiêu chuyển biến của cuộc sống, phải chăng hương hồn cụ hẳn đã hài long nhắm mắt tại địa danh nơi mà trước kia cụ đã chọn nó làm nơi lập nghiệp?

Cụ Thiên Lương bắt đầu nghiên cứu Tử Vi từ năm 18 tuổi, nhưng bao phen cụ chán nản bỏ cuộc và không tin môn học cổ này, nhưng rồi cuộc cụ quay trở về với nó và thành công rực rỡ.

Trước năm 1970 cụ chỉ nghiên cứu và chỉ dạy cho con cái cùng ít bạn bè thân thuộc nên ít ai biết đến. Từ năm 1970 về sau vì theo sự yêu cầu của con cái và nhất là của cố ký giả lão thành Trần Việt Sơn nên cụ đã đồng ý cho phổ biến trên tờ Khoa Học Huyền Bí những tài liệu do cụ đã nghiên cứu và khám phá và bút hiệu Thiên Lương được khai danh từ đó. Đến mùa xuân 1974 cụ cho xuất bản quyển sách tử vi đầu tay mang tựa: “Tử Vi Nghiệm Lý” với 2000 số và đã bán hết sạch trong vòng 03 tháng. Cụ hy vọng vài năm sau sẽ cho ra tiếp quyển “Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư” nhưng hoài vọng của cụ đã không thành ... Tất cả bài vở cùng tài liệu của cụ đã được gởi ra hải ngoại cho con trai thứ trước ngày cụ biết sắp sửa quy tiên.

Cụ Thiên Lương chủ trương môn tử vi nghiệm lý có nghĩa là những khám phá mới của cụ muốn cho các độc giả nghiên cứu, chiêm nghiệm với thời gian để ứng xem đúng sai, chứ cụ không chủ trương đã phá, phê bình hay bút chiến với bất cứ ai và cụ luôn luôn giữ thái độ im lặng mỗi khi có ai phê bình hay hoặc dở về các khám phá mới của cụ đã được phổ biến (1) ngoài ra cụ cũng căn dặn con cháu và các môn sinh đừng bao giờ dùng tử vi

để kiếm tiền hoặc làm “cần câu cơm” và chỉ được “tạm” hành nghề khi ngoài tuổi 60 không ai nương tựa nhưng chỉ đủ sống độ nhật mà thôi.

(1) Năm 1974 cuốn Tử Vi Tổng Hợp của tác giả Nguyễn Phát Lộc có một vài đoạn phê bình và chỉ trích những kinh nghiệm của cụ trong bài nói về tam hợp tuổi và Lộc tồn.

NGUYÊN LÝ CỦA 60 HOA GIÁP

Mọi sinh vật sống trong vũ trụ đã được nhận định theo luật âm dương. Cây cỏ cũng có hoa đực hoa cái, côn trùng con kiến cũng có con cái con đực, cho đến vật dụng hàng ngày hầu như cũng dị biệt giữa đực và cái. Luật âm dương chi phối vũ trụ mọi sự sinh hoạt. Không gian đã có thiên là phải có địa. Thời gian càng chịu ảnh hưởng nhiều hơn.

Đã có mùa đông giá lạnh, phải có mùa hạ nóng hầm, mùa xuân ấm tươi, phải có mùa thu dịu tàn.

Âm dương là tinh thần, phần vật chất là ngũ hành, Thiên can là dương, Địa chi là âm. Thiên can có ngũ hành của Can, Địa chi có ngũ hành của Chi. Ngũ hành của Can có cái dương và cái âm. Địa chi cũng vậy. Âm dương ngũ hành của Can có 10 chữ rất rành mạch. Nhưng địa chi sao lại 12, thấy trội dư 2 cái Thổ (1 dương và 1 âm).

Thấy rằng thời gian của 4 thời tiết từ cái xanh tươi (xuân) đến nắng gắt (hạ) lần theo mát dịu (thu) kế tiếp lạnh lẽo (đông) rồi lại nổi đến xanh tươi (xuan)... thời gian cứ quanh quẩn như thế phải mất trên 365 khoảng mặt trời đồng thời gian đêm tối.

Căn cứ theo đó đặt tên là 1 năm có 365 ngày trung bình. Khoảng thời gian này cứ cách 2 lần lại phải điều chỉnh thêm chút ít cho đúng như thời tiết luân lưu. Đó là năm nhuận dầu rằng âm lịch hay dương lịch cũng vậy (1). Một đặng tính 29 hay 30 ngày làm một tháng (âm lịch) một đặng lấy 30 hay 31 ngày là một tháng (trừ tháng 2 có 28 ngày) thì đến năm nhuận, một đặng lấy thêm một tháng, một đặng lấy thêm một ngày cho vào tháng 2 là 29 ngày.

Khoảng 365 ngày căn cứ theo 4 mùa, nếu cũng lấy 10 địa chi như bên can thì chia nó lệch lạc, phải lấy thêm 2 cái thổ để ấn định thêm 2 tháng, mỗi tháng khoảng chừng 30 ngày, tức mỗi mùa 3 tháng tròn, cứ như thế luân lưu lấy 4 mùa làm một khoảng thời gian chủ đích làm 1 năm.

Đáng lý 10 hoa giáp vào với 12 chi sẽ thành 120, nhưng xếp dương vào với dương, âm đứng với âm (can và chi) nên chỉ còn con số 60 gọi là 60 hoa giáp.

2

Nhìn vào 60 hoa giáp từ Giáp Tí đến Quý Hợi, 2 chữ Can Chi đứng chung với nhau không khác gì một tiểu gia đình. Can đứng trên làm gốc (chồng), chi tiếp theo là phụ (vợ).

Biết rằng mỗi Can hay Chi đều có một tính chất riêng biệt là ngũ hành. Gia đình nào phu thê đầm ấm, sự nghiệp đầu lớn hay nhỏ hẳn là bước đường đời phải cứ sự tươi đẹp tương đối hơn ai, trái ngược vợ chồng xung khắc. ngày tháng trôi nổi trôi đánh xuôi, kèn thổi ngược, tương sự bất hạnh phải lâu nhiều hơn người.

Năm tuổi căn cứ vào Can và Chi, từ Giáp đến Quý (Can) vào với Tí đến Hợi (Chi) hẳn có sự luân phiên thay đổi, nhưng thay đổi tốt hay xấu phải phân tích cho ra nguyên lý và cũng là nguyên “ý” của Phục Hy âm thầm chỉ dẫn kín đáo.

Theo luật ngũ hành cái gì tương sinh là tốt, tương khắc là xấu. Vậy có thể hoạch phát một nguyên tắc như:

- a/ Tốt nhất: Can sinh Chi (ví dụ tuổi Giáp Ngọ. Can Giáp (Mộc) sinh Chi Ngọ (Hoả).
- b/ Tốt thứ nhì: Can và Chi đồng hành (Ví dụ tuổi Giáp Dần. cả 2 đều là Mộc).
- c/ Tốt thứ ba: Chi sinh Can (ví dụ tuổi Giáp Tí. Chi Tí (Thủy) sinh Can Giáp (Mộc).
- d/ Xấu tương đối: Can khắc Chi (ví dụ tuổi Giáp Thìn. Can Giáp Mộc khắc Chi Thìn (Thổ).
- đ/ Nghịch cảnh: Chi khắc Can (ví dụ tuổi Giáp Thân: Chi Thân (Kim) khắc Can Giáp (Mộc)

Năm trường hợp này chỉ là một tấm thu hình rất nhỏ của kiếp nhân sinh. Sự hên xui đã ấn định như thế đó, còn tùy định mệnh phác họa hạnh phúc (vòng lộc tồn) tùy vị trí an Mệnh Thân (vòng Thái Tuế bổ khuyết tư thế), nhất là Thân (chính đương số với vòng tràng sinh) đã khôn xử làm được những gì để mua chuộc.

Như tuổi Ất Mùi, Mệnh ở Mùi (Thái Tuế), Thân ở Di (Tuế Phá) biết chữ ất (Mộc) khắc chữ Mùi (Thổ) là đời tất nhiên gặp nhiều bước khó khăn. Nhưng Hợi Mão Mùi là 3 tuổi được hưởng hạnh phúc (Lộc tồn của tuổi Ất) Thân ở Di (nghịch cảnh) là cung Sửu cô lập được chữ THỌ cho phụ mẫu, thì định mệnh mới ngăn cản được phần nào, nhiều hay ít là do chữ Tài được mệnh điều động đến ách cung.

3

Tóm lại vận hạn của từng cá nhân, nguyên lý là do thời tiết. Đã có cái nóng phải có cái lạnh, đã có xanh tươi phải có vàng héo từng năm xuống đến tháng ngày giờ sinh thì đặc cách, khắc thì tai ương, phần chánh yếu là ở cái gốc (hàng can). Gốc được tươi bón hợp thời, cây được xanh tốt, gốc mà bị chặt cắt, dầu cây đương có nhiều hoa nụ tươi thắm, cũng phải ủa vàng héo gục.

(1) Âm lịch thì cách 2 năm có 1 năm nhuận. Dương lịch thì 3 năm

Ý NGHĨA MỖI NĂM TRONG 60 HOA GIÁP

60 hoa giáp là 60 năm của 6 con giáp (Giáp Tí , Tuất, Thân, Ngọ, Thìn, Dần) nối tiếp nhau diễn chuyển bắt đầu từ Giáp Tí đến Quý Hợi. Mỗi năm mang một tên có 2 chữ . Chữ trên thuộc hàng Can, chữ dưới thuộc hàng Chi. Hai chữ hợp lại gọi là nạp âm có một hành chung khác hẳn, mặc dầu Can và Chi mỗi chữ có một hành riêng biệt.

Can có 10 chữ phân chia rành rẽ âm dương và đầy đủ ngũ hành đều nhau:

Sơ khai Mộc	:	Giáp (dương)	Ất (âm)
Hoả	:Bính -	Đinh-	Mộc sinh Hoả
Thổ	:Mậu -	Kỷ -	Hoả sinh thổ
Kim	:Canh -	Tân -	Thổ sinh Kim
Thủy	:Nhâm-	Quý-	Kim sinh Thủy

Trái lại hàng Chi có 12 chữ cũng đầy đủ âm dương ngũ hành:

Thủy	:	Tí (dương)	Hợi (âm)
Mộc	:	Dần -	Mão -
Hoả	:	Ngọ -	Ty -
Kim	:	Thân -	Dậu -
Thổ	:	Thìn Tuất -	Sửu Mùi-

Cái lý dư 2 hành thổ có ý tứ trong vũ trụ bất cứ hành gì đầu là Kim hay Mộc, Thủy hay Hoả đều là ở trong đất mà ra. Bốn hành này luôn luôn sinh khắc để trường tồn, bởi thế mới có liên minh tam hợp cục là thế đứng của tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) để bồi đắp cho nhau củng cố ưu thế.

Vậy 12 Chi có 4 Chính 4 Sinh 4 Mộ lập thành 4 tam hợp cục là 4 khối có tôn chỉ riêng:

SINH	CHÍNH	MỘ	HÀNH
Thân	Tí	Thìn	Thủy
Dần	Ngọ	Tuất	Hoả
Ty	Dậu	Sửu	Kim
Hợi	Mão	Mùi	Mộc

Một vòng của 10 can tuần tự ghép vào 12 Chi, mỗi năm thay đổi đáng lý là $10 \times 12 = 120$, nhưng vì luật âm dương nên chỉ có phân nửa nghĩa là dương Can chỉ đứng với dương Chi, âm Can phải ghép với âm Chi mới đúng cách.

Đã viết cái nguyên do của 10 Can và 12 Chi, mỗi năm mang một cái tên có 2 chữ kể từ Giáp Tý đến Ất Sửu lần hồi cuối cùng là Quý Hợi. Mỗi tên có một tôn chỉ riêng là hành chung, nhưng cái hành riêng của mỗi chữ Can hay Chi vẫn phải nhìn nhận là quan trọng.

Hai chữ Can và Chi đứng với nhau không khác gì tình cảnh của một gia đình có hoà hợp mới nên sự nghiệp, còn xung khắc nhau làm sao có hưng vượng.

Như 2 tuổi Canh Thân và Canh Dần cùng là Mộc mệnh, thật ra cảnh đề huê của mỗi tuổi một khác. Canh là Kim, Thân là Kim, cũng như cây có gốc (Can) ngọn (Chi) đều nhau hẳn là có 1 căn bản vững chắc, dầu không hơn người cũng không hề kém ai. Còn Canh Dần thì Can Canh (Kim) khắc Chi Dần (Mộc). Cây mà gốc không tải bồi cho ngọn làm sao mà sinh nở tốt đẹp cho nổi, khác gì gia đình trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Hai tuổi Giáp Tý và Giáp Ngọ thấy cả 2 tuổi cùng tương sinh gốc ngọn, nhưng Giáp Ngọ khác biệt bỏ xa Giáp Tý rất nhiều. Giáp Ngọ có Can Giáp (Mộc) sinh cho Chi Ngọ (Hoả) nghĩa là gốc nuôi ngọn là thuận cảnh. Trái lại Giáp Tý thì Can Giáp (Mộc) được Chi Tý (Thủy) sinh lại tức là ngọn nuôi gốc tuy cũng là cảnh tượng sinh nhưng ngược chiều cho biết ngay Giáp Tý không có khả năng vững chắc mà sự đề huê chỉ là may mà có. Huống chi Giáp Ngọ còn tiềm tàng căn bản phồn thịnh là tam hợp Lộc Tồn của tuổi Giáp (Lộc tồn ở Dần) Thiên Lộc dành riêng cho người Dần Ngọ Tuất. Còn Giáp Tý đứng ngõ ngoài, muốn hưởng Lộc Tồn phải là Canh Tý (Canh Kim sinh Tý Thủy và Thân Tý Thìn là tam hợp hưởng Lộc Tồn tuổi Canh ở Thân).

Hai tuổi Giáp Thìn và Giáp Tuất là 2 tuổi đều hàng Can Giáp (Mộc) khắc Chi Thìn Tuất (Thổ). Hai tuổi này cũng cách biệt nhau cả một dặm đường: Giáp Tuất tuy Can khắc Chi, cuộc đời thấy nhiều trở lực, nhưng còn được dự phần tham dự chia sẻ Thiên Lộc tuổi Giáp. Giáp Thìn kể như là khách đi đường không liên quan gì đến, lại còn bị cảnh nghèo túng là Lộc Tồn thường trực có Tuần đóng kín, chỉ còn trông cậy vào bộ sao Sát Phá Tham nếu được thủ mệnh sống theo Hoá Lộc, tay làm hàm nhai. Trường hợp tuổi Giáp Thìn,

mệnh đóng ở vị trí tam hợp Hợi Mão Mùi dầu được bộ Sát Phá Tham là nòng cốt cũng chỉ là kiếp nhân sinh được tạo hoá nặn ra để trả nợ đời, không mong gì sự nâng đỡ vì vị trí của

Sát Phá Tham ở Hợi Mão Mùi, trường hợp nào cũng là đen tối, cố công xây đắp mấy cũng chỉ là hữu công vô lao (vị trí Thiếu âm Long đức Trục phù của tuổi Giáp Thìn).

Tóm lại tuổi của mỗi cá nhân có thể sắp xếp theo thứ tự tốt xấu có 5 bậc thang như sau:

- 1/ CAN sinh CHI: Phúc đức quá lớn tiềm tàng một căn bản hơn người
- 2/ CAN CHI đều nhau : có năng lực khá đầy đủ vững chắc
- 3/ CHI sinh CAN: đời gặp may nhiều hơn thực lực
- 4/ CAN khắc CHI: đời gặp nhiều trở lực
- 5/ CHI khắc CAN: nghịch cảnh đầy rẫy chua cay

Trương Lương Hàn Tín là 2 người bạn đồng Triều phò trợ Hán Cao Tổ Lưu Bang lên nghiệp đế . Cả 2 người cùng tuổi Giáp:

Trương Lương tuổi Giáp Ngọ sinh ngày 6 tháng 5 giờ Thìn

Hàn Tín tuổi Giáp Tuất sinh ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ

Cả 2 người mệnh cùng đóng tại vị trí tam hợp Thái Tuế là người hành động nêu cao chính nghĩa, cùng được bộ Tử Phủ Sát Phá Tham làm nòng cốt (đắc Khoa Quyền Lộc) cùng được hưởng Thiên Lộc là 3 tuổi Dần Ngọ Tuất. Nếu đem so tài thao lược Hàn Tín còn ở trên Trương Lương một hạng nên được Hán Cao Tổ phải lập đàn phong tướng tự tay nâng ấn kiếm nguyên nhung trao cho Hàn Tín trước muôn thủ hạ cho có danh chánh ngôn thuận. Vậy mà cuộc đời Hàn Tín phải hứng chịu biết bao nhiêu thua thiệt kém Trương Lương .

Từ một kẻ thứ dân nương nhờ cơm Siêu Mẫu, có lần nhẫn nhục luôn trốn thất phu ở kẻ chợ , đành rằng đời vĩ nhân phải trải qua nhiều cơn bĩ cực chờ Thiên Thời mới rõ vàng thau.

Trương Lương thuộc dòng Khanh Sĩ gặp buổi vong quốc cũng phải lang thang nay đây mai đó tìm mặt gửi vàng, đến đâu cũng được trọng đãi.

Phân tách những nét chính của hai lá số , trước nhất Trương Lương hơn Hàn Tín ở cái gốc tuổi Giáp Ngọ được Can sinh Chi, Hàn Tín bị Can khắc Chi (Giáp Tuất) . Trương Lương mệnh ở vị trí Quan Phù có ý tứ tính toán kỹ càng dẫn dắt đời sống .

Hàn Tín ở vị trí Bạch Hổ mỗi khi làm việc thì bất cứ giá nào làm cho kỳ đắc ý (còn tham vọng) . Phúc đức của Trương Lương có Tham lang ở Thìn ngộ Tuần hoà hợp đủ nghĩa với

vị trí Mệnh, Quan Phù có thể từ bỏ mọi tham vọng để nhàn du sơn thủy. Hàn Tín Phúc Thất Sát triều đầu bị cả Tuần lẫn Triệt . Phải chăng vì thế cuộc đời đi đến chỗ bị thương .

Ba tuổi Giáp được hưởng Lộc tồn thì Giáp Ngọ đứng đầu vì Giáp sinh Ngọ, thứ đến Giáp Dần (Giáp và Dần đồng hành) đứng sau chót mới đến Giáp Tuất vì Giáp khắc Tuất .Trương Lương tuổi Giáp Ngọ đương nhiên được hưởng nhiều hạnh phúc hơn Hàn Tín tuổi Giáp Tuất.

Vậy tuổi mỗi cá nhân không phải là đương nhiên Can Chi tuần tự sắp xếp không có nghĩa lý , thật ra tiềm tàng một ý tứ sâu sắc như diễn tả hình bóng cả một cuộc đời.

Can là gốc là Phúc đức, Chi là ngọn là Thân thể. Hạn hành hên xui hàng năm xuống đến hàng tháng hàng ngày do Can của năm tháng ngày chế hoá với Can của Mệnh chiếm phần ưu tiên quan trọng điều khiển .

8

ĐẦU LÀ NGUYÊN LÝ NGŨ HÀNH NẠP ÂM CỦA 60 HOA GIÁP

Nạp âm là phối hiệp để thành một tiếng .

Ngũ hành nạp âm là Can và Chi ghép lại hoá nên một hành khác .

Nạp âm ngũ hành của 60 hoa giáp là sự thành lập ngũ hành của 10 thiên can phối hợp với 12 địa chi theo nhạc điệu Cung (thổ) Thương (kim) Giốc (Mộc) Chuỷ (Hoa) Vũ (Thuỷ). Nhưng vẫn thấy không cho phép tin tưởng đầu là chính lý hoàn hảo (1)

Hàng Can đã trình bày ngũ hành được rành mạch đều đặn bằng 5 cặp phân tách âm dương chính xác. Đến hàng Chi để cho đúng thời tiết phải thêm 2 hành Thổ làm cái mức nối tiếp cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông để cho mỗi mùa tương đối xê xích 3 tháng trên dưới 90 ngày, cứ Dần Mão là Xuân, Tỵ Ngọ là Hạ, Thân Dậu là Thu, Hợi Tí là Đông.

Lấy tinh tâm mà ngắm nhìn kỹ bản địa bàn tử vi thấy cả 1 thế thái cực vững vàng cân phân đủ thời tiết đến phương hướng hoàn hảo trùng cách. Thế thái cực thành lập gồm đủ lưỡng nghi tương phân từ Mão đến Thân thuộc Thái dương và từ Dậu đến Dần thuộc Thái âm như hai đĩa cân ngang bằng sánh đôi. Về hình thức thật là bằng nhau nhưng tính cách lại khác biệt . Một đằng thuộc Thái Dương sáng lạng bao nhiêu , trái lại bên âm âm tối bấy nhiêu như trắng với đen. Một bên gồm Hoả (Ngọ) với Kim (Thân) , bên kia của

Thủy (Tí) với Mộc (Dần) . Hai điểm Thìn Tuất là 2 thế giao điểm pháp nguồn (Thiếu âm và Thiếu âm) . Bên này có Thủy khắc Hoả thì bên kia có Kim khắc Mộc.

Như vậy có 3 cặp tương xứng đối diện nhau nên được đặt làm 3 mốc chính để bắt đầu xếp nạp âm định lý ngũ hành cho một hoa giáp .

Nhưng tại sao Giáp Tí được coi là Kim hành , Giáp Tuất là Hoả và Giáp Dần là Thủy? Biết rằng Giáp là Mộc, Tí là Thủy, 2 chữ đứng chụm với nhau lại là Kim, thấy như không có mạch lạc gì giữ nạp âm với Can Chi, như 2 chữ Tân Dậu cả 2 Can Chi đều có Kim mà hành chung lại là Mộc, thật là một cảnh lạc lõng khác thường .

Đây là một định lý, có thể nói là rất cao siêu của lý học . Hành Hoả là tư thế sự vật bùng cháy bốc lên tượng trưng cho THIÊN . Thủy là sự xâm nhập lắng xuống biểu hiện cho Địa . Còn Kim là tư thế của sự vật quyết liệt để trường tồn là NHÂN . Ba hành này đại diện cho tam tài THIÊN ĐỊA NHÂN, có ý nghĩa là 60 hoa giáp do 3 cặp Trời Đất và người hiệp định xây dựng quyết định và chỉ có 3 hành này được bắt đầu hướng đi như:

	Giáp Dần (Địa)		Giáp Tí
	Thủy - Hán (tự nghĩa)		Kim – Ngân (T.N.)
	Thổ - Địa -		→ Hoả - Đẳng -
SINH	Hoả - Thiên -	SINH	↳ Mộc – Giá -
	Mộc – Sài -		↳ Thổ – Bích -
	Thủy – Thấp-	SINH	↳ Kim - Câu -
	Giáp Tuất (Thiên)		
	Hoả - Yên (T.N.)		
	↳ Thủy – Mãn -		
KHẮC	↳ Thổ – Tụ -		
	↳ Kim – Chung -		
KHẮC	↳ Mộc – Lâu -		

Trong 12 chi có 6 Chi dương ghép với 5 Can dương và 6 Chi âm hợp với 5 Can âm, làm sao mỗi Chi đứng với 1 Can có một hành riêng tức là 5 Can có đủ ngũ hành như :

Giáp Tí	:	Kim	Át Dậu	:	Thủy
Bính Tí	:	Thủy	Đinh Dậu	:	Hoả
Mậu Tí	:	Hoả	Kỷ Dậu	:	Thổ
Canh Tí	:	Thổ	Tân Dậu	:	Mộc
Nhâm Tí	:	Mộc	Quý Dậu	:	Kim

Bên Thái âm (Giáp Tí, Giáp Tuất , Giáp Dần) cũng như bên Thái dương (Giáp Thân, Giáp Ngọ , Giáp Thìn) đều có ý nghĩa của sự sắp xếp như:

1/ Giáp Tuất và Giáp Thìn thuộc Hoả là Thiên Mệnh có ý định răn trừng tiềm tàng ở trong khối toả ra 2 đầu: Kim khắc Mộc và Thổ khắc Thủy.

2/ Giáp Dần và Giáp Thân thuộc Thủy là Địa Mẫu , có ý nuôi dưỡng diệu hiền nên Thủy sinh Mộc , Mộc sinh Hoả , Hoả sinh Thổ tuần tự phát huy.

3/ Giáp Tí và Giáp Ngọ thuộc Kim là ý định của nhân sinh tiềm tàng trong nội tâm lòng ham muốn sanh tồn nên ở giữa vươn ra Thổ sinh Kim và Mộc sinh Hoả .

10

Người tuổi Canh Tuất Mệnh Thân đồng cung Thìn thấy ngay người sống trong nội tâm bất đắc dĩ được hành nạp âm của mệnh là Kim, bồi thêm Kim cục thuận đường đi nước bước . Vũ khúc và Thiên mã là nghị lực (Kim) chính xác của dương nhân, mặc dầu sự ganh đua không được phần chánh nghĩa (Thái tuế ở Di) mà vẫn thành công dễ dàng vì vị trí Thân Tí Thìn khắc được Dần Ngọ Tuất phù hợp với 2 chữ Canh Tuất (Tuất sinh Canh - đường đời dễ gặp nhau) dầu sao cũng là hoàn cảnh không cho phép đắc ý (Tuế Phá) với khả năng có thừa .

Âm dương ngũ hành là then chốt của lý học . Mọi sự huyền diệu không ngoài sự giao dịch động hay tĩnh của ngũ hành và luật lệ âm dương, cũng là khả năng vô địch của tam tài Thiên Địa Nhân.

11

NHỮNG CÂU PHÚ NÊN THẬN TRỌNG ÁP DỤNG

Những câu phú là những câu văn vắn do cổ nhân ghi chép lại, sau một thời gian khá kinh nghiệm về kết quả cũng như sự phối hiệp giữa các hành tinh mà nên ảnh hưởng. Sở dĩ phải làm thành văn vắn như có ý định: trước mắt là dễ nhớ, sau để người đi sau lấy đó mà tìm kiếm thêm nếu còn những khía cạnh nào chưa được hoàn hảo hay sơ sót trên phương diện nào.

Đọc những câu phú, ngày nay thấy như những câu sấm ký truyền lại của những cá nhân, nó mệnh mông trên cương vị tổng quát không quyết định hẳn cho một trường hợp nào . Như câu: “Trai bất nhân Phá quân Thìn Tuất, Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân”, có phải bất cứ mệnh nào nằm ở Thìn Tuất mà có Phá quân là trai bất nhân và Tham Lang Thất Sát ở Dần Thân là gái bạc tình ?

Số có 60 tuổi , mỗi tuổi có một hành, tuy nói là ngũ hành, nhưng khác nhau rất nhiều như 2 người cùng tuổi Kim: Giáp Tí và Giáp Ngọ , một đằng Tí sinh Giáp khác với Giáp sinh Ngọ. Căn bản của Giáp Ngọ là nó dày chắc, trái với Giáp Tí chỉ là nông cạn. Huống chi còn 12 vị trí, mỗi vị trí đối với tuổi dương nhân nó chỉ một vị trí khá đặc biệt .

Biết rằng mỗi tam hợp có 3 vị trí dùng thể chân vạc làm gốc riêng của 4 cách: Thái Tuế, Tuế Phá, Thiếu Dương và Thiếu âm. Thái Tuế chia ra Thái Tuế chính xác . Quan Phù và Bạch Hổ Tuế Phá bao gồm Tuế Phá Tang môn và Điều khách. Thiêu' Dương có Tử Phù và Phúc đức . Thiếu âm có chi nhánh Long đức và Trục Phù . Thiết tưởng mỗi tư cách của mỗi sao ghép vào 60 tuổi đã cho ra một hình thái khá rành rẽ khác nhau, lại được lọc thêm qua 12 vị trí thì kết quả phải là tinh vi đến thế nào.

Dưới phép luận số 60x12 thấy có 720 mẫu sắc dị biệt thì Phá Quân và Tham Lang, Thất sát kia hẳn phải có những cuộc lột xác nhiều thay đổi.

Riêng đối với phái nữ Sát Phá Tham nói chung không hợp điệu của phe liễu yếu đào tơ, là người tháo vát đảm đang gan góc cũng phải tùy các khía cạnh mới dám quyết định đâu là đoan chính, đâu là lằng loàn. Muốn hợp cách chỉ có Đồng Lương, Tử Phủ bồi đắp thêm Hoá khoa càng thêm khả ái .

12

Cổ nhân đã chịu mất công ghi chép lại bằng những câu phú , phải là những bậc trí tuệ có thừa, biết rằng công cuộc về tinh thần không phải một thể hệ mà được hoàn hảo. Cần phải bao thể hệ xây đắp may ra mới xây đắp được một quãng đường dài thám hiểm. Lại còn e dè những ai chẳng may lầm đường lạc lối dấn vào ngõ bí vì tam sao thất bản.

Dịch học từ đời Phục Huy (2900 trước dương lịch) mãi mãi đến đời Khổng Khâu (600 trước dương lịch) mới gọi là san định được một phần khởi sắc. Dem so 2 khoảng thời gian từ 2900 trước dương lịch đến 600 trước dương lịch có 2300 năm và từ 600 trước dương lịch đến nay 1984 sau dương lịch có 2584 năm tạm cho là ngang bằng nhau. Thời gian hiện nay nhờ khoa học tiến bộ, mỗi ngành từ vật chất đến tinh thần không thể khai thác trong u minh, đều phải phân tách cho hợp luân lý, tránh sao không còn tồn tại lời mĩa mai: đị đoan huyền bí .

Thứ lấy 4 tuổi: Giáp Dần, Đinh Tỵ, Ất Mùi và Bính Tí , cung Mệnh cùng đóng ở cung Tuất có Phá Quân tọa thủ, xem đâu là chính công Phá Quân như phú đã nêu ra, đâu là nổi tinh thần uân khúc của người bị ngờ vực oan.

a) Giáp Dần là tuổi có 1 căn bản vững vàng (Giáp và Dần đều là Mộc). Mệnh đóng ở Tuất trong tam hợp Thái Tuế, vị trí Bạch Hổ là kiếp nhân sinh đã có một trách vụ gì với xã hội, thực hiện với bất cứ giá nào , mặc dầu mệnh Thủy chính xác Phá quân. Người này làm việc có tính cách mạnh bạo bị lâm tường mà thôi . Bất nhân không thể là người Thái Tuế .

b/ Tuổi Đinh Tỵ cũng như Giáp Dần, Thiên Phủ có một căn bản vững chắc. Mệnh ở Tuất là tư thế Tử Phủ trong tam hợp Thiếu Dương. Người khôn ngoan Thỏ Mệnh khác hẳn Phá Quân là Thủy, có những hành động khéo giỏi không thể nói là bất nghĩa.

c/ Ất Mùi Kim mệnh đóng ở Tuất là vị trí Thiếu âm. Người này vì quá tin tưởng lại vọng tính nên có những hành động Phá Quân (Kim Mệnh sinh thủy Phá quân) . Sự lỗi lầm này kẻ cũng đáng thương hại .

d/ Bính Tí , đời đầy rẫy nghịch cảnh (Tí khắc Bính) ở vị trí Điều khách trong tam hợp Tuế Phá, luân phiên bất đắc ý , gặp Phá Quân đồng hành Thủy với mệnh làm gì mà không tung hoành cho thoả chí thay đổi (Điều khách) . Nhãn hiệu Phá quân quả là chính hiệu .

13

Những trường hợp trên kẻ cũng nên khai thác thêm hiệu lực của Hoá Khoa, có thể coi như một căn phòng bao che để hoán cải từ các vị độc dược trở thành các vị thuốc rất hiệu lực bồi bổ sức khoẻ . Bộ Sát Phá Tham nói chung , hãm địa nói riêng, gặp Hoá Khoa như phe Triệt giáo (súc vật tu thành tiên) được đắc đạo . Hoá khoa có khả năng lột xác phạm phu hoán cải tư cách tức là trường hợp hung tinh ngộ chế. Từ Phá Quân đến Tham Lang, Thất sát trở thành những hiền nhân hiệp khách treo cao phẩm giá.

Đối với Nhật Nguyệt Đồng Lương đắc Hoá Khoa nêu danh thành tích đặc hạng của một chuyên khoa, chỉ rõ một thượng thặng siêu ngành riêng biệt .

Sát Phá Tham gặp Tuần Triệt cũng mất tính cách hung hãn nhưng không còn gì (Triệt) hay giảm hẳn tốc lực (Tuần) của bộ máy tinh vi thực hành đắc dụng.

NHỮNG SAO LỘC, NHẤT LÀ LỘC TỒN BAN PHÁT RA NÊN RẤT CHẶT CHẼ

Người đời sống trên thế cuộc, không ai là không cần đến Lộc, từ bậc trượng phu đến người dân thứ đều nhờ Lộc mà sống, tuy rằng cách sống khác nhau. Với danh xưng hiệp khách trọng nghĩa khinh tài cũng vẫn là cách sống trong khuôn khổ sử dụng Lộc. Vậy có phải Lộc là vấn đề quan hệ tới cần nên đầu số mới phân tách thành nhiều phẩm chất như: Lộc tồn, Hoá Lộc, Thiên trù và Lưu niên văn tinh. Bốn thứ Lộc này đều do hàng can xếp đặt.

Hoá lộc được hàng can ghi rõ tư cách riêng của hạng người mới có thể thực thi được khả năng thấu lộc như tuổi Giáp phải là người miệng nói tay làm (Sát Phá Tham), tuổi Ất cho người điềm đạm suy tính kỹ lưỡng (Cơ Lương).

Thiên trù cũng là một thứ Lộc do công tích lũy tiền nhân đã tiêu hao lần hồi đến đời đương số chỉ còn hơn ai bằng miếng cơm manh áo chỉ định cho người thọ hưởng. Còn Lưu niên văn tinh là anh em kết nghĩa với Lộc tồn.

Ngắm nhìn vào bảng vị trí của đôi huynh đệ nhà Lộc này thấy 8 chỗ y nhau. Nhưng sự ứng dụng lại rất khác nhau, không ngoài trọng ý bù trừ sơ sót cho nhau.

Tuổi Giáp Lộc tồn ở Dần, Ất ở Mão, Bính Mậu ở Tị, Đinh Kỷ ở Ngọ, Canh ở Thân, Tân ở Dậu, Nhâm ở Hợi và Quý ở Tý là những vị trí rất chính xác hợp thành. Qua luật âm dương chỉ còn có 4 là Giáp ất Canh Tân được lọt vào hàng chung kết. Còn phải lược thêm một lần nữa nghĩa là những tuổi nào đứng ở tam hợp Lộc tồn mới hẳn lãnh phần trọn vẹn.

Lưu niên văn tinh cũng ngồi ở 8 vị trí đó, nhưng trình bày có hơi khác là Giáp ở Tý, Ất ở Ngọ, Bính Mậu ở Thân, Đinh Kỷ ở Dậu, Canh ở Hợi, Tân ở Tí, Nhâm ở Dần và Quý ở Mão, tức là 6 tuổi bị loại ở vòng Lộc tồn vì luật âm dương lại được phục hồi đến bù trừ cách ở bên Lưu niên văn tinh, còn 4 tuổi được dự trung kết ở bên kia đều bị loại ngay ở vòng đầu bên này.

Tư thế cách biệt giữa Lộc tồn và Lưu niên văn tinh là Lộc tồn đứng ở thế chính xác hợp thành của tuổi với vị trí. Trái lại Lưu niên văn tinh ở tư thế khó nhọc là tuổi sinh xuất

cho cũng như có nghĩa là thân phận người nghĩa đệ phải chịu đựng nhọc công cho xứng với cơm ăn áo mặc thọ lãnh . Giáp ất sinh suất cho Tị Ngọ, Bính Mậu Đinh Kỷ sinh suất cho Thân Dậu, Canh Tân sinh suất cho Hợi Tí và Nhâm Quý sinh suất cho Dần Mão.

Lộc tồn một thứ Lộc cao quý nhất trong các Lộc được bọc gói kỹ trong cái bao Bác sỹ, Lực sỹ , Thanh Long ... Quan Phủ có giấy cột Kinh Đà, dương nhân tùy theo hoàn cảnh tự suy tính phận mình trước khi tháo giấy mở gói , theo bản đồ 12 sao kẻ đường chỉ lối mà khai thác . Ngoài những khó khăn về luật âm dương và vị trí . Lộc tồn còn được bảo vệ đến mức tối đa bằng hai đao phủ Lưu Hà Kiếp Sát đối phó với những thành phần vô kỷ luật không phải là chính chủ nhân có đầy đủ văn kiện chứng minh hợp lệ . Hà Sát trình Thiên Sứ lấy pháp lệnh sau khi Thiên không phúc trình trường hợp vi phạm rõ rệt như : Tuổi Mậu Thìn mệnh ở Sửu, vị trí Phúc đức trong tam hợp Thiếu Dương Đào hoa là người thông minh có thừa, chứa chất đầy tham vọng . Tưởng rằng Phúc đức ở Mệnh có dư, Lộc tồn cung Quan hãn là nắm chắc trong tay. Biết đâu Lộc phùng Không ở trong còn có Hà Sát sẵn sàng thi hành sứ mạng . Phải chăng là trường hợp cuối cùng bảo vệ Lộc tồn bằng đường lối ác liệt để ban phát đúng đắn chặt chẽ .

PHÂN TÁCH: Tuổi Giáp Dần , mệnh ở Dần tóm thâu cả 3 vòng Lộc Tôn, Thái Tuế, Tràng sinh, một đời nắm chắc hạnh phúc. Mỗi khi nhích lên một bước (Mệnh ở Mão) vẫn là người có văn kiện thọ lãnh Lộc Tôn, thành ra người lãnh ngân phiếu bảo vệ số tiền mang về phân phối cho người khác . Bước thêm bước nữa (ở Thìn) vị trí Thanh Long của bộ 3 Phi Liêm Phục Binh . Sự may mắn nằm chung với Tang môn (Thái Tuế) chỉ đeo thêm buồn lo thất vọng với danh hão hào phú . Ngồi vào ghế Tiểu hao cũng là Thiếu âm (Thái Tuế) bề ngoài vẫn vui tươi, sự thật tiếng cả nhà không vì quá tin lầm lẫn .

Nếu là người Giáp Tí mệnh đóng ở Tí đặc cách 2 vòng Thái Tuế và Tràng sinh . Vị trí Phục binh Thanh Long Phi Liêm tam hợp người Thái Tuế xây dựng sự nghiệp trong một dịp may (Tí sinh Giáp gặp Thanh Long). Lộc tồn ban phát cho dòng họ (Phúc đức) chính bản thân không là bao. Trường hợp Sát Phá Tham thủ mệnh được Hoá Lộc bồi đắp rất nhiều cung nô được Thiên trừ tha hồ chén chú chén anh, ngày đêm réo rắt những câu cảm tú văn thơ Thái Bạch (Lưu niên văn tinh và Thiên Trù cùng ở Tí cung) .

Diễn hình tuổi Nhâm Ngọ sinh ngày 19 tháng 6 giờ Dần, Mệnh Trục Phù , Thân Thiếu âm được Thái âm đặc thủ cho mệnh Mộc, nhưng không đặc cách cho dương mệnh. Thái dương, Thiên Lương thủ Thân đặc cách lại không đặc vị, tuy rằng Hồng Loan vẫn tô điểm cho bộ Nhật Nguyệt rực rỡ . Tả Hữu, Hoá khoa cho thấy một thành công chuyên

ngành cao đẹp, Không Kiếp khiến đời bạc bẽo với vị trí Thiếu âm đáng tiếc. Hoá Lộc ở Quan cũng là Thân thể, đồng tiền đầu xuất như thủy triều (Không Kiếp) . Lộc tồn ở Di cũng bị mệnh này đạt được (Tỵ Dậu Sửu khắc Hợi Mão Mùi), tiếc rằng vị trí Phi Liêm với Phục Bình, mặc dầu Thanh Long vẫn là dịp hên đưa đến .

Hoá Lộc là diện có kinh tài thường đứng cặp với Hoá Quyền (chỉ trừ 2 tuổi Mậu và Nhâm không bao giờ có . Tuổi Canh Lộc Quyền Khoa liên châu cao quý trên một khía cạnh, tuổi Quý cũng một liên châu mà cãm hờn với Khoa Kỵ Quyền) . Mỗi khi thiên thời đắc vận như gắm thuyền hoa, nhưng khi vận rã, chính Hoá Quyền lại là ống máng cho Lộc chạy mau xuống dốc .

17

DANH DỰ CỦA LONG PHƯỢNG TẢ HỮU XƯƠNG KHÚC

Mười bốn chính tinh dàn trên mặt địa bàn giao nhau bằng 4 khuôn mặt, phân tách kỹ lưỡng chỉ là thế cờ lưỡng nghi đối chọi ghim nhau (nhân hoà) đường đi nước bước biến chuyển từ không gian (địa lợi) đến thời gian (thiên thời) .

Tử Phủ Vũ Tướng nghiêm chỉnh phương phi có lúc phải đổi thành hắc diện Sát Phá Liêm Tham oai hùng lẫm liệt . Mặt trắng thơ sinh Cơ Nguyệt Đồng Lương ôn nhu mềm dẻo nhiều khi cũng hoá trang ra Cự Nhật nói năng cứng rắn . Chiến lược luân phiên tùy cơ ứng phó . Cuộc đời xen kẽ từng đoạn cát hung. Chính tinh chỉ là hội chủ liên minh chiến tuyến . Sự kết thúc oan hay ưng, chánh danh hay phản nghịch phải nhờ ở những tay chân kiệt sĩ nêu cao nghĩa cả là các bộ trung tinh .

Một Lưu Bang không thể trở thành Cao tổ nhà Hán nếu như không có Trương Lương, Hàn Tín , Tiêu Hà. Một Lê Lợi khó thành Thái tổ triều đại nhà Lê trường hợp vắng bóng Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo . Long Phượng một bộ trung tinh đem lại chánh danh thuận lý lá cờ của Thái Tuế ngôi vị may nhiều hơn rủi.

Tả Hữu chính danh là khả năng đặc sắc hơn người, tốt hay xấu tùy liên kết hợp tác như: Long Phượng Tả Hữu là chính nhân vận năng, nhưng Long Phượng Tả Hữu Không Kiếp lại là chính nhân hữu tài mà không đắc dụng . Tuế Phá Tả Hữu là người thất chí, tài ba hơn người khác hẳn Tuế Phá Tả Hữu Không Kiếp kẻ bất lương nhiều thủ đoạn .

Xương Khúc chủ văn chương mỹ thuật là bộ văn chương cốt cách thư sinh hiếu học, dụng nhằm Sát Phá Tham là tối kỵ không chứng nọ cũng lại tật kia, bồi thêm sát tinh kẻ như tuổi thọ triết giảm một khi đắc ý hãnh diện với đời . Cao đẹp khi xây dựng với Tử Phủ

Vũ Tướng rạng danh văn võ toàn tài, phối hiệp với Cơ Nguyệt Đồng Lương là minh chủ tương đắc đồng tâm nhất trí .

Bốn yếu tố của số là năm tháng ngày giờ, 3 bộ Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc đặt ảnh hưởng ngay ở 3 yếu tố quan trọng là năm tháng và giờ chỉ chứa một yếu tố ngày khiêm nhường dành cho chính tinh.

18

Năm ấn định đầu là vị trí lý tướng của số . Long Phượng hiên ngang đại diện cho Thái tuế . Tháng và Giờ chỉ chỗ ngồi cho Mệnh và Thân . Chỉ còn ngày là đầu dây mối nhợ an vị cho chính tinh bắt đầu từ Tử Vi, vai trò lãnh tụ theo qui luật âm dương nhất định tuần tự đến Phá Quân đủ 14 chỗ ngồi . Muốn nâng cao yếu tố ngày lên thêm giá trị phải khai sinh ra 2 bộ phụ tinh Thai Toạ Quang Quý theo lý lịch 2 bộ này là thuộc hạ của Tả Hữu và Xương Khúc cũng như Đẩu quân là phụ tá của Thái Tuế.

Đề lên cân đo lường sức nặng giữa 14 chính và 3 bộ trung tinh thấy đòn cân có phần lệch nghiêng về phía Long Phượng Tả Hữu như số của Đại đế Quang Trung tuổi Nhâm Thân sinh ngày 5 tháng 5 Giờ Tuất .

Tuổi Thân Mệnh hiên ngang ngồi ở Thân cung Thất sát triều đầu vắng bóng hắc Lộc Tồn Khoa Quyền Lộc. Thái Tuế in ngay trên trán Tả Phù Long Trì Bạch Hổ Hoa Cái Văn Xương qui tụ cả một thế nghênh ngang một cõi sơn hà. Nhìn sang đối cung cũng một đoàn Tử Phủ Hoá Quyền Phượng Các Hữu Bát đủ mũ cao bào tía quyền uy nghiêm chỉnh chỉ một Triệt làm gãy đổ nát tan tành trước một Thất Sát triều đầu. Còn đâu là uy thế của một Thiên triều đối diện với một tiểu quốc . Dầu không có Triệt một Thân Tí Thìn cũng dễ dàng đàn áp Dần Ngọ Tuất, đủ tư thế một vị tướng bách chiến không biết cái thua là gì . Định mệnh đã xếp xếp sau những chiến công quá sức rực rỡ, Đại đế đành bỏ ngang những dự tính, chịu phần yếu vong không quá 40 tuổi (Sát Phá Tham hội Văn Xương, Kinh , Hình, Địa không) .

Thái tử võ Hoàng Đế Quang Trung chỉ là một thứ nhân xuất thân , một khi được đặt ngồi vào vị trí cao quý Long Phượng có khả năng (Tả Hữu) hơn người cũng danh chính ngôn thuận hơn Tử Phủ đắc Tả Hữu ở những ngôi vị khác , mặc dầu chính thân chỉ là phận Thất Sát triều đầu.

Thân thế vạn thắng uy danh lừng lẫy uy sơn vạn thủy cũng san cho bằng dưới vó ngựa , ấy thế mà Quang Trung đại đế đành chịu khuất phục trước giai nhân Ngọc Hân công chúa chân yếu tay mềm (Thê cung Thiên tướng Hữu bát) .

Ngắm xem muôn việc ở đời như đã được soạn thảo, trăm mưu ngàn kế cũng khó trệch đường lối hoạch định mà cứ phải thi hành làm theo . Thật là tránh không khỏi số .

19

BÙA MÊ THUỐC LÚ KHOA QUYỀN LỘC

Người đời có nhiều mơ ước . Lúc còn nhỏ ước mong học giỏi đậu cao, lớn lên mộng tưởng quyền cao chức lớn, lắm bạc nhiều tiền là ba chữ Khoa Quyền Lộc với cuộc thế nhân sinh .

Lúc đầu học số có thể nói đa số sợ Thái tuế và ham mê Khoa, Quyền , Lộc. Cho tam hoá là bùa hộ mạng đem lại tất cả những gì hãnh diện cho đời . Thật thế ngay 3 cái tên đọc lên cũng đã đủ ngất xỉu lắm rồi .

Hoá là thay đổi sinh sản như đã có câu “Hoá công sao khéo phũ phàng” có ý trách khéo thợ Trời diễn biến ác nghiệt làm chi. Hoá khoa, Quyền, Lộc là lớp lang đưa đến cho người đời cảnh mào áo quyền uy giàu có. Nhưng tam Hoá đâu có phải là khả năng tư cách nghị lực của cá nhân nâng cao phẩm giá, chỉ là cái áo rực rỡ lần lượt khoác vào để đóng vai trò nào thôi . Hẳn đó không phải là thầy tu chính xác .

Bộ 3 này riêng Hoá khoa có một giá trị lướt hơn cả là màn đầu đưa đến Quyền, Lộc. Khoa chủ nhân hậu uyên bác đặc biệt là từ thiện giải trừ tai hoạ. Nữ mệnh đắc Khoa là tối quý, dầu gặp ác sát cũng vẫn dự phần phẩm cách.

Xã hội nhân sinh có bốn hạng người: Người Thái tuế, Quan phù Bạch hổ là người nghĩ đến phận sự của mình như có trách nhiệm phải làm . Một khi đã nhúng tay là phải làm sao cho xứng đáng tư cách nhân phẩm, đâu có cần phải Khoa, Quyền, Lộc, nếu có chỉ là gắm thêm hoa. Một chiếc cảm bào tứ linh, Long, Phượng, Hổ, Cái cũng quá đẹp rực rỡ hơn đời . Riêng người Bạch hổ mang danh nghĩa khí, không còn để ý đến quyền lộc riêng tư, một khi gánh vác những điều làm chánh nghĩa thì ham mê với bất cứ giá nào (Lê Thái Tổ và Sở Vương Hàn Tín) .

Người Thiếu âm, Long đức, Trục phù là người có thiện chí làm việc tiếc rằng phận hẩm duyên hiu, luôn luôn bị đời bạc đãi, dầu có Khoa, Quyền, Lộc chỉ càng thêm đau đớn. Hai hạng này là người trước đáng trọng, người sau đáng mến .

Hạng Tuế phá là người bị hoàn cảnh làm cho vụng suy thất ý. Nếu không giữ được chính tâm và thêm Khoa, Quyền, Lộc quyền rũ rất dễ làm những việc bạo nghịch để vinh

thân rồi ra ngàn năm lưu xú ố danh. Khá thương cho người Điều khách ra công thuyết phục phân trần lẽ phải cách mấy cũng không đem lại gì khác hơn tình cảnh hiện tại.

20

Người Tang môn thường thường có khóc mướn thương vay bao nhiêu cũng vẫn là nước chảy ra sông . Trường hợp được Khoa thêm Tả Hữu thành danh đáng kính vì tính tình nhân hậu; đặc biệt khả năng uyên bác, dầu được Mã đồng tình phò trợ cũng vẫn hữu công vô lao, họa chẳng được chút danh thơm hậu thế (Không tử).

Người Thiều Dương, Tử phù, Phúc đức được tư chất thiên phú thông minh nhạy cảm hơn đời, đừng tự hào mê ham tục lụy, Hoàn cảnh này chữ “Đức” đáng trọng bằng ba chữ Tài. Ngẫm ra cuộc đời chỉ là con số “KHÔNG” trống rỗng quá lớn!

Khoa Quyền, Lộc ở với 2 hạng này có khác gì bùa mê thuốc lú làm cho người say đắm bả vinh hoa, lằm lặc mùi phú quý. Vung tay quá trớn, một khi hồi cải thì việc đã rồi.

Nói đến Khoa, Quyền, Lộc không lẽ không phác qua đến một đặc phái em út trong giòng họ Hoá là Hoá kị. Người đời mến chuộng Khoa Quyền Lộc bao nhiêu, trái lại Hoá kị làm cho ai ai thấy đều muốn xa lánh, nhất là những người tuổi có hàng can Bính, Đinh hay Hoả mệnh. Hoá kị núp sau hình tượng của Liêm trinh và Cự môn mà gây họa .

Được liệt kê vào hàng ngũ sát tinh cùng bè lũ Không, Kiếp, Kinh Đà Linh Hoả cũng như Thiên Hình ám hại cho mệnh và giòng họ Giáp Ất, ngoài ra Hoá kị chỉ có tính cách suy giảm những gì tốt đẹp, vì chữ Kị chỉ có nghĩa ghen tuông , hờn giận phá hại. Đặc biệt nữ mệnh đắc Khoa tốt đẹp bao nhiêu, một khi vướng phải Kị khác gì gắm vóc bị vấy bùn đen nên cổ nhân đã gọi hoá Kị là sao Kế Đô của phái yếu .

Dầu sao cũng là giòng họ Hoá, ba ngành trên đã bồi dưỡng sự nghiệp công ích khá lớn với đời, không lẽ ngành út lại quá tồi tệ không được điểm nào mua chuộc lỗi lầm bấy lâu hư thân mất nết. Trường hợp không thể tưởng tượng nổi Hoá Kị đứng chum cùng ngành trưởng Hoá khoa nơi đắc địa Tí cung đắc Thiên lương hội chiếu được chúng nhân trọng vọng quân dân ái mộ . Hội với Liêm Tham ở Tý hợp cách phải là người Hoả mệnh, hoặc Liêm Tham ở Hợi phải là người Kim mệnh, Hoá kị căn phân được hung hãn phi thường. Trái lại người Kim mệnh ở Tý hoặc người Hoả mệnh ở Hợi, Liêm Tham hội Hoá Kị, lao ngục đã mở rộng sẵn sàng rước thân chủ.

21

Đây chỉ là một cách chế hoá của ngũ hành, căn phân được thì tốt, lệch lạc sẽ thành hung.

Cụ Phan Bội Châu tuổi Đinh Mão sinh ngày 11 tháng 5 giờ Sửu, Cự môn Hoá Ky thủ mệnh ở Ty là cả một kiếp nhân sinh được tạo hoá căn phân cho mạng sống dễ mà nặng lo (Tang môn) việc đời. Cái THÂN đáng trọng ở vị trí Quan Phù ngôi vị của người trước sau tính toán kỹ càng mới ra tay lãnh nhiệm vụ. Một Thiên Lương gồm đủ Khôi, Việt, Xương Khúc Khoa Quyền Lộc mà nhất quyết rũ áo từ bỏ cái mộng khanh tướng lao đầu vào công việc quá khó khăn **kêu** dân cứu nước. Cự môn, Thiên hình, Hoá ky là tất cả những gì gần đất xa trời từ đây hình phạt. Khôi Việt phục lực Thiên Lương sao bằng mọi sự xung sát với thể căn phân của mệnh Hoá ở Ty cung đụng nhằm Cự môn Hoá Ky.

Dành rằng Quyền ngô Phá, Lộc bị Triệt, nhưng phải là THÂN Quan Phù mới dứt khoát từ bỏ bả vinh hoa Quyền Lộc để hãnh diện với Long Phượng Hồ Cái danh thơm muôn thuở. Khoa chỉ là phương tiện để Cụ dễ làm việc

Phân tách kỹ lưỡng 3 chữ Khoa Quyền Lộc, trưởng đoàn hiển nhiên là Khoa rất xứng đáng và địa vị khiêm nhường nhất phải là Quyền.

Khoa, ngoài tính tình nhân hậu, có một khả năng đánh giá mới chiếm được bằng vàng giữa chốn trường quy. Tài năng này khổ công rèn luyện mới có là điều quý trọng, hướng chi còn tiềm tàng sâu rộng “đức” cứu khốn trợ nguy.

Quyền chỉ là sự may đạt được. Nếu vụng tính sẽ sinh kiêu, rồi vì lòng tự ái có thể đem đến kết quả việc làm ác nghiệp thì đâu phải chiếm được địa vị chắc chắn lên trên “Lộc”.

Số phải chăng là bản dự thảo một cuộc sống đã được sắp đặt gọi là định mệnh, mà THÂN kia đã dự một phần nào sửa chữa nên mới có “Đức năng thắng số”.

22

CÔ THÂN QUẢ TÚ KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC GÓP MẶT CHUNG VỚI THÁI TUẾ

Xưa kia, những bậc được gọi là Minh quân, Thánh chúa thường tự khiêm nhượng bằng tiếng xưng hô Cô hay Quả nhân dụng ý cho những gì cần đem lại hạnh phúc hoàn hảo cho mọi người. Hai chữ Cô Quả có nghĩa là đơn chiếc (cô) mỏng manh (quả) đứng trong địa bàn Tử vi chỉ ở 8 vị trí Tứ sinh (cô) và tứ mộ (quả) có tính cách nêu rõ ràng tình cảnh

của ba hạng Tuế Phá, Thiếu Âm và Thiếu Dương. Còn đối với Thái Tuế không bao giờ Cô Quả có chỗ đứng trong tam hợp, Tại sao vậy?

Biết rằng người Thái Tuế là người sinh ra như có trách vụ làm việc cho xã hội tùy hoàn cảnh nhiều hay ít, luôn luôn được lòng chúng nhân ái mộ với chiều lòng (hoa cái) che danh hiệu Long Phượng nhất là những tuổi tứ Mộ đặc kim mệnh. Trái với ba hạng còn lại ngoại trừ Thiếu Dương tuổi tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) không muốn phiền lụy ai, thiên phú thông minh hơn người nếu sớm **tinh** giác (Hồng Loan, Thiên Không – sắc sắc không không) thì Cô Quả cũng thành không, còn được kính mến nữa là khác.

Người Thiếu âm với tuổi tứ Sinh (Dần Thân Ty Hợi) vì lòng tự hào quá cao thường lâm vào thế thất nhân tâm, chỉ còn đường rẽ Long đức làm niềm an ủi duy nhất.

Người Tuế Phá với tuổi tứ Chính (Tí Ngọ Mão Dậu) tính tình quá cương trực thường xuyên bị cô thế, nghĩ rằng nghị lực (Thiên mã) có thừa cũng như ai trong thế hăng hái (cùng thế âm dương với Thái Tuế) mỗi hành động thường không mang lại kết quả đặc ý nên tuyệt đối bị khép vào cảnh mất tin tưởng thế nhân.

Thông thường cứ nói Cô Quả và Đẩu quân có những thành tích khắc nghiệt và vị kỷ giống nhau, thật ra nên thận trọng phân cách sự dị biệt của Cô (nam) Quả (nữ) không có gì sánh được Đẩu quân.

Cô Quả luôn ở trong hoàn cảnh bất đắc ý đến có nhiều hành động phải khắc nghiệt bị ghép vào lý vị kỷ. Đẩu quân khác hẳn, lý chành nghĩa sáng tỏ là hành tính của Thái Tuế (nguyệt nghịch, thời thuận) với danh hiệu chữ “Quân” phải là khẳng khái bất khuất nên có tính cách nghiêm nghị.

23

Chữ “Đẩu” còn có nghĩa đo lường bao gồm ý cẩn thận đúng mức nên được ghi danh “Nguyệt tướng” vị chỉ huy công việc hàng năm khí phách hào hùng chính diện.

Hai bản số sau đây cho thấy đẩu là khác biệt

- a) Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu
- b) Mậu Ngọ sanh ngày 9 tháng 4 giờ Mùi

a) Tuổi Đinh Mão có Cô Quả nhập mệnh ở Ty vẫn được mọi sự trọng vọng kính phục vì được Phá Toái như đã bào chế sao tâm trở thành một thứ hung tính ngộ chế, bồi đắp thêm “THÂN” lại ở tam hợp Thái Tuế mặc dầu đời vẫn trôi nổi như chiếc lá giữa dòng

(mệnh ở vị trí Tang môn) nhưng vẫn một lòng son dạ sắt trung kiên với lẽ phải (Thân ở vị trí Quan Phù).

b) Tuổi Mậu Ngọ hoả mệnh vô chính diệu ở vị trí Quan Phù được Đẩu quân độc thủ, một thế nhân đủ tư cách tối thượng bất khuất. Mỗi hận ngàn năm khó quên vì “THÂN” ở Tuế Phá bị Cô Quả ngăn chặn khiến cuộc đời vẫn như lệ loi không ai biết đến với bao công phu khó nhọc hàng ngày lo xây đắp trên con đường tinh thần những gì **Kỳ khu** trở nên quý giá.

Căn cứ những cơ bản nơi 2 lá số cho thấy giữa Mệnh và Thân chia nhau những phần quan trọng.

Phải chăng Thân là chính sự của việc mà Mệnh đã phác họa dự thảo trình ra .

Trên phương diện tình cảm những trường hợp tuổi thường bị bỏ rơi hay không biết đến như sau:

- Tuổi Tứ Sinh bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Thiếu âm
- Tuổi Tứ Chính bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Tuế Phá
- Tuổi Tứ Mộ bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Thiếu Dương

Người tam hợp Thái Tuế cả 12 tuổi hàng chi không bao giờ bị ảnh hưởng . Riêng hai tuổi Can là Nhâm Quý mỗi khi hạn hành gặp Cô Quả thường bị khắc chế khó khăn, trường hợp tuổi nạp âm là thủy mệnh cũng vậy .

24

CĂN BẢN HUYỀN DIỆU CỦA TỬ VI CÓ PHẢI LÀ NHỮNG HÀNH TINH

Đông cũng như Tây khoa chiêm nghiệm nói lên cuộc đời nhân thế đều cho là do sự chuyển dịch của các hành tinh trong vũ trụ được ghi bằng những tên màu nhiệm. Riêng tử vi của Đông Á thấy có hai phần chính yếu . Trước hết là bản địa bàn chia làm 12 khoảng đều nhau định hướng Đông Tây Nam Bắc với tên đặt theo ngũ Hành Dần Mão (Mộc) Ty Ngọ (Hoả) Thân Dậu (Kim) Hợi Tí (Thủy) và Thìn Tuất Sửu Mùi (Thổ) ở trong ghi những hành tinh trên dưới 100 tên.

Những tinh đầu này phân chia thành những chòm nhóm tùy theo 4 yếu tố của dương nhân là năm tháng ngày giờ sinh mà ngự chiếm vị trí để thi thố tính cách của mình, ưu tiên là chính tinh, rồi đến trung tinh, phúc tinh và sát tinh. Theo hệ thống quan trọng, những chính tinh được đặc biệt chú ý coi như chủ nhân chỉ huy nên thường thấy quyết định cung nào không chính tinh, nhất là mệnh xem như vườn hoang vô chủ (mệnh vô chính diệu

phi bản tắc yếu) . Một khi thấy những quý tinh có đủ bày tôi (trung tinh) xếp hàng qui tụ thì cho là cảnh đời tươi thắm .

Sự thật đâu có phải dễ dàng giản dị đến như thế . Đây chỉ là mớ trang sức bề ngoài, biết đâu chỉ là đồ đi vay mượn .

Thân thể của nhà lực sỹ vai u thịt bắp dầu có mình trần hay khoác áo rách rưới cũng vẫn là người khoẻ mạnh . Trái lại kẻ ốm yếu dầu có mặc gấm vóc vẫn thấy lúng túng kém vẻ hiên ngang . Vậy đâu là căn bản chính xác ?

Thường thường cứ nghe người này tuổi Tí, ông kia tuổi Ngọ , bà đó tuổi Dậu nên bị thế này thế nọ. Thật là câu nói không có gì căn cứ . Trong 60 tuổi đời từ Giáp Tí đến Quý Hợi, mỗi chữ hàng chi luôn có 5 chữ như Tí thì có Giáp Tí (kim) Đinh Tí (Thủy) , Mậu Tí (Hoả) , Canh Tí (thổ) Nhâm Tí (Mộc). Cần có hàng can ở trên mới thấy rõ ràng bao nhiêu tuổi và tư thế cá nhân sống trong hoàn cảnh. Như năm Giáp Dần, người tuổi Giáp Dần biết là 1 tuổi thì Bính Dần là 49 tuổi, Mậu Dần 37 tuổi, Canh Dần 25, Nhâm Dần 13 nghĩa là chữ Giáp có nghĩa là 1 ở hàng đơn vị, Bính là 9, Mậu 7, Canh 5, Nhâm 3 tùy theo con Giáp thêm bớt ở hàng chục. Mỗi năm kế tiếp thêm lên 1 tuổi ở hàng can.

25

Tuổi Giáp Dần thấy Can và chi đều là Mộc, biết ngay giá trị cá nhân dầu ở hoàn cảnh nào sang hay hèn, cũng là người có căn bản vững chắc, dầu không hơn ai cũng không phải kém ai. Tuổi Bính Dần có chi Mộc sinh can Hoả, người thường gặp may. Tuổi Mậu Dần, chi Dần (Mộc) khắc can Mậu (thổ) đường đời đầy nghịch cảnh. Tuổi Canh Dần thì Canh (Kim) khắc Dần (Chi) hoàn cảnh thường hay bị mắc nghẽn bế tắc. còn Nhâm Dần là tuổi được can Nhâm (thủy) sinh cho chi Dần (Mộc) là người có căn bản rất phong phú.

Đã thấy hàng Can của tuổi là căn bản gốc thì hàng năm xuống đến hàng tháng hàng ngày và giờ sự chế hoá của Can tuổi với Can năm tháng ngày giờ diễn chuyển quan hệ.

Tháng và giờ sinh dự phần sắp xếp Mệnh Thân ở địa bàn vẽ đường cho biết dương nhân là hạng người nào trong xã hội . Thái tuế hay Tuế phá, Thiếu Dương hay Thiếu âm.

Danh hiệu Thái Tuế là vị trí quá tốt cho tuổi, là chủ nhân trên miếng đất, căn nhà mình là chủ thì chính bạn Thái Tuế hay tam hợp cũng dự phần hãnh diện. Trái lại Tuế phá cũng như ai dự phần nghị lực (Thiên mã) quả cảm không kém sút (đồng thể âm dương với Thái tuế) chỉ vì phá cách nghịch lý tam hợp nên lâm vào cảnh đơn chiếc (Cô Quả) bất đắc

ý. Thiếu Dương như Thiên không đã ghi báo, còn Thiếu âm thiệt thòi mọi nổi, chỉ là con đường thẳng đưa đến trôi nổi như cánh bèo mặt nước (trực phù) . Cả 3 hạng này khác gì cảnh Kiều cư đất khách, không cho phép hưởng danh dự cho thân thể dầu có tận dụng khả năng . Chỉ còn một lộ trình trong tuổi là Tứ Đức để an vui tuổi thọ.

Một ngày năm xưa, một câu hỏi độc nhất với hai lá số:

a) Mậu Tuất ngày 8 tháng 4 giờ ngọ

b) Kỷ Mùi ngày 13 tháng 9 giờ thìn

- Có thể là thầy trò được không?

Tuổi Mậu Tuất đứng ở vị trí Thiên không, còn Kỷ Mùi đóng ở Trực phù, cho biết ngay Mậu Tuất giác ngộ hơn với Hồng Loan, Thiên không và Quan Phúc ở Quan, Tả Hữu ở tài, Kỷ Mùi bị thua thiệt cay đắng mùi đời bằng Song Lộc Hoá Quyền nhập mệnh nên cam phận là đồ đệ nơi cuối giai đoạn ở phối gặp Thất Sát Cô Quả đắc tam hợp Hồng Loan Thiên không ở Phúc đức, Điền có Thiên Quan (vô chính diệu) gặp Tuyệt , Thân đóng ở tài có Thiên Phúc Vũ Tướng hình ảnh một kiếp thầy tu.

26

Với điều kiện ở 2 lá số trên hành tinh chỉ còn đóng vai trò phụ làm sáng tỏ thêm mà phần chính yếu ở 2 chữ tuổi và vị trí Mệnh Thân đứng trong địa bàn. Tư thế riêng biệt 60 tuổi và 12 vị trí lập thành 720 tư cách khác nhau . Nhận thấy Mậu Tuất và Kỷ Mùi cùng hàng can (Mậu Kỷ - Thổ) và chi (Tuất, Mùi – Thổ) sự khác nhau nơi hành Mộc và hành Hoả . Mậu Tuất Mộc khắc hãm Thiên Phủ sao thủ mệnh nên người này không nghĩ đến sự phú quý, trái với Kỷ Mùi Hoả mệnh đắc Tử vi ở Ngọ nên còn theo đuổi sự hào nhoáng một giai đoạn (Hoả sinh Thổ) rồi mới tỉnh ngộ ở vị trí Trực phù.

Nếu là trường hợp Kỷ Mùi và Kỷ Sửu cùng 2 chữ Kỷ ở hàng Can và 2 chữ Sửu Mùi cùng là Thổ. Cả 2 chữ Kỷ Sửu và Kỷ Mùi đồng hành Hoả vẫn khác nhau vì Kỷ Mùi thuộc Thái dương trong lưỡng nghi, Kỷ Sửu thuộc Thái âm. Thuộc Thái dương sự sáng tỏ có bề toả rộng mà thuộc Thái âm sự hiểu biết sâu sắc hơn. Như trong y giới, người Kỷ Mùi nên hành nghề lương y tổng quát chữa được nhiều bệnh nhân . Còn người Kỷ Sửu nên học chuyên khoa có phần thích đáng trong trường hợp khó khăn .

Dịch số là một khoa triết học xây dựng nên căn bản phân tích rành rẽ âm dương, luật ngũ hành cần được áp dụng sao cho hợp lý dưới mọi hình thức tinh thần hay vật chất, mọi sự sẽ phơi bày xác đáng.

HIỆU NĂNG CỦA QUỐC ÁN ĐƯỜNG PHÙ

Là một bộ đôi bàng tinh chạy trong quỹ đạo của Lộc tồn như Thai Toạ của Tả Hữu và Quang Quý của **Xương** Khúc . Biết rằng Lộc tồn là 1 hành tinh có cả 1 vòng sao chi phối cả 12 cung địa bàn do hàng Can ấn định vị trí chuyển dịch. Can là căn bản chính yếu quyết định. Những sao nào do Can điều khiển phải có 1 cái gì quan trọng định đoạt như Thiên Quan, Thiên phúc, Thiên Ất quý nhân, Tứ Hóa...

Lộc tồn là Thiên Lộc, một cái kho tàng quý giá được định mệnh phân phối cho mỗi cá nhân hưởng thụ ra sao đã có qui luật rành rẽ ấn định từng vị trí rõ ràng và hợp lý. Độ lượng ra sao ấy là Quốc Án Đường Phù .

Quốc Án ở đây là chứng chỉ được công nhận minh bạch quyền thế tương xứng được thụ hưởng . Đường Phù cũng là một tín chỉ do một uy thế ban phát để giữ gìn một bảo vật có hạn định như lá bùa chân trạch.

Đứng trong quỹ đạo Lộc tồn, đây là 2 đường lối phân phối cho thân chủ . Lộc tồn và Quốc ấn luôn luôn trong tam hợp vì Quốc ấn đứng cung thứ 9 đi xuôi sau Lộc tồn . Trái lại Đường Phù thường trực ở cung nghịch lý âm dương vì Đường Phù đứng cung thứ 8 từ Lộc tồn đi ngược lại .

Vị trí của Lộc tồn ở trong địa bàn được xấp đặt trong 8 cung mà chỉ có 4 vị trí của 4 hàng Can Giáp ất Canh Tân là thuận lý âm dương, còn 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý đều ở trong nghịch cảnh (Tuổi dương thì ở âm cung mà tuổi âm thì lại đứng ở dương cung) như có ý giảng nghĩa quyền sở hữu tựa bấp bênh không chắc chắn, nên trong những bản lập thành của số, 6 tuổi này luôn luôn một trong ba nguyên ước là Mệnh (định mệnh) Thái tuế (thiên thời đắc thắng) và Lộc tồn (hạnh phúc) đều bị Thiên không, Không, Kiếp hay Tuần Triệt lũng đoạn tàn phá .

Với 4 tuổi Giáp ất Canh Tân Lộc tồn được Quốc ấn bản chứng cho dương nhân quyền sở hữu vĩnh viễn của Giáp Dần Ngọ Tuất, Canh Thân Tí Thìn, Ất Hợi Mão Mùi, và Tân Tỵ Dậu Sửu. Trái lại Giáp Thân Tí Thìn, Canh Dần Ngọ Tuất, Ất Tỵ Dậu Sửu và Tân Hợi Mão Mùi vẫn thấy Lộc tồn và Quốc ấn đứng cặp trong thế tam hợp.

28

Nhưng đây là Quốc ấn bị Phá, Hư làm giảm giá trị, sánh sao được Quốc ấn Thái tuế (thời thịnh) khác gì giấy giao kèo của một người làm mướn ăn công, được ngày nào hay ngày ấy không bảo đảm lâu dài. Còn Đường phù cả 2 trường hợp ở vào vị trí Thiếu Dương hay Thiếu Âm là cảnh đời sút kém cả 2 phương diện sao và vị trí.

Đối với 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý, Lộc tồn đứng ở vị trí nghịch lý âm dương. Đường Phù đứng lên lãnh vai trò bảo đảm cho những khả năng Thái Tuế và Tuế Phá vì chí khí hiên ngang được phần nào danh dự thụ hưởng. Còn Quốc ấn hoàn toàn miên man ở Thiếu dương hay Thiếu âm là những vị trí chìm đắm thua thiệt. Nhưng dầu gì cũng là Quốc ấn, một chứng từ vẫn có một giá trị bảo đảm bằng một điều khoản nào.

Sáu cung ở thế Thiếu dương và Âm nếu là những nhược cung của Mệnh như Bào, Tử, Nô, Điền... Quốc ấn chỉ là 1 lá bùa bảo trợ báo hiệu 1 giá trị đã qua hay sắp tới hiệu lực không phải là lâu dài bền chặt vì chữ Thiếu có ý nghĩa là **bản** không mỹ mãn đầy đủ.

Vị trí của Quốc ấn Đường Phù của 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý:

Bính Mậu	Dần Ngọ Tuất	Quốc ấn ở Thiếu Âm
		Đường phù ở Thái Tuế
	Thân Tí Thìn	Quốc ấn ở Thiếu Dương
		Đường phù ở Tuế Phá
Nhâm	Dần Ngọ Tuất	Quốc ấn ở Thiếu Dương
		Đường phù ở Tuế Phá
	Thân Tí Thìn	Quốc ấn ở Thiếu Âm
		Đường phù ở Thái Tuế
Kỷ	Hợi Mão Mùi	Quốc ấn ở Thiếu Âm
		Đường phù ở Thái Tuế
	Tỵ Dậu Sửu	Quốc ấn ở Thiếu Dương
		Đường phù ở Tuế Phá
Quý	Hợi Mão Mùi	Quốc ấn ở Thiếu Dương
		Đường phù ở Tuế Phá
	Tỵ Dậu Sửu	Quốc ấn ở Thiếu Âm
		Đường phù ở Thái Tuế

Hai nhân sinh cùng tuổi Canh Tuất, một người Thân Mệnh đồng cung ở Thìn được Vũ khúc đắc thủ khoác áo gấm tam hoá liên châu. Thật là một bức chân dung quá đẹp đầy hạnh phúc với Quốc ấn giáp Hồng Đào là chiếc ấn tín chói lọi vàng son, nhưng nơi đây là vị trí Phá Hư, bồi thêm Hoá Kỵ Kinh Dương ở Dậu sinh xuất sang bồi lem hoen ố.

Đường Phù ở cung Tử (Sử) đặc Tham Vũ nghĩa là cũng tam hoá liên châu như người trên, nhưng vì mệnh ở thế Đường Phù, sự thụ hưởng hạnh phúc phải ở trong giới hạn phù hợp với tam hoá liên châu ở Sử chỉ là vinh dự tinh thần mà thôi. Quốc ấn nằm ở thìn là cung Điền. Ở đây có thể nói sự sản tinh thần vì Cơ Lương là lý tưởng, tuy Quốc ấn Bị Phá Hư, nhưng nét son giáp Hồng Đào vẫn được công nhận giá trị một vài giai đoạn mà còn nổi danh với Khoa Kỵ ở Tí (tam hợp) được lòng người mến phục.

Có phải Quốc ấn Đường Phù hướng dẫn hạnh phúc nhân sinh khá khác biệt như trên diễn tả.

30

CHỖ NÊN COI THƯỜNG QUYỀN UY CỦA ĐẦU QUÂN

Trên trăm tinh đầu trong tử vi lý học có 4 sao cô đơn mà độc đáo. Không như chính tinh đứng trong tam hợp xếp thành bộ Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá Tham, Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật và cũng không phối hợp với một bạn đời ở thế âm dương nên đôi lứa như Tả Hữu, Xương Khúc, Quang Quý ... được gọi là trung tinh, hay gây bất trắc bất ổn như Không Kiếp, Kinh Đà, Linh Hoả với huy hiệu là lục sát tinh, hoặc ác nghiệp của lưu Hà, Kiếp Sát.

Họ chỉ đơn thương độc mã tung hoành trên địa bàn rất lợi hại có thể làm lệch đòn cân thăng bằng nếu sự nhận xét thiếu kỹ càng chu đáo:

Thiên không - Thiên mã - Phá toái- Đầu quân

a) Đã có dư luận là Thiên không không phải là cô đơn lẻ bóng, vẫn có bạn đời là Địa kiếp tức cũng bộ đôi như ai kia trong luật âm dương. Sự việc đương trong vòng điều tra tư pháp lý lịch đã có hôn thú chưa để phân hắc bạch. Theo thuyết sống cô đơn thì Thiên không có một vị trí nhất định liền sau Thái Tuế, giữ trách nhiệm canh phòng không cho ai vượt hưởng đặc ý trên mức tối đa Thái tuế, nếu không lấy ĐỨC làm khuôn vàng thước ngọc thì sẽ chỉ là con số bạch đinh to lớn (Thiên không thường xuyên có tứ đức tam hợp và xung chiếu).

Theo thuyết này gán cho Thiên không là bộ ba vua bếp có lẽ trùng hơn vì luôn có Hồng Loan, Đào Hoa trong bước đường đời rất bình đẳng, phân chia quyền hành rõ rệt. Khi nào Thiên Không đến với Đào Hoa nơi biệt thự Tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu). Đào hoa lắm tham vọng sinh ra lắm mưu nhiều mẹo quỷ quyệt rồi ra cũng nước lã ra sông. Lúc ở

với Hồng Loan dưới mái am cỏ Tứ sinh (Dần Thân Ty Hợi) là nơi thánh thất đầy ý nghĩa vị tha. Còn ra về ở tư gia tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) lộ rõ chân tướng cay nghiệt, nếu ai yếu bóng vía chỉ còn nước đào hố xuống đất mà ở .

b) Thiên mã là sao hào hiệp, hình bóng một Tổng Giang, một đơn Hùng Tín, đem lại nghị lực khả năng giúp đời nơi đua trường tứ Sinh (Dần Thân Ty Hợi) chỉ phù suy không tơ hào đến người thịnh . Chỉ có Mệnh ở vị trí Tuế Phá, Tang môn, Điều khách mới thấy xuất hiện Thiên mã để đương số chiếu đầu sống còn .

31

Nói tới kết quả thành công tới mức độ nào, còn tùy theo phong thổ nơi mã được chôn nuôi với chủ nhân hợp tình đồng cảnh mặc dầu hành chính công của Mã là Hoả , nhưng một khi đã nhập tịch ở địa phương nào thì là công dân ở nơi đó phải hoà hợp dân chúng nơi cư ngụ mới đắc cách. Như Mã ở Dần là thanh mã, rộng bề sinh sống, phải gặp chủ nhân Mộc mệnh; ở Ty là Xích thổ mã phải gặp chủ nhân Hoả mệnh, ở Thân là bạch mã phải gặp chủ nhân Kim mệnh, ở Hợi là ô mã đắc cách là gặp chủ nhân thủy mệnh . Trên bước đường đời thầy trò sẽ thấy mọi sự dễ dàng tranh tài đoạt giải cùng vận hội thuận lợi hay không! Còn sự thua thiệt do mã mang đến phân độ nào cũng tùy trường hợp sinh khắc của chủ với mã, đừng tưởng cứ mã gặp tràng sinh là thanh vân đắc lộ và cũng đừng cho mã ở Hợi là mã cùng đường vô dụng .

c) Một cái tên Phá là đập tan, Toái là vụn nát đủ nghĩa tính cách của tác dụng huỷ hoại không xây dựng . Hành động này nếu gặp bậc hiền lương (Đồng Lương) hay phúc hậu (Tử phủ) hẳn là các chủ nhân này chỉ có lắc đầu chép miệng mà khoanh tay bó gối than dài chịu sự bất lực. Trường hợp gặp phải vai u thịt bắp (Sát Phá Tham) hẳn cũng có giảm mức độ mạnh bạo hung hãn như đụng độ Tham Vũ giảm lòng tham vọng, Tử Sát giảm bớt khí hiên ngang, bằng như Liêm Phá tức là thầy trò tương hợp (Phá quân gặp Phá toái) sự điều linh tan vỡ không biết lấy gì mà đo lường) .

Phá toái là Hoả đới Kim và rất hạn chế chỗ đứng (chỉ có Ty Dậu Sửu) nên đủ quyền hành múa gậy vườn hoang nơi vượng địa thi thố khả năng với hầu gần hết các bộ chính tinh trong hoàn cảnh bị **hãm** hoặc không đủ sắc thái thật sự chân tướng của mình . Riêng Phá Quân ở 3 nơi này (Vũ Phá ở Ty, Liêm Phá ở Dậu, Tử Phá ở Sửu) là tay giang hồ kiêu dũng . Trường hợp trùng phùng Phá Toái, hỏi rằng chúng còn biết trên đầu có ai . Phá Toái chỉ đóng ở Ty Dậu Sửu có đầy ý nghĩa thăng bằng của luật xung khắc đối với Hợi Mão Mùi là vị trí bị thua sút, cũng như Thân Tí Thìn dễ dàng đàn áp Dần Ngọ Tuất phải chịu kém thiệt về chánh nghĩa âm dương.

d) Đã khoác cái tiếng “Quân” vào cho một danh hiệu, hẳn là có ý muốn đề cao một tước vị khá quan trọng như Tướng Quân, Sứ Quân hay tôn trọng phẩm giá một cá nhân như Trần Quân, Nguyễn Quân ở trong còn ngầm ngụ ý quân tử bất khuất. Đầu quân là một mãnh tướng được giao phó cầm cân nảy mực đo lường (Đầu ngoài ý nghĩa là sao còn có nghĩa là một cái đầu đóng thóc gạo cũng như cái lít bây giờ), hạnh phúc một số phận, giống như vị tướng trông coi quân nhu lương thực cho bộ đội, nói rộng lên là một Thủ trưởng hay Tổng Giám đốc

32

lo toan ngân sách một quốc gia. Quân bình được ngân sách thì nước thịnh dân giàu . Nặng về thuế thì dân nghèo khổ, nặng về chi thì Quốc gia phá sản; vậy quyền hạn của vị Thủ trưởng đó là đặc biệt và rộng rãi làm sao vén khéo được tài chính ổn định được đời sống nhân dân .

Biết rằng khi an vị cho Đầu quân trong số phải lấy Thái Tuế làm đích tính nghịch theo tháng, thuận theo giờ, có nghĩa là Đầu quân phụ thuộc vào Thái tuế, phải có trách vụ gì khá quan trọng như Thái Tuế đã vạch rõ từ tư cách cá nhân đến vận hành thiên thời, một yếu tố ưu tiên trong 3 điều kiện: thiên thời, nhân hoà và địa lợi.

Xưa nay chỉ nói đến Đầu quân là sao bảo thủ, chắt chiu tằn tiện, đóng cung tử thì hiếm con, ở cung điền tài thì giữ gìn điền sản là tư cách của người nội trợ thu vén cho một gia đình, cũng như trong một Quốc gia vai trò tài chánh ngân sách lo thuế chi quân bình hàng năm. Đầu quân là cận phụ tá Thái Tuế nên mới có danh hiệu là Nguyệt tướng thi hành tiểu vận . Thái Tuế đúng nghĩa là năm phồn thịnh mà chỉ huy đại vận 10 năm . Đầu quân là nguyệt tướng tất nhiên cầm đầu 1 năm nào đó trong đại vận .

Tiểu vận nằm trong đại vận 10 năm.. Nếu đại vận bị khắc nhập hay sinh xuất chỉ là miếng xương hóc nuốt khó vào mà nhả ra cũng vương, thêm Quyền Lộc càng thêm lúng túng khổ về quyền lộc . Đầu quân bị Tuần Triệt khác gì tướng bại là cả một bất hạnh . Nhưng có sa cơ, tiết tháo vẫn không mất, tiếng dội khi da ngựa bọc thây.

Trong 12 cung số, cung nào đắc Đầu quân phải có một khía cạnh nổi bật . Trường hợp bị lục sát tinh bổ vây, chỉ là mãnh hổ bắt lực trước quần hồ, bị Tuần Triệt phải truân chuyên lao đao mà được tiếng.

Số nào Mệnh Thân đồng cung tam hợp Thái Tuế được thêm Đầu quân đầu ở hoàn cảnh nào, nhất định không phải là thường nhân ti tiện . Ít ra cũng đủ bốn phận có danh gì

với núi sông . Hận cho ai nơi vị trí Tuế phá mà đắc Đầu quân, một phường Từ Hải, Hoàng Sào, nếu Mệnh Thân đồng cung thì nghênh ngang một cõi biên thủy, khó ai rung chuyển nổi. Với bất cứ giá nào đạt được ý chí bất khuất . Thật ra trong thâm tâm mang hận xuống tuyền đài khó nguôi .

Trong quẻ dịch bốc lên rất đẹp mà tính nguyệt tướng bị khắc kẻ như vô vọng, vậy cái áo đã thêu chữ ”**Quân**” phải là hiên ngang, chỉ sợ đại vận mật, tiểu vận được Đầu quân đắc cách khác chi nắng hạn được mưa phùn .

33

Thái Tuế, Đầu quân hai thầy trò chi phối thân thế sự nghiệp nhân sinh cho đến hạn hành từ Đại vận (Thái tuế – thiên thời) đến Tiểu vận (Đầu quân – Nguyệt tướng) .

34

THẾ NÀO LÀ THIÊN LA ĐỊA VÕNG

Thìn Tuất xưa nay được coi là căn cứ địa của Thiên La, Địa võng . Mệnh Thân nào bị đặt ở 2 cung này đều là mãnh hổ cũng chỉ là cọp giấy ngồi trong cũi, phượng hoàng tốt mấy cũng chỉ là phượng hoàng rơm nằm trong lưới .

Hai chữ La võng có nghĩa là lưới, ở đây lại là lưới của Trời đất đâu là gì đi nữa, đã vướng trong lưới khó lòng vùng vẫy .

Ấy thế mà một số danh nhân kim cổ Mệnh Thân đã tung hoành ngay 2 nơi đất chết này, thì đâu là nguyên lý của La Võng.

Thiên mã tại cung Hợi, truyền thống vẫn cho là ngựa vô dụng, mã cùng đường hết lối chạy . La võng này có thể cũng bị lầm nhận định là nơi đồng khô cỏ cháy vô phương cho nhân thể sinh hoạt. Lại còn có thuyết một khi Mệnh hay Thân ở La Võng thì phải có Hình Kinh cắt lưới toang ra mới có phương kế thành công được. Thật là muôn hình vạn trạng cho người tìm học .

Bốn mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi xuất phát và cũng là nơi tập trung của ngũ hành. Thìn Tuất là dương, Sửu Mùi là âm . Tại sao Thìn Tuất đều là dương lại gọi là Thiên La Địa võng . Thìn là Thiên la là trúng, còn Tuất là Địa võng có vẻ trái lý .

Trên mặt địa bàn từ Dần đến Thân thuộc về phạm vi của Thái dương, từ Thân đến Dần thuộc Thái âm thể lưỡng nghi của Thái cực. Hai cung Thìn Tuất là 2 cung xuất phát, 2 cung Sửu Mùi là 2 cung tập trung. Thuộc về dương là Thiên, thuộc về âm là Địa.

Đà la là cái lưới giăng ra để vây bọc lại. Đà la ở Thìn là Thiên La, ở Tuất là Địa võng. Vậy 2 cung Thìn Tuất được gọi là La võng chỉ địa chỉ khi nào có Đà la hoành hành. Còn ngoài ra cũng chỉ là những vị trí để cho ai hợp tình hợp cảnh tung mây lướt gió phỉ chí tang bồng.

Trong 14 chính tinh phái dương của thể lưỡng nghi là Tử Phủ, Sát Phá Tham là bộ sao uy nghi thực hành tranh đấu quyết liệt phải né tránh ngại ngùng nơi la võng. Cơ Nguyệt Đồng Lương mềm dẻo ôn nhu không đến nỗi nào bị thao túng.

35

Việc cần thiết khi lập lá số phải thận trọng 2 chữ Tiền và Hậu lúc an Lộc tồn, luôn luôn tiền Kinh hậu Đà ví như tuổi Giáp dương nam Lộc tồn ở Dần, Kinh ở Mão, Đà ở Sửu, với người dương nữ Kinh phải ở Sửu, Đà đổi lại ở Mão để khỏi lâm trường hợp có bị La võng hay không, cứ căn cứ Mệnh hay Thân ở Thìn Tuất là ở thế bó tay bất động là một điều không biết sao mà nói.

Vương Mãng, một nhân vật chính trị Trung hoa về cuối đời tiền Hán, có đến 2 lá số làm xáo trộn dư âm đầu là chính nghĩa. Mệnh đều nằm ở Thìn, chỗ mà xưa nay vẫn yên chí là cung Thiên la

- 1) Giáp Thân ngày 9 tháng 3 giờ Tí
- 2) Giáp Dần ngày 27 tháng 1 giờ Tuất

Hai số này đã nêu cao phân biệt đầu là chánh nhân siêu việt, đầu là nghịch thần phản tặc. Thìn cung ở đây hoàn toàn không phải là căn cứ Thiên La vì tuổi Giáp Đà la ở xa tại cung Sửu nên Vương Mãng bằng cả 2 lá số hoặc Tử Tướng tuổi Giáp Thân hay Phá Quân tuổi Giáp Dần đều thành công theo ý muốn, mỗi số một cách đặc biệt khác nhau. Căn cứ theo nhân phẩm lịch sử đã ghi, Hán Quang Vũ sau khi bình định đất nước, nhà vua đặc phái các nhà bồi bút rất giỏi về lý học nặn ra lá số Giáp Dần, phác họa hình bóng một bất lương đủ tư cách làm việc phản nghịch. Sau này người người đều cho chân tướng chính xác của Vương Mãng là số Giáp Thân một nhân vật quả quyết với bất cứ giá nào đem lại bộ mặt mới cho Tổ Quốc, xã hội đã bị lũng đoạn sâu một đục khoét lâu ngày. Ông đã thành công, nhưng vì Quan bị triệt nên không được trường tồn.

Sự việc khẳng định Thiên la Địa võng không phải nhất quyết là 2 cung Thìn Tuất mà phải là trường hợp có Đà la ở 2 cung đó.

Cách diễn tả Thiên la chỉ có 3 tuổi ất Bính Mậu . Riêng Bính không thành việc vì Triệt phá nát Đà la . Mậu Tuất có Tuần giảm sức Đà la không đủ sức khép chặt . Tất cả tuổi Ất âm nam kể như phải hứng chịu mọi sự gò bó của Thiên La, mặc dầu tuổi Ất Mùi có Tuần, nhưng vì Thìn là dương cung nên sức của Tuần không đủ ngăn cản uy lực của Đà la, có chăng chỉ là 30 % không đáng kể .

Địa võng uy hiệp 2 tuổi Tân và Nhâm . Tất cả âm nữ tuổi Tân cũng riêng Tân Mùi được Tuần nói lại 30 % sức hãm Đà la, còn ngoài ra đành cam phận định mệnh của kiếp số .Tất cả tuổi Nhâm đều bị Địa võng gói chặt trừ 1 Nhâm Thân được mở rộng tới 70%.

36

Tai hại nhất là tuổi Nhâm Tuất Mệnh Thân đồng cung kễ như sinh bất phùng thời . Người này nên đóng vai trò Trương Lương là thượng cách . Nhưng Nhâm Tuất được thân cư phúc, ngược lại là người thành công phi thường vượt mức khi đến tuổi 45 là thời gian Triệt phá nát Đà la ở mệnh, tháo gỡ Tuần ở Thân , lại là cung đắc thiên thời (Quan phủ) .

Tóm lại Thiên la địa võng là Đà la, Đà la đắc địa ở tứ sinh mà hãm địa ở tứ mộ . Hai cung Thìn Tuất là nơi phát xuất tất cả cái gì bạo ác của Đà la, không như 2 cung Sửu Mùi là nơi tập trung gò bó lại, tuy rằng vẫn là đất thao túng mùa gậy trong vườn hoang, nhưng không bằng Thìn Tuất.

Mười tuổi hàng Can , 5 tuổi Giáp Đinh Kỷ Canh Quý không tơ hào liên lụy La Vồng, còn lại Ất Bính Mậu phải để ý Thiên La, Tân Nhâm nên thân trọng ở Địa vồng.

37

LƯU NIÊN VĂN TINH LÀ GÌ **MÀ ĐƯỢC THIÊN CAN AN VỊ**

Lưu có nghĩa là ngược nhau:

- a) Chuyển đi
- b) Giữ lại

Lưu niên là ngày tháng qua đi, rồi để lại một cái gì! Văn là lời nói lịch sự, còn 1 ý nghĩa là đồng tiền như người ta thường nói “dắt mấn” (nhất văn – 1 đồng).

Lưu niên văn tinh là đầu tinh có ý nghĩa ngày tháng trôi qua để lại những gì là là đất giá . Cùng với Lộc tồn, Lưu niên văn tinh đứng cặp là bù đắp luật bù trừ của thể âm dương .

Biết rằng Thiên can và Địa chi là 2 thể lưỡng nghi của dịch lý. Can là dương, Chi là âm. Can là gốc, Chi là ngọn. Những gì do Chi sắp xếp có ý nghĩa thực chất của cá nhân như Long Phượng, Thiên Mã, Cô Quả, Hồng Đào. Những gì do Can đặt chỗ có vẻ huyền diệu vô vị (Quan Phúc, Thiên Ất, Thiên Trù, Lưu niên văn tinh...) lấy đức mà hoá đục vóng.

Nhìn vào vị trí của 10 Lộc tồn thì chỉ thấy có 4 tuổi Giáp, ất, Canh, Tân là thuận lý âm dương. Còn 6 tuổi Bính, Đinh, Mậu Kỷ Nhâm Quý ở thế nghịch lý âm dương cho nên 6 tuổi này 3 căn bản là Mệnh, Thái Tuế và Lộc tồn, 1 trong 3 thể thường xuyên bị Thiên không, Không Kiếp, Tuần Triệt phá hỏng. Nhìn vào vị trí Lưu niên văn tinh cũng 10 chỗ đứng thì 6 chỗ của Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý được hợp thức hoá âm dương trùng cách, còn 4 tuổi Giáp Ất, Canh Tân đều bị cảnh âm dương trái nghịch, tức là Lộc tồn và Lưu niên văn tinh vẫn có những tuổi thua thiệt như Canh Thìn, Tân Tí đều trùng cách tam hợp, nhưng Lộc tồn bị Tuần chặn nghẹt. Lưu niên văn tinh cũng vậy, tuổi Kỷ và Nhâm luôn luôn có Triệt cắt xén bớt sự phồn thịnh của thực chất, bù lại không bao giờ Thiên Quan Phúc xa lánh mà không ghé mắt thăm chừng.

Vậy Lưu niên văn tinh hẳn là 1 hạnh phúc cũng như Lộc Tồn cho những tuổi được danh dự thọ đắc đầy lòng thuận đức tự nhiên

38

So sánh vị trí 10 tuổi Lộc tồn và Lưu niên văn tinh

Bính	Đinh	Canh	Giáp	Ất	Bính
Mậu	Kỷ				Mậu
		Tân			Đinh
	LỘC TỒN			LƯU NIÊN	Kỷ
Ất			Quý	VĂN TINH	
Giáp	Quý	Nhâm	Nhâm	Tân	Canh

39

THIÊN TRÙ CỨNG QUAN HỆ LĂM SAO

Thừa rằng trù lập con tính xem gia nghiệp đời đời truyền lại, Thiên trù là khuôn thiên hoạch định những gì của một gia tộc chưa tận dụng còn lại đời đời truyền cho

một cá nhân con cháu nào như thuận lý hưởng thụ đầu là 1 chén cơm hay manh áo hơn những người khác không có quyền dành giật.

Do hàng Can ghi rõ trên lá số của mỗi người dòng họ:

Tuổi Giáp thì Thiên trù ở	Ty
- Ất	Ngọ
- Bính	Tí
- Đinh	Ty
- Mậu	Ngọ
- Kỷ	Thân
- Canh	Dần
- Tân	Ngọ
- Nhâm	Dậu
- Quý	Tuất

Như bảng trên đã phân phối, sự việc làm cho người ta chú ý là có 6 tuổi Giáp ất Kỷ Tân Nhâm và Quý, thiên trù đều ở địa cảnh nghịch lý âm dương tức là không thuận lợi gì cho ý chí cương cường . Có thể nói là người có ý chí cương cường không bao giờ trông mong sự hưởng thụ mà không có kỳ công phấn đấu (Thái Tuế và Tuế Phá) của uy tín (Long Phụng) hay quả cảm nghị lực (Thiên Mã) xây đắp để thành công.

Thiên Trù của 6 tuổi này đặt nằm ở những chỗ thường nói là nhược cung (Bào, Tử , Nô) . Không giám nói đến Phụ Mẫu vì đáng sinh thành có liên can đến Lộc Tồn tức là có ảnh hưởng nhiều ít đào tạo mới có Thiên Lộc truyền xuống đời đời cho con cháu (thường thường ở Phụ mẫu có Lộc tồn , không thì cũng ở cung tam hợp sinh nhập ra Lộc tồn) .

Còn 4 tuổi Bính Đinh Mậu Canh Thiên trù ở ngay dương hay âm cung thuận lý tức là cá nhân đó là Thái Tuế hay Tuế Phá. Trường hợp Mệnh đặt nằm ở nghịch địa tức là Mệnh dương đóng cung âm, hay mệnh âm đóng cung dương thì chỉ 3 tuổi Bính Đinh Mậu lại được hưởng phần nào Lộc tồn trừ tuổi Canh ở thế Đường phù.

40

Đối với 4 tuổi này, người khai lập ra số quả là có đầu óc tinh vi không bỏ rơi một kẽ hở, xứng đáng là danh hiệu Thánh nhân đã xấp xếp Bính Đinh Mậu Canh vào một hoạt động tình cảnh. Biết rằng Bính Đinh Mậu thì Lộc tồn luôn luôn ở hoàn cảnh nghịch địa âm dương . Còn tuổi Canh đối với Dần Ngọ Tuất chỉ là Phá Hư: mà với Thân Tí Thìn tuy gọi là chính thức hợp cảnh (Thái Tuế), nhưng Lộc tồn đối với Canh Thìn lại bị Tuần thụt kết (Lộc phùng Không). Canh Thân và Canh Tí thì Quan cung là nguồn mãnh lực của cá nhân cũng bị Tuần làm đứt đoạn . Xét cho kỹ đầu là Canh Dần Ngọ Tuất hay Thân Tí Thìn tình cảnh thụ hưởng Lộc tồn không cách biệt nhau bao độ. Vì lẽ đó nên Thiên Trù của

tuổi Canh đóng ngay ở Dần ban phát chung cho cả 6 tuổi Dần Ngọ Tuất và Thân Tí Thìn đều ở dương cung là Mệnh Quan Tài một tam hợp hay Phúc Di Phối cũng là một tam hợp cho có ý nghĩa của chồng công vợ (trường hợp này trong gia đình vợ thường được quần áo đẹp tốt hơn chồng).

Xin nhắc lại Thiên trù là định mệnh báo hiệu công đức gia nghiệp đời đời truyền ban cho cháu con nào như thuận tiện hoàn cảnh hưởng thụ dầu ít nhiều phải hơn người khác.

41

OAN TRÁI NGHIỆP QUẢ HÌNH RIÊU KHÔNG KIẾP

Mọi sự việc ở đời đều có 2 bộ mặt trái ngược nhau như âm dương trong vũ trụ, trắng đen của màu sắc, tốt xấu ở tính cách. Hình Riêu là bộ sao có 2 diện thái đặc biệt, cùng một vị trí đặc địa là Dần Thân Mão Dậu và đứng ở thế tam hợp với nhau phát khởi. Thiên Hình bắt đầu cung dậu kể là tháng giêng, Thiên Riêu kể từ cung Sửu. Như vậy rất khó lòng có 1 bộ Hình Riêu hoàn toàn đặc địa.

Hình là phạt và Kim hành nên gọi là thanh kiếm sắc bén để sát phạt. Riêu là siêu việt Thủy hành lai láng huyền diệu hơn đời, đặc biệt đứng cặp với Xương Khúc là người có tài văn học như thần đồng. Quan trọng là Hình Riêu đứng cặp với bộ nào hợp **tinh** hợp cảnh làm cho bộ đó có một ý nghĩa tăng lên, lợi hay hại tùy trường hợp.

Người Kim Mệnh đóng ở Thân cung có Thất sát gặp ngay Thiên hình ở đó là một uy dũng khó ai bì, trái lại Mộc mệnh gặp Thất sát ở Thìn Tuất có Hình kể như bản án giảm thọ bất đắc kỳ tử dán ngay trước ngực. Hình ở Thìn Tuất thì Riêu phải ở Dần Thân mới đặc địa, nếu vô phước bị non yếu sẽ thành bà cô ông mãnh. Hình ở Sửu Riêu đương nhiên ở Tỵ đó là oan trái, trường hợp gặp bộ Long Phụng Tả Hữu Xương Khúc là nghiệp quả chưa hết căn duyên.

Hàng Chi 12 tuổi, 6 tuổi dương (dương nam, dương nữ) Thìn Tuất Tí Ngọ Dần Thân, Đào hoa gặp Riêu ví như sen ở trong ao hồ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Còn 6 tuổi âm (âm nam, âm nữ) sự sa ngã đời trụy như se tụt dốc (1). Đặc biệt cung Phúc đức vô chính diệu được Nhật Nguyệt sáng sủa đóng chiếu mà có Riêu ở trong là phúc đức vô biên, linh thiêng phù trợ.

Không Kiếp là ác sát không bao giờ tử tế với ai, chỉ trừ có 1 Phá Quân là vị chỉ huy tối cao trực tiếp bản tính hung bạo chỉ chuyên phá hoại. Không Kiếp vốn là hạng

dao búa hợp tình hợp cảnh nên chịu phục tùng hòa nhau gây sự chẳng lành. Trường hợp Phá Quân đắc địa hay Không Kiếp ở Dần Thân Tỵ Hợi chỉ nhất thời đưa nhau lên, sau vẫn tàn tạ như mọi vị trí khác.

Bốn chục năm trước đây bài hát “Tiễn chân anh Khoa” như được hầu hết thôn quê kẻ chợ biết đến. Một tác phẩm bình dân giản dị do nhà văn Á Nam Trần Tuấn Khải hạ bút.

42

Ông tuổi Ất Mùi ngày 18 tháng 9 giờ Sửu, sống dưới thời bị ngoại trị. Lượng sức mình không thể làm gì khác hơn là lay động lòng dân trước sức mạnh của kẻ xâm lăng (Thân ở Thân Quan Phù) bằng lời văn cho thật réo rắt cảm động mà phải ẩn dưới một hình thức thông thường. Ông đã thành công, cái tên Á - Nam đã được ghi vào lịch sử văn học đồng hành với Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà.

Người tuổi Ất Mùi mệnh năm ở Dậu, Thân ở Hợi biết ngay người này lo việc đời là thế nào (Mệnh Tang môn, Thân Quan Phù). Người Hợi Mão Mùi là chủ nhân của Thiên lộc thuộc hàng Ất. Nhưng trong 3 tuổi Ất Hợi, Ất Mão, Ất Mùi, người Ất Mùi phải đứng sau chót, thường gặp nhiều trở lực trên đường đời vì Ất khắc Mùi. Rành rành Mệnh Lộc Thân Quyền mà chẳng quyền hành gì. Lộc chỉ là túc dụng. Tam hoá liên châu ở Tuất là có tiếng mà không có miếng. Ất Mùi Kim mệnh cho thấy từ Cự Cơ (Mệnh) đến Thiên Lương (Thân) Thiên Đồng (tam hợp Mệnh) coi như vô chính diệu nên Văn Xương (Kim) được kể như đắc cách phối hiệp cùng Riêu cùng cung Dậu lập thành bộ Riêu Xương là gì mà không thu hút được lòng thế nhân cảm mến. Thiên Lương (thổ) ở Hợi (tam hợp) là tao nhân **mặc khách** dẫn đo chín chắn hành động của mình, tâm thần giao cảm cùng non sanh gió mát.

Á Nam cũng như Sào Nam tiên sinh, 2 vị cùng trường hợp Mệnh Tang Môn thân Quan Phù đắc Riêu Xương Khoa Quyền Lộc mà không tơ hào mùi tục lụy. Nhờ Riêu Xương làm phương tiện lay động lòng người đang mơ mộng, hai ông đều tránh được Không Kiếp, nếu không thành linh thánh của giang sơn, ít ra cũng luân thiên một cõi (Riêu đắc địa).

Người Thái Tuế một khi oan nghiệp còn theo đuổi, khi sống đã là chánh nhân, lẽ nào lúc qui hồi lại là ma quỷ.

(1) Phải phân tích sự khác biệt tính cách giữa Hồng Loan và Đào Hoa, Không nên vơ đũa cả nắm nói chung là Hồng Đào. Hồng Loan là rực rỡ thắm tươi tốt đẹp đượm ý chính đĩnh, còn Đào Hoa là sắc sỡ loè loẹt có vẻ lẳng lơ.

Hồng Loan gặp Riêu. rất ít có, là sắc đẹp đoan trang đồ quán xiêu thành (nữ) phương phi tuần tú (nam). Đắc địa hay không Hồng Loan ở tứ sinh Riêu ở Dân Thân Mão Dậu tùy theo vị trí quyết định chánh tà. Riêng Hồng Loan vẫn trên bậc Đào Hoa về phần thủy mị, dẫu có sa ngã một giai đoạn nào đó rồi cũng hối cải.

43

HÙNG KHÍ CỦA LỤC SÁT TINH

Thường thường thấy khen số ông này đẹp nào là Tử Phủ Vũ Tướng Hữu Thai Tọa, số vị kia đắc cách Cơ Nguyệt Đồng Lương Khôi Việt Khoa Quyền Lộc, ngài nọ hiển hách Sát Phá Tham Tướng ấn. Có lẽ trên con đường tìm học nói chung, và Tử vi là một môn học nói riêng ở ta theo truyền thống phái Nho đã ăn sâu có gốc rễ, cái gì không nghiêm chỉnh không phải là điều được khen ngợi hoan nghênh, cái gì thành lập không do con đường chính đáng đại cuộc không được chấp nhận, tức là chỉ công nhận vương đạo và đạo phá bá đạo, không cần biết đến sự phải trái công bằng hợp lý chính nghĩa.

Bộ lục sát tinh ở Tử vi vì thế được coi như phường vô học cục cằn thô bạo, đi đến đâu đeo tai họa đến đó như Hoàng Sào, Tử Hải không được người thức giả ghé mắt. Nếu có chiếu cố cũng hạ bút miệt thị cho là hung đồ không tư cách của hạng thượng lưu xã hội.

Vậy Lục sát tinh có phải chỉ là bè lũ chuyên tác hại làm những việc tồi tệ như vậy không?

Thưa không phải là không trúng. Đã lâu chỉ nghe đến tên Không Kiếp Kinh Đà Linh Hoả, người biết số đến người có số như muốn xa lánh coi như hung thần giáng họa. Vì đã yên chí đoàn sao đó, chỉ chuyên phá hoại như đám tiên quân tiên phong đi đến đâu là phải thi oai khủng bố để đám hậu tập dễ bình định đem lại trật tự. Có biết đâu cái khó khăn họ phải chịu đựng, mà còn kiến tạo mọi sự dễ dàng cho người đi sau như mở đường, đắp lối, bắc cầu, lấp hố họ phải ra công một cách vô cùng mau lẹ và đắc lực, những cánh quân khác chỉ cứ từ từ tiến bước. Vậy thiết tưởng mọi sự ở đời, cái gì cho là đẹp phải có mặt trái, và cái gì cho là xấu phải có mặt phải.

Lục sát tinh là 6 cái tên của 6 vì sao theo sách số cho là tai hại liên hệ đến người có số hoặc ở Mệnh, hoặc mỗi khi vận hành chuyển đến gặp chúng là Không Kiếp,

Kình Đà, Linh Hoả. Địa không Địa Kiếp - (Hoả) đắc đại ở Ty Hợi, Dần Thân. Hoả tinh Linh tinh –(Hoả) đắc địa ở Dần Mão Thìn Ty Ngọ. Kình Dương Đà La (Kim) đắc địa của Kình ở Thìn Tuất Sửu Mùi, còn Đà đắc địa ở Dần Thân Ty Hợi.

44

Sáu sao này tính cách , đắc địa hay hãm địa gần như tương tự nhau:

Đắc địa – Mưu trí , can đảm , dũng mãnh

Hãm địa – Hung bạo, liều lĩnh, gian ác

Đặc biệt mỗi bộ:

Không Kiếp - dám nói, dám làm

Kình Đà - Kiêu căng, bất khuất

Linh Hoả- Chí khí hiên ngang

Biết rằng Lục sát tinh chỉ là những bộ sao phụ như Khôi Việt, Long Phượng, Xương Khuc... nhưng chúng có tính cách khảng khái không phải là bậc đàn anh hào khí, không phục tùng. Chúng là đám tứ chiếng có đủ mọi mặt đối xử với đời, nếu không phải là khách hào phóng chí khí không chi phối nổi. Chúng chỉ chịu sự điều khiển của Sát Phá Tham là chòm chính tinh uy vũ. Nhưng phải phân chia quân nào phải có cấp chỉ huy trực tiếp của họ mới nên việc. Như Không Kiếp chịu sự điều động của Phá Quân, Kình Đà chấp nhận sự hướng dẫn của Thất Sát, Linh Hoả tuân theo nghiêm lệnh của Tham Lang.

Một khi họ đã chịu khép mình theo cấp chỉ huy chính cống của họ thì mấy sông cũng lấp, mấy đèo cũng qua, không quản ngại khó khăn như Phá Quân được Không Kiếp ở Dần Thân Ty Hợi, Tham Lang được Linh Hoả đắc địa, Thất sát được Đà La ở Dần Thân Ty Hợi hay Kình Dương ở tứ mộ , và nhất là người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi, sự thành đạt khó có gì so sánh. Đây là công nghiệp của hung sát tinh đắc cách đã thành câu nói: ‘Phát dã như lôi’.

Trái lại khi họ ở thế hãm cũng như mặt trái đời, với thầy nào trò nấy sự thành tựu thường làm lệch đòn cân về phần tàn hại, nên người đời sợ mà đặt tên là hạn “TRÚC LA” . tuy vậy trước hay sau đó chúng đã đền bù cho đương số 1 phần nào gọi là an ủi.

Nhận thấy Lục sát tinh chỉ có 2 hành, đa số là Hoả (4) và Kim (2) vậy cho nên chỉ có mệnh vô chính diệu Hoả và Kim. một khi có sát tinh đắc địa hợp hành với Mệnh, họ dám tranh ngang ngửa với Sát Phá Tham, đừng nói gì đến Tử Phủ Vũ Tướng, Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật. Họ sẽ thành công phải là rực rỡ.

Mệnh vô chính diệu hành Hoả gặp Không Kiếp (Dần Thân Tý Hợi) là vô chính diệu đắc Không. Nếu gặp Hoả Linh (Dần Mão Thìn Tý Ngọ) hay Mệnh Kim có Đà la (Dần Thân Tý Hợi), Kinh Dương (Thìn Tuất Sửu Mùi) là độc thủ.

45

Những sao này không cho phép Tuần Triệt hay Thiên Tài đụng đến nghĩa là chúng còn nguyên vẹn tính chất hào hùng bất khuất của họ mới đắc cách.

Vận hành như vậy, nếu Mệnh Hoả vô chính diệu có Không Kiếp, nếu chuyển đến cơ hội gặp Phá Quân đắc địa, mệnh Linh Hoả gặp Tham Lang, và Kinh Đà gặp Thất Sát sự nghiệp không bút nào tả nổi sự hoạch phát, trường hợp đắc thiên thời, nhân hoà và địa lợi. Còn Sát Phá Tham nếu hãm, mưu sự lúc đầu hơi ngang trái, rốt cuộc họ vẫn thông đạt như thường. Vì họ là đoàn nhân sự chuyên nghiệp gặp trường hợp cấp chỉ huy chưa dám quả quyết, họ là cấp thừa hành có dư năng lực, chỉ gặp khó khăn một giai đoạn nhỏ, rồi họ cũng tạo nổi thành quả khả quan về mình.

Xin thưa Tử Phủ Vũ Tướng đừng hòng lần át Lục Sát tinh, dầu là Tử Phủ đắc địa gặp họ cũng đắc địa càng có sự tranh chấp quyết liệt. Nếu hoàn cảnh Tử Phủ hãm, họ qua mặt như vào chỗ không người ngăn cản. Còn nói chi Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp họ hầu như hoàn toàn bị chi phối tùy theo bộ sao Lục Sát và vị trí đắc hay hãm địa của họ như:

Không Kiếp – Bị lừa gạt

Linh Hoả - đoàn thò

Kinh Đà - Hình thương

Những trạng thái vừa trình ở trên chỉ là phân tách tính cách của Lục Sát tinh dầu ở Mệnh hay ở hạn hành, nhưng còn tùy thuộc vào một điều quan trọng rất cần thiết là THIÊN THỜI và đạt tới mức độ nào là vị trí của Mệnh đã được sắp xếp ở vòng Thái Tuế là 2 yếu tố chính bất cứ tình trạng nào cũng phải đặt làm điều kiện tiên quyết.

46

HUNG SÁT TINH NGỘ CHẾ LÀ ĐÁNG QUÍ

Hung tinh là bộ Sát Phá Tham, ác sát tinh trong đó có lục sát Không Kiếp Kinh Đà Linh Hoả được liệt kê đứng đầu. Ngoài 6 tên hiệu này thật ra còn 1 số như Thiên Hình, Hoá Kỵ, Kiếp Sát, Lưu Hà có những quyền cước có thể lợi hại lần lượt lục sát, chứ Phá Toái Khốc Hư chưa xứng đáng mang danh là ác sát tinh.

Phương diện phá hoại 3 cặp Không Kiếp, Kinh Đà, Linh Hoả, mỗi cặp một cách hành hạ: Không Kiếp hay kìm hãm, Kinh Đà gieo tai hoạ, Linh Hoả giảm thiểu sức khoẻ. Hình với Kinh một cặp phi đao một mười một chín. Hình trội hơn về phần nghiêm khắc. Hoá Ky là sao giảm thiểu gây thị phi oán hận, còn tai nạn phần nhiều là nội thương nhất là bên phái yếu, máu huyết sinh sản khó khăn. Kiếp Sát Lưu Hà bộ này có một sứ mạng phải khắc nghiệt với những ai quyết tâm sẵn sàng vượt qua định mệnh. Số đã định sao thể nhân phải chịu hoàn cảnh, trường hợp làm liều Kiếp Sát Lưu Hà sẽ thi hành xoè 2 lưỡi kéo cắt đứt cuộc đời (Phạm Trương Chi). Tóm tắt tất cả công việc hàng ngày của đám ác sát làm phận sự của tên ngục tốt.

Nhưng mỗi khi họ được chế biến lại là 1 cuộc cải trang thành những trang anh tuấn xuất chúng, tùy hoàn cảnh, tùy tư cách nổi bật lên xuất sắc. Họ cũng như những vị thuốc có danh là độc được ai chẳng may dính phải, đời chịu điên cuồng không chết là may. Một khi họ được đưa vào cuộc phân chất rồi bào chế sẽ trở nên những môn thuốc đặc sắc ích lợi. Những sự lột xác đó là cảnh trí của ác sát tinh ngộ chế.

Lá số tuổi Quý Sửu sinh ngày 23 tháng 9 giờ Tuất chứa đựng nhiều tình tiết éo le có khá nhiều hung sát tinh ngộ chế. Hai chữ Quý Sửu thấy ngay tuổi gặp nhiều nghịch cảnh (chi khắc can) tuổi Sửu Mệnh nằm ở Tí, định mệnh ám chỉ bắt đời chịu nhiều thua thiệt trực tiếp ngay cái thể lý tướng của tuổi. Thân cũng vậy ở Thân cung có nghĩa là tháng 7 cũng ừ tháng 4 cũng gặt, cố chịu đựng với chữ ĐỨC (Long đức) đến Thất Sát (cung Quan) quá đen tối là cả 1 bộ hung tinh (Sát Phá Tham) hãm địa trình bày cho biết đương số cũng đã một lần hai lần ráng cam chịu thiệt thòi.

47

Tham ngộ Ky những cảnh giam cầm khó tránh, ấy thế mà vẫn thoát như thường. Thân là Phá Quân gặp Mộc dục là hình dạng một kẻ bất lương hoang dã trác táng vô độ. Chỉ lệch một chút tuổi âm đóng cung dương Tham Ky phải nói là được Triệt tẩy uế chỉ có 30 % cùng với Phá Quân đắc Lộc Hỷ khiến. người này trở thành một kịch sỹ rất tài tình. Nếu Mệnh ở âm cung hoá ra sai lệch hết vì Triệt đập tan nát đến 70 % còn gì là Tham Ky. Tham lang vẫn đơm vẽ đào hoa phong nhã. Phá Quân trở nên nhã nhặn vô tâm, Hoá Ky biến chế thành khôn khéo mềm dẻo. Những tính cách này chỉ là tính cách vai tuồng phải đóng mà đóng rất khéo lột hết được tinh thần.

Sự thật Tham Lang đã được sao tâm chế thành thẳng thắn lương thiện, truy lục hư thân biến mất hết chỉ là bóng dáng cũ xưa mà thôi. Thất Sát ở Quan, người bạn nâng đỡ mình, trước hung hăng bao nhiêu nay gặp cảnh khốn cùng (Sát phùng Suy) cũng không nên

cơm cháo gì, ở vị trí Thiếu âm ý nghĩa không ngoài sự vụng tính. Mệnh ở Trục Phù tuy thua thiệt so với bên ngoài vẫn không đáng ngại (Tí khắc Ngọ Thiên di) dầu là vông giá nghênh ngang (Tử vi ở Ngọ), sự thật rõ ràng con số (0) không bạch định, lẽ phải trái vẫn ở ngõ ngoài.

Hung sát tinh ngộ chế là cả một công trình ma luyện như các bậc thượng tiên luyện tinh đơn cải lão hoàn đồng trường sinh bất tử.

Đành thế, nhưng trường hợp nào biết được là hung sát tinh thu chế ?

Trong bộ máy tinh vi của lý học luôn luôn có những động cơ lồng vào để phá thải và kìm hãm những tình trạng cần phải sửa đổi cho thật lỗi lạc hay đập nát sa thải. Đó là Triệt Tuần Thiên Tài Hoá Khoa.

Tuần Triệt ở giữa 2 cung không phải 2 cung đều chịu ảnh hưởng như nhau. Theo luật âm dương phải cân nhắc theo tuổi số như người dương (dương nam hay dương nữ) ảnh hưởng bên cung dương nặng hơn có nghĩa là đến 70 %, bên cung âm chỉ còn 30 %. Trái lại người âm (âm nam, âm nữ) cung âm nặng hơn cân bằng cung dương cùng mức độ sai biệt 70 so với 30. Triệt có ý nghĩa nặng nề phá nát , Tuần chỉ là ngăn cản, Hoá Khoa có ý thấm nhuần gột rửa tự tu cải sửa, còn Thiên Tài cẩn thận hơn, trước khi giảm bớt phải đo lường tức là châm chập lá số biến đổi .

48

Tất cả hung sát tinh không khác gì cây phụ tử có những rễ cái gọi là củ phụ tử chứa chất độc ghê gớm, nhờ các nhà danh y khéo sao tẩm trở thành những vị thuốc bổ giá trị sánh đồng hành cùng sâm nhung và quế.

Sau đây là một lá số có đến 3 ác sát tinh thụ chế ở ngay Mệnh nổi tiếng là học giỏi như thần đồng, thi đậu tú tài hải ngoại đầu tiên ở Việt Nam. Tuổi Canh Tí sinh ngày 9 tháng 8 giờ Tý, chỉ vì là người dương không hợp với Thái âm thủ Mệnh và Thân ở vị trí Tang môn nên sự nghiệp không có gì đáng kể, so sánh tài năng với những người quyền cao chức trọng đương số vẫn lẩn lút rõ ràng. Ấy thế mà vẫn ở địa vị khiêm nhường, xem ra vẫn còn may.

Hai chữ Canh Tí cũng biết là người có năng lực dư dả thế nào, tài cao học rộng hay dầu oan trái vẫn đeo theo không rời nửa bước (Mệnh ở Thìn, tuổi Tí, Thái âm hãm, Thiên Hình, Hoá Kỵ Địa Kiếp đắc Tuần).

PHẨM CHẤT RIÊNG BIỆT GIỮA VĂN XƯƠNG VÀ VĂN KHÚC

Hai cung Thìn Tuất là 2 vị trí xuất phát cho 3 bộ trung tinh chính yếu là Long Phụng (biểu tượng cho năm) Tả Hữu (tháng) Xương Khúc (giờ) theo luật dương thuận âm nghịch mà đi. Trên danh nghĩa dương là quân, âm là thần nhưng sự khắc chế của ngũ hành thì Tây (Kim) khắc Đông (Mộc) nên Phụng Các, Hữu bật và Văn Xương cùng phát xuất từ Tây qua Đông đều có tính cách trội hơn Long Trì, Tả Phù và Văn Khúc.

Bộ Long Phụng là bộ mặt của Tam Hợp Thái Tuế, nhưng với người tuổi âm mới đủ 4 sao Long Phụng Hồ Cái là quý cách của người được định mệnh giao phó trách nhiệm để làm việc cao cả. Người tuổi dương chỉ có 3, nhường Phụng các cho đối phương (Tuế Phá) theo tinh thần mã thượng gọi là khen ngợi tư cách và bảo đảm cho bản thân những khi dám ra mặt chống chọi (Giải thần luôn luôn sát nách với Phụng Các).

Hữu bật đi từ chỗ tối ra chỗ sáng có ý chí quật cường võ dũng tranh đấu thực lực khác hẳn bạch diện thư sinh Tả Phù chỉ là hiền thần trợ tá trung thành. Hai sao thoát thai của Tả Hữu cũng cùng tính cách. Tam thái chỉ là danh vị cao đẹp trên chánh nghĩa ban thưởng cho người có công lớn như Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Bát tọa sao của quỹ đạo Hữu bật là 8 ngôi chánh yếu như thượng thọ Tổng Trưởng có thực lực điều khiển một nội các.

Còn Xương Khúc thường được bao gồm là bộ văn học, người nào mà Mệnh hay Thân có 1 sao đó đều được dự phần hãnh diện giòng dõi nho gia. Nhưng giữa 2 chữ vẫn có một ý nghĩa cách biệt cần phải phân tách đâu là giá trị trung thực. Văn Xương là tên một vị học giả được đề tặng là Đế quân về văn học, đủ mọi vẻ thông thái thịnh đẹp như ý nghĩa của chữ “Xương” Hán tự. Còn Khúc là 1 đoạn, Văn Khúc là một bản đàn, bài thơ, một vở kịch chứa đựng nhiều tình tiết nghệ thuật: tức là cả Văn Xương bao gồm cả Văn Khúc như thầy với trò.

50

Trong mỗi lá số nếu là giờ âm thì Văn khúc đứng chòm theo Văn Xương trong thế tam hợp, thầy trò biểu dương lực lượng. Trái lại giờ dương thì Văn khúc đứng ở thế nghịch địa không bao giờ quên để hai sao phụ thuộc là Thái tọa Phong cáo thay mặt đề cao Văn Xương lỗi lạc là bậc tam công xứng đáng được phong tặng ấn tín một vị nguyên huân (Thái Phụ Phong cáo xuất phát từ Văn Khúc đến nhập vào tam hợp của Văn Xương).

Đến ngay hai sao thuộc quỹ đạo của Xương Khúc cũng thấy sự khác biệt tính cách: Ân Quang là một phần thưởng vinh dự sáng ngời, Thiên Quý là một bảo vật giá trị mà thôi. Tóm lại Văn Xương là bao gồm cả một nền văn học, Văn khúc là một khoa mỹ thuật.

Cụ Sào Nam là một văn khoa chính phái sanh năm Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu. Thân cụ nêu cao danh nghĩa với Thiên Lương Long Phụng Hồ Cái. Bộ âm dương tuy ở trong tình trạng đen tối thiết tưởng bộ Tuần Triệt quý giá này vô cùng hữu ích cho Thái âm xứng danh phẩm cách. Văn Xương Hoá Quyền ở Quan, Hoá Khoa ở Tài làm gì mà không mào cao áo gấm ở chốn triều đình (Thai Phụ Phong Cáo ở Thân). Chỉ có một vị trí Tang môn (Mệnh) và Thiên Đồng ở Quan cụ xoay hẳn chỉ hướng để lại ngày nay một số tác phẩm quý giá sánh với Thai Phụ Phong Cáo của một Thiên Lương Xương Khúc đã được nhà đại văn hào Lương Khải Siêu hết lời khen ngợi.

51

NHỮNG MÀN CẢNH PHÁT SINH LIÊM THAM TY HỢI VÀ LIÊM SÁT SỬU MÙI

Liêm Tham Ty Hối là hình ngục, Liêm Sát Sửu Mùi là chết đường. Vậy nguyên nhân nào mà có những trường hợp đó ?

Nhìn vào địa bàn tử vi phân chia 12 cung âm dương với 14 chính tinh chiếm đóng vị trí. Riêng bộ Nhật Nguyệt trình bày dễ thấy đầy đủ ý nghĩa tư cách chu đáo hơn hết. Thái Dương phải ở dương cung và Thái âm phải ở âm cung, dù rằng lạc hãm vẫn xứng đáng phẩm hạnh một ngày sẽ sáng tỏ. Nếu chỉ chú ý vào vị trí sáng ngời mà không kết hợp lý âm dương chỉ là a tòng nhất thời không chánh đáng.

Đứng bên Nhật Nguyệt có Đồng Lương Cơ Cự toàn bộ trình bày lý thuyết đạo học. Đối diện bên phía thực hành phải kể Sát Phá Liêm Tham có Tử Phủ Vũ Tướng cùng phái lưỡng nghi. Vậy không bao giờ có sự pha trộn lẫn lộn như Vũ Khúc đứng với Thiên đồng hay Phá Quân ngồi cạnh Cự môn.

Nói đến Liêm Tham hay Liêm Sát là nói chung đến 8 sao bên phía thực hành có kết quả rất mau cụ thể dẫn đến cũng có thể nói là luật nhân quả bù trừ.

Sát Phá Liêm Tham với Tử Phủ Vũ Tướng cùng với một phái thì Liêm Tham và Liêm Sát đều có nguyên cơ do Tử Phủ Vũ Tướng khiến nên. Bộ Tử Phủ được đặt lên

cao như những gì thái thượng chính đáng. Bộ Sát Phá Liêm Tham chỉ phù thuộc với công việc thực thi xây đắp.

Sự sắp xếp trên 12 cung địa bàn thấy những bộ sao đóng ở dương cung có đủ bề thế tốt đẹp có ảnh hưởng tươi thắm, trái lại ở âm cung thấy nhiều sự hung hãn mất thể thống trật tự. Vì thế Liêm Tham hay Liêm Sát cho đến Liêm Phá, Vũ Phá hay Vũ Sát tức là toàn bộ Sát Phá Liêm Tham ở âm cung hầu đóng vai trò khuấy nước chọc trời coi như công việc hàng ngày phải làm.

52

Liêm Tham Tỵ Hợi vì đâu mà phát sinh ra ?

Có phải vì Tử Phá (bất trung bất hiếu) nguồn gốc do Vũ Sát là ương nghạnh hung bạo tham lam vị kỷ, có nghĩa là tư cách vị kỷ hung bạo dẫn đến hành động phản bội sẽ hái kết quả nhà tù (tam hợp Vũ Sát Tử Phá và Liêm Tham).

Liêm Tham Sửu Mùi (chết đường) là kết quả của Tử Tham (hiếp đáp ép bức người lành) bởi tư cách Vũ Phá (gian ác liều lĩnh ức hiếp người lành sẽ phải chạy trốn chết đường).

Hai thế đứng này đầu giây giật mối do Vũ Khúc hãm Tham lang vị kỷ đứng với Thất sát nông nổi, Phá quân liều lĩnh làm gì mà không tù đầy chết đường.

Trên đây tất cả diễn cảnh của âm cung. Đối với người dương mệnh hãm ở vị trí Thiếu Dương hay Thiếu âm, người quá tự hào, kẻ bị nhiều thua thiệt, tức nước thành bể bờ khiến xui tình trạng. Con người âm mệnh vì một mối ưu tư gì riêng biệt Tuế Phá lộng hành trái với lẽ phải đành chịu chung số phận. Riêng người Thái tuế ý thức được cuộc sống tùy theo hoàn cảnh hành động tuy có nặng tay, nhưng không ngoài ý nghĩa lợi ích chung mà phải gánh vác, dầu rằng cũng có phần vị kỷ.

Tào Mạnh Đức (Tào Tháo) sanh năm ất Mùi ngay 6 tháng 12 giờ Tuất ở cuối đời Hán.

Người Bạch Hổ Vũ Sát là tất cả cái gì cứng rắn (Kim mệnh, Vũ Khúc Thất sát, Bạch Hổ đều là Kim) . Hỏi rằng có thể nào ngăn cản được người này trước cuộc rối rắm mất trật tự của xã hội. Ông không hạ bệ Hiến Đế, cứ địa vị Thừa Tướng thừa hành làm việc. Đâu có phải là bất trung hiếu (cung quan Tử Phá bị triệt) . Thật rõ ràng hai chữ Trung Kiên. Vì thế Liêm Tham ở Hợi đâu có tư hào đến ông. Liêm Trinh ở đây bị giảm sút bởi

Kim Mệnh phụ giúp cho Tham Lang (Thủy) ở Hợi (Thủy). Nếu Liêm Tham ở Tỵ cần phải thêm Hoá kỵ (Thủy) giữ thế thăng bằng cân cân không nghiêng lệch sẽ thành vô sự.

Tại sao không nói đến Liêm Tham ở Dần Thân ?

Liêm Tham nơi đây dương cung đắc địa. Liêm Tham không còn đắc địa với nhau. Liêm Trinh đứng trong hàng ngũ của Tử Phủ Vũ Tướng mà Tham Lang nhập phe phái với Thất Sát Phá Quân. Hai bên đứng đối diện nhau.

Đây là trường hợp được đề cao là Đế xuất binh chinh phạt Phá Quân, vì thế Phá Quân bị đeo tiếng bất nhân phản trắc.

53

Sự thật còn nhiều uẩn khúc. Nếu là tuổi Dần Ngọ Tuất mà Mệnh Phá Quân ở Thìn. Nơi đây Phá quân dành được chính nghĩa (Thái Tuế) thì Tử Tướng kia chắc chắn đã phạm lỗi gì (Tuế Phá) nên Phá Quân mới ra mặt chống đối. Tiếng bất nhân chỉ bị gán đặt, sự thật khác hẳn xa vời.

Còn trường hợp Liêm Tham Tỵ Hợi, Liêm Sát Sửu Mùi đóng ở nhược cung (Phụ, Tử, Nô, Điền) ... dương nhân hẳn là Cơ Nguyệt Đồng Lương đóng ở dương cung, đâu có gì là ác hại. Nhưng nếu có Hình Riêu Không Kiếp nằm trong đại hạn Liêm Tham, cũng dễ bị tù tội cuốn theo. Đó là nghiệp quả chung đương số phải gánh chịu.

Tất cả những màn cảnh hỉ nộ ái ố tốt đẹp hay xấu xa đều do định mệnh dự phác xếp đặt. Thực hiện được hay không còn nhờ một yếu tố quan trọng là THÂN hành động. Tài Thọ có thể quyết định định xoay hăn ngược chiều sóng gió.

Tào thừa Tướng đem được chữ Thọ (nhân hậu) đến cung Điền (sự nghiệp) mặc dầu đã nạp sẵn Triệt (30 %). Vì thế chữ Tài mới đủ khả năng giảm thiểu ách với Thái âm ngộ Kỵ và Liêm Tham (Thân) ở Hợi.

Có phải đức năng thắng số là ở đây ?

BỒI ĐÂU BẠCH HỔ ĐƯỜNG PHÙ TRỞ NÊN ÁC HẠI ?

Biết rằng Bạch Hổ là 1 vị trí trong tam hợp Thái tuế có tính cách cương quyết với bất cứ giá nào làm việc để đạt tới mục đích, dầu rằng có ý nghĩa vị tha, nhưng cũng không ngoài thoả mãn dục vọng.

Đường Phù là ngôi nhà nổi lênhên trên mặt nước không nơi căn cứ, một ngày tan rã chìm đắm lúc nào không biết. Một đường lối chứng minh kín đáo sự thọ hưởng Lộc tồn: chính đáng có Quốc ấn mà phẩm hư là Đường Phù.

Quốc ấn luôn luôn trong tam hợp Lộc tồn thuận theo chiều xuôi, trái lại Đường Phù đi theo chiều nghịch và ngôi ở vị trí nghịch lý âm dương nơi xuất phát.

Bạch hổ, Đường Phù liên lạc với nhau chỉ có ở 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý tức là cảnh trí Lộc tồn nghịch lý âm dương không thuận cách thọ hưởng mỹ mãn. Bốn tuổi Giáp Ất Canh Tân không bao giờ diễn tả Bạch Hổ Đường Phù dầu là người Tuế Phá Tang môn Điều khách.

Vậy Bạch Hổ Đường Phù có ý nghĩa với người Thái Tuế chẳng may ở 6 tuổi có hành can Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý, không nên quá tự hào coi thọ hưởng Lộc tồn như thù lao xứng đáng với công khó nhọc mình đã tận tụy xây đắp cho xã hội. Thời gian gặp Lộc hay mệnh có Lộc tồn phai có thời gian gặp Bạch Hổ Đường Phù sẽ diễn biến cảnh nhà tan nghiệp đổ gần đất xa trời.

Đường xuôi thuận lý phải là Bạch Hổ, Quốc ấn với Tướng Quân là bộ ba đánh thép như giấy tờ chứng minh hợp pháp cho người đủ tư cách làm chủ đứng đắn lâu dài bền chặt. Trái lại Đường Phù luôn ở trong tam hợp với Song Hào và Kinh Đà là thể mỏng manh bẻ tắc nuốt khó trôi mà nhả ra vương vẩn.

Người Thái Tuế, trường hợp Bạch Hổ Đường Phù trong tam hợp đáo hạn Thái Tuế dễ trút hơi thở cuối cùng với uy danh tiếng lớn được ghi mai hậu như 2 tuổi:

- a) Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu (thọ ngoài 70)
- b) Nhâm Thân sinh ngày 3 tháng 8 giờ Dậu (thọ ngoài 50)

Hai tuổi này tuy Mệnh Thân khác nhau , nhưng cùng một hoàn cảnh : người hồng Mệnh được Thân (Đình Mão) người được Mệnh lại hồng Thân (Nhâm Thân). Cả 2 đều ý thức được cuộc sống đời mình (vị trí Quan Phủ) nên phải hành động thế nào cho khỏi thiếu bổn phận, đều trở về cõi đất trong cuối hạn đặc thiên thời có Bạch Hổ Đường Phủ để ghi tên muôn thuở.

Tuổi thứ 3 sinh năm Nhâm Tý ngày 2 tháng 9 giờ Thìn với Liêm Tướng thủ mệnh ở Ngọ và Tử Phủ (Thân) ở Dần bị cả Tuần lẫn Triệt. Hai chữ Tài Thọ tự tạo nên một Ngô Thời Nhiệm, nơi qui tụ tất cả cái gì liêm chí khăng khải mà không mấy ai hiểu rõ lòng, vị trí Tuế Phá (Mệnh) và Tang môn (Thân) vì Cô Quả Quan Phúc dẫn dắt cuộc đời trải qua bao sang gió (3 đại vận 32-41, 42-51, 52-61) vượt qua 2 chữ THỌ (50 và 60) đành khoanh tay trước một thiên thời đặc cách (Thái Tuế) với Phá Quân Kinh Dương ở Tý liên hiệp Bạch Hổ Đường Phủ tam hợp, được Cô Thần mời rước năm Thìn làm linh thần thọ đặc xa xăm tiếng dội.

56

NHỮNG TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ CỦA BẠI LỤC TINH

Trong Tử vi có 6 sao bị liệt danh là bại tinh phá hỏng mọi sinh hoạt: Song Hao, Tang Bạch, Khốc Hư.

Hai chữ Song Hoa (Đại Tiểu Hao) cũng đủ nghĩa lắm rồi. Tử Phủ ngộ Hao thì danh dự tiền tài phải sút kém. Trường hợp với Sát Phá Tham thấy nhiều dị biệt:

- a) Thất sát gặp Hao là tang thương chực sẵn ngay bên.
- b) Phá Quân gặp Hao thì tài sản sẵn sàng khánh kiệt.
- c) Tham Lang gặp Hao lại là cảnh sung túc của người kín đáo.

Riêng đối với bộ Cự Cơ ở tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) Song Hao thành một bộ phận rất quan trọng:

- a) Cơ gặp Hao, mưu tính mọi sự được thông đạt dễ dàng.
- b/ Cự rất cần Hao để có gì mài dũa trở thành quý giá (ám tinh Thạch trung ẩn ngọc).

Tang Bạch hai chữ đứng với nhau, tưởng có phần nào lạm ý. Tang môn là tư thế lo âu bất đắc ý. Còn Bạch hổ là một thành phần trong tam hợp Thái Tuế có thành ý xây

Khốc Hư đọc lên như 2 tiếng hét kêu thảm thiết, nhưng mỗi sao có một đường hướng riêng nên tuy bắt đầu cùng một gốc ở Ngọ mà đi, mỗi sao có một cá tính riêng.

Nhận thấy riêng Hư không bao giờ gặp Thái Tuế mà thường trực có Tuế Phá, thành chữ Phá Hư trùng điệp hoà nhịp. Tưởng không còn lý do gì đặc ý, luôn luôn trong cảnh bất mãn.

57

Trường hợp ngoại lệ này chỉ có 2 tuổi Giáp và Canh mới có, mà phải là Giáp Thân Tí Thìn và Canh Dần Ngọ Tuất. Ngoài ra không một tuổi nào đặc Lộc Mã Khốc Khách. Trái hẳn với người Thái Tuế tuổi Giáp phải là Dần Ngọ Tuất mà Canh thì phải Thân Tí Thìn, vì Mã chỉ đứng trong hàng ngũ đối lập. Phần ngoại lệ này ban phát cho người đầy nghị lực, nhiều hay ít tùy theo mức độ như sau:

- Trên các âm cung Thiên Khốc thường trực trong tam hợp Thái Tuế, vì thế 4 chính cung Tí Ngọ Mão Dậu được liệt vào chỗ đắc địa (2 dương cung Khốc Hư đứng chum thành nhiều tiếng dội, 2 âm cung Khốc sát nách Thái Tuế).

50

công vô lao, phù hợp với Thiếu Dương ở Mão thủ THÂN bị lôi cuốn vào một thế hệ không sao giữ nổi chánh nghĩa mặc dầu cố hết công trình xây dựng (Mộc mệnh sinh xuất cho Thái Dương, nghịch lý âm dương) Mệnh Thân Quyền Phá Hư đối diện Thiên Di Thái Tuế Thiên Khốc, rõ ràng mình ở thế xuống dốc mà kẻ đối nghịch được chính nghĩa dội vang hoà hợp ở thế Kim khắc Mộc, rốt cuộc họ thắng.

Tương Phố phu nhân sinh năm Đinh Dậu ngày 22 thnag 11 giờ Mão. Mệnh vô chính diệu đắc Thái Tuế Thiên Khốc, Thân Tử Tham Phá Hư Xương Khúc Khôi Việt Song Hao . Những tiếng khóc chồng lâm ly của bà (giọt lệ thu) kém gì lời gào thét uất hận “ Thiên Hồ! Đế Hồ “ (Trời Đất Thánh Thần ơi) của Sào Nam Tiên sinh đứng trước quốc nạn.

Thiên Khốc Thái Tuế đưa thân thế bà lên hàng danh dự cao đẳng phụ nữ , Song Hao lưu truyền mãi mãi.

Lục bại tinh không khác gì những đường tơ nổi chỉ trên mặt lụa , người thợ cố công vẽ xe cho tròn dẹt nên những bông hoa tươi đẹp. Nhưng nhìn kỹ vẫn thấy những mối chấp nổi không được trơn nhẵn.

58

LUẬT ÂM DƯƠNG CỦA ĐỊA BÀN THAY ĐỔI HẸN TÌNH TRẠNG CÁC CHÍNH TINH

Mặt địa bàn chia làm thành 12 cung theo luật âm dương xen kẽ hoạch định thành 3 đường lối:

- a) Tứ sinh gồm có 2 cung dương (Dần Thân) và 2 cung âm (Ty Hợi).
- b) Tứ chính có 2 cung dương (Tí Ngọ) và 2 cung âm (Mão Dậu).
- c) Tứ Mộ có 2 cung dương (Thìn Tuất) và 2 cung âm (Sử Mùi).

Mười bốn chính tinh cũng theo phép âm dương chia thành 2 nhóm:

1. Tử vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ khúc, Thiên Đồng, Liêm Trinh thuộc dương xuất phát nghịch hướng .
2. Thiên Phủ, Thái âm, Tham Lang, Cự môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân đi theo chiều thuận thuộc âm.

Khi đã an vị rồi, 14 chính tinh này thấy tập hợp thành từng khối: Sát Phá Liêm Tham, Tử Phủ Vũ Tướng đứng chung một phái. Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật lập thành một phái. Hai phái này không bao giờ có thành phần đứng lẫn lộn với nhau. Tuy

đứng thành 2 phái, ở trong còn phân chia ra thành từng bộ như bên a có bộ Sát Phá Liêm Tham và bộ Tử Phủ Vũ Tướng, bên b có bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương và Cự Nhật.

Bốn bộ sao này phải tập hợp dưới thể đứng chân vạc làm tam hợp mới đủ cách. Những sao của một bộ cứ việc tìm kiếm tam hợp của mình mà đóng, trường hợp không đủ sao thì bỏ trống (vô chính diệu). Không thể lấy sao bên nọ lấp chỗ cho bên kia, vì thế mới thấy có chỗ 1 sao đứng chơ vơ một mình, có nơi 2 sao thành cặp bộ đôi, có chỗ hưu quạnh như xa mạc.

59

Nhiều trường hợp chiếu trong tam hợp, nhiều bộ sao không đủ cách như Thiên Phủ ở Hợi với Thiên Tướng ở Mão, còn ở Mùi vô chính diệu như vậy chỉ còn Phủ Tướng mà thôi. Cũng như Thái Dương Thiên Lương ở Mão gặp 1 Thái âm ở Hợi, còn Mùi cũng vô chính diệu tức chỉ là Nhật Nguyệt không phải là Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật.

Riêng bộ Sát Phá Liêm Tham luôn luôn 3 sao Sát Phá Tham đầy đủ không bao giờ thiếu, vì thế ảnh hưởng rất mạnh với tư cách thực hành là bản ngã của hạng vai u thịt bắp dám làm không ngại. Vì thế mỗi khi đáo hạn Sát Phá Tham là có những cuộc thăng trầm khá quan trọng phối hiệp cùng thể thiên thời thuận hay nghịch cảnh.

Đã biết mỗi đường lối dầu là sinh, Chính hay Mộ đều có từng cặp cung dương và cung âm. Theo cách an sao thì khi thấy 2 sao tụ hợp ở bên cung dương thì khi đóng ở âm cung phải chia lìa đối xứng như:

Tử Phủ ở Dần Thân (dương) khi đóng ở âm cung thì Tử vi nếu ở Tỵ Thiên Phủ đương nhiên phải ở Hợi, trái lại Tử vi ở Hợi, Thiên Phủ đóng ngay ở Tỵ.

Cơ Lương ở Thìn hay Tuất (Dương) khi đóng ở âm cung nếu Cơ ở Sửu thì Lương ở Mùi trái lại Cơ ở Mùi thì Lương ở Sửu.

Đây là đạo luật hợp xung:

Hợp là nhập bọn, xung là chống cự. Hai bên đều có vây cánh tìm cách lấn nhau, chỉ có thắng là lấn được người, còn như bại mọi sự đều thua thiệt. Đó là lý lẽ của xung. Vì thế ý nghĩa của Hợp và Xung phải khác nhau.

Liêm Tham ở Tỵ (ÂM) thấy tam hợp từ Vũ Sát đến Vũ Phá là bối cảnh đưa đến tối đen. Nhưng Liêm ở Thân (Dương) Tham ở Dần (D) lại khác hẳn cùng đường lối tứ sinh.

Liên nhập đoàn với Tử Tướng ở Thìn và Vũ Phủ ở tí thành bộ Tử Phủ Vũ Tướng chinh phạt Phá Quân. Bên kia Tham Lang ở Dần đứng vào hàng ngũ Phá Quân ở Tuất và Thất Sát ở Ngọ thành một quân đoàn dám đương đầu chống cự Tử Phủ.

Sự thất bại, chánh đáng hay không còn nhờ ở một vài yếu tố khác là bên nào có Thái Tuế, thế xung bên nào khắc xuất bên nào để đi đến chung cuộc.

60

THẬT KHÉO HAI CHỮ TÀI THỌ

Sau khi đọc truyện Kiều, ai học lý số cũng phải công nhận tiên hiền Nguyễn Du là một nhà đại danh lý số. Cụ đã khéo diễn tả những nhân vật trong sách như một bản lập thành tử vi kiệt tác:

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

là hình bóng của Đồng Âm cư Tí đắc Hồng Đào, oan nghiệt bị bồi thêm Hoá Kỵ. Sắc đẹp cô Kiều đến hoa phải thua thắm, liễu cũng phải nhường xanh tươi khác gì Thái âm ở Tí được Hồng Loan Đào hoa tô màu thắm, rồi bị nghiệp báo Hoá kỵ hờn oán tức là dây tơ hồng bị vậy bùn đen. Cô Vân lại khác:

“Vân xem sang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”

đúng là tượng ảnh Thiên Phủ của tuổi Ất Hợi đóng ngay Thái Tuế. Ý nói Thúy Vân đứng đắn phương phi phúc hậu được hưởng phúc (Lộc Tồn tuổi Ất)

Với Từ Hải:

Râu hùm hàm én mày ngài

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao

.....

Chọc trời khuấy nước mặc dầu

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai.

Chính xác là Phá Quân Tí Ngọ Tuổi Giáp đắc Hoá Quyền

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo

Phá Quân không những là một kiếm khách giang hồ nhà võ, còn là một nghệ sỹ, một tài tử thầu đáo đàn ngọt hát hay .

Tả Hồ Tôn Hiến:

Nghĩ mình phương diện Quốc gia

Quan trên ngắm xuống người ta trông vào

...

*Phải tuồng trăng gió hay sao**Sự này biết tính thế nào được đây?*

rõ ràng là một Nhạc Bất Quần nguy quân tử (Tử Phủ Dân Thân Không Kiếp)

61

Để kết luận truyện Kiều cụ Tố Như tóm tắt bằng 4 câu:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,**Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa**Thiện căn ở tại lòng ta**Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.**là tất cả nguyên ý 2 chữ Tài Thọ ở đây.*

Tài ngoài ý nghĩa tài năng, còn một ý nghĩa là đo lường cắt giảm, chữ Thọ là nhân hậu.

Nguyên lý Tài do mệnh, Thọ do Thân là luật thừa trừ do định mệnh cắt giảm, còn nhân hậu do bản thân tự đào tạo . Tài Thọ là một đạo lý trá hình bằng 2 sao bắt đầu di chuyển từ Mệnh và Thân đến ở cung nào, mách bảo cho biết phần liên hệ giữa giữa Thân Thế với cung đó đã có sự hoán cải do luật thừa trừ mình đã gây nên như tuổi Đinh Hợi âm nữ sinh ngày 22 tháng 5 Giờ Mùi.

Mệnh (Thái Tuế) Thiên Tướng Thiên Phúc hành nghề cứu nhân độ thế. Thiên tài ở Bào có Cự Môn Hoá Kỵ. Thiên Thọ ở Phụ Mẫu hoà hợp với Thiên Lương. Có phải người này chịu hy sinh thân thể (Thân cư Phúc đức ở vị trí Tang Môn có Liêm Sát Thiên Hình) vì Phúc có phần khiếm khuyết để cho cha mẹ được tiếng hiền lương nhân hậu và anh em cũng được đầy đủ êm đẹp. Nơi đây thấy sự thừa trừ rất nhiều do định mệnh, thân thể bản khoản nặng lo cho giòng họ gia đình. Cả Mệnh lẫn Thân từ Thiên Tướng đến Liêm trinh Thất sát không phải là nòng cốt. Thiên Phủ ở cung Tài mới là chính diệu hiện nguyên hình người này, thấy ngay đâu là tư cách căn bản của người điều động được Thiên Thọ.

Nếu người tuổi Tí Thân Mệnh đồng cung có nghĩa là định mệnh với mình là một. Nơi đây định mệnh thừa lệnh của Thân. Nếu được Thân Mệnh ở Thái Tuế là người nhân hậu ngay trong huyết quản, chữ Tài cắt dọn tất cả những gì trở ngại cho Mệnh. Là Tử Vi, hay Thiên Lương, Thiên Tướng, Tài sẽ làm cho đời ngộ nhận nhân phẩm, nhưng rồi ra Thái Tuế sanh đối với Thiên Thọ sẽ đâu lại hoàn đó. Trường hợp có Tả Hữu là tư cách vạm vỡ, bằng như đụng nhảm Không Kiếp là sinh bất phùng thời không được hưởng tư tưởng cao đẹp.

Người tuổi Ngọ sinh giờ Mão hay Dậu nếu là Mệnh Thái Tuế, Thân phải là Tuế Phá là người hành động bày tỏ lòng trinh bạch của mình (Thân đặt ngay Thọ ở Mệnh) thì định mệnh cũng cải chính ngay thân thể (Mệnh đặt Tài ở Thân). Tuy ở trong hoàn cảnh thất ý nhưng lòng son sắt không thiếu nhân hậu.

Biết rằng Thân chỉ có 12 cung số. Thân Mệnh đồng cung, Thân Phúc đức, Thân Quan Lộc, Thân Thiên di, Thân Tài bạch, Thân ở Phôi, không bao giờ có ở Phụ, Bào hay Tử là những cung có gây liên lạc hệ trọng với Mệnh vì cá nhân mỗi người có một hành động riêng, ai làm nấy hưởng.

Thân ở 6 cung thường được coi là cường cung thấy rõ ràng luật giang hồ ân oán. Mình thừa hưởng phúc tích lũy, mình chịu ảnh hưởng công việc hàng ngày, mình gánh chịu kết quả tiếp xúc với ngoài, mình hưởng sự nghiệp ở hoàn cảnh nào, trên đường đời mình đã làm gì trong việc kết tóc se tơ. Từ 6 cung này Tài Thọ kiểm điểm tư cách rồi quyết định đến ở một cung nào trong 12 cung của đương số thêm bớt sao cho hợp lý đi đôi với tính cách cá nhân định mệnh an bài và thân thể cư xử.

THƯỜNG SỬ LÀ 2 ĐỒN CANH CHO 3 ĐOẠN ĐƯỜNG LƯỢN ĐỐC

Câu nói thường ngày đã thành tục ngữ “49 chưa qua, 53 đã đến”. Có ý lo sợ cho ai trong thời gian ngắn ngủi 4 năm mà đến 2 lần xui xẻo có thể về với tổ tiên.

Chữ Thọ là rất quý vì có thọ mới từng trải cuộc đời hướng dẫn cháu con, đâu là đường quang lộ phải. Thọ có 3 đợt: Sơ Thọ, trung thọ và thượng thọ. Sơ thọ là tuổi 50. người nào mà về cõi năm 49 kể như yếu tử đã phạm một lỗi lầm gì nên không được phép bước tới thêm một bước được liệt vào hàng phước thọ. Cho nên năm 49 được coi như là tối quan trọng. Thường thường trong mỗi thời gian 10 năm có 4 năm cuộc đời thấy mọi lẽ hên xui khác biệt hẳn là 4 con số : 3 và 7, 5 và 9 là hên, Tại sao vậy?

Tuổi người ta có 2 phần: hàng Can là gốc, hàng Chi là ngọn, như tuổi Giáp Tí thì Giáp là Can thuộc dương mộc, Tí là chi thuộc dương thủy thì cứ mỗi năm nào gặp 1 con số 3 hay 7 là những năm bị sinh xuất hay khắc nhập tức là cây bị lay gốc hay bị cắt rễ như 1 tuổi là Giáp Tí. Năm lên 3 tuổi là Bính Dần tức là Giáp sinh Bính là hao mòn cho

nên đặt ở ngay cung tậ ách (Thiên Sứ). Năm tuổi là năm Mậu Thìn ở Phúc đức chữ Giáp khắc xuất chữ Mậu là Mệnh chiến thắng được năm. Năm 7 tuổi ở Nô (Thiên Thương) là năm Canh Ngọ, chữ Canh khắc chữ Giáp. Đến năm 9 tuổi là Nhâm Thân, Chữ Nhâm sinh cho chữ Giáp ở tử tức có nghĩa là nảy nở. Vậy có thể sắp xếp:

3,13,23,33,43,53,63 là những năm sinh xuất (chịu đựng)

5,15,25,35,45,55,65 là những năm khắc xuất (phấn đấu)

7,17,27,37,47,57,67 là những năm bị khắc nhập (thua thiệt)

9,19,29,39,49,59,69 là những năm được sinh nhập (hưng vượng) trừ năm 49 hàng Can tuy được sinh nhập như các năm có số 9 khác, nhưng lại là năm Chi đến năm tuổi, nghĩa là năm 49 là năm tuổi của mình. Tại sao năm tuổi lại xấu?

64

Trong bản lập thành tử vi, vị trí năm tuổi luôn luôn đóng ở thế tam hợp không đắc ý (Tuế Phá Tang Môn Điều khách). Thiết tưởng từ chỗ thành công (Can sinh nhập) đưa đến chỗ bất mãn, còn gì là tốt đẹp khác gì cây bị úng nước, rễ phải sinh, ngọn sẽ tàn héo nên tiền nhân sợ năm tuổi không dám khuyếch trương hành động ở những năm đó.

Thường ngày chỉ nói đến 49 và 53 là 2 đoạn đường dốc dốc trước khi lên khi lên ngôi sơ thọ (50) và trung thọ (60). Còn một đoạn đường nặng nề gay cấn để đưa đến thượng thọ (70) là năm 67. Bất cứ một lão nhân nào đều lâu mau nằm dưỡng bệnh. Năm thiên khắc địa xung rất khó mấy ai vượt nổi mới có câu 70 cổ lai hy hữu. *Tại sao lại gọi là thiên khắc địa xung ?*

Năm 67 tuổi bất cứ người tuổi gì, hàng Can đều bị khắc nhập nên gọi là thiên khắc. Còn hàng Chi đều bị đối nghịch tức là thế xung như tuổi Tí gặp năm Ngọ, tuổi Mùi gặp năm Sửu... Gốc bị cắt xén, ngọn bị dập bể làm sao mà sanh tồn. Mỗi giai đoạn bước tới từ sơ thọ đến thượng thọ đều có 1 đoạn đường dốc dốc để lượn lên, người lái xe phải lành nghề (Thái Tuế) vững tay lái, xe không ham chở nặng (nói tay Quyền Lộc) mới mong an toàn.

Thương Sứ là 2 đòn canh ở giữa 3 đoạn đường này. Thương là tổn hại, Sứ là thừa lệnh. Sứ ở Tậ Ách là chấp chương thi hành tậ ách là một việc làm trúng chỗ. Còn Thương sao lại ở cung Nô, không lẽ người dưới tay người nào cũng mất nhân nghĩa chỉ báo hại mệnh hình thương!

Nô và Ách là 2 mốc độ đoạn đường thời gian bằng nhau đầu đương số là dương nam âm nữ đi xuôi thì thời gian ngoài 50 phải gặp Thương. Nếu là âm nam dương nữ đi nghịch thì cũng thời gian ngoài 50 phải đụng đối đầu Sứ.

Kiếp nhân sinh khi đã vượt được mức yếu tử 49 thì hạn 53, 67 không chứa ai là không bị Thương Sứ kiểm soát, đầu mình ở vào hạng nào (Thái Tuế hay Tuế Phá, Thiếu Dương hay Thiếu Âm) nam hay nữ đi xuôi hay đi nghịch.

Người Thái Tuế thi hành sứ mạng đến thế nào hay có làm gì lầm lỗi. Người Tuế Phá liều lĩnh quá đà hay nương tay hiền phạt. Người Thiếu Dương thì tài lạm dụng nếu biết tu tỉnh. Người Thiếu Âm không biết an ủi mà cố lợi ngược dòng.

65

Thương Sứ kiểm tra đầu là uẩn khúc oan ứng lập thành quả. Thường tình người đi xuôi là thuận đường nên gặp Thiên Thương trước có phần nhẹ hơn người đi ngược phải đụng độ Thiên Sứ ngay bước đầu. Thiên sứ kẻ như vị chánh sứ thi hành mệnh lệnh, còn Thiên thương chỉ là phân phụ tá nên có phần nhẹ tay quyết định. Nhưng cũng tùy trường hợp. Nếu Thiên Thương có Kinh Dương đứng hộ vệ ở Tí Ngọ Mão Dậu thì cảnh quan tha ma bất thường diễn tả.

Cung Nô của những tuổi Giáp Mậu Canh Nhâm ở tứ chính thường diễn những cảnh tang thương đau xót mỗi lần đụng độ (tiểu hạn không có gì đại vận gặp Thương Kinh là tuổi ngoài 50).

Phải kể tuổi thọ là đáng quý trọng, nhưng mỗi khi ăn mừng tuổi lão thượng thọ (70) sau đó một vài năm nếu là thủy nhị cục, các cụ có được giấy mời của vị Đại sứ, kẻ cũng là phải lúc tham quan non bồng nước nhược (đó là giai đoạn nhập cuộc Thương Sứ, trong vị trí thường có Thiên Không, Không Kiếp, Tang Môn, mấy ai được Long đức hay nói gì Phúc đức trọn vẹn.

Bảng đồng hạn của Tiểu nhi

1 tuổi ở Mệnh	7 tuổi ở Nô (Thiên thương) khắc nhập
2 Tài	8 tuổi ở Di
3 Ách (Thiên sứ sinh xuất)	9 tuổi ở Tử (sinh nhập)
4 Phôi	10 tuổi ở Bào
5 Phúc (khắc xuất)	11 tuổi ở Phụ
6 Quan	12 tuổi ở Điền

NHỮNG ĐÁNG ĐỨC HẠNH CAO DÀY KHÔNG CÓ GÌ NGĂN CẢN NHIỆM VỤ

Thường thường ở những ngã tư ngã rẽ các đô thị thấy có người đồng phục đứng giữ trật tự lưu thông quần chúng. Mỗi khi có sự gì khả nghi cần kiểm soát, họ ngăn chặn bộ hành dầu là ngựa xe lộng lẫy cũng phải một thời gian chờ đợi. Nhưng nếu gặp những vị áo dài đen lụng thụng hay nâu sòng đầu cạo trọc là họ nhường bước để đi thông thả. Những người đồng phục này có phận sự điều chỉnh lộ trình đang bế tắc được lưu thông hay đang lưu thông thành bế tắc, tóm lại công việc của họ làm để giải quyết những gì cần hoán cải. Họ đã đóng vai trò TUẦN TRIỆT của lý số. Tuần Triệt là một bộ phận trong máy huyền vi cần sửa chữa bộ phận nào khác đi một ít (Tuần) hay thay đổi hẳn một cách đặc biệt (Triệt) không như cũ những gì có liên hệ giữa hai cung mà Tuần Triệt đứng giữa ranh giới và ảnh hưởng phải theo luật âm dương trở nên nặng nhẹ.

Ảnh hưởng chiếu của Tuần Triệt thấy cả một luận lý khó khăn. Đã đặt đứng giữa 2 cung có nghĩa là chỉ có liên quan 2 cung. Không như Thiên Không, Thiên Tài nằm ở trong một cung ngoài công việc chi phối cung đó còn có liên lạc dính líu đến tam hợp, nhị hợp, xung phá là thể chung kết tập hợp nên mới có giá trị tới các cung xung chiếu.

Kiểm điểm đức hạnh của 14 chính tinh, bên dương có Tử Phủ cũng như bên Âm có Đồng Lương, là những bậc danh nhân khoan hòa đức độ sáng giá như Tử Vi là trên ngôi cao cả. Thiên Phủ là trung hậu bao dung giải quyết những khó khăn bằng phương tiện tiên quyết là ôn hòa. Thiên Đồng thì từ thiện nhưng không quả quyết tính tình hay thay đổi. Khác hẳn là Thiên Lương nhân đức phóng khoáng không chịu gò bó trong một khuôn khổ, tùy hoàn cảnh giao cảm. Bốn vị này chỉ là những phóng ảnh mẫu mực những nếp sống nhân sinh trong thế cuộc. Còn trung tinh là tư cách để tô điểm cho tượng hình thêm khởi sắc (Long Phụng Thai Tọa Quang Quý).

Nói đến những đáng cao dày đức hạnh phải là những thành phần kiếp sống nặng đòn cân hy sinh về phần tinh thần bác ái, xót xa trước cảnh trầm luân cõi tục.

67

Trên thế giới có những bậc thay mặt cho đạo lý xông pha trần lụy kiếm cách nâng đỡ an ủi tinh thần người đời tỉnh mộng không ngần ngại sự khó khăn nguy hiểm. Có phải là những bậc chân chánh tu hành của một đạo giáo (Giám Mục Hòa Thượng).

Thành phần vô hình là những văn tử Thiên Quan Quý Nhân, Thiên Phúc Quý Nhân, Thiên Ất Quý Nhân, (tam tài) xuống đến Thiên Đức, Nguyệt Đức, Phúc Đức, Long Đức là những linh mục đại đức đứng một địa phương. Thiết tưởng những quý nhân này nơi đâu mà không có vết chân từ thiện từ bi của oai nghiêm nhà trời xuống đến ngục tối a – tỳ, làm gì có sự ngăn cản. Những việc rửa tội, những vụ cầu siêu là những hành động giây phút cảm động làm gì mà chẳng cho thi hành. Kết quả tốt xấu còn tùy ở dương nhân có tiến tới tuân theo cải thiện hay bỏ qua nước chảy dầu vệt.

Thiên Quan, Thiên Phúc đứng trong địa bàn như đã có sự đồng ý với Thiên Ất (Khôi Việt) chia nhau làm việc nghĩa, cũng có chỗ hoàn toàn nghịch lý âm dương để cứu vớt sự lỡ bước của người đời. Còn phần nửa đều phân công đứng cả 2 mặt.

Tuổi Giáp (D)	Thiên Quan ở Mùi (A)	Thiên Phúc ở Dậu (A)	x
- Ất (A)	-- Thìn (D)	- - Thân (D)	x
- Bính (D)	-- Tỵ (A)	- - -Tí (D)	
- Đinh (A)	-- Dần (D)	- - -Hợi (A)	
- Mậu (D)	-- Mão (A)	- - -Mão (A)	x
- Kỷ (A)	-- Dậu (A)	- - -Dần (D)	
- Canh (D)	-- Hợi (A)	- - -Ngọ (D)	
- Tân (A)	-- Dậu (A)	- - -Tỵ (A)	x
- Nhâm (D)	-- Tuất (D)	- - -Ngọ (D)	x
- Quý (A)	-- Tuất (D)	- - -Tỵ (A)	

Ngắm nhìn những vị trí của Quan Phúc thấy 5 tuổi được Quan Phúc lưu tâm e ngại đồng ý chung lưng ra công cứu vớt Là Giáp Ất Mậu Tân Nhâm và có lẽ có cả Thiên Ất thuận theo.

- Tuổi Giáp (D) muốn thành công mỹ mãn phải là bộ Sát Phá Tham khi đáo hạn Thiên Không khác gì người trèo cao phải ngã đau. Nếu là mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp hạn Thiên Không là Sát Phá Tham lại còn nguy nan gấp bội cho nên cho nên Quan Phúc và cả Thiên Ất đồ dòn đóng ở cung âm đỡ đòn Kinh Dương ở Mão.
- Tuổi Ất (A) Cơ Lương mới có Quyền Lộc mà cung Thìn đối với tuổi âm nam có Đà La tức là Thiên La, nên Quan Phúc và Thiên Ất chia nhau đứng tam hợp Thân Tý Thìn.

- c) Tuổi Mậu (D) e ngại nhất Kinh Dương, 3 tuổi Dần, Ngọ, Tuất là hạng người Thái Tuế có Kinh nhập mệnh ở Ngọ kể như uổng công sinh thành nên Quan Phúc phải hợp sức đóng ở Mão để chặn Thiên Không và phá bớt Kinh (nhập cuộc gặp gỡ nhau). Mặt khác, Thiên Át cũng đóng ở Mùi và sử giúp Quan Phúc một tay, còn một phần rửa tội cho 3 tuổi Thân Tí Thìn gặp hạn Thiên Không mặc dù Phá Toái tung hoành ngang dọc.
- d) Tuổi Tân (A) đem phước lành (Lộc Tồn) ban phát cho 3 chi Tỵ Dậu Sửu, 3 cung này thường xuyên có Phá Toái lũng đoạn và Tân lại bị Triệt chặt đứt ở Tỵ, như tuổi Tân Tỵ ngoài Triệt ở Tỵ Lộc Tồn còn bị Tuần ngăn đón ở Dậu nên Quan Phúc phải ngồi ngay ở Dậu và Tỵ an ủi cho được phần nào.
- e) Tuổi Nhâm (D) mở rộng địa võng cho 3 tuổi Dần Ngọ Tuất (Đà la đặt lưới ở Tuất) Quan Phúc phải đóng ở Tuất và Ngọ. Còn Thiên Át đứng ở 2 cung âm (Mão và Tỵ) giúp ích cho Thân Tí Thìn.

Những vị trí sắp xếp trên địa bàn dành cho Thiên Quan Thiên Phúc Thiên Át Lộc Tồn xuống đến Tam Hóa và Lưu Hà do hàng Can ấn định như có sự trù liệu tinh vi vô hình mọi lẽ thừa trừ. Kiếp sống nhân sinh chỉ là kết quả của **Thân** (vòng Tràng Sinh) nhúng tay gặt hái.

Số Mậu Ngọ sanh ngày 24 tháng 10 giờ Tỵ khiến người học số phải suy tư rất nhiều đâu là bộ mặt chính xác. Mệnh Thái Tuế Vô chính diệu, Thân Điều khách Cơ Lương. Nơi đây có một dư âm lam dụng cần phải nhận xét sao cho trúng mức.

Người Mậu Ngọ, Hỏa mệnh không chính tinh, có Địa Không ở Mệnh, Thiên Không ở Phụ Mẫu nhị hợp sinh nhập cho Mệnh và Tuần ở Thiên Di hay nói Mệnh Vô chính Diệu đất Tam không phú quý khả kỳ (tốt). Sự thật không phải cứ Mệnh nào không chính tinh mà có 3 không cũng phú quý khả kỳ cả: vì không thuộc hành Hỏa, phải Mệnh Hỏa mới được dự trúng cách. Đây là đợt đầu tuyển lựa các thí sinh dự chung kết mà thôi. Trường hợp trên đây chưa phải là người trúng giải khôi nguyên đắc tam không và Địa Không ở nơi Ngọ hãm. Thiên Không ở Mùi tối độc ác, chỉ là Ngọ Tam Không, một đời mang hạn phù hợp với Thân mắc La Võng (Đà la ở Thìn) với Địa Kiếp Hóa kỵ ở vị trí Điều khách (bất mãn). Hóa Kỵ Thìn Tuất Sửu Mùi là nước lợ, cái Thân trong sạch Cơ Lương vẫn bị hiểu lầm, dầu có biện bạch cách nào cũng uổng công cho người Mệnh Không Thân Kiếp.

Quan vô chính diệu không có một giá trị gì trong công quyền. Một Hoa Cái ngênh ngang (Kim) không đủ tư cách độc thủ cho người mệnh Hỏa, còn bị thêm Linh Tinh (hãm) **tiêu hao**, tưởng không nên lẫn lộn. Giai đoạn 44-45 là thời gian nhập Quan Phủ (Thiên Thời) là dễ mà xuống (Không Kiếp) thêm Kinh Hình xấu xé tằm thân nơi La Vồng. Dầu sao cũng vẫn là người đáng kính trọng (Thái Tuế) chỉ khí hiên ngang bất khuất. Hòa tinh ở Ngọ cốt thủ cho người Hỏa Mệnh. Vai trò Quan Phúc ở Mão chung lưng cố công góp sức vớt người này 3 giai đoạn (16 -25 ở Mùi, 46-55 nhị hợp sinh nhập cho Tuất, 56-65 ở Hợi).

Số Kỷ Mão sanh ngày 29 tháng 9 giờ Tí, Mệnh Thân vô chính diệu ở Tuất được được Văn Xương (Kim đới Thổ làm điểm tựa, nhưng vì Linh Tinh nung nấu nên thân hình ẻo ọt ốm đau. Hợp với cách Cự Nhật Hữu Bất Thiên Phúc ở Dần (Quan) là người có khả năng luận lý xét đoán soi sáng giúp đời. Đứng vị trí Long Đức (thiệt thời) là chỗ ngồi từ thiện vô vị lợi tử an ủi không phải là công lao nhỏ bé (Long Đức 4 đức tựa Long Ngai). Kỷ Mão với ý nghĩa đời gặp nhiều trở lực (Chi khắc Can) nên khiến vận hành nhiều lúc ngang trái lật ngược. Đại vận 26-35 hạn Thiên Không nên Cơ Lương Xương Khúc Hỏa Kỵ phải lặn độn trên chón đầu trường, rồi sau Hóa Khoa phụ giúp điều chỉnh có nghĩa là hạn Thiên Không không thể tránh khỏi buồn lòng thất bại, nhưng Thiên Không gặp Hóa Khoa lần hồi điều chỉnh tới chỗ thành công. 36-45 vận hành Thái Tuế phải đặc ý, nhưng Thái Tuế gặp Không Kiếp đặc ý để đi đến thất bại. Đây là một nguyên tắc cần xác định.

- 1/ - Hạn Thái Tuế là phải đặc ý
- 2/ - Thái Tuế gặp Không Kiếp lên dễ mà xuống
- 3/ - Thiên Không là phá sản
- 4/ - Thiên Không Hóa Khoa xuống mà dễ lên

Quan Phúc ở tuổi này đứng chia nhau ở cả 2 mặt âm dương với chủ ý dắt dẫn dương nhân trên đường phước thiện (Thiên Phúc ở Quan), Thiên Quan ở Dậu nhằm dẫn mặt Thiên Không (nhị hợp sinh nhập cung Thìn) với Hóa Khoa Thiên Ất (Khôi Việt) vậy.

Hàng Can trong lý học là phần gốc quan trọng nên những gì do Can xếp đặt là một sự huyền diệu với mục đích bí thừa trừ ngay thẳng.

70

Lộc Tồn là thiên lộc tức là Hạnh phúc phú quý cho người đời do hàng Can quyết định đặt chỗ ngồi ở vị trí: Dần Mão Tỵ Ngọ Thân Dậu Hợi Tí.

- Tại sao Lộc tồn có 8 vị trí
- Mỗi tam hợp có 3 chi, 12 chi có 4 tam hợp (Kim Mộc Thủy Hỏa). Mỗi hành đều có âm dương nên chỉ có 8 chỗ (phai3 lấy Tỵ Ngọ là nơi sinh ra Mậu Kỷ làm nơi trú ngụ cho Mậu Kỷ).

Trong 8 chỗ ngồi thì chỉ có 4 chỗ ngồi là hợp lý cho 12 tuổi:

Giáp (D) cho 3 tuổi Dần Ngọ Tuất

Ất (A) cho 3 tuổi Hợi Mão Mùi

Canh (D) cho 3 tuổi Thân Tí Thìn

Tân (A) cho 3 tuổi Tỵ Dậu Sửu

Như vậy còn lại 4 chỗ khác dư thừa sao? Tỵ Ngọ Hợi Tí cho thấy một dàn càn mát hợp lý thông thương tức là trái nghịch lý âm, dương. Bính Mậu Nhâm là dương lại đóng ở Tỵ Hợi là âm, Đinh Kỷ là âm lại ở Ngọ Tí là dương.

Nghịch lý âm dương là có sự trục trặc không phải là tốt đẹp gì. Đây là cả một bài học cho nhan thể “tham thì thâm, biết thì sống”. 6 Lộc tồn còn lại là mỗi phú quý như làng xa mã.

Trong mỗi lá số của cá nhân có 3 điểm quan hệ nhất:

a – Mệnh là định mệnh của mình

b – Thái Tuế là Thiên thời đắc thắng

c – Lộc Tồn là hạnh phúc phú quý

Người nào được cả 3 điểm trọn vẹn cách đời phải lên hương. Còn một trong 3 điểm này bị trục trặc nên tự an ủi đi rẽ sang đường Quan Phúc tứ đức là hơn cả (từ thiện).

Những người trong 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý hãy tìm kiếm nhận cho kỹ 3 yếu điểm ở nơi số mình, không bao giờ thoát khỏi Thiên Không hay Không Kiếp. Không ở Mệnh thì ở Thái Tuế, không ở Thái Tuế thì bắt buộc phải ở Lộc Tồn.

Thiết tưởng phù vân bồi đắp cho từ thiện là việc trúng cách của Thiên Ất Quan Phúc

Thiên Quan = (dương Hỏa) giải trừ uẩn khúc

Thiên Phúc = (âm Thổ) thực hiện từ thiện

KHÔI VIỆT THIÊN ẤT QUÍ NHÂN

Trong các bộ trung tinh của Tử Vi, chỉ có 3 đôi có tính cách đặc biệt là Xương Khúc, Long Phượng, Tả Hữu, được người đời tiếp đón chủ về văn học sáng giá, riêng bộ Xương Khúc phối hiệp với Khôi Việt là khoa bảng quyền uy. Xương Khúc đứng cặp với Âm Dương, dầu là vị trí lạc hãm cũng được cải tạo quang minh là những bậc uyên bác học gia. Khôi Việt có tính cách nổi bật cao siêu. Đứng cặp với Xương Khúc thì nêu cao văn tài để rồi chiếm địa vị đàn anh trên khoa trường .

Khôi Việt đứng với Tả Hữu là khả năng lãnh tụ.

Khôi Việt đứng với Long Phụng là ngôi vị cao cả của danh nhân chính phái.

Xương Khúc Tả Hữu Long Phụng là 3 bộ trung tinh quý cách cho phẩm giá cá nhân không như tam hoá Khoa Quyền Lộc chỉ là những tấm huy chương phản ánh về quyền lộc.

Tiếc rằng Khôi Việt ít khi đứng cặp với 3 bộ Xương Khúc Long Phụng Tả Hữu nhất là Khôi. Vị trí đặc biệt của bộ này đứng trong địa bàn không cho phép tiếp tay, nên hân hữu mà có thì cũng nghịch hỷ lý âm dương: Tuổi Giáp Mậu là dương đặt Khôi Việt ở Sửu Mùi mà có thì cũng bị Tuần Triệt bẻ gãy.

Khôi Việt đứng theo thiên can sắp xếp, hoàn toàn gần như nghịch hỷ lý âm dương:

Tuổi Giáp Mậu là dương đặt Khôi Việt ở Sửu Mùi (âm cung)

Tuổi ất Kỷ là âm đặt Khôi Việt ở Tí Thân (dương cung)

Tuổi Bính (D) Đinh (Â) đặt Khôi Việt ở Hợi Dậu (âm cung)

Tuổi Nhâm (D) Quý (Â) đặt Khôi Việt ở Mão Tỵ (âm cung)

Tuổi Canh (D) Tân (Â) đặt Khôi Việt ở Ngọ Dần (dương cung)

Theo chỗ đứng như bảng ở trên Thiên Khôi luôn luôn ở chỗ bị chôn bởi cung và Triệt làm cho thất thế. Là tư cách đoàn trưởng mà chính lại là người ở bậc thứ trung, làm nổi bật hỷ ý nghĩa của 4 chữ Thiên ất Quý Nhân.

Thiên Ất là gì ?

Xưa nay thương nghe 2 chữ Độn Giáp hay Thái Ất thần số là một môn toán dịch lý thuyết đoán cát hung của mỗi sự việc . Vậy tại sao lại gọi là Độn Giáp hay Thái ất ?

72

Độn Giáp là độn chữ Ất lên thay thế cho chữ Giáp là địa vị đoàn trưởng của 10 Thiên Can, để chữ Giáp luân lưu ẩn chỗ của 6 chữ Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý ở 6 con Giáp Tí, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn , Dần.

Thái ất cũng cùng một ý nghĩa là chữ Ất ngôi vị thứ nhì lên lãnh vai thủ trưởng của Giáp.

Thiên ất là ngôi vị thứ nhì kế cận ngôi cao quý thiêng liêng, là vị tối cao phụ tá ban phúc lành (quý nhân) che chở cho những ai xét ra hợp lý mà tính đáng thương.

Những ai được Thiên Ất thủ mạng là những người đương nhiên không bao giờ là người Thái Tuế cũng như Tuế Phá. Người Thái Tuế là người sinh ra như để gánh vác một công việc gì cao cả tốt đẹp, phải gặp nhiều điều may mắn để tiếp đón nhận lãnh trách nhiệm, đứng trong nghịch lý âm dương của Thiên mã làm hậu thuẫn. Hai phái này luôn luôn đứng trong nghịch lý âm dương của Thiên Ất, tức là Khôi Việt đóng ở dương cung thì Thái Tuế, Tuế Phá phải ở âm cung, trái lại Thiên Ất ở âm cung thì Thái Tuế, Tuế Phá đứng ở dương cung. Chỉ còn 2 phái Thiếu Dương là người có linh tính nhạy cảm hơn người và Thiếu Âm là người thành thật mà bị thua thiệt, là ở cùng Khôi còn Việt chỉ có 2 tuổi Đinh Tỵ, Quý Sửu đứng chung Thái Tuế. Đau đớn cho tuổi Canh Dần Ngọ Tuất và Quý Dậu hoàn toàn thất bại vì Triệt thủ tiêu mất Khôi hoặc Long Phụng.

Vậy tình cảm người được Thiên Ất quý nhân thủ mạng là tình cảm hoàn toàn không đặc ý. Ở địa vị thứ nhân mà đương nhiên thủ vai trò đoàn trưởng lo toan mọi việc có tính cách phúc thiện. Cái gì trái với đạo lý nghịch luân thường là khẳng định bất khuất.

Người Thái Tuế là người định mệnh nặn ra để lãnh những nhiệm vụ sáng giá.

Người Thiên Ất là người sinh ra phụ giúp cho đời bằng hành động tích cực nhân nghĩa.

Trong Tử vi có rất nhiều hào thủ đức độ và từ thiện đứng đầu là Thiên Quan, Thiên Phúc quý nhân, Thiên Đức, Nguyệt Đức, Long đức, Phúc đức, Giải Thần, là một đoàn linh mục thượng tọa đầy đủ nhân hậu. Nhưng không sức mạnh quyền uy như Thiên Ất là ngôi vị ở ngay chính toà trực tiếp với vị tối cao ra lệnh cứu nhân độ thế. Việc cứu giải tai họa mọi sự đặc lực thành công dễ dàng hơn.

73

Tóm lại Khôi Việt là Thiên Ất quý nhân có tính cách lãnh tụ của vai trò mà thứ nhân quản nhiệm rất thành công trong việc cứu giải tai nạn cho dương nhân, được chuẩn nhận xứng đáng mà đương thời không mấy đặc ý.

Nữ văn thi hào Tương Phổ là điển hình của Thiên Ất quý nhân, tuổi Đinh Dậu ngày 22 tháng 11 giờ Mão. Nhờ tuổi Đinh mà mệnh đứng ngay vị trí Thái Tuế (Dậu cung) chung cùng Thiên Việt một cặp minh tinh hành Hỏa đặc cách cho Hỏa mệnh vô chính diệu. Thân phá cách (Tuế Phá) bổ khuyết cho mệnh đặc Khôi Xương Khúc là đặc tài văn chương xuất chúng, vẫn phải chịu hẩm hiu lẻ bóng góa chồng ngay từ tuổi 23.

Lời văn bà là cả giọt mưa ngâu buồn bã thánh thót gọi mỗi thương tâm do Bà (Thân) đủ tư cách kêu gọi.

Phải chăng người lỗi lạc của Thiên Ất quý nhân nếu được trường hợp nào đặc cách hơn ai thì không thể không có giông tố phù phàng vùi dập, bởi do vị trí nghịch lý âm dương mà Khôi Việt bị xếp đặt trong khuôn khổ. Nói chung, người được Thiên Ất quý nhân chiếu cố là người đã có sự đồng ý của định mệnh làm cho nghiêng ngửa để rồi Khôi Việt ra tay tế độ mới rõ rệt chân lý.

75

TRƯỜNG HỢP NÀO LÀ NGƯỜI TỨ ĐỨC

Đức là phần tôn vinh thuộc về tinh thần, có tính cách nhân ái rộng lòng vị tha. Người được khen là có đức là người dẫn dắt cuộc sống theo đạo lý lập công hơn là kẻ ơn. Cổ nhân đã sắp xếp bên dương (nam) cũng như bên âm (nữ) có 4 đức. Nam thì hiếu để trung tín tức là đạo hiếu với cha mẹ trước nhất, rồi đến mến yêu anh em mới thành người trung của nước, tín thực với mọi người. Nữ thì công dung ngôn hạnh nghĩa là thông hiểu mọi việc, đi đứng khoan thai, nói năng khuôn phép, hạnh kiểm nét na, lại còn buộc theo một khuôn sống là tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử). Xét ra có phần nghiêm khắc cho phái nữ.

Tứ đức trong tử vi là đức chung bao gồm từ cả vũ trụ xuống đến một giòng họ thể nhân. Hai thể lưỡng nghi là Thiên đức (dương) Nguyệt đức (âm) xuống đến tứ tượng Long đức (Thiếu âm) Phúc Đức (Thiếu Dương) là tất cả đạo lý cao dày cần phải nhận định sao cho hợp hoàn cảnh.

Tứ đức đứng chụm vào vòng Thái Tuế là vòng do địa chi chi phối tạo nên tư thế cá nhân trong xã hội nhân quần. Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ là trách vụ nặng nề phải gánh vác được đền công xứng đáng tuyệt đối. Cái gì đã được nêu tên là “Thái” (tối đa thì còn có gì vượt lên trên được). Theo luật ngũ hành giao dịch có sinh phải có khắc, có xuất tất phải có nhập. Thái đã là tối đa rồi mà lại được nhập thêm, đương nhiên là điều bất hạnh. Lý công bằng là khi thiếu cần phải bổ khuyết, khi đã đầy đủ rồi mà bồi đắp thêm sẽ đi đến thể lệch, lệch đến thể tận cùng là tàn tạ. Do đó mới có Thiên Không đứng bên Thái Tuế.

Phải chăng Thiên không là giấc mộng hoàng lương đối với 3 hạng người trong tử vi có những điều kiện khác biệt.

Hạng người tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) là người khẳng khái nhiều khi quá cứng rắn, nên kết quả thường đem lại có phần ác liệt (Thiên Không tứ mộ). Người tứ sinh (Dần Thân Tý Hợi) vì lòng tự hào có phần cao nên Thiên không hãm hạ này vào vòng di

lụy mỗi khi tham vọng quá mức (Đào Hoa Thiên không). Còn người Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) biết thân hiểu phận chân yếu tay mềm, dễ khiến nhạy cảm yếm thế (Hong Loan, Thiên Không).

75

Ba hạng này một khi đã bị Thiên không thâm nhập huyết quản thì đồng đều ở trong tam hợp có Thiên đức, Nguyệt đức và Phúc đức, còn Long đức đứng ở thế xung, có nghĩa là phân chia cho Thiếu dương tam đức, còn để dành cho Thiếu âm.

Sao vậy ?

Theo luật âm dương, hai phái khác biệt hẳn nhau như nước với lửa, kim với mộc. Thiếu dương đã vượt lên trên Thái Tuế tức là tinh khôn hơn Thiếu âm đứng ở tam hợp sau Thái Tuế có phần thật thà thua thiệt, vì Thiếu dương luôn luôn có Hồng Đào xóc nách (Thiếu âm nhiều trường hợp không có). Giữa Thiếu Dương và Thiếu âm đã thấy rõ ràng cán cân bù trừ chính xác. Thiếu dương được Hồng Đào vì vương Thiên không nên được tam tứ đức đứng ra khuyên nhủ. Thiếu âm bị bạc đãi nên chỉ một Long đức đứng lên khuyên nhủ.

Trước cảnh hùng bí bao la của bầu trời (Thiên đức), cái dịu mát trong sáng của trăng soi (nguyệt Đức), cái độ lượng nhân hậu của bậc nguyên huân (Long đức) và sự ham muốn tu tạo bác ái của một giòng giống (Phúc đức) hẳn những ai trong kiếp nhân sinh chẳng may ở vào vị trí Thiên không không thể không suy nghĩ kỹ càng với bộ óc thông minh (Thiếu dương Hồng Loan) được định mệnh đã ban phát, dầu là hợp tình hợp cảnh giữa ngã rẽ độ đường Tứ Đức với Thiên không.

Diễn hình trên những lá số nên cần được vô chính diệu ở trong có những An Quang (Mộc), Hỷ thần (Hoả), Thiên thọ (Thổ), Tấu Thư (Kim), Thanh Long (Thủy) tùy theo hợp hành với Mệnh là đắc cách. Nếu có chính tinh thì mệnh phải khắc sao cho phù hợp như vô chính diệu và Hoá Khoa điều chỉnh để dọn đường cho Tứ Đức dễ dàng sinh hoạt. Chẳng may vô chính diệu lại chứa chấp sát tinh như Thiên Hình (Kim) Lưu Hà (Thủy) Kiếp sát (Hoả)... mà mệnh lại đồng hành là tất cả những gì độc hại không bờ bến.

76

TINH THẦN VÀ THỂ XÁC KHÁC BIỆT TUỖ THEO MỆNH THÂN ĐÓNG Ở TỨ SINH, TỨ CHÍNH HAY TỨ MỘ

Tử vi là một khoa nằm trong dịch lý. Căn bản của dịch lý là âm dương. Trong âm dương phân tách thấy ngũ hành phối hợp. Từ cái bất dịch là hình xác một vật gì, trải qua thời gian là giao dịch sinh khắc chế hoá tạo mỗi hưng thịnh đến lẽ suy vong thay đổi là biến dịch.

Trong địa bàn tử vi có đầy đủ ngũ hành, thấy phần trội là Thổ có nghĩa là mọi sự diễn biến đều ở trong đất mà ra, mà sự khắc chế chỉ ở 4 thế Kim, Mộc, Thủy, Hoả mới đáng kể. Mỗi hành đều có thể liên minh để củng cố thế tranh đua như Thân Tí Thìn (Thủy) Dần Ngọ Tuất (Hoả), Tỵ Dậu Sửu (Kim) và Hợi Mão Mùi (Mộc) được ghi danh là tam hợp cục.

Tứ chính là cái nguyên bản ngã của nó nên Tí Ngọ Mão Dậu được liệt danh là chính xác của hành đặc dụng làm 4 phương chính:

Tí = Bắc phương thuộc thủy

Ngọ = Nam phương thuộc Hoả

Mão = Đông Phương thuộc Mộc

Dậu = Tây phương thuộc Kim

Trong thế liên minh cái thế phát nguồn được đặt ở trên để nuôi dưỡng thế chính đứng ở giữa được gọi là tứ sinh: Dần Thân Tỵ Hợi. Dần là Mộc nuôi Hoả là Ngọ. Thân là Kim bù trừ cho Thủy là Tí. Tỵ là Hoả ở trong có cái Mậu Thổ sản sản ra Kim là Dậu, Hợi là Thủy dưỡng Mộc là Mão. Mọi sự đều dùng sáu khẩu thế gian là Thổ, đến khi tàn tạ cũng về với đất là Thìn Tuất Sửu Mùi là giai đoạn chót ghi danh là Mộ địa.

Mỗi thế liên minh (tam hợp cục) đều có cung sinh cung chính và cung mộ. Mỗi cung đều có ảnh hưởng trực tiếp cho cái bản xác Mệnh thân ở đó tùy tình thần cho đến thể xác tùy theo trách nhiệm của cung làm phận sự.

77

Dần Thân Tỵ Hợi là sứ sinh, công việc của chúng vốn là bồi bổ cho Tí Ngọ Mão Dậu nên có lòng tự hào quá cao (ưa đề cao khoe khoang) nuôi dưỡng người được sức khoẻ dồi dào (tràng sinh) nhưng không phải là người nặng cân.

Tí Ngọ Mão Dậu là phần danh dự lãnh vai trò chính xác của ngũ hành phải là người cương nghị, sức khoẻ đầy đủ (Đế vượng).

Vị trí tứ Mộ là nơi gần đất xa trời, người này thường là thiếu thốn sức khỏe (năm ngày ba tật). Biết phận mình nên không ưa muốn phiền nhiễu ai, là tư cách chính đáng của người tứ mộ (mềm dẻo).

Dầu là tứ sinh, tứ chính hay tứ mộ vẫn một phần quan trọng phối hợp lẽ âm dương mỗi hành đều có một cung dương và một cung âm), tức là dương cung thì cứng rắn nhiều hơn, trái lại âm cung thì phần hoà hợp có lẫn trội, vì dương là tư cách của người sinh nhập nên chu đáo cẩn thận đúng mức, còn âm tư là tư cách của người sinh xuất nên rộng rãi bao dung.

Có thể xếp thành nguyệt tác căn bản đại cương như:

a/- Mệnh Thân ở tứ Sinh : Mạnh khỏe, ít khi nặng cân , tính tình hay đề cao ưa phô trương.

b/- Mệnh Thân ở tứ Chính: Đầy đủ sức khỏe, tinh thần kiên quyết.

c/- Mệnh Thân ở Tứ Mộ: hay đau yếu nhưng không muốn phiền lụy ai, tính tình mềm dẻo.

Như thế chẳng hoá ra thiệt thòi cho 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi một khi được vinh dự đóng ở Thái Tuế (tứ mộ) .

Thưa rằng: Thái Tuế không phải là khi nào ngồi vào vị trí chính xác Thái tuế . Bốn tuổi này đều ở vị trí Quan Phù hay Bạch hổ phải kể là dị nhân kỳ tài, đem hết khả năng tận tình suy tính để tạo nên sự nghiệp huy hoàng phải kể là đáng trọng (Số Trương Lương Hàn Tín) . Bốn tuổi này đã được quy định là nơi Mộ địa là nơi trình diễn những vở tuồng đời sáng giá với chiếc lọng che uy nghi cao cả (Hoa cái do hàng chi xấp đặt ngôi vị thực thể) để đền bù sự suy kém sức khỏe.

Đứng trước cái tài tình thông đạt của dịch lý, là hậu sinh không thể không nghiêng đầu kính cẩn vị thánh nhân Phục Hy thời Thái cổ đã khám phá rành rẽ được sự bí hiểm huyền bí tạo vật, một ý nguyện mong người đời thấu đáo đạo lý xử thế.

78

Những thành quả đặc biệt của Tràng sinh, Đế vượng và Hoa Cái (một hình tượng của Mộ theo luật âm dương) .

Tràng sinh chỉ đứng ở 4 cung Dần Thân Ty Hợi tức là thể sinh của tam hợp. Vậy chỉ những tuổi tứ sinh mới đắc cách hợp thức luật âm dương và Thái tuế. Về phương diện ngũ hành người Thủy mệnh được chủ cách bền vững lâu dài.

Đế vượng chỉ ở 4 chính cung Tí Ngọ Mão Dậu thì cũng chỉ 4 tuổi này mới thụ hưởng những gì là tư thể thịnh đạt vượt mức với Kim mệnh.

Hoa cái, một lợi điểm danh dự cho những người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi tùy theo ngũ hành chế hoá của Mệnh với Hoa cái (Kim) tới mức nào.

79

PHẢI MINH SÁT THẬN TRỌNG PHÚC ĐỨC MỆNH THÂN

Người học số thường bị vấp ngã trước những câu:

a/ - Phước đức tốt thắng số mệnh.

b/ - Mệnh tốt không bằng thân tốt, thân tốt không bằng hạn tốt.

c/ - vân vân...

Vậy phước đức là gì? có phải cái cung số đứng trên cung Phụ mẫu chứa đựng tất cả sự hên xui của đương số ?

Số của một người thì mệnh là căn bản với 2 cung Quan là công việc hành nghề và Tài là tiền của thu hoạch đứng chung một thể tam hợp, tuy 3 mà là 1. Phước đức là cả một việc trời mênh mông . Phước đức lớn đẹp hẳn phải khiến Mệnh Thân chiếm được khu đất thuận lợi (Thái Tuế, Quan Phù , Bạch Hổ) mà chính Thân điều khiển được Thiên Thọ đúng mức như khuôn Thiên đã giao phó lúc ra đời, thì định mệnh mới có đủ Thiên Tài để hoạch định chính xác hồ sơ dự thảo của kiếp nhân sinh .

Biết rằng một người khi nhập thế cuộc đã nhập ngay vào Thiên can (vòng Lộc tồn ẩn định sự thọ hưởng) Địa chi (vòng Thái Tuế sắp xếp tư cách) . Còn một phần lớn do mình tùy theo cục diện sinh sống mà hành động (vòng Trạng sinh theo cục **bộ dịch** thế khuôn xử).

Phúc đức in trên lá số chỉ là hình ảnh chung của một dòng họ sinh hoạt, thuận lợi hay ngang trái cho mệnh số chỉ có một phần nào trong đó, còn do nơi Thân tự mua chuộc lấy, cho nên phúc đức cần vô chính diệu được Nhật Nguyệt đồng chiếu thì không gì sánh bằng, ví như tờ giấy trắng tinh phơi bày giữa ánh sáng trời đất, bồi đắp thêm hay tự bôi lem luốc là nơi Thân không biết điều hành chữ Thọ (nhân hậu) . Cao tổ nhà Hán tuổi Giáp Ngọ sanh ngày 13 tháng 11 giờ Ngọ , mệnh an tại Ngọ có Tử Vi Tả Hữu Song Lộc Hoá Khoa xứng đáng ngôi vị hoàng đế lâu dài .Vây mà Phúc đức có Phá Quân Hoá Quyền bị Triệt. Thử hỏi nếu Phúc đức bao gồm chi phối Mệnh Thân thì làm sao tồn tại nghiệp đế

hàng mấy trăm năm. Phải chăng Tài Thọ ở Di ông đã rất rộng lượng nhân ái đối với mọi tầng lớp thể nhân đều là kẻ địch đã uy hiếp mình (Tí khắc Ngọ) Tài Thọ hợp chung là những bộ đôi này đem đến.

80

Thưa rằng không phải dễ dàng giản dị đến như thế. Mệnh đứng vào một thể liên minh tam hợp nào, khi vận hành đến thể liên minh đó mới chính là hợp cách Thiên thời (Thái Tuế) . Số đã dành riêng cho cơ hội Thái Tuế là đẹp nhất (Thái = tối cao đẹp) thì không còn gì vượt hơn lên trên được nữa, nên phải ngăn chặn bằng thể Thiên không (tay không), nếu trong đó chứa đựng những bộ đôi như trên đã nói, thì đó chỉ là bùa mê thuốc lú mang lụy vào Thân. Người học số nhiều khi ngã lòng vì những thuyết di hạn vận, di Lộc tồn, di Thiên mã, đủ các thứ di...để che lấp, bênh vực các khuyết điểm mà người đời chưa được thông suốt thấu đáo mạch lý.

Phúc đức nay đã hiện nguyên hình là Thiên Thọ do Thân sản xuất chi phối cả Tứ đức, điều mà cổ nhân liệt cho là bất hạnh lớn nhất cho người vô tự, ví người đó như là người bỏ cuộc trong một giải tranh đua, là người mất hết hy vọng của cuộc sống lâu dài cho đến ngày tàn tạ trở về với đất, nên thường phải kiếm đường tử để mua lấy tin tưởng đầu có thua cuộc trường chinh , nhưng cũng không hổ thẹn nửa đường bỏ gỏi, cũng đi đến nơi về tới đích cũng như ai Lực sỹ trên võ đài thể cuộc.

Tử tức đứng ở thể yếu điểm không bao giờ đồng hành âm dương với Mệnh Thân, luôn luôn tam hợp với Nô. Vì vậy phải tính Nô với Tử như răng với môi. Hề môi hở là răng lạnh . Nô quan hệ với Tử vì Thiên thương nằm trực, phải có điều bất hạnh cho Tử về phương diện nào nhiều hay ít (Nô là ngoại nhân) . Như một khi Mệnh là Cơ Nguyệt Đồng Lương ở dương cung , thì Nô phải là Sát Phá Tham ở âm cung. Sự đề phòng oan trái vô cùng thận trọng, nếu lại là thể tam hợp Ty Dậu Sửu vì Phá Quân tối hãm đi đôi với Phá Toái (Toái quân lương Phá) . Trường hợp này phải kiếm cầu cứu ngay Hoá Khoa và Quang Quý . Nếu được hai sao này chiếu cố có thể yên tâm tính cuộc lâu dài.

Nỗi ưu tư của thể nhân không phải đến đây là hết, còn ách với Thiên sứ có đầy đủ quyền uy thi hành nghiêm khắc tùy theo tập nhật ký nhân nghĩa của từng người. Mừng cho ai khi thấy Thiên Quan ngồi chung với Thiên sứ, hai vị thông cảm nhau điều hoà mọi chi tiết thì thể nhân âu cũng dễ dàng mọi sự khó khăn trên bước đường rong ruổi .

82

Thuyết Mệnh đẹp không bằng Thân đẹp, ngụ ý Mệnh điều khiển nửa đời trước còn Thân điều khiển nửa đời sau, cho rằng nửa đời trước đâu có huy hoàng cách mấy, nhưng khi về già được mát mặt vẫn là hơn, cũng không còn vững lý, vì khi tính đại vận luôn luôn bắt đầu từ Mệnh tính đi liên tiếp đến ngày mãn cuộc. Không phải chỉ có 3 đại vận đầu, còn ngoài 30 tuổi lấy Thân xuất phát.

Thuyết không hợp lý thì kết cục chắc không tài nào thắng vững chắc.

Người đời khi nhập thế cuộc phải lên tiếng khóc ban đầu mà thánh Phục Hy đã tính thấy đầy đủ ý nghĩa bằng bảng đồng hạng :

1 tuổi ở Mệnh	7 tuổi ở Nô	x
2 tuổi ở Tật	8 tuổi ở Di	
3 tuổi ở Ách	x	9 tuổi ở Tử x
4 tuổi ở Phối		10 tuổi ở Bào
5 tuổi ở Phúc		11 tuổi ở Phu
6 tuổi ở Quan		12 tuổi ở Điền

Mười hai cung này thấy ngay 4 số: 3,5,7,9 trình bày ngay trước mắt : Ách = 3, Nô = 7, Phúc = 5, Tử = 9 là những con số có năng lực hy vọng hay xui xẻo do hàng Can làm gốc của số mạng định đoạt, gán cho Phúc Đức điều động. Sự thật chính là Thân tạo nên rồi Mệnh sẽ kiểm điểm thi hành đúng mức.

82

KHU ĐẤT PHÌ NHIỀU TRONG 12 CUNG ĐỊA BÀN

Địa bàn vô chính diệu là bức phóng ảnh thu hẹp bầu trời bao la rộng lớn phân tách minh bạch địa lý đông tây nam bắc và tính toán rõ ràng thiên văn thời tiết xuân hạ thu đông luân chuyển, phù hợp với cuộc diện nhân sinh trên dưới 100 dân số đủ màu da đen đỏ trắng vàng. Mỗi khu đất có biên giới hoạch định phân minh như một lục địa bằng 12 tên địa chi : Tí, Sửu, Dần...Tuất, Hợi.

Có những sắc dân thủy thổ ở quãng này ăn nên làm ra, rồi thất cơ lỡ vận một khi dời đi nơi khác.

14 chính tinh là 14 lãnh tụ du mục sống trên 12 lục địa tranh giành ảnh hưởng kết hợp thành 2 đoàn (lưỡng nghi: Sát Phá Liêm Tham Tử Phủ Vũ Tướng và Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương) . Hai đoàn này cũng có những bất đồng ý kiến lại rời tách làm 4 phái (tứ tượng) kiếm nơi dựng nghiệp, mọi sự khắc chế diễn biến đều từ tây sang đông (kim khắc mộc) từ bắc đến nam (thủy khắc hỏa) .

Tử Phủ Vũ Tướng có Tử vi lãnh đạo hợp thủy thổ ở chính nam (Ngọ Hoả) với đám quần thần là sứ trung tín thì phân nhau trấn nhậm các biên khu như Liêm Phủ ở Tuất, Vũ Tướng Quân ở Dần thành một thế chân vạc uy nghi trang trọng, tuy rằng vẫn bị quấy rối ở phía bắc (Tí Thủy khắc Hoả). Nhưng kẻ đối nghịch Tham Lang quá tầm thường không đáng ngại. Nếu đóng đô ở Tí cũng đủ sức khắc phục thành công (Thổ khắc Thủy) nhưng phong thổ cảnh trí nơi đây âm u thuộc Thái âm (từ Thân đến Sửu) không được sáng ngời bằng ở Ngọ là nơi ảnh hưởng thuộc phạm vi Thái Dương (từ Dần đến Mùi) , Rời khỏi Ngọ môn Tử vi luôn luôn có người kề cận, một là được hộ giá như Tử Phủ ở Dần Thân, Tử Tướng ở Thìn Tuất, hai là bị uy hiếp như Tử Sát ở Tỵ Hợi, Tử Tham ở Mão Dậu, Tử Phá ở Sửu Mùi. 4 trường hợp hộ giá chỉ có được hãnh diện là Tử Phủ ở Thân, Phá Quân đích thân đến Ngọ Môn điều đình và trường hợp ở Thìn, Tử Tướng chính đoạt kẻ nghịch thần (Phá Quân ở Tuất) . Xếp theo thứ tự đất phì nhiêu do bộ Tử phủ Vũ Tướng chiếm ngụ thì 3 vị trí Ngọ Thân Thìn là quý giá nhất.

83

Sát Phá Liêm Tham là bộ chủ về uy vũ, trong nội bộ không nhất trí vì Liêm Trinh và Thất sát luôn hàng hai với Tử Phủ. Vậy vai chủ động là Phá Quân nên Phá quân nhiều khi đơn thương độc mã xông pha không hề để ý những gì trở lực trước vó ngựa. Phá quân hiện ngang ở Tí là cảnh Tử Vi Thiên Phủ đích thân đến cửa **đông** (Dần) điều đình trong khi đó Liêm Tướng nơi nội địa (ngọ) sẵn sàng phòng sự bất trắc. Phá Quân ở Thìn là Phá Quân ngênh chiến Tử Tướng, nếu lại là người Thân Tí Thìn thì Tử Tướng hiển nhiên hành động bá đạo . Khu đất thuận lợi cho Sát Phá Tham là 2 trường hợp ở **Thìn** Thất sát ở Tí, Tham Lang ở Thân.

Bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương chủ về tư tưởng tinh thần. Riêng Thái Âm và Thái Dương là biểu tượng cặp mắt, khối óc là đôi đèn rọi chiếu sáng của Tử Vi (đã có bài nói riêng) . Thiên cơ trời phần khéo léo ngoại giao. Thiên đồng kém phần quyết định nên hay canh cải nông nổi. Chỉ còn một Thiên Lương đầy đủ khoan hoà trước sự diễn biến hay dở. Thiên Lương Tí Ngọ là vị trí nêu cao danh vọng, sự khác biệt ở Ngọ khiến Thiên Lương mất công mệt sức rất nhiều (mộc sinh hoả) ngọn đèn chiếu sáng Thái Dương ở Tí không thiếu tư cách phải chờ thời gian mới đầy đủ chói sáng . Một vị trí ở Sửu Thiên Lương thành cao nhân đặc ý với trời cao biển rộng. Đứng cặp với Thiên cơ ở Thìn Tuất Thái Dương ở Mão Dậu, Thiên Đồng ở Dần Thân là độ lượng rộng rãi của một thân hữu giúp bạn đặc ý trong khuôn khổ nào mà thôi. Vậy Tí phải là khu đất phì nhiêu rất hấp cho Thiên Lương.

Cự môn thường mang tiếng là sao ám thể khó tính. Những uẩn khúc của Cự môn đã phơi bày ở 2 căn cứ Tí Ngọ được danh hiệu là Thạch Trung ẩn ngọc. Cự Môn ở Ngọ thường tương tự trường hợp Thiên lương ở Ngọ vì ngọn đèn Thái dương phải cần thời gian mới rạng tỏ (Thiên lương ở Ngọ thì Thái Dương ở Tí, Cự Môn ở Ngọ thì Thái Dương ở Tuất) nhưng không kém phần tư cách (Thái Dương ở cung Dương). Cự Môn ở Tí, Thái Dương phải ở cung Thìn mới tỏ rõ nỗi lòng của Cự Môn chứa chấp với những cú cánh thích hợp vững chắc nhất là Khoa Lộc, thứ đến Thiên Tài Tuần Triệt nếu có sát tinh cứng cổ.

Mười hai địa bàn khu đất phì nhiêu cho các sắc dân phải chăng là khoảng Tí Ngọ Dần Thân (Ngọ = Thái Dương, Tí = Thái âm. Dần = Thiếu dương, Thân = Thiếu âm). Tí Ngọ chứa đựng những cao cách. Tử vi Tí Ngọ, Thiên Lương Tí Ngọ, Phá quân Tí Ngọ, Cự Môn Tí Ngọ.

84

Dần Thân tô điểm những Tử Phủ Dần Thân, Vũ Tướng Dần Thân, Đồng Lương Dần Thân, Cự Nhật Dần Thân. Hai cung Thìn Tuất là 2 độ đường chuyển dần từ Tí Ngọ Dần Thân đến Sửu Mùi Mão Dậu Tỵ Hợi với những cách trình bày Tử Tướng Liêm Phủ Cơ Lương ở mức tương đối đẹp mắt.

Ngoài 6 cung Tí Ngọ Dần Thân Thìn Tuất, 6 cung còn lại chỉ là những diễn trường phức tạp sân khấu Sửu Mùi hết hồi Tham Vũ đến cảnh Tử Phá Đồng Cự, Tỵ Hợi diễn xong Tử Sát nối tiếp Liêm Tham Vũ Phá. Thái Dương Thiên Lương hạ màn ở Mão Dậu thì Tử Tham Liêm Phá nối đuôi.

Tóm lại 6 lục địa dương cung là 6 khu đất phì nhiêu còn 6 âm cung là nơi thường diễn tả những cảnh tang thương bất ổn. Đây chỉ là một khía cạnh đường lối dịch lý là luôn luôn có 2 mặt cho mọi sự việc: có dương phải có âm, có tốt phải có xấu tương phản.

85

BỘ NHẬT NGUYỆT ĐÒI HỎI SỰ THẬN TRỌNG

Bộ Tử Phủ trong 14 chính tinh được xem trọng như là tốt đẹp quý giá nhất. Công bằng mà nói đó là bộ mặt tượng hình cho cao sang hiển hậu, nhưng bất lực phải nhờ đến phụ tá tài danh mới nên việc. Phân tách 6 cung cho cả 12 cung (2 cung 2 cách giống

nhau) : Tử Vi Tí Ngọ và Dần Thân tối cần Tả Hữu. Ở Tỵ Hợi, luôn luôn có Thất Sát đứng kèm, ở Thìn Tuất không thể xa rời Thiên Tướng. Còn Mão Dậu Sửu Mùi là cảnh triều đình Lê Chiêu Thống hay Trần Nghê Tôn không thể thống gì là chính dinh oai nghiêm. Ngoài ra Vũ Tướng, Sát Phá Liêm Tham và Đồng Lương Cơ Cự chỉ là văn ban võ bá 2 hàng, **một khi đắc cách phải không nên sự nghiệp**.

Riêng Nhật Nguyệt là bộ âm dương của số, biểu tượng cho Thiên Địa cần sự phân tích thận trọng từng vị trí phải làm sao cho hợp lý, không thể bao gồm căn cứ từ Dần đến Thân là thuộc địa của Thái Dương, từ Thân đến Dần là nơi sang tử của Thái âm.

- 1- Thái Dương ở Ngọ, Thái âm Thân. Thái dương ở đây kể như là tuyệt đối với người dương Hoả mệnh nếu được thêm là tuổi Dần Ngọ Tuất. Thái âm kể như là thất bại cho cả 2 hạng âm và dương, bị Thiên Cơ lợi dụng.
- 2- Thái Dương ở Tỵ thất cách đối với người Dương, chỉ là nhất thời tam bại. Thái âm ở Dậu đắc cách hoàn hảo cho tuổi âm mệnh thuỷ.
- 3- Thái Dương ở Thìn phò trợ đắc lực cho người dương Thổ. Thái âm ở Tuất không tương xứng gì cho cả 2 tuổi âm và dương.
- 4- Thái Dương ở Mão nhờ Thiên Lương một phần lớn tương sinh vẫn không lợi bao nhiêu cho người dương so với người âm trường hợp Mệnh ở Mùi vô chính diệu được Thái âm ở Hợi quá sáng tỏ đồng chiếu.
- 5- Thái Dương ở Dần người dương được hưởng tương lai hậu vận bởi Cự Môn bao phủ lúc ló rạng. Thái âm ở Tí, kể là hay thêm Thiên Đồng phụ lực, nhưng vẫn là nghịch cảnh của người tuổi âm mà người tuổi dương cũng không mấy thuận lý.

86

- 6- Sửu là mộ địa tận trung, cũng như cung Mùi, cả hai là căn cứ thuộc âm. Thái Dương đứng ở đây bị xút kém ở 2 nơi là vì luật âm dương, mà Thái âm cũng không tốt đẹp vì luật ngũ hành. Hai cung Sửu Mùi là chỗ tập trung để chuyển chế từ Thái âm sang Thiếu Dương (Sửu) và từ Thái Dương sang Thiếu âm (Mùi) thành tranh tối tranh sáng. Vậy cần phải có phép thần thông tách rời Thái Dương lui sang Ngọ, Thái âm chuyển sang Thân cũng như Thái âm về Tí và Thái Dương bước sang Dần.
- 7- Thái Dương ở Tí là nghịch cảnh sa lầy ghê sợ cho người tuổi dương. Thái âm không mấy tốt đẹp hơn Thái Dương chỉ là hợp tình. Thái âm ở Mão với người tuổi Âm, nghịch cảnh của Thái Dương ở Ngọ nhưng tương lai không phải là không thuận bước cho người dương, Thái âm ở Dần cùng trường hợp ở Thân, người dương một rất thuận lợi.
- 8- Thái Dương ở Hợi là sa lầy ghê sợ cho người tuổi dương, Thái âm không mấy tốt đẹp hơn Thái Dương chỉ là hợp tình Thái âm ở Mão với người tuổi âm.

- 9- Thái dương lâm Tuất là cảnh u tối, người tuổi dương hợp cách và hy vọng có tương lai. Thái âm ở Thìn là đáng ngại.
- 10- Thái Dương ở Dậu là sôi hồng bông cũng không, nhờ Thiên Lương phò trợ lại bị cung khắc mất. Thái âm ở Tỵ có bề hợp cảnh.
- 11- Cự Nhật ở Thân là bước đường đời của tuổi dương gặp nhiều trở lực, Đồng âm ở Ngọ là vị trí cân phân, vẫn là hình bóng của trường hợp Đồng âm ở Tí cho cả 2 tuổi.
- 12- Nhật Nguyệt ở 12 vị trí sự thiết yếu bao giờ Nhật cũng phải ở dương cung mà Nguyệt phải ở âm địa. Nhật đắc cách là tuổi Hoả, Nguyệt phải là tuổi Thuỷ. Sáng sủa hay lạc hãm chỉ là phụ, trường hợp mập mờ “lại cái “ không bao giờ hợp cách, cho nên Nhật Nguyệt tối cần bộ tam minh là Đào Hồng Hỷ. Nhật Nguyệt rất được kể là quang minh lộng lẫy. Ngoài Đào Hồng Hỷ, Nhật Nguyệt rất nên gặp 1 trong 3 bộ Xương Khúc Long Phượng Quang Quý và Hoá Khoa có công dụng như tam minh, nhất là Long Phượng nâng cao phẩm giá Nhật Nguyệt lên hàng danh dự anh minh chính đính.

Nhật Nguyệt được những bộ trên tô điểm sáng rực rỡ bao nhiêu, trái lại rất cần xa lánh tứ hung Kinh Đà **Hình** Ky. Chúng bao vây che lấp Nhật Nguyệt mất cả ánh sáng, mờ xé cắt cửa hành hạ theo nghề nghiệp vốn sẵn là thiện nghệ .

87

Bộ Nhật Nguyệt có 2 trường hợp cần phân tách chu đáo ở 2 vị trí Sửu Mùi nơi tập trung để chuyển hướng rất cần Tuần Triệt, Khoa Tài đóng vai trò trọng tài phân phối âm dương đường ai nấy đi. Đó là 4 cái chìa khoá để điều chỉnh bộ âm dương rất kiến hiệu.

Vậy đặc biệt của Nhật Nguyệt khác với chính tinh do lý chính bất như chiếu (chiếu đẹp hơn chính). Ngọn đèn bật sáng lên xung quanh thấy rõ hơn là chân đèn, như vô chính diệu ở Mùi được Nhật Mão Nguyệt ở Hợi chiếu lên (Nhật Nguyệt chiếu hư không). Nếu thêm Hoá Ky thì Hoá ky phải ở Mùi. Đây là cảnh trí khánh vân (mây ngũ sắc biểu hiện thái bình thịnh trị) tuyệt hoa.

Ba nhà đại văn hào:

- a/ - Nguyễn Khuyến tuổi Ất Mùi sinh ngày 6 tháng 4 giờ Mão
- b/ - Huỳnh Thúc Kháng tuổi Bính Tí sinh ngày 3 tháng 10 giờ Thìn
- c/ - Nguyễn Đình Chiểu tuổi Nhâm Ngọ sinh ngày 13 tháng 5 giờ Dậu

Cả 3 cụ có số chịu ảnh hưởng bộ Nhật Nguyệt rất nhiều, cùng vị trí nghịch lý âm dương nên cuộc đời chan chứa một mối ưu tư bất mãn hầu tương tợ. Ba cụ nổi danh trên văn đàn do văn tinh Đồng Lương Khôi Việt Xương Khúc. Riêng 2 cụ Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu vương Hình Riêu Hà Sát nên mục tạt tối tăm vĩnh viễn. Cụ Huỳnh

Thúc Kháng được Hồng Loan khai thông chính đốn: Nhật Nguyệt trở nên xuất sắc hơn người.

Đã mang danh tu mi đứng trong trời đất thà chấp nhận Thái Dương lâm Tuất Tí còn hơn ở cảnh nhất thời Mão Tỵ chỉ là phù vân không xứng phận nam tử, những ai phân sơn tô điểm sơn hà dầu có yên vui với Thái âm ở Tuất Tí nên đành ưng chịu ở Mão Tỵ là nơi hợp cách đào tơ liễu **yếu** dầu gặp nhiều nổi trái ngang.

Nơi đây cho thấy định mệnh là bất khả kháng, khiến cái Thân phải có một phần trách nhiệm xử thế cuộc đời.

88

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH ĐÂU LÀ NGỌC CHÂU QUÍ GIÁ

Theo luật âm dương 14 chính tinh đứng chia làm 2 nhóm. Một nhóm do Tử vi đứng đầu là dương. Nhóm âm Thiên Phủ dẫn dắt, cho thấy cả hai nhóm chính tinh đặt bộ Tử Phủ Vũ Tướng lên ngôi vị đàn anh cao cả, tôn Tử vi lên bậc chúa tinh có vị Thừa Tướng trung hậu Thiên Phủ kề cận. Hai nhóm sắp xếp thành 2 phái: Tử Phủ Vũ Tướng Sát Phá Liêm Tham và Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật. Hai phái cải thiện tùy theo tính cách từ Sát Phá Liêm Tham sang Tử Phủ Vũ Tướng đến Cự Nhật tới Cơ Nguyệt Đồng Lương, tức là phái dương nắm phần lãnh đạo đại diện cho thực thể, phái âm là phản ánh về tư tưởng tinh thần.

Đã vị lãnh đạo tối cao đương nhiên là phải có đức độ uy nghi. Tử vi được hãnh diện ở 4 vị trí Tí Ngọ Dần Thân là 4 chỗ có đủ quần thần văn võ (Thiên Hỷ Vũ Khúc Thiên Tướng ở chỗ đắc địa) trung thành đắc lực. Xét việc đời không phải dễ dàng chỉ nhìn bề ngoài vội vàng phê phán, phải hợp cảnh (vị trí của tuổi) mới rõ đâu là chân chánh khác với lộng hành, như người tuổi nào bộ Tử Phủ Vũ Tướng này phải đóng ở trong tam hợp Thái Tuế mới trúng cách, ngoài ra chưa chắc đã dự phần đáng trọng. Vị trí Thìn đắc cách có Thiên Tướng phò giá Tử Vi chinh phạt kẻ chống đối Phá Quân ở Tuất. Trường hợp tuổi Dần Ngọ Tuất Mệnh có Phá Quân ở Tuất, chắc chắn phần chánh nghĩa không phải ở Tử Tướng ở Thìn. Sự tồn vong phải chờ thời gian mới rõ trắng đen.

Tử vi ở Tỵ Hợi xuất du hộ giá có Thất Sát là tôi thân tính tình cương trực nóng nảy nên không bao giờ đồng mặt với Thiên Phủ, nên dễ hành động lầm lẫn với các bạn Liêm Phá, rồi sau mới chinh đốn lại được bằng sức của Tham Vũ. Đây là trường hợp bộ Tử Phủ bị xé lẻ, bộ Sát Phá Tham lộng hành. Còn nói chi khi Tử vi bị Phá Quân bạt mỗi nơi

không còn thể thống là cảnh tàn tạ của Tử Phủ. Vậy Tử vi Thiên Phủ chỉ là hình tượng hiền hậu ôn nhu có phần nào yếu nhược. Còn lại Vũ Tướng thì Vũ Khúc lại có tính cô độc tham lam dễ bị lợi dụng, trường hợp Vũ Phá ở Ty Hợi, Vũ Sát ở Mão Dậu bộ Sát Phá Tham thì kiềm chế không còn tình nghĩa gì với Đế tinh.

89

Đặc biệt là Thiên Tướng rất xứng danh một vị tướng nhà trời, không một trường hợp nào Thiên Tướng đứng chung với Sát Phá Tham và thường xuyên chống Phá Quân bất kể vị trí nào (Thiên tướng xung Phá Quân) chỉ biết có Tử vi, nếu trường hợp bị xa cách thì luôn luôn giao tiếp với Thiên Phủ, vị thừa tướng ôn nhu trung tín. Chỉ có ở vị trí Tí Ngọ chịu đựng với Liêm Trinh để tôn uy danh một Liêm Tướng trong lúc Tử vi luận bàn với Thiên Phủ (Tử Phủ Dần Thân).

Bộ Sát Phá Liêm Tham là bộ thực hành như một cái máy, quay là chạy nên sự tốt xấu với một mức độ rất cao. Trong 4 sao có 3 sao thuộc nhóm âm (Thiên Phủ) là Sát Phá Tham, còn lại 1 Liêm Trinh thuộc vòng dương (Tử vi), cho nên mỗi khi bộ Tử Phủ đứng có Liêm Trinh phò tá thì Liêm phải là đắc địa để thêm uy danh thẳng thắn liêm khiết như: Tử vi ở Tí Ngọ thì Liêm Phủ phải ở Thìn Tuất, Tử Tướng ở Thìn Tuất thì Liêm trinh ở Dần Thân, Tử Phủ ở Dần Thân thì Liêm Tướng ở Tí Ngọ. Trái lại bộ Sát Phá Tham một khi có thêm Liêm nhập cuộc, thì sao nào đứng chung với Liêm đều hung hãn quá mức như: Liêm Tham, Liêm Phá, Liêm Sát. Hai chữ Liêm Trinh đủ nghĩa tư cách chính trực nghiêm nghị theo con đường thẳng thắn, vì yếu thế nên không cảm hoá nổi bộ 3 này. Thất sát lại khác dũng mãnh cương quyết can đảm hành việc thì dứt khoát không dây dưa bên vị trí của Sát lúc nào cũng chống chọi Thiên Phủ ôn nhu.

Trong 4 sao thì 2 Liêm Sát đã ngã theo hành vi với Tử Phủ, còn lại Phá quân vốn tính tình hiếu thắng bất khuất (vì chữ Quân) và Tham Lang quá tham vọng, nên có những cuộc trở cờ uy hiếp Đế tinh (Tử Phá Sửu Mùi và Tử Tham Mão Dậu). Phá Quân phải nhìn nhận là xuất sắc có tài thao lược dũng mãnh hơn người, nên trong địa bàn vai trò quan trọng của Thiên Tướng phải thường trực ngăn chặn Phá Quân để giữ gìn uy thế cho Tử Vi. Phá Quân có một vị trí cao đẹp quá hãnh diện ở Tí Ngọ tư cách sáng ngời sánh vai Tử Phủ, nếu lại là tuổi Giáp Dần Ngọ Tuất hay Canh Thân Tí Thìn thì không thể không tên tuổi mai hậu. Tham Lang có tham vọng quá lớn, thêm phần tự đắc dễ làm lẫn nhờ đứng cặp với Vũ Khúc mau hồi cải.

Phái Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật có bộ Nhật Nguyệt là tinh anh sáng ngời trình bày phô trương cả khí phách đời người.

Không phải thấy Thái Dương đóng từ Dần đến Mùi là hợp lý và Thái âm từ Thân đến Sửu là đẹp, phải phân tích dương cho trùng dương cách mà âm là rõ ràng âm điệu (đã có bài nói riêng về bộ đôi này). Cự Môn chủ tinh là lý luận thuyết phục muốn nổi danh phải có Thái Dương hoà hợp. Xuất xác ở vị trí Tí cung được Thái Dương ở Thìn tam hợp chiếu sáng nổi bật những gì là Cự môn tiềm tàng quý giá ở trong, thực có khác với Cơ Cự mưu trí thủ đoạn. Thiên cơ là then máy của tạo hoá rất khôn ngoan mưu lược quyền biến tùy thời, có thể liên lạc với Cự môn, có khi lại đi đôi với Thiên Lương vẫn thành công giữ được tình cảm. Thiên lương như chữ đã đặt bản tính tốt nhân hậu của thể nhân. Trong 12 vị trí địa bàn ngay cả nơi u tối (Dậu không tương hợp) vẫn có tư cách khác người không xa khoan hoà bác ái. Nhờ có Nhật Nguyệt thường xuyên luân phiên chiếu tỏ, đặc cách làm thầy muôn thuở bằng như ham cảnh thì gieo tình với cỏ cây sông núi. Thiên Đồng đứng ở trong quỹ đạo của Tử vi nên khoan hoà nhân hậu sẵn có, ưa canh cải nhiều khi thua thiệt như hợp tác với Cự Môn ở Sửu Mùi dụng ý dung hoà cải hoá. Nói chung toàn thể 6 sao phái âm đều nhận chân một nếp sống tinh thần làm chủ yếu nên phần nhân hậu khoan hoà tùy theo tính cách mỗi sao và hoàn cảnh mỗi vị trí không nhiều thì ít từ thiện.

Trong 14 chính tinh, Tử vi quả là thần tượng có đủ uy nghi phước đức, nhưng không qua khỏi được cảnh Tử Phá Tham không tự lực hàn gắn nổi bước đường phiêu bạt. Thiên Phủ có tài an bang tế thế vẫn phải khoanh tay trong cảnh phong ba sóng dậy, chỉ còn trông cậy vào một Thiên Tướng ra tay vãn hồi bảo trợ. Phải chăng Tử Phủ chỉ là ngôi vị sinh ra để thụ hưởng. Vai trò của Thiên Tướng rất đáng trọng, không một giây phút nào Thiên Tướng không ra ngăn chống Phá Quân, từ những cách Vũ Tướng ở Dần Thân đến Liêm Tướng Tí Ngọ, rồi cùng Đế chiến đấu nơi Thìn Tuất, cho đến lúc đơn thương độc mã ở Tỵ Hợi Mão Dậu Sửu Mùi một thân gánh vác không bao giờ chênh mảng dần mặt Phá Quân. Bộ Sát Phá Tham nên nhìn nhận Phá Quân có đảm lược tinh thần bất khuất. Hiên ngang một đấng trượng phu ở Tí Ngọ, một cội son hà sánh vai hoà giải với Tử Phủ ở Dần Thân, không hổ với chiến bào khoác vào thân chữ “Quân” thiếu tư cách. Cuộc sống tinh thần tư tưởng siêu việt Thiên Lương là thượng phẩm, trí óc là cả khối Nhật Nguyệt. Vậy trong 14 chính tinh đâu là ngọc châu quý giá? Sự lựa chọn bảo không ngoài Thiên Tướng và Thiên Lương.

Hai lá số cùng tuổi Canh Tuất, sinh ngày 18 tháng 3 giờ Tí, mệnh thân ở Thìn khoác áo Tử Phủ Vũ khúc thủ mệnh, hãnh diện với khuê bài tam hoá liên châu. Cuộc đời

đưa đến tốt bậc cao sang nhưng vạn niên sau khi nhắm mắt không hàn gắn nổi vết thương lòng. Quyền Lộc ở đây có phải là bùa mê thuốc lú? Còn tuổi Canh Tuất sinh ngày 1 tháng 11 giờ Tí mệnh ở Tí, chấp nhận kiếp nhân sinh ở thế Tang môn với Thiên Lương chủ nào. Thân sống trôi nổi khắp đó đây cho đến ngày về cõi là lúc lưu danh vạn thế sự, tam hoá liên châu tô điểm Nô cung, môn đệ thành danh siêu phẩm, triết nhân á thánh.

Với 2 bản số này, Tử Phủ với Thiên Lương cùng ở tư thế trái ý bất mãn, khác nhau chỉ một ly đi muôn vạn dặm. Tuế Phá làm lỗi vụng suy bị bả vinh hoa quyền rũ. Tang Môn nặng lo nhớ tinh thần sáng suốt không nản trước khó khăn.

Vậy đâu là ngọc châu quý giá ?

92

TUẦN TRIỆT CÓ LỢI ÍCH GÌ CHO MỆNH CÓ CHÍNH DIỆU

“Tuần, Triệt niên đầu thiếu niên tân khổ” là một trong những câu người mới học số hay học thuộc lòng như “Mệnh vô chính diệu phi bản tắc yếu”. Nó giản dị dễ nhớ mỗi khi đọc lên là thấy ngay nghĩa giảng rất ít thấy sai trật. Bây giờ đặt câu hỏi: Tuần Triệt ở Mệnh có chính tinh có ích lợi gì? Có vẻ trái lý, nhưng cứ đặt căn bệnh lên bàn mổ phân tích xem có gì đáng ý.

Như thường thấy mệnh vô chính diệu ai cũng nói cần có nhiều Không (Tuần Triệt cũng là một thứ Không) mới tốt, nhưng vì lẽ ngũ hành rất phức tạp nên người học số thường bị lầm không phân biệt đâu là đắc Không với ngộ Không và kiến Không.

Nhân tiện xin nhắc quan Mệnh vô chính diệu là Mệnh không chính tinh ví như nhà cây không cột cái, nhà đúc không sườn sắt làm nòng cốt. Vậy Mệnh vô chính diệu muốn được đắc cách phải có gì làm xương sống, nghĩa là phải có sát tinh đắc địa, hợp hành với Mệnh để mệnh dựa vào mà đứng lên. Sát tinh chỉ có hai hành Hoả và Kim, 2 hành Thổ và Mộc coi như không có một sát tinh nào, còn hành Thủy có Hoá Kỵ và Lưu Hà. Hoá Kỵ phải cặp bồ với Thanh Long là trường hợp rất hãn hữu.

Còn trong nghịch cảnh phải có Tuần Triệt để chế hoá những gì không hay cho Mệnh như Mộc Mệnh có Thiên Hình: nếu không Tuần còn gì là Mệnh, cũng như Kim Mệnh gặp Không Kiếp, dầu đắc địa đi nữa cũng khốn khổ đảo điên, phải có Triệt bẻ gãy Không Kiếp mới mong tránh được tai hoạ.

Cũng xin bàn qua về 3 trường hợp đắc, ngộ và kiến Không.

- 1 /- Chỉ có người Hoả Mệnh được nêu cao qua thành tích đặc Không như mệnh có một Không đặc địa thủ và 2 Không ở cung tam hợp không trung tinh đặc cách
- 2/- Mệnh có sát tinh khắc hành Mệnh như Mộc mệnh có Thiên Hình thủ, 2 cung tam hợp có Không Kiếp chiếu, tức là ngộ Không.
- 3/- Mệnh có một Không thủ, 2 cung tam hợp có 2 Không mà có trung tinh đặc cách gọi là Kiến không.

93

Có người cho rằng Tuần Triệt không có hành gì cả, chỉ là 2 lá bùa màu nhiệm để biến hoá bộ mặt các sao ra nhiều cảnh trí khác nhau, muôn hình vạn trạng để cho Tử vi thêm phong phú, khúc triết và mạch lạc hơn. Có ý cho Tuần Triệt đóng ở giữa 2 cung có ý nghĩa không phải là sao, là 2 phần bộ Tử vi công việc chỉ điều chỉnh những gì ở 2 cung mà mức độ cường nhược, đậm nhạt phải khác nhau.

Nói đến huyền bí Á Đông, không có gì thoát ra khỏi lý lẽ âm dương và ngũ hành như Triệt an theo hàng Can (Giáp, Ất, Bính Đinh...) thuộc dương, còn Tuần an theo hàng chi (Quý Dậu, Quý Hợi, Quý Sửu) là âm, cả 2 đều tùy theo Mệnh viên (dương hay âm) mới phân định được ảnh hưởng nhiều hay ít cho 1 cung nào ở 2 bên Tuần Triệt đóng, như Triệt ở Thân Dậu cho cả 2 tuổi Giáp và Kỷ. Giáp là dương ảnh hưởng ở Thân, Kỷ là âm ảnh hưởng đậm ở Dậu. Tuần cứ hết một con giáp đến địa chi cuối như Dậu Hợi Sửu Mão Tỵ Mùi thì an Tuần ở cung sau, có nghĩa là cái gạch để nối con giáp trên với con giáp dưới.

Cho Triệt là Kim, Tuần là Hoả thấy có phần trùng, nghiệm rằng người Kim mệnh bất cứ cung gì đóng ở Kim cung mà gặp Triệt, thiệt thời của cung ấy có bị gãy đổ, nhưng có tiếng dội, và người hoả mệnh gặp Tuần ở Hoả cung cũng vậy, phải có ngày ló rạng.

Mệnh có chính tinh nhất là chính tinh hợp hành Mệnh không bao giờ nên có Thiên Không hay Không Kiếp chen vào trong tam hợp. Là người trong xã hội hữu công vô lao, có công bị cướp công, có của bị cướp của, rất ít ai tử tế với mình, đôi thì lần đến cầu van, no là kiếm đường rút lui, lại còn hần học. Trường hợp chính tinh khắc hành Mệnh, lại được cung nghinh sinh sao như người Mộc ở Thìn Tuất có Vũ Khúc (cung sinh sao, sao khắc mệnh) . Tưởng đâu người nặng nề vác bao bố bạc, ai dè chỉ là bao vỏ ốc, người ta ăn hết ruột thuê mướn mình khệ nệ vác đi đổ. Hai trường hợp này Tuần Triệt nhập cuộc được coi như vị bác sĩ giải phẫu tô điểm lại sắc đẹp cho bộ mặt xấu xí của khách hàng. Cũng nên phân biệt Tuần Triệt khác nhau để biết mức độ hoa mỹ của bộ mặt mới của người được giải phẫu .

Đã nói Tuần chỉ là gạch nối liền 2 con Giáp cũng như 2 bên bờ sông có cây cầu bắc qua để nối con đường bên này sông với bên kia sông, thì khi xe sửa soạn lên cầu để đi qua xe phải giảm tốc độ. Tuần là cái thắng kèm bớt bộ máy huyền vi của số nhất là chuyển từ vận hội này sang vận hội khác, có Mệnh viên vẫn giữ gìn chỉ tô vẽ lại phần nào khuôn mặt,

94

từ dữ dẫn Sát Phá Tham làm dịu hiền đôi chút biến thành bạch diện thư sinh. Với người Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp Tuần không phải là đổi thành khí phách hào hùng Sát Phá Tham, chỉ làm cho người này chậm rãi, phần đầu khó khăn thêm. Triệt lại khác là bao vây triệt hạ, ngăn cách từ cái xấu đến cái tốt, có nghĩa là đã không cho xâm nhập ngoài vào còn phá đổ cái gì ở trong cung phong tỏa. Tai hại nhất là khuôn khổ cứng rắn như Sát Phá Tham và bất khuất như Tử Tướng, không còn gì là phong độ oanh liệt của người dọc ngang trời đất bất kể trên đầu có ai. Mỗi cử động chủ trương đều hầu như sẵn khó khăn, nhưng cũng để bù lại, để tránh những gì nguy hiểm sắp đến (tiểu hạn mà thôi).

Đây chỉ là phần của sao, còn phần cung mới là quan trọng (tư cách). Cung là vị trí là miếng đất Mệnh, Thân ngự trị. Tuần Triệt không thể thay đổi tính cách như Thái Tuế bị Triệt không thể thành Tuế Phá, Thiếu âm bị Tuần không hẳn trở nên Thiếu Dương được. Những tính cách của sao bị Tuần Triệt cũng phải tùy thuộc vị trí mà thay đổi tư cách.

Mệnh Thái Tuế Liêm Phá bị Triệt là người kẻ cả, không thể nhắm mắt dùng mách khéo sắc mề hành động, khác với Mệnh Tuế Phá Liêm Phá bị Triệt là người tự mình hạn chế thủ đoạn để làm việc và trường hợp đáng để cổ vũ hoan nghênh vì người tam hợp Tuế Phá thường thấy thất vọng triền miên, dễ làm việc thất nhân tâm. Ở đây tự xét mình mà trở thành người đáng phục. Cũng như người Thái Tuế Tham Vũ là người có mộng ước quá lớn, mỗi khi bắt tay vào việc thấy nhiều cản trở khiến phải lòng vòng. Với người Tuế Phá Tham Vũ bị Tuần lại khác, cũng thấy nhiều cản trở, lòng dục của mình bị hạn chế lại miễn là mình làm được việc. Người Thiếu Dương Tham vũ bị Tuần là người ham ôm một hoài bão, thấy không thể thức hiện nổi trọn vẹn đành phải thuận theo đường lợi ích chung. Người Thiếu âm Tham Vũ bị Tuần lại khác, biết mình chỉ là quân bài hy sinh tốt hơn là sống theo kiểu tùy gia phong kiệm, tiếng cả nhà không an phận.

Tóm tắt: Tuần Triệt đương đầu thiếu niên tân khổ không phải là gì ra đời, nếu có Tuần Triệt ngay Mệnh là đều khổ ải cả tuổi thiếu thời. Việc này còn tùy ở vận hạn.

Nhưng điều chắc là mọi việc khởi đầu nan, không khác gì chìa khoá mở máy bị lòn (demaruer).

95

Người ta chỉ mở một lần là xe máy nổ, xe của mình phải kéo giật đến 3, 4 lần mới được. Nhưng tính lợi hại không phải toàn thể là hại, có những trường hợp giúp ích cho người có số trong tam hợp Tuất Phá, Thiếu Dương Thiếu Âm, phải nói là Tuần Triệt như trên đã nói. Những người này là những thiêu thân, chẳng may bị đặt đẽ vào vị trí không cho phép hài lòng, tự hồi chánh, trở nên những thành phần lương đồng hữu ích cho quốc gia xã hội.

Tướng Tuần Triệt trong các cách này rất ích lợi cho Mệnh viên có chính tinh, nâng tư cách, phơi bày hạnh kiểm cá nhân lên hàng danh dự không riêng gì người tam hợp Thái Tuất .

TÁC DỤNG CỦA NHỊ HỢP TAM HỢP VÀ XUNG CHIẾU

Trung thực mà nói từ trước đến giờ không thấy sách vở và ai đã động đến công dụng của nhị tam hợp lợi hại ra sao? Chỉ thấy nói mỗi khi xem một cung số như Mệnh chẳng hạn thì phối hợp cả 5 cung: Mệnh, 2 cung tam hợp là Quan và Tài, xung chiếu là Di, cung nhị hợp và trình bày 2 bảng kể như:

Tam hợp	Nhị hợp
Dần Ngọ Tuất	Tí với Sửu
Hợi Mão Mùi	Dần với Hợi
Thân Tí Thìn	Mão với Tuất
Tỵ Dậu Sửu	Thìn với Dậu
	Tỵ với Thân
	Ngọ với Mùi

Thiết tưởng Tử vi đâu có sơ sài giản dị đến thế. Mỗi khi đã đứng và lập thành hình cái bộ phận già phải hiểu nắm được cái tác dụng và đường lối áp dụng nó thế nào mới được. Vậy nay ta phải tìm kiếm thử phân tích nếu có thể được, đặt thành nguyên tắc hệ thống hoá để sử dụng. Trước khi nói đến nhị hợp cần phải hiểu cái tam hợp trước, vì tam hợp là căn bản của thể đứng chân vạc của mỗi cung địa chi liên đới thành một sức mạnh có một tôn chỉ một phù hiệu chung đứng trong ngũ hành:

Thân Tí Thìn, tuy mỗi địa chi có một hành riêng (Thân – kim, Tí = thủy, Thìn = thổ) hợp nhất lại có một hành chung là Thủy.

Dần Ngọ Tuất là Hoả

Tỵ Dậu Sửu là Kim

Hợi Mão Mùi là Mộc

Bốn trường hợp này đều có cái Thổ là Thìn Tuất Sửu Mùi (Tứ Mộ) làm nòng cốt nền tảng để cho Dần Thân Tỵ Hợi (Tứ sinh) phát nguồn bồi đắp cho Tí Ngọ Mão Dậu (tứ chính) được đầy đủ sung túc trở thành một hành chính vững mạnh của tam hợp, vì lẽ đó nên không có hành Thổ.

Biết rằng Thổ có 4 chia ra 2 dương Thổ là Thìn Tuất và 2 âm Thổ là Sửu Mùi. Còn mỗi hành kia chỉ có 2 một âm và một dương như:

Thân là dương Kim và Dậu là âm Kim

Hợi là âm thủy và Tí là dương thủy

Dần là dương mộc và Mão là âm mộc

Tỵ là âm hỏa và Ngọ là dương hỏa

Ý nghĩa Thổ là nguyên thủy nơi sản xuất và tập trung cho 4 hành kia một khi đã mạnh chế hoá nhau, thắng hay bại rồi cũng rụi tàn về nguyên cội (Thổ) .

Nhị hợp cũng phải biết cung ở đó trong thể tam hợp nào đối với chính cung. Tình trạng nhị hợp là luôn luôn đối với chính cung chỉ có sinh không có khắc, tức là chỉ có sinh nhập hay sinh xuất như:

Xem cung Thìn thì Thân Tí Thìn là tam hợp Thủy, nhị hợp là Dậu (Tỵ Dậu Sửu là Kim) được Dậu sinh nhập cho Thìn, mọi sự may rủi bột phát. Trái lại xem qua cung Dậu (Tỵ Dậu Sửu là Kim) nhị hợp là Thìn (Thân Tí Thìn là Thủy) Dậu phải sinh xuất cho Thìn, mọi sự may rủi phải sút kém, không trông cậy được gì ở nhị hợp.

Còn xung là thể khắc như Dần Ngọ Tuất xung Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu xung Hợi Mão Mùi, có nghĩa là luôn luôn khắc nhau không bao giờ có sinh, một là khắc xuất hai là khắc nhập.

Chính cung khắc xuất đối xung thì mọi tài nguyên của xung mới tóm thâu được ví như người thắng cuộc. Trường hợp đối xung khắc nhập chính cung thì làm sao chính cung thu được lợi lộc của xung chiếu, bị coi là kẻ chiến bại làm gì còn hồng hách với người thắng trận (nên nhớ cái hay cái đẹp ở xung là nguồn lợi của đối phương chứ không phải của chính cung, vì xung ở trong tam hợp khác và khắc) không bao giờ ở thể đồng hành hay sinh cho chính cung.

Tử vi là một khoa lý học Á Đông lấy gốc rễ là âm dương ngũ hành là phương tiện tìm ra mọi thành quả, thì sinh khắc chế hoá là phần phụ thêm bớt ảnh hưởng ở thể tương sinh, khác hẳn xung chiếu là thể tương khắc là tình cảnh khó khăn mệt sức dầu là thắng lợi (khắc xuất).

Trường hợp Lộc tồn là ví dụ điển hình minh bạch nhất . Không phải là thấy có Lộc Tồn là người có được hoàn toàn hưởng thụ phú quý do định mệnh đã an bài ở vị trí nhất định tùy theo hàng thiên can của tuổi cũng như bộ ba tam hóa Khoa Quyền Lộc tô điểm thêm cho số bông đẹp trái ngon.

98

Lộc tồn đã phân phối đầy đủ cho 12 tuổi đều nhau có vị trí hẳn hoi ấn định như:

Tuổi Dần Ngọ Tuất được dành Lộc Tồn theo hàng thiên can Giáp (1)

Tuổi Thân Tí Thìn được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can Canh (2)

Tuổi Hợi Mão Mùi được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can Ất (3)

Tuổi Tỵ Dậu Sửu được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can “**Tân**”

(1) Trừ 2 tuổi Canh Thìn và Tân Tỵ chỉ hưởng tương đối vì Lộc Tồn ngộ “Tuần”

Mười hai tuổi đã được chia đều rành rẽ lẽ đương nhiên Lộc Tồn đó đặt ở trong phạm vi của tam hợp tuổi mới hoàn toàn thụ hưởng cho đương số, như hoa thơm quả chín trong vườn đất mình đã có công trồng tưới bón. Còn như may mà mệnh đóng trùng cung có Lộc Tồn như tuổi Canh Dần Ngọ Tuất đóng ở cung Thân Tí Thìn, tuổi Giáp Thân Tí Thìn đóng ở cung Dần Ngọ Tuất, tuổi Bính Mậu đóng ở Tỵ, Tuổi Đinh Kỷ đóng ở Ngọ, Nhâm đóng ở Hợi, Quý đóng ở Tí. Lộc Tồn đó là của đối phương mình cướp giật lấy hay là thọ hưởng trong nghịch cảnh có nghĩa là không bền, chuốc lấy tiếng phê bình thị phi hờn oán mà rồi ra còn mang họa vào thân là trường hợp Lộc Tồn có Lưu Hà, Kiếp Sát canh chừng.

Vậy cái quan trọng chính yếu của Tử vi là tam hợp. Nắm được tam hợp rồi phăng ra nhị hợp và xung chiếu và hiểu rõ được vị trí Mệnh nằm trong vòng Thái Tuế, thiết tưởng số như đã mở toang ra cho thấy đến 7,8/10 đời cá nhân.

Tóm lại, có thể biết một khi Mệnh viên ở thế nhị hợp sinh xuất là chắc chắn cá nhân đó tính tình hào phóng bao dung. Còn người ở địa vị sinh nhập là người cần kiệm, sự việc bất đắc dĩ phải giao tế rộng rãi chỉ là đúng mức ân tình nghĩa lụy mà thôi.

Thu gọn chỉ cần biết mệnh đóng ở tam hợp nào của vòng Thái tuế, dầu là dương nam hay âm nữ hay dương nữ âm nam, cái nguyên tắc chính này vẫn không xê dịch thay đổi.

99

Tam hợp của mỗi lá số là thế cờ của mỗi cá nhân, may mắn là trường hợp Thân Tí Thìn, đóng ngay Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu ở trùng Tỵ Dậu Sửu, là kiếp nhân sinh đã đặt sẵn vai trò gì can hệ không nhiều thì ít trong một giai đoạn nào với đầy ý nghĩa. Khác với người Dần Ngọ Tuất trong Dần Ngọ Tuất, Hợi Mão Mùi tổng Hợi Mão Mùi cũng như 2 vai trò Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu được lợi điểm là khắc xuất xung chiếu.

Xung chiếu là vai trò vô danh chẳng may ở vị trí bị khắc nhập nhưng nếu là tam hợp Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ đầu có bị thua thiệt đau thương, trên danh nghĩa không bao giờ phai mờ công quả.

Diễn hình là số Thái Tuế nhà Lê tuổi Ất Sửu ngày 6 tháng 8 giờ Tí

Mệnh Thân đồng cung ở Dậu, phải đây là người có sứ mạng từ tư tưởng quyết định bản thân đến định mệnh đưa đẩy đồng quan điểm (Tuổi Sửu Mệnh Thân đồng cung ở Dậu) và khi đã vén tay áo làm việc thì hăm hở mắt mũi (Bạch Hổ). Đối với xung chiếu là Di có Cơ Cự đắc địa ở Mão thêm Lộc Tồn Hoá Lộc là tư cách của kẻ tham lam cay nghiệt (tư cách bóc lột của thực dân nhà Minh), vững mạnh vô cùng. Thái Tổ nhà Lê vẫn thắng ở thế Dậu (Ty Dậu Sửu khắc Hợi Mão Mùi), khắc xuất Mão. Mệnh ở Dậu sinh xuất cho Ách ở Thìn, tư cách là người hào hiệp thu phục nhân tâm, nhưng sinh xuất cho Ách là ách gây oan nghiệt của giết hại công thần oan ức thì Tử Tướng ngộ Hình thoát sao khỏi yếu vong. Đây là con đường rẽ của số, biết thì tránh được chông gai, dầu đắc Khoa giáp Quyền Lộc là bộ tam hoá liên minh đẹp nhất để giải tai nạn ở cung Thìn.

Phải chăng Mệnh sinh xuất cho Ách là mình phải lãnh nhận hậu quả (xin xem bảng kê năm xung trang dưới)

Những thành quả phát sinh do năm xung đối với tuổi:

a/- Tuổi Tứ sinh thường thấy ngang trái bội nghĩa

b/- Tuổi tứ chính thường thấy lo ngại uy tín

c/- Tuổi tứ mộ thường thấy bệnh hoạn bê trễ

100

CĂN CỨ VÀI YẾU ĐIỂM NÀO ĐỂ QUYẾT ĐỊNH GIỜ SINH

Bảng 4 yếu tố năm tháng ngày giờ lập nên lá số không đủ căn cứ cho một sự thể riêng biệt của cá nhân. Thấy số lượng quá ít chỉ trên nửa triệu lá số khác nhau nên sự trùng điệp thường đánh một dấu hỏi lớn cho người muốn biết lá số. Cứ trung bình trên khoảng đất $\frac{1}{2}$ triệu cây số vuông, có 50 triệu dân tức là với 700 cây số bề dài thời tiết phong thổ không thể khác biệt nhau cho lắm có thể kết quả trung bình 100 người có lá số giống nhau, tối thiểu cũng phải từ 10 đến 20 số. Không lẽ một quốc gia như thế có đến 15 ông thủ tướng (vì số giống nhau) .

Cái kẻ hờ đó là hành động riêng biệt của mỗi người khác nhau nên họa phúc phải tăng giảm theo số lượng nhiều hay ít. Nhưng khi lên bổng đắc chí hay xuống thấp buồn thảm thời gian phải giống nhau vì cùng thời gian hưng bại (đại tiểu vận).

Số đã trùng điệp như thế, có e ngại 4 yếu tố năm tháng ngày giờ lại trật sai nữa thật rất khó cho người có số muốn hiểu biết cuộc đời. Năm tháng là 2 khoảng có thể chính xác. Riêng ngày chỉ sợ thời gian giữa Hợi và Tí vì Hợi thuộc ngày hôm trước, Tí là khởi

điểm ngày hôm sau. Còn giờ là một đề tài phức tạp. Xưa kia tổ tiên ta trước vấn đề nan giải trong lúc các bà mẹ sinh con không phân biệt được giờ trên hay dưới. Các cụ thường bốc đũa lên đếm nếu số chẵn là âm, số lẻ là dương (luật cơ ngẫu) để quyết định giờ nào vào lúc đó . Thật là nan giải.

Bây giờ có đồng hồ, người lấy số cứ mặc nhiên tính 2 tiếng đồng hồ là một giờ của số, cứ thế mà đi không chút ngập ngừng. Xin thưa không phải dễ dàng như thế. Giờ đồng hồ do một bộ máy cân đều nhau 24 giờ thời gian. Còn giờ của số là thời **đạo** theo thời tiết như Xuân và Thu thời gian ngày và đêm gần như bằng nhau, còn Hạ và Đông có lúc ngày dài hơn đêm, lại có khi đêm dài hơn ngày . Cái gì đêm phải trả về cho âm, cái gì ngày phải tính theo dương. Luật âm dương luôn luôn đặt trước mọi vấn đề nan giải của lý học, như mùa hạ từ giờ Dần đến giờ Mùi có thể dài đến hơn 13 giờ. Từ Thân đến Sửu chỉ còn trên 10 tiếng mà thôi. Trái lại mùa Đông khoảng thời gian về đêm từ Thân đến Sửu phải dài hơn thời gian của dương từ Dần đến Mùi,

101

tức là giờ phải theo 24 tiết khí xê dịch trong vòng 15 ngày, mà cũng không phải có ngày giờ nhất định theo tiết đó bắt đầu, còn theo khí trời thay đổi đột ngột sớm hay chậm một hai ngày. Vấn đề rắc rối như vậy phải làm sao giải quyết ? Cho nên giờ sinh là một điều kiện rất khó và cũng là phần quan trọng trong lá số. Số sai giờ là số của người đâu phải của mình mình cứ khư khư chấp nhận mà thấy đời sống không như số đã sắp xếp, chẳng thà không có số còn hơn, đỡ bận tâm vì số.

Vậy phải làm sao với đề tài lẫn lộn khó giải quyết giờ sinh như thế. Thưa rằng nếu có lầm lẫn chỉ có thể giờ trên với giờ dưới, không thể xa cách đến 3 -4 giờ vì thời tiết thay đổi chỉ trong một giờ sai biệt có nghĩa là chỉ giữa 2 giờ dính liền nhau như Dần với Mão hay Mão với Thìn, không thể lầm lẫn Mão với Ngọ hoặc Tí.

Đây là một nguyên lý có tính cách định luật chứng minh dựa vào sự việc: tính nét và liên hệ với đại gia đình (cha mẹ anh em) và tiểu gia đình (chồng vợ) (1). Điều kiện tiên quyết căn bản là Mệnh đặt ở cung dương hay âm, cung âm và dương có tính cách khác hẳn nhau, sao thêm vào chỉ là phụ thuộc trừ phần nào. Biết rằng những cung dương có tính cách được sinh nhập (nhị hợp) thì người ngồi đó phải là người chặt chẽ cẩn thận, trái lại cung âm là người phóng khoáng rộng rãi (sinh xuất).

Hai điều sau chỉ là phụ khoản bổ túc cho điều một tả bày tình trạng giữa người có số với gia đình. Theo luật âm dương thì giờ dương là trưởng, giờ âm là thứ.

Nhưng còn nhiều chi tiết ngoắt ngoéo như dương nam, dương nữ, âm nam âm nữ, cung dương cung âm và Không Kiếp chi phối nhưng vẫn vẽ lên hình bóng đầu không chính xác là tượng trưng, như người âm nam sanh giờ dương ở cung dương là trưởng nam chính xác, nhưng người âm nam sanh giờ dương ở cung âm là người thứ thay trưởng lo toan mọi việc gia đình cũng là trưởng hình thức. Vậy có thể tóm tắt sắp xếp các chi tiết như sau:

a/- Dương nam sanh giờ dương là con trưởng

b/- Âm nam sanh giờ dương là con trưởng hình thức (cung dương)

c/- Âm nam sanh giờ dương ở cung âm + Không Kiếp (con thứ thay trưởng lo toan mọi việc gia đình)

102

d/- Âm nam sanh giờ âm ở cung dương + Không Kiếp (trưởng bất lực nhờ con thứ thay chân lo liệu)

e/- Âm nam sanh giờ âm ở cung âm (thứ nam bao bọc cả gia đình)

g/- Dương nữ sanh giờ dương là trưởng nữ trong một ngành

h/- Âm nữ sanh giờ âm ở âm cung là trưởng nữ bao sân

i/- Dương nữ sanh giờ âm ở cung âm là thứ nữ

Những trường hợp trên đây là điển hình, còn tùy theo thay đổi cung (âm dương) và bộ sao Không Kiếp (thay đổi miễn cưỡng).

Điều ba chỉ sự liên hệ giữa chồng vợ (Mệnh và Phối). Trong 12 cung có 6 cung dương và 6 cung âm. Khi Mệnh ở dương cung thì cung phối cũng ở dương cung, trái lại Mệnh ở âm thì Phối cũng phải ở âm. Giữa 2 cung Mệnh và Phối luôn luôn có sự chế hoá như Thân Tí Thìn phải trên tay Dần Ngọ Tuất hay Hợi Mão Mùi thì Phối dễ dàng lẩn Mệnh. Còn Mệnh ở Ty Dậu Sửu hay Thân Tí Thìn thì Mệnh không bao giờ để Phối áp đảo. Trường hợp Phối có Khoa Quyền Lộc ở Dần Ngọ Tuất hay Hợi Mão Mùi là vợ chồng nhân nhượng nể thương nhau. Người âm nam ở dương cung người dương nữ ở âm cung, là nghịch địa âm dương sự bất ổn phát sanh ngay từ Mệnh, lại thêm Không Kiếp dấu ở Thân Tí Thìn hay Ty Dậu Sửu, màn cảnh hỷ trường diễn tả nhất Phối nhì trời, rất khéo léo lết hết tính thần. Còn một trường hợp khẳng định cho cả 2 phái nam và nữ khi Phối có Thiên tướng thì trai nể vợ, gái tìm cách lẩn chồng.

Quang Trung đại đế tuổi Nhâm Thân sanh ngày 5 tháng 5 giờ Tuất. Người dương nam sanh giờ dương đáng lý là trưởng nam vì Địa kiếp ở cung Dậu sinh nhập cho Thân ở Thìn đành làm em út (sau Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ). Tư cách người dương đóng cung dương, mọi việc thu xếp cẩn thận chu đáo, sanh giờ dương thay mặt trưởng làm hết mọi việc lập sự nghiệp cho nhà Tây Sơn, ấy thế mà Phối có Thiên Tướng tam thân vạn thắng phải hạ cổ trước Ngọc Hân công chúa

(1) thêm yếu tố Mệnh đóng ở sinh, chính hay Mộ (bài 28)

103

TRONG TỬ VI VÒNG TRÀNG SINH CÓ Ý NGHĨA GÌ

Ngôi nhà cổ Tử vi rất là huyền bí, có thể nói lâu nay đóng kín, những người ý muốn đột nhập vào để quan thưởng những gì hay đẹp, tất phải lần mò tìm những nút bấm như nhị tam hợp xung chiếu để hòng mở toang cửa nhìn thẳng vào. Xưa nay mới chỉ dòm qua những kẽ hở tạm thấy sau luồng cửa có 3 lần màn phong ngăn chặn (2 tấm dài một tấm ngắn).

Tấm ngắn treo sát xà nhà thông xuống để dẫn ánh sáng mặt trời trên cao rọi sáng (thập niên can), một tấm dài từ mặt đất đứng lên để che kẽ hở ở dưới đất (thập nhị địa chi). Còn một tấm căng ở giữa nối liền 2 tấm treo và đứng giáp nhau có ý làm tấm màn kếp cho cả 2 tấm kia . Xem ra thật kỹ càng chu đáo.

Ba bức màn này có nghĩa là 3 vòng Lộc tồn (theo Thiên can) Thái Tuế (theo địa chi) và Tràng sinh (theo nạp âm cung an mệnh) mà dịch thành cục diện của số.

Lộc tồn nghĩ lại khác gì hưu bổng hay quỹ tiếp kiệm của một cá nhân dành dụm qua từng kiếp người để cuộc sống hiện tại có vốn mà kinh doanh thụ hưởng cho 4 trường hợp đủ 12 tuổi : Giáp Dần Ngọ Tuất, Ất Hợi Mão Mùi, Canh Thân Tí Thìn, Tân Tỵ Dậu Sửu.

Thái Tuế ấn định đời sống tư cách hạnh kiểm từng cá nhân, vị trí tam hợp Thái tuế là chỗ ngồi cao trọng trao cho ai nhận xét ra có thành tiếng tăm thiện ý lãnh trách nhiệm những công việc có tính cách lợi ích không vị kỷ để rồi thành công đồng hưởng.

Phân tách một tuổi theo Can và Chi như thế tưởng cũng đã là kỹ lưỡng, thêm vòng Tràng sinh để biết cục diện biến đổi thật quá hoàn hảo. Có đi vào đường huyền bí mới biết công cho ai mài miết khám phá. Sống đời nay nạy ra kiếp trước chuyển vận, rồi từ nhập thế cuộc cho đến nhắm mắt tay xuôi, biết đâu bánh xe còn chuyển bao nhiêu vòng nữa.

Nhìn kỹ vòng Tràng sinh quả là một vòng xích nối liền không phân chỗ nào đầu nơi đầu cuối, lôi kéo vòng xe chạy. Phân tích thường tình một thế nhân ra đời phải bắt đầu bằng thai nghén trong bụng mẹ . Vòng Tràng Sinh lại do Tràng Sinh mà đi để rồi tới thuyết gắn nối thêm 2 giai đoạn Thai Dưỡng là 2 mắt xích dính Tuyền với Sinh thành một

vòng kín chuyển dịch đến không biết bao giờ hết. Cái hết này có lẽ là ngày tận thế tắt hết cả ngưng đọng trong hư vô.

104

- Đoạn đời từ Sinh đến Dưỡng là con đường từ: trẻ thơ (Sinh) dậy thì (Dục) ganh đua (Đới) hãnh diện (Quan) oanh liệt (Vượng) tàn nhược (Suy), ốm đau (Bệnh) mãn kiếp (Tử) chôn lấp (Mộ) quên dứt (Tuyệt) tái sinh (Thai) nuôi dưỡng (Dưỡng), là biến diện tuần tự từng quãng đời nối đuôi ăn khớp với nhau thì hẳn không còn tam hợp cách?.

Thưa rằng tam hợp Tràng sinh là phần tinh thần như sau:

- Sinh Vượng Mộ: Đường hoàng mờ yên
- Dục Suy Tuyệt: Vội ham tàn tích
- Đới Bệnh Thai: Thịnh suy hoàng dương
- Quan Tử Dưỡng : Giấy rách giữ lề

Bốn tam hợp này xưa nay chỉ nhìn Sinh Vượng Mộ là cách tốt đẹp nhất của người giữ gìn được nhân nghĩa, đến lúc qua đời vẫn được mờ yên mà đẹp mền trọng. Dục Suy Tuyệt là cách ăn xổi ở thì vội ham lục tụy, lúc tàn tạ không ai nhắc đến. Đới Bệnh Thai là giấc mộng vàng từ áo mào cân đai đến ốm đau bệnh hoạn chỉ là thịnh suy luân kiếp. Quan Tử Dưỡng là đời đã được hãnh diện dầu đến chết cũng phải tu dưỡng tâm linh như tờ giấy trắng có rách nát cũng gấp giữ cho còn nếp.

Vòng Tràng sinh có tính cách là một vòng kín lớn nối liền chuyển biến từng giai đoạn rõ ràng, khi xếp thành tam hợp cũng vẫn giữ được ý nghĩa cả 12 đoạn khúc của vòng, thay đổi là tùy Mệnh Thân đóng ở vị trí nào vẫn cho đời là một bài học triết lý răn dạy để xử thế. Người có số đang diễn hành trong cảnh nào tự mà dẫn thân tìm đường để sống. Đó là cái đặc điểm của số mới gọi là Vòng Tràng sinh từ thực tại nối tiền kiếp đến hậu thân mãi mãi.

Biết rằng tam hợp là căn bản chính của lý số học, thực chất là dương và âm. Thân Tí Thìn là thể chính của dương và Tỵ Dậu Sửu là căn bản của âm. Còn Dần Ngọ Tuất và Hợi Mão Mùi là 2 thể phụ tức là Thiếu dương và Thiếu âm. So với 2 thể chính luôn luôn ở thế bị khắc nhập.

Vậy Sinh Vượng Mộ và Dục Suy Tuyệt là 2 thể chính. Còn Đới Bệnh Thai, Quan Tử Dưỡng là 2 thể phụ, tức là Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai là cùng phái. Bên kia Dục Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng đứng chung.

105

Nhìn vào lá số thấy Mệnh và Thân đều cùng chung đặt nằm vào một phía như Mệnh ở dương cung thì Thân luôn luôn ở dương. Không bao giờ có thể đóng ở âm được mặc dầu Phúc hay Quan hay Di hay Tài hay Thê Phu. Vòng Tràng sinh cũng theo thể âm dương mà định nghĩa:

- 1- Đường hoàng cư xử được người mến quý, lễ thịnh suy chỉ là luân chuyển (Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai)
- 2- Ăn sổi ở thì không ai tưởng nhớ, giấy rách phải cố giữ lấy lề (Dục Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng)

Thân cũng như Mệnh nếu an ở bên nào cũng chỉ ở trong chung hoàn cảnh đó không thể nhảy qua bên kia được. Mỗi chữ trong vòng Tràng Sinh là một đoạn đường đời, Mệnh ở Sinh hay Vượng đi đến Bệnh hay Tử đương số phải hiểu lễ thịnh đã qua nay gắng chịu cảnh bĩ cực. Bản chất là đường hoàng thâu đáo mờ yên mà đẹp là quý, lý gì lợi gì cũng không tránh được thời tàn tạ.

Người tuổi Giáp Dần sanh tháng 3 giờ Dần, Mệnh an ở Dần, Thân cư Quan ở Ngọ (Tam hợp Thái Tuế) mệnh có Lộc Tồn ngay ở Dần (Lộc Tồn tuổi Giáp chỉ để riêng cho hàng chi Dần Ngọ Tuất) với Bác sĩ ở Mệnh và Tướng Quân ở Thân (Ngọ cung). Tuổi Giáp Mệnh an ở Dần là hoả cục, Tràng Sinh ngay ở Dần cho người dương nam và Đế vượng cho Thân ở Ngọ. Ba vòng Thái Tuế Lộc Tồn Tràng Sinh đã về hẳn minh bạch phẩm hạnh cá nhân cách là hạng nào, dầu cho Phá Quân thủ mạng (tối hãm) cũng được giá trị của một Thái Tuế hưởng chi còn là Lộc Tồn Bác sỹ và Tràng sinh (nhân hậu). Tóm lại lá số này là của người xứng đáng danh hiệu làm người .

Sau đại vận 6 -15 ở Mệnh đến 16-25 ở Phụ Mẫu cung Mão gặp hạn Thiên Không do Đào Hoa chi phối thúc đẩy (vòng Thái Tuế) Kinh Lự (vòng Lộc Tồn) Mộc dục (vòng Tràng Sinh) phụ giúp.

Hỏi rằng người này có nên tàn phá tuổi thiếu niên, vội tìm thụ hưởng và có thể nào tránh được hạn Thiên Không (Thái Tuế) Kinh Lự (Lộc Tồn) Mộc Dục (Tràng Sinh)?

Hẳn là không vạ lần không, Không nên phá tuổi mới chớm nở và cũng không thể tránh nổi đại vận hắc ám Thiên Không này chỉ còn cách từ thiên mệnh mà đi (còn nhỏ đại chưa hiểu cuộc đời trách nhiệm phải là những bậc phụ huynh và ân sư giáo huấn) . Gác bỏ mọi phù vân lần bước theo tứ đức (Thiên đức Nguyệt đức Phúc đức Long đức) vì Thiên Không bao giờ cũng đứng kèm tứ đức trong tam hợp và xung chiếu.

Do là giai đoạn Dục Suy Tuyệt của Tràng sinh người hiểu biết phải nối tiếp theo Quan Tử Dưỡng (vội ham thì tàn tích giấy rách phải xếp có lẽ) để chữa chạy cho con em trong vực thẳm.

Còn nhiều giai đoạn như 46-55 quá ư rục rờ công nghiệp có thể nói là phi thường xuất chúng do Quan Phù (Thái Tuế) Tướng Quân (Lộc Tồn) vòng Đế vương (Tràng Sinh) đồng tình tô điểm không bút nào tả hết bản hùng ca.

Người ở vị trí Thái Tuế đầu có ở trong tam hợp Dục Suy Tuyệt (vòng Tràng Sinh) không thể không tỉnh ngộ giấy rách phải giữ lấy lề, xử thế phóng tay để rồi không còn ai tưởng nhớ, có chăng chỉ là thân bại danh liệt.

Tóm lại căn bản ưu tiên của Tử Vi là vòng Thái Tuế. Còn vòng Tràng sinh là giáo lý nhắc nhở thế nhân chuỗi dài thời gian của một kiếp theo khuôn vuông tròn mà xử thế dầu ở hoàn cảnh nào thịnh hay suy.

Ba vòng của Tử vi có thể định nghĩa mỗi vòng như sau:

Thái tuế: hạnh kiểm tư cách

Lộc Tồn: Hoàng lương một kiếp

Tràng sinh: Đường dài xử thế

CHÍNH KHÔNG BẰNG CHIẾU CHIẾU KHÔNG BẰNG GIÁP

Lý số tử vi có 3 phương thức chính. Tam nhị hợp và xung chiếu. Tam hợp gồm có chính và chiếu như Mệnh an ở Ngọ thì Ngọ là chính Dần và Tuất là chiếu. Cái gì ở trong 3 cung Dần Ngọ Tuất là sử hữu do liên minh tam hợp gom góp. Giáp chỉ là xóm giềng cư xử tốt thì giúp đỡ nhau, bằng như mich lòng thì tự lực cánh sinh. Giáp mà có ảnh hưởng mạnh là khi Mệnh đứng được thuận lý.

Giáp là một bộ đôi sao đứng ở bên sát vách một cung nào. Như câu đã nói: chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp, hễ giáp đã có một ích lợi nên mới được đề cao tốt phẩm như thế. Vậy thử phân tích các trường hợp của Giáp để xem cái giá trị đến mức độ nào.

Trên hết là các bộ chính tinh. Tử vi Thiên Phủ là một bộ đôi đứng đầu 2 chòm sao âm dương. Cách giáp Tử Phủ hễ là lý tưởng! Thật thế, chỉ là lý tưởng, và là lý tưởng của cuộc bất ổn tang thương. Không bao giờ có cách giáp Tử Phủ ở các cung khác ngoài 2 cung Dần Thân, mà Mệnh ở Dần hay Thân giáp Tử Phủ thì luôn luôn Mệnh viên ở giữa hoặc là Cơ Âm hay vô chính diệu tướng không tốt đẹp gì. Còn các chính tinh khác đều đứng thành một bộ ở thế chân vạc tam hợp để củng cố uy thế của phe phái như Sát Phá Tham, Phủ Tướng. Riêng Cơ Nguyệt Đồng Lương cũng chỉ có một trường hợp Thất Sát ở Dần Thân giáp Đồng Lương ở Sửu Mão hoặc Mùi Dậu là tượng ảnh thể Xuân Thu êm đẹp (Tử Phủ Vũ Tướng và Sát Phá Tham đề huề).

Phần đặc biệt lý lẽ chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp, chỉ tính cách quang minh của bộ Nhật Nguyệt là cặp đèn rọi sáng suốt, là bộ óc tinh anh chính xác của dịch lý nói chung không riêng gì số học Tử vi.

Thái dương ở Ngọ là cảnh tượng tuyệt đích quan minh được Mệnh đóng ở đó phải nói là kiêu hùng. Một khi có Thái dương ở Ngọ Mệnh đóng ở Dần đương nhiên là vô chính diệu, hay Mệnh ở Tí phải là Thiên Lương. Bộ Nhật Nguyệt này (Nhật ở Ngọ Nguyệt ở Thân) chiếu soi tỏ Mệnh vô chính diệu ở Dần hay Thiên Lương ở Tí một cách thấu đáo rõ ràng lòng minh bạch không bờ bến của vô chính diệu và tâm hồn nhân hậu thiên phú của dương nhân hành diện trong hoàn cảnh. Phải chăng chính không bằng chiếu là ở đây.

108

Chiếu không bằng giáp cũng chỉ có 2 trường hợp là Thiên Phủ ở Mùi đắc Thái Dương ở Ngọ Thái âm ở Thân và Tham Vũ ở Sửu được Cự Nhật ở Dần, Đồng Âm ở Tí mau tỉnh ngộ không theo hùa Liêm Phá ở Dậu, làm điều bất chính, mới có câu: “ Tham vũ đồng hành Sửu cung vãn cảnh, biến di thần phục” được lòng người quý trọng do bộ Nhật Nguyệt giáp biên hiểu rõ đâu là đường quang lộ phải mà đi.

Nói đến song giáp thường thường lưu ý đến các bộ trung tinh mà phải là những bộ trung tinh có tính cách quan trọng do năm tháng và giờ sinh quyết định, ý nghĩa gần như chính tinh được ngày sinh tạo thành. Ba bộ Long Phượng (năm) Tả Hữu (tháng) và Xương Khúc (giờ) có liên hệ mật thiết đến 4 mộ cung (2 dương xuất phát là Thìn Tuất, 2 âm tập trung là Sửu Mùi) bắt đầu đi từ Thìn Tuất để rồi gặp nhau ở Sửu Mùi, thì chỉ có Mệnh ở Sửu Mùi mới có giáp. Trường hợp ảnh hưởng là khi 2 sao đó cùng vừa tới sát nách Mệnh, còn như qua mặt Mệnh rồi mới đứng kể như là quá trớn bỏ qua Mệnh có ý nghĩa gần như không thực có. Nhưng dầu sao có vẫn hơn không.

Trong 3 cách giáp Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc, duy cách giáp Long Phượng chỉ gỡ gạc phần nào cho Mệnh mà thôi vì Thái Tuế (Mệnh ở Mùi) là tam hợp Thiếu Dương, Mệnh ở Sửu là tam hợp Thiếu âm).

Bộ Khôi Việt có tính cách đàn anh lãnh đạo nhưng phần chánh nghiêng về Phước Thiện nên được danh hiệu là Thiên Ất quý nhân (đã có bài nói riêng) như bộ Thiên Quan Thiên Phúc đều do hàng Can quyết định ngôi vị để ban phước lành. Giáp Khôi Việt chỉ có ở 2 cung Thìn Tuất mà phải là tuổi Bính Đinh Nhâm Quý.

Khốc Hư tính theo năm xuất phát từ Ngọ cung kẻ đi xuôi (Hư) người đi ngược (Khốc) được liệt danh là bại tinh nên thường ở đất nghịch. Khốc đắc ý ở các cung âm, còn Hư hoàn toàn thất ý trên cả vòng luân chuyển thường trực cặp kè Tuế Phá. Giáp Khốc Hư thì có 4 tuổi Sửu Mùi và Ty Hợi ở 2 cung Tí và Ngọ.

Thai Toạ và Quang Quý 2 bộ phụ tinh trong quỹ đạo Tả Hữu Xương Khúc chỉ đắc lực ở hoàn cảnh chính, chiếu đã thấy giảm thiểu thực dụng, giáp thiết tưởng không còn mấy đáng kể.

109

Giáp sát tinh có nhiều tính cách phức tạp, Không Kiếp Kinh Đà Hoả Linh có khuôn mặt trình diễn mà vị trí đóng cũng không giống nhau. Không Kiếp chỉ có 2 cung Ty

Hợi là có giáp. Hoả Linh là sao giảm thiểu sức khoẻ nhất là đối với người tuổi Kim Canh Tân Thân Dậu, dầu đắc địa cũng phải đề phòng tật ách bệnh phôi để bị hư hao. Giáp Kinh Đà cần phải phân tích kỹ càng vì một khi giáp Kinh Đà là Mệnh đã thọ hưởng Lộc tồn. Kinh đắc địa ở 4 mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi, Đà miếu địa ở tứ sinh Dần Thân Tỵ Hợi. Điều cần nhớ kỹ vị trí Lộc Tồn luôn luôn có tiền Kinh hậu Đà, nghĩa là Kinh Đà phải thay đổi vị trí tùy theo hướng của Lộc Tồn đi thuận hay đi nghịch, Kinh dẫn đầu Đà hậu cứ. Mệnh có Lộc Tồn đi thuận hay nghịch. Kinh Đà đắc địa thì hưởng Lộc Tồn phải coi chừng đến giáp, trái lại hãm địa là phải khó khăn chưa kể đến tuổi Mệnh có phải là tam hợp Lộc Tồn thuận lý âm dương.

Đối với lục sát tình giáp không những làm khó khăn tai hại cho bản thân, còn khuấy đảo cả phụ mẫu huynh đệ của đương số. Sát tình cùng tính cách hung hãn nên tránh có mặt ở các cung liên hệ đến người thân của mệnh như phụ mẫu huynh đệ phu thê tử tức phải chịu ảnh hưởng như:

- 1/ Không Kiếp thì vất vả bất hoà
- 2/ Kinh Đà thì hình thương xa cách
- 3/ Linh Hoả thì giảm thọ sức khoẻ suy yếu

Cụ Sào Nam tuổi Đinh Mão sanh ngày 11 tháng 5 giờ Sửu thành danh một đại văn hào cách mạng nhờ bộ Riêu Xương Khúc ở Mệnh, nhất là Mã hợp cảnh bền gan cùng tuế nguyệt. Thân cụ đắc Thiên Lương Long Phượng giáp Thai Toạ Quang Quý trùng cách nên cụ ở hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh uy nghiêm điềm đạm lo toan việc nghĩa. Tả Hữu của cụ ở trường hợp lỡ bước (Tả ở Thân Hữu ở Ngọ) nên cụ không mấy đa dạng tham bàn thêm mọi sự thế.

Điều Thuyền xưa kia là 1 vũ nữ sống trong thời tam quốc tuổi Nhâm Tuất sanh ngày 23 tháng 8 giờ Dần. Mệnh ở Mùi Tả Hữu chiếu giáp Xương Khúc thuận lý thành một tài nữ có nghệ thuật đồ quần xiêu thành đình nghiêng nước đổ, cứu được Hiến Đế khỏi bị truất ngôi, khiến nổi Lã Bố hạ Đồng Trác. Thân ở Hợi giáp Kinh Đà đắc địa nên hưởng Lộc Tồn một cách dễ dàng, mặc dầu Lộc Tồn tuổi Nhâm không phải là vĩnh viễn, Lưu Hà khiến Kiếp Sát canh chừng được Hóa Khoa giải cứu. Nữ nhân đắc Khoa phải nhìn nhận là tối quý.

Riêng bộ Nhật Nguyệt thấy trùng cách chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp.

(Hết trang 109)

ĐÂU LÀ MỘT CÁI SỐ ĐẸP

Một hồi thấy đua nhau nói đến lá số có 4 Tí hay 4 Sửu , 4 Dần , 4 Ngọ... như có ý cho là một lá số phi thường tốt đẹp. Thật ra chả hiểu cái tốt đẹp nó ở chỗ nào, thiên nghĩ có lẽ cho là một cây làm thành rừng , 4 cái hợp lại thành một đoàn như góp gió thành bão có một sức làm nên những việc đáng nể.

Theo lý học đông phương phải hợp căn bản là âm dương, ngũ hành . Nếu giảng như trên thật là không nguyên tắc. Thịnh thoảng có một vài trường hợp may mà đẹp như 3 tuổi Thân Tí Thìn có 4 Thân, 4Tí, 4 Thìn thì Mệnh Thân được an vị tại tam hợp Thái Tuế:

Tuổi Tí là tháng 11 giờ Tí thì Mệnh lập ngay ở Tí (Thái Tuế)

Tuổi Thân tháng Thân là tháng 7 giờ Thân thì Mệnh ở Tí (Quan Phù)

Tuổi Thìn tháng Thìn là tháng 3 giờ Thìn thì Mệnh cũng ở Tí (Bạch hổ)

3 Tuổi Ty Dậu Sửu có 4 Ty, 4 Dậu, 4 Sửu thì luôn luôn có Mệnh ở thế thua thiệt bạc đãi (Trực phù, Thiếu âm và Long Đức)

3 tuổi Dần Ngọ Tuất có 4 Dần, 4 Ngọ, 4 Tuất thì Mệnh bị đặt ở thế bất mãn (Tuế Phá, Tang Môn, Điều Khách).

3 tuổi Hợi Mão Mùi có 4 Hợi, 4 Mão , 4 Mùi thì Mệnh được đặt ở thế trội, khôn khéo xử thế đời chỉ là giấc mộng sắc sắc không không (Thiếu Dương, Tử phủ, Phúc đức, Thiên Không).

Biết rằng người đời ở tam hợp Thái Tuế là ngôi vị đã dành sẵn có bộ Long Phụng Hổ Cái thì cái trách nhiệm của người đó phải thế nào cho xứng đáng. Những người ở trong vị trí Tuế Phá Tang Môn Điều khách, số đặt cho một hy vọng là thường xuyên có Thiên Mã (nghị lực) và Thiên Mã này có giúp ích cho đương số được tới mức độ nào hay không lại là phần tuổi của mình đem so với hành nào nơi Thiên Mã đóng. Những người ở vị trí Thiếu Dương, Tử Phủ , Phúc Đức là ở chỗ ngã ba đường, biết đi thì gặp Tứ Đức, làm lỗi thì thấy Thiên Không. Những người ở vị trí Thiếu âm , Long Đức, Trực phù tuy là bị đời bạc đãi, tính ngộ ra vẫn thấy tươi thắm vì Hồng Loan tô điểm hay đền bù bằng Lộc tồn nhỏ giọt.

Về phương diện ngũ hành thì năm tháng ngày giờ mới chỉ là 4 còn thiếu một . Nếu muốn cho đủ cả 5 thì phải tính thêm một yếu tố hoặc bằng “ khắc sanh” hay tháng của mẹ thụ thai, nghĩa là người bắt đầu thành thai trong bụng mẹ theo giờ thời đạo mà tính theo khắc.

Thấy rất khó mà canh trúng nổi khắc, ngày giờ còn lấy sai bê bối, vậy chỉ còn cách cách lấy tháng thụ thai của bà mẹ chứ ngày cũng khó biết. Cứ trung bình tháng thụ thai là tháng trước 9 tháng ra đời với năm tháng ngày giờ đã sắp xếp theo định mệnh thêm vào cho đủ 5 yếu tố. Kinh nghiệm riêng đã thấy có phần trúng vì nó là đại lược của đời mình.

a/- Hành của tháng thụ thai sanh cho hành năm, hành năm sanh cho hành tháng, hành tháng sanh cho hành ngày, hành ngày sanh cho hành giờ, thí dụ:

Tháng thụ thai là tháng Kỷ Dậu = Thổ

Năm sanh là năm Canh Tuất = Kim

Tháng sanh là tháng Bình Ngọ = Thủy

Ngày sanh là ngày Tân Mão = Mộc

Giờ sanh là giờ Mậu Tý = Hỏa

Thổ sanh Kim

Kim sanh Thủy

Thủy sanh Mộc

Mộc sanh Hỏa

Tất cả theo hệ thống tương sinh từ trên xuống dưới là trường hợp gặp nhiều may mắn xuôi chiều.

b/- Hành khắc từ trên xuống dưới như hành của tháng thụ thai khắc hành năm sanh, năm khắc tháng, tháng khắc ngày, ngày khắc giờ là trường hợp cuộc đời gặp nhiều gián đoạn.

c/- Hành bị khắc người như tháng thụ thai bị năm khắc, năm bị tháng khắc, tháng bị ngày khắc, ngày bị giờ khắc, là cuộc đời gặp nhiều trái ý.

d/- Đủ ngũ hành nhưng không sanh hay khắc nối nhau theo một chiều hệ thống từ trên xuống dưới, chỗ thì sinh chỗ thì khắc như tháng thụ thai sanh cho năm, năm lại khắc tháng, tháng sinh cho ngày, ngày khắc giờ, cuộc đời thăng trầm đáng buồn phiền.

Bốn trường hợp nêu trên có đủ ngũ hành. Những cá nhân này không phải là hạng thiếu tư cách và đáng trọng dầu ở hoàn cảnh nào.

Còn những tình trạng thừa hành này thiếu hành kia như 3 Kim 2 Thủy hay 2 Mộc Hỏa 1 Thổ hay 4 Thổ 1 Kim thì nhận xét theo tánh nghĩa ngũ thường như:

Mộc = Thiện tâm (nhân)

Thổ = Thành thực (tín)

Kim = Minh bạch (nghĩa)

Thủy = nghiêm chỉnh (trí)

- 1- Người 3 Kim 2 Thủy là người thừa minh bạch và nghiêm chỉnh (nghĩa và trí)
- 2- Người 2 Mộc, 2 Hỏa, 1 Thổ là người dư thiện tâm và tỏ tường (nhân lễ)
- 3- Người 4 Thổ 1 Kim là người quá ử thành thực (tín)

Phần sao hần ai cũng công nhận Tử Vi là đáng quý trọng trung cho ngôi vị thụ hưởng xứng đáng với những tính cách nhân hậu phúc đức như 12 ngôi vị nhận thấy:

Tử vi ở Ngọ = Đế ngự ngai vàng thịnh trị có Liêm Phủ ở Tuất và Vũ Tướng ở Dần là văn võ triều khánh hội (có tánh cách điều hoà vì Ngọ bị Tí khắc nhập)

Tử vi ở Ty = Đế Tuần du có Thất Sát hộ giá phải dùng Liêm Phá ở Dậu càn quét và Tham Vũ ở Sửu kiến thiết.

Tử vi ở Thìn = Đế xuất chinh có Thiên Tướng phò chiến đắc Liêm Trinh ở Thân và Vũ Phủ ở Tí quản trị đất nước hữu hiệu.

Tử vi ở Mão = Đế yếm thế vì Tham Lang uy hiếp (tất cả bộ Sát Phá Tham) hãm phản vật.

Tử vi ở Dần = Đế được Thừa tướng bình thư (Thiên Phủ) được Liêm Tướng ở Ngọ và Vũ Khúc ở Tuất điều khiển việc nước hùng mạnh.

Tử vi ở Sửu = Đế bị vây hãm (Phá Quân phản) tất cả bộ Sát Phá Tham hãm trấn giữ.

Tử vi ở Tí = Bá ngự đại triều, rất hùng mạnh nhờ Liêm Phủ ở Thìn Tuất và Vũ Tướng ở Thân, uy hiếp mọi đối phương (Thân Tí Thìn khắc xuất Dần Ngọ Tuất).

Tử vi ở Hợi = Bá xuất chinh phải khó khăn vì Liêm Phá ở Mão không mấy mạnh.

113

Tử vi ở Tuất = Bá chiến đấu nhờ Liêm Trinh ở Dần và Vũ Phủ ở Ngọ xuất sắc đất nước phồn thịnh

Tử vi ở Dậu = Bá yếu thế (Tham Lang ở đây không đủ tư thế chuyên quyền) chỉ là đối trên gạt dưới.

Tử vi ở Mùi = Bá bị vây hãm bởi Phá Quân phản, chỉ trông cậy vào Thiên Tướng ở Sửu khắc phục

Tử vi ở Thân = Bá được quân sư trình thư, thế nước được sáng rạng nhờ Liêm Tướng ở Tí, Vũ khúc ở Thìn và Thái dương ở Ty sinh nhập.

Trong 12 vị trí điều làm cho ta thấy là tư cách của Thiên Tướng rất cao đẹp, dầu ở tình thế nào cũng vẫn là người khẳng khái, bất chấp cả sát tinh thâm nhập, vì ở vào vị trí nào Thiên Tướng luôn luôn chống lại Phá Quân (tư cách nghĩa hiệp). Còn Thất Sát thường xuyên dẫn mặt Thiên Phủ (cũng như Thiên Tướng xung chiếu Phá Quân) đòi hỏi, trái nghịch với Thiên phủ là người khoan thai, ôn hoà, xét hành động bằng mọi lý do rồi mới kết luận. Tuy vậy cũng có trường hợp Thất Sát phục tằm Thiên Phủ là vị trí Thất Sát ngưỡng đầu (ý nghĩa mà thôi, vị trí vẫn xung chiếu).

Còn ngôi vị thứ 3 không giống Thiên Tướng thường xuyên xung chiếu Phá Quân hay Thất Sát luôn luôn nghịch chống Thiên Phủ (bất kể ở đâu Thiên Tướng cũng xung Phá Quân và Thất Sát xung Thiên Phủ) có một tư cách sống bằng lý tưởng riêng biệt nhân nghĩa phúc hậu cũng không kém Tử vi. Nếu đắc chí làm thầy muôn thuở, bằng không cũng thành tao nhân mặc khách với non cao rừng rậm, biển cả sông dài. Phú với người này là cơm áo sao cho có miễn để sống. Quý là não óc cao cả bầu trời cùng Nhật Nguyệt soi tỏ (tùy theo đắc địa hay hãm địa với cả bộ Nhật Nguyệt). Đó là sao Thiên Lương ở trong 12 chỗ đứng địa bàn, chỗ nào cũng có nhật hay nguyệt bồi đắp như:

a/- Không Khâu có Thiên Lương ở Tí, Thái Dương ở Ngọ bị Triệt (tuổi Canh)
Thái âm ở Thân ngộ Ky

b/- Không Minh đắc Thái Dương, Thiên Lương ở Mão
Một người vì ân tình lụy của Lưu Bị mà buộc lòng làm quân sư, một người không đắc thời cũng thành vạn thế sư.

Có phải Thiên Lương là lương tâm của trời đất.

Cái đẹp dứt khoát của số vẫn là vị trí nào ở trong tam hợp Thái Tuế mà Mệnh Thân đã được an bài.

114

BÀN THỂ THỰC CHẤT CỦA THÁI TUẾ

Trên 30 năm học hỏi với nhiều đợt từ biệt Tử vi, đến nay mỗi lần cầm trên tay một lá số, việc đầu tiên là tính coi xem Mệnh Thân ở trong một vị trí nào của Thái Tuế. Thành thực mà nói lòng riêng những kính mến nhưng ai đâu là người được đặt trong vị trí tam hợp tuổi.

Một Mệnh hay một Thân, chứ đừng nói cả Mệnh lẫn Thân hay Mệnh Thân đồng cung Thái Tuế, đó là chuyện quá sức mong chờ hãn hữu. Nhớ lại ngày mới học Tử vi, theo chỉ dẫn của vị ân sư tài tử thì sợ Thái Tuế hơn cạp dữ. Nào là tù tội, nào là miệng tiếng thị phi, tranh chấp tang thương. Nay thì cảm phục không chút trù trừ do dự và thật lòng tin tưởng những công cuộc của người Thái Tuế đã làm như theo có sứ mạng.

Hai mươi năm gần đây, lần chấp nối lại tơ duyên với Tử Vi lần cuối, tự đặt câu hỏi tại sao lại 3 vòng: Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh. Sao không 2 vòng, 4 hay 5 vòng. Rồi tìm ngay nguyên nhân nào sinh ra vòng Lộc Tồn, Thái Tuế, và Tràng sinh. Thấy ngay đáp ứng do Thiên can, Địa chi và Nạp âm của tuổi. Tướng Thanh nhân phân tách đời thể nhân không phải là sơ sài, thật là đầy đủ.

Thái Tuế được đặt theo địa chi của tuổi của số, có nghĩa là người đó có được đặt ngay vào vị trí sở hữu chủ là chính mình hay không? Nếu mình nằm ngay Thái Tuế, tất nhiên mình có bổn phận có trách nhiệm nơi miếng đất mình sanh tồn. Mình đâu có lòng dạ hững hờ như kiều dân đến ăn bám ở nhờ chỉ nghĩ đến tư lợi, hay thì ở dờ thì bước. Nằm trong tam hợp Thái Tuế là ở trong thế liên minh hữu nghị thuộc địa quyền công dân không phải là mất, vẫn được đối đãi ngang hàng cùng người sinh quán, vẫn tự do làm bổn phận mỗi khi đất mẹ cần đến. Một là phải suy tính kỹ càng (Quan Phủ), hai là khi đã vén tay áo là hăm hở cho đến cùng (Bạch hổ).

Người trong tam hợp Thái Tuế là người có miếng đất cắm dùi có bổn phận trách nhiệm cho miếng đất mình sinh sống, không lẽ mình phá hoại căn nhà mình đã được cha truyền con nối có đầy đầy kỷ niệm hào hùng hay bi đát, tổ tiên đã gây dựng lên tốn hao biết bao mồ hôi cơm gạo, để mình thụ hưởng mà mình quên bổn phận bảo tồn và tô điểm thêm lên cho khởi sắc. Phải chăng Thái Tuế là chỗ ngồi tinh thần cao đẹp nhất của tuổi số.

115

Người trong tam hợp Thái Tuế, tối thiểu là có tư cách, từ người làm mướn đến tột đỉnh cao sang tùy theo thứ lớp, địa vị người đó đứng trong xã hội. Ví dụ tam hợp Thái Tuế là khu đất chắc nịch, nhà nào được xây dựng lên được yên lòng, không sợ lún sâu như chỗ sinh lầy đổ rác phủ qua một lớp đất mỏng, người xấu số không biết cứ lập lên 3, 4 tầng lầu. Rồi ngày qua tháng lại chỉ một cơn mưa dầm, nhà sẽ đổ ngay bộ mặt thành nứt nẻ nghiêng vẹo. Thử hỏi ai là người gan dạ tin ở sự vững chắc của căn nhà mà dám dọn đồ đến trú ngụ.

Người được một Mệnh hay Thân ở tam hợp Thái Tuế, kể như đã có một thành quả nào rồi, nhưng chưa hẳn mãn ý. Như Mệnh ở tam hợp Tuế Phá mà Thân ở tam hợp Thái Tuế là người tuy thiếu thời gặp bước lưu ly nhưng tác dạ sắt son không thể ulla theo vô nghĩa. Tự mình vẫn vạch lấy con đường lý tưởng mình đi. Thương cho ai mệnh Thái Tuế mà Thân bị lọt vào tam hợp Tuế Phá, cuộc đời của mình không thiếu sót bổn phận. Vậy mà vẫn niên thấy như bị ép buộc, không cho phép mình được thi thố theo sở ước, mà còn bị bạc đãi nữa là khác (có 2 trường hợp : người dương nam mệnh ở Thái Tuế thì ngoài 50

tuổi hết hạn Thái Tuế, tiếp ngay đến hạn Thiên Không. Trái với người âm nam trên 30 tuổi phải gặp Thiên Không như người được huân **nhẫn** trước rồi ngoài 40 mới được Thái Tuế bù lại. Tưởng đó là một cuộc thử thách cho người, có chi nhẫn nại và nghịch lý âm dương). Nào phải là người miệng nói đạo nghĩa là thực hiện lại theo ma giáo, vì định mệnh đã tạo cho người đó là Thái Tuế (Mệnh) thì không thể có đầu óc làm quấy. Sở dĩ không đạt được trọn vẹn ý muốn vì một lẽ gì khiến mình buộc lòng phải theo, mình không thể thổ lộ, cam chịu sự bạc bẽo đành nhận lãnh không đổ trách nhiệm cho người khác (Thân Tuế Phá).

Từ 14 chính tinh đến trung tinh và sát tinh chỉ là đồ trang hoàng, bài trí làm cho căn nhà có vẻ phong phú đài các hay nghèo khó xác xơ, nói toạc ra là chỉ lớp áo phủ ngoài một pho tượng vàng hay đất làm cho người ngoài dễ lầm lạc ngộ nhận.

Như 2 sao Tử Phủ ở Dần Thân hay Phá Quân ở Thìn Tuất chẳng hạn. Người nào được khoác áo Tử Phủ hẳn cho là người đó ở hạng quân tử, đứng đắn, kẻ cả đàn anh, còn Phá Quân ở Thìn Tuất hẳn là quân bất nhân, lừa thầy phản bạn.

116

Thưa rằng nghĩa nó là thế không phải là không đúng. Nhưng nếu không xét từ cội rễ là một chuyện bé cái lắm. Nếu là Tử Phủ ở Dần với người tuổi Dần Ngọ Tuất, Mệnh ở ngay Dần Ngọ Tuất thì xin khoan tay kính chào. Đó là người xứng đáng được trọng vọng dầu có bị Không Kiếp trà trộn, chỉ thêm lòng bác ái ngại cho ai không được đời biết đến hay bị đồ kỵ mà yếm thế, hạng người này không phải ăn ở hai lòng, xin dâng danh hiệu là Nhạc Bất Quần, ngụy quân tử nếu được thêm 2 ông phụ tá Không Kiếp trợ lực, thật không biết kính dâng ông cái thẻ bài gì để ông đeo cho xứng đáng tư cách chúa trùm của ông.

Còn Phá Quân ở Tuất, nếu là người tuổi Dần Ngọ Tuất chỉ là người mang tiếng phản bội không trung thành, đáng được minh oan. Thật ra chỉ vì một cái thế kẹt gì đó mà oan tình, ngoài ra lòng thành thực chỉ có cao xanh hoạ chẳng thấu rõ. Trái lại Phá Quân ở Tuất mà lại tuổi Thân Tí Thìn thì xin miễn nói vì tiếng đặt cho sao và vị trí đóng nó đã đầy ý nghĩa rõ ràng không cần bàn thêm.

Một người Tả Hữu Không Kiếp cũng vậy. Trường hợp ở vị trí tam hợp tuổi có Tả Hữu Không Kiếp là người đa tài mà không đắc dụng. Ngược lại người có Tả Hữu Không Kiếp ở vị trí tam hợp Tuế Phá là người không thể đặt niềm tin, một khi họ chủ trương một công việc gì có thể coi là công ích vị tha, luôn luôn người đó nghĩ đến bản thân trước có thừa thãi mới là lợi chung.

Vây cung và sao là 2 bộ phận của Mệnh viên, cũng là hình thể chắc hay **ốp**, khoẻ mạnh hay ốm yếu. Sao là phần sơn tô điểm, là quần áo sang trọng hay xềnh xoàng vá rách. Một thân hình khoẻ mạnh lồng trong bộ quần áo rách vá, vẫn thấy người đó đi đứng chững chạc của nội trạng lực sỹ hào hùng, khác xa hẳn mã người chệch choạng lẩy bẩy với bộ gấm vóc mà mặt mũi hốc hác, chân tay khẳng khiu.

Tìm tòi thực chất của Thái Tuế là vạch vôi, với mốc căn nguyên bản số của người, như các cụ xưa kia, mỗi người khi dựng vợ gã chồng cho con cháu, là xem xét dòng giống của đầu rễ cội gốc nào, gia phong ra sao, nay thấy là chuyện không phải không có ý nghĩa sâu xa.

Vòng Thái Tuế có thể nói là phần căn bản của số chỉ 12 chỗ đứng mà thấu đáo hết cốt cách của người, thêm phần sao để biến dạng phần nào. Rồi cùng thời gian đưa dẫn thể nhân từ nơi sáng vào chỗ tối, hay từ chỗ tối diu dắt đến nơi sáng, tức là vận hành cũng không ngoài vòng Thái Tuế điều khiển.

117

Nhớ lại cũng một ngày đầu xuân năm ngoái, được tiếp một cụ tuổi Giáp Dần (62 tuổi). Cụ sợ mất thì giờ của tôi, cụ chỉ xin 15 phút để nói chuyện Tử vi.

Xin thưa rằng tôi có tật ít khi xem số của ai để số trước mặt, chỉ xin cho biết năm tháng ngày giờ sinh và vẽ ngay số bằng hình hỷ hà học theo tam hợp, để người có số dễ hiểu đời mình thế nào. Thấy Mệnh cụ đóng ở Tuất có Phá Quân . Tôi hỏi ngay có phải cụ chỉ thắc mắc ở chỗ Phá Quân Tuất này không? Hỏi rồi, tôi tự trả lời ngay: cụ chỉ bị đời hiểu lầm là Phá Quân, thật ra Cụ một lòng sắt son với bạn hữu. Cụ Tuổi Dần, Mệnh ở Tuất là trong tam hợp Thái Tuế. Người của tam hợp Thái Tuế không có tư cách của Phá Quân thường tình, dầu rằng tuổi Giáp Dần là Thủy Mệnh mà Phá Quân lại là thủy tinh.

Ông cụ đứng ngay lên, nắm tay tôi, xin phép một ngày trở lại coi. Cụ quá ư cảm động.

Viết lên bài này để kỷ niệm ngày tái tiếp cụ cũng ngày đầu Xuân năm nay (Ất Mão) với đầy ý nghĩa. Cụ đã cho biết tất cả những gì đã đem đến cho cụ trên 30 năm nay vì Phá Quân ở Tuất cung của người tuổi Dần Ngọ Tuất.

118

SỰ NGANG NGŨA GIỮA BỐN TAM HỢP CỤC

Tam hợp cục là bề thế lực lượng của một khối 3 chi chung lưng góp sức gồm lại bồi đắp cho nhau để sanh tồn. Với 12 chi thì có 4 tam hợp là Thủy nhị cục (Thân Tí Thìn) Mộc tam cục (Hợi Mão Mùi) Kim Tứ cục (Tỵ Dậu Sửu) và Hoả lục cục (Dần Ngọ Tuất). Thấy trong mỗi cục đều có Thổ (Thìn Tuất Sửu Mùi) nằm ở trong là nguồn tập hợp diễn chuyển của 4 thế chính là Tí (Thủy) Ngọ (Hoả) Mão (Mộc) Dậu (Kim) với 4 nguồn sinh lực là Dần sinh Ngọ, Thân sinh Tí, Tỵ sinh Dậu, Hợi sinh Mão.

Đứng trong địa bàn 12 cung chia nhau theo phương hướng thành thế chân vạc rõ ràng chống nhau (Dậu đối diện với Mão, Tí ngó thẳng Ngọ). Theo sự khắc chế thì chỉ có Kim khắc Mộc và Thủy khắc Hoả là hai thế trên tay luôn luôn dễ dàng đàn áp đối phương. Nếu thế thì Dần Ngọ Tuất (Hoả) và Hợi Mão Mùi (Mộc) sinh ra để rồi lần hồi cò cọc tự tiêu diệt không còn nở mặt nở mày mà sinh sống ra sao?

Đây là cả một đề tài cần phân tách căn nguyên, 12 chi đã phân chia âm dương đều nhau với ngũ hành:

Tí (dương)	Hợi (âm)	= thủy
Dần	Mão	= mộc
Ngọ	Tỵ	= hoả
Thân	Dậu	= Kim
Thìn Tuất Sửu Mùi		= thổ

4 chi Tí (Thủy) Ngọ (Hoả) Mão (Mộc) Dậu (Kim) đứng theo phương hướng ngay chính Bắc Nam Đông Tây với đủ màu sắc riêng biệt xám đỏ Thanh (xanh) trắng biểu hiện cho 4 mùa thời tiết xuân (xanh) hạ (đỏ) thu (trắng) đông (xám) cho nên Tí Ngọ Mão Dậu được liệt danh là tứ chính. Dần Thân Tỵ Hợi mới là sơ khai của tứ chính nguồn sinh lực bắt đầu này nở nên khi gặp tứ chính thì tải bồi một cách đặc lực như Hợi gặp Mão, Dần gặp Ngọ, Tỵ (Mậu Thổ) gặp Dậu, Thân gặp Tí nên được coi là tứ sinh. Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi xuất phát và cũng là nơi tập trung tức là sân khấu diễn biến của kim mộc thủy hoả là Mộ cung, có nghĩa là mọi vật đều do đất mà ra đến khi tàn tạ lại trở về với đất.

119

Một khi đã đứng thành cục, lẽ sanh tồn luôn luôn phải có sanh và khắc, như Kim Tỵ Dậu Sửu khắc Mộc Hợi Mão Mùi và Thủy Thân Tí Thìn khắc Hoả Dần Ngọ Tuất là hai thế đụng chạm dữ dội dứt khoát người thắng kẻ bại, trái với Hoả Dần Ngọ Tuất khắc Kim Tỵ Dậu Sửu thì Hoả sẽ vì Kim mà sa lầy ngấm tắt. Nếu Mộc gặp Kim, Kim gặp Hoả, Hoả gặp Thủy là những trường hợp phải cam chịu sự thua thiệt (khắc nhập). Còn Kim gặp

Thủy hay Mộc gặp Hỏa là cảnh sút kém (sinh xuất) không như Mộc gặp Thủy, Hỏa gặp Mộc là được thuận lợi (sinh nhập).

Đứng trên địa bàn 12 cung 4 tam hợp chia nhau đứng xen kẽ thành thế ba chân vạc đối diện nhau, nếu là xung khắc như Thủy đối diện Hỏa, Kim đối diện Mộc. Còn nối đuôi nhau là sinh hoá như Thủy đứng sau Kim, Kim sau Hỏa (trong Hỏa có Kỷ Thổ), Hỏa sau Mộc, Mộc sau Thủy.

Tuy là đối chiếu vẫn là Kim khắc Mộc và Thủy khắc Hỏa nhưng vị trí thuộc ảnh hưởng luật âm dương, thì Mộc và Hỏa ở thế lợi điểm quang sinh của Thái Dương, không như Kim và Thủy chìm đắm ở cảnh mập mờ đen tối của Thái âm. Một đằng lấy uy lực để khống chế, một đằng nhờ cậy sáng tỏ làm lợi điểm cao danh.

Ngọ cung là ngôi vị tuyệt đích cao đẳng nhưng vẫn e dè Tí cung xung phá. Mão địa là cả một cảnh bình minh xuân sắc vẫn ngại ngừng trước tiết thu phân lần át. Hai khối này trội hơn đối phương về thanh thế.

Tỵ Dậu Sửu đàn áp dễ dàng Hợi Mão Mùi vì sắc bén lại kém hẳn về nhất trí thường xuyên có mâu thuẫn (Phá Toái) cho nên Phá Toái chỉ có ở 3 cung Tỵ Dậu Sửu làm ngòi chia rẽ phá hoại.

Kiểm điểm những sở trường, những yếu điểm của 4 tam hợp cho thấy Dần Ngọ Tuất chiếm vị trí đàn anh ưu thế hơn cả với nhiều thành tích ghi danh kim cổ. Chiếc chiếu khiêm nhường cuối hàng là liên danh Hợi Mão Mùi với vẻ nho sinh trung hậu của mùa xuân êm dịu, tuyệt không khắc chế một ai, cam phận ôn hoà lương thiện. Giữa Tỵ Dậu Sửu và Thân Tí Thìn, Thân Tí Thìn được Tỵ Dậu Sửu bồi đắp mới ngang nhiên dẫn mặt Dần Ngọ Tuất chiếm bảng á nguyên ngay sau Dần Ngọ Tuất.

Tính cách Phá Toái (đập nát) như trong 4 số sau đây không thể không quan tâm lưu ý:

- 1- Tuổi Canh Tuất sanh ngày 29-3 giờ Mão
- 2- Tuổi Kỷ Mùi sanh ngày 4-1 giờ Sửu
- 3- Tuổi Kỷ Mùi sanh ngày 8-4 giờ Thìn
- 4- Tuổi Quý Hợi sanh ngày 24-11 giờ Mão

a/ Tuổi Canh Tuất mệnh nằm phải ở Sửu thấy ngay Phá Toái ngang dọc nội tâm. Tiếc thay Tham Vũ, ngôi nhà xây cất đúng phẩm lượng cốt sắt (Kim mệnh có Vũ Khúc làm nòng cốt). Tam hóa liên châu giáp nhật nguyệt là cả một phẩm cách xuất chúng. Phá Toái tung hoành liên kết với vị trí Thiếu âm khiến đời cứ một lần hai lỡ, thiệt hại đáng phàn nàn. Thân ở Mùi trong tam hợp Thiếu Dương thiên phú cho sự thông minh hơn người. Phải chăng áo nâu tràng hạt do Thiên Đức Nguyệt Đức, Phúc đức điều khiển nên khuôn xử trùng với tam hóa liên châu về đêm tự mãn làm thầy tinh thần còn hơn lẫn lộn trong thế cuộc không thành cơm cháo gì. Tuần Triệt nơi đây với Tam đức, ngay cả Thiên Quan Thiên Phúc là các đẳng cao dày đức độ cứu nhân độ thế là việc đáng trọng, kể như là không có,, nghĩa là Tuần Triệt không có sai phạm gì đến uy thế năng cản nổi Quan Phúc và Tứ Đức.

b/ Hai tuổi Kỷ Mùi Mệnh cùng ngôi ở Sửu. Biết rằng 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi hễ Mệnh an ở Sửu thì thấy tức khắc Phá Toái đã ở trong gan ruột, mỗi bất ổn chờ cơ hội quấy phá. Với hai tuổi Mùi, Phá Toái thêm vây cánh Tuế Phá trợ lực, còn gì là Phủ Tướng, Tham Vũ Quyền Lộc. Một Tuần bằng kim cương đóng ngay ở Mệnh mài dũa Phá Toái thành chiếc trâm vàng tô điểm cho Tham Vũ, Thiên Phủ có giá trị (một trường hợp hung tinh ngộ chế) biết tiết chế tham vọng (ngụ cư trên đất người). Người Tham Vũ được hưởng phần danh dự dư âm rất tương xứng không thể hơn ai vì Thân cũng vương cảnh địa Tang Môn Liêm Phá. Nếu không có Triệt ở Thân Tuần ở Mệnh, màn cảnh Tham Vũ Liêm Phá Quyền Lộc đặc cách Thiên Mã ở Tý (ngựa xích thố) cho người Hoả mệnh, làm gì không một cõi biên thủy ngang dọc tắm thân Từ Hải vẫy vùng. Người Thiên Phủ gỡ gạc được Thân ở vị trí Bạch Hổ (tam hợp Thái Tuế) tình cảnh Từ Tham không hợp (Tham Lang sinh nhập, Tử Vi sinh xuất) phải là Liêm Trinh nơi Mùi ở ngôi vị Thái Tuế (tam hợp của Thân) đặc Quyền Lộc ở Mão Hợi. Bộ Sát Phá Tham này tuy ở trường hợp hãm, nhưng đặc hoá biến thể Tham Vũ, còn một Phá Quân cũng phần nào khó chịu với Đà La kỵ cho tuổi Kỷ. Mệnh Phủ Tướng gặp hạn Sát Phá Tham kể như đặc lực hanh thông: Đà la đã có Thất Sát quản trị, nhưng đây là Thiên di phải xa nơi sinh quán.

121

c/ Tuổi Quý Hợi ngôi ở Dậu, Phá Toái nhập Mệnh, từ thuở ra đời với Từ Tham Hoá Kỵ giáp Khoa Quyền (tam hoá hận đời) Từ Tham chỉ là phần hình thức, Vũ Phá ở Tý mới là tinh thần thoát xác. Hành động bản thân vẫn là thuận đường chính nghĩa biết bao nguy hiểm (Kinh Hình hãm) vẫn tron tru lạnh mạnh (Khôi Việt Thiên Ất quý nhân) . Số này có hình thức đặc biệt từ vị trí Mệnh với Thân đến tư cách sao hợp tuổi hành động cũng dứt khoát. Toái Quân lương Phá người này quyết tâm dập nát tất cả những gì ngang trái. Thiên Tướng (tam hợp Thân) không giây phút nào xao nhãng thẳng tay ngăn chặn những gì không chính đáng.

Mệnh đứng trên địa bàn mở đường ngắm nhìn tam hợp cục thấy đâu là bản lãnh thân thể nhân sinh, rồi quyền lộc cùng thời gian khác gì thủy triều phù vân sáng tối.

122

GIẤY LIÊN LẠC BÀO VỚI NÔ

Thánh nhân đặt Mệnh và Thân nằm theo năm tháng ngày giờ sinh tính căn kẻ từ liên hệ trong gia đình cho đến tình nghĩa đối đáp bên ngoài với xã hội. Người học số lại thường phân chia lấy cung này quan hệ cho là cung cường, cung kia không cần thiết gì cho lắm cho là nhược, nghĩa là không gây ảnh hưởng mạnh cho đời sống của người có số.

Vậy đâu là cường và đâu là nhược? Có người đã khấn định ngoài Mệnh ra chỉ có Phúc, Quan, Tài là cường, còn lại là nhược hết. Thiết tưởng cường nhược gì, nếu được một cung nào đẹp, người có số hẳn cũng thấy hạnh phúc về phương diện đó, như cung Tật Ách tốt, hẳn người đó được một đời sống đầy đủ sức khỏe, ít ốm đau, tai nạn để tránh, tưởng cũng là rất quý.

Đứng cao trên hết là Phúc Đức, không hình bóng dáng, chỉ huy thêm bớt tất cả liên lạc dự thảo các cung còn lại khiến mỗi người có 1 cuộc sống khác nhau, mặt dầu số giống nhau như in, từ hoàn cảnh gia đình có cha mẹ, vợ con, sản nghiệp nhưng về phương diện xã hội hẳn là người cùng mình ganh đua (Di) và bạn hữu (Nô).

Đời sống mỗi cá nhân có con đường liên lạc tiếp xúc với thế giới bên ngoài thì vấn đề anh em đứng đòn cân với bạn hữu là thế rất hay và thiết yếu. Vậy Bào Nô không thể coi thường nhất là trên trường chính trị, người tin cậy không ai khác là anh em và bạn hữu trung tín mới mong đắc lực. Phải chăng vì thế Bào và Nô mới đứng song hàng để kiểm giữ liên lạc với nhau.

Biết rằng đã đứng riêng một đòn cân thì hẳn là cùng chung một phái trong thế lưỡng nghi. Như Mệnh có Cơ Nguyệt Đồng Lương thì Phụ, Bào và Nô đều là Tử Phủ, Sát Phá Tham. Bào và Nô vốn là vấn đề nhân sự khác hẳn Tử và Điền, Phụ và Ách, rất tế nhị giữa người với người, để có những sự biến đổi sớm đầu tối đánh vui cười đó mà thâm tâm lại khác, nếu sự đối sử không khéo léo cũng như không trùng lúc thì sự phân tách cũng không thể sơ sài và cần cân nhắc mọi khía cạnh như số đã sắp xếp. Bào đứng sát sau lưng Mệnh để liên lạc ganh đua với Nô, cũng như Phụ đứng sát trên Mệnh, để đối phó với Ách.

Tử và Điền chỉ cần cân nhắc bên nào nặng nhẹ, cung nào khắc cung nào, và bộ sao nào đắc cách cho phía nào.

123

Phụ và Ách là vấn đề phiền phức dễ gây ra do bộ Sát Phá Tham và Cự Môn, Vũ Khúc, người hiếu tử không thể không ái nấy, chính mình phải hy sinh thay cho cha mẹ hơn là thấy cảnh gay gắt bất an của bậc đã cho ta đời sống.

Còn Bào và Nô là cả một sự khó khăn, con đường giao tế tiếp xúc từ gia đình đến xã hội cũng như Mệnh phải đối phó với Di. Biết rằng Mệnh và Di là cả một cuộc vật lộn tranh đấu, người có số phải chính mình thu tập đủ các điều kiện để thắng đối phương. Điều kiện tiên quyết là mình phải tạo giành cho được chính nghĩa (vị trí tam hợp Thái Tuế) rồi mới tính đến sao là những yếu tố hậu thuẫn (âm dương, ngũ hành, vượng hay hãm địa) có khác gì một vị Thái Tổ dựng nên nghiệp vương cho một thế hệ. Từ lúc xuất thân ra khỏi lều cỏ đến lúc bước chân hành diện vào điện Thái Hòa phải đủ bao nhiêu điều kiện khó khăn.

Vậy Bào và Nô tuy là đứng sau Mệnh và Di, nhưng không thể không có điều kiện thiết yếu hơn là các đòn cân khác, có chăng chỉ là thứ yếu, dưới Mệnh. Đã nói là vấn đề nhân sự, không thể khi thường, phải tự xét mình và biết người. Ở đây Mệnh phải hoàn toàn là cột trụ để điều khiển cả Bào lẫn Nô như :

- 1- Mệnh ở Ngọ có Tử Vi, Bào ở Tỵ có Thiên Cơ (đắc địa) sinh nhập cho Phúc. Nô ở Hợi có Thái Âm (đắc địa) sinh xuất cho Tài, có nghĩa là Nô trung thành đắc lực hơn Bào mà vẫn bị Bào lấn át.
- 2- Mệnh ở Tỵ có Tử Sát, Bào ở Thìn có Cơ Lương, được Quan sinh nhập. Nô ở Tuất vô chính diệu đắc Cự Nhật ở Dần (tam hợp), được thể sinh xuất, tức là Bào và Nô đều đắc lực. Nô vẫn bị kém thế hơn, được nội tướng đối xử ngầm phủ dụ an ủi.
- 3- Mệnh ở Thìn có Tử Tướng, Bào ở Mão có Cự Cơ, sinh xuất cho Di, dễ bất bình với Mệnh đi làm đường lạc lối. Nô ở Dậu vô chính diệu được Nhật Nguyệt ở Sửu (tam hợp) và Cự Cơ ở Bào (xung chiếu), sinh nhập cho Mệnh, lấn Bào, triệt để trung thành với Mệnh.
- 4- Mệnh ở Mão có Tử Tham, Bào ở Dần có Cơ Âm (hãm) được cung Tài sinh nhập (một gánh nặng cho Mệnh). Nô ở Thân vô chính diệu có Cự Nhật hãm (tam hợp), Cơ Âm ở Dần xung không ích gì hơn Bào.
- 5- Mệnh ở Dần có Tử Phủ, Bào ở Sửu có Thiên Cơ, sinh xuất cho Thê. Nô ở Mùi có Thiên Lương sinh xuất cho Quan. Bào và Nô đều thành thực giúp ích cho Mệnh, nhưng Bào điều khiển Nô.

124

- 6- Mệnh ở Sửu có Tử Phá, Bào có Thiên Cơ ở Tí (bình) được Mệnh sinh xuất. Nô ở Ngọ có Cự Môn được Di sinh xuất, bị Bào khắc chế, coi chừng Nô này dám làm nội tướng cho kẻ địch.
- 7- Mệnh ở Tí có Tử Vi. Bào ở Hợi có Thiên Cơ (hãm) sinh xuất cho Phúc Đức. Nô ở Tỵ có Thái Âm (hãm) sinh nhập cho Tài. Cả Bào và Nô đều là kẻ vô tài, hay nản lòng trách móc và ly tán.

- 8- Mệnh ở Hợi có Tử Sát. Bào ở Tuất có Cơ Lương được Quan sinh nhập. Nô ở Thìn vô chính diệu có Cự Nhật ở Thân hãm (tam hợp) khắc xuất Bào ở Tuất, lại được Thê ở Dậu sinh nhập, tức là Nô vô tài, dối trên lừa dưới.
- 9- Mệnh ở Tuất có Tử Tướng. Bào ở Dậu có **Cự** Cơ sinh xuất cho Di, ôm hận ngấm ngầm để phản bội. Nô ở Mão được Nhật Nguyệt ở Mùi chiếu (tam hợp) bị Bào không chế để triệt để trung thành với Mệnh.
- 10-Mệnh ở Dậu có Tử Tham. Bào và Nô đều là chân tay đắc dụng.
- 11-Mệnh ở Thân có Tử Phủ. Bào ở Mùi Thiên Cơ (đắc địa) sinh xuất cho Thê. Nô có Thiên Lương ở Sửu sinh xuất cho Quan. Cả Bào và Nô đều là tôi lương đồng. Nhưng nô bất phục bào.
- 12-Mệnh ở Mùi có Tử Phá. Bào có Cơ ở Ngọ (bình) được Mệnh sinh xuất. Nô ở Tí có Cự Môn (đắc địa) được Di sinh xuất coi thường Bào, mặc dầu được kẻ nghịch mua chuộc nhưng không thay lòng đổi dạ (được Thái Dương đắc địa ở Thìn chiếu).

Mười hai trường hợp ở trên không trường hợp nào giống trường hợp nào, mặc dầu bộ sao có giống nhau, nhưng vị trí khác (cung sinh khắc phải khác) ngôi vị đắc địa hay hãm địa cũng khác mà điều cần nhất là Mệnh luôn luôn làm chủ tình thế. Nếu sao thủ Mệnh đắc địa dễ điều khiển được Bào và Nô ví như một vị minh quân đức hạnh, trái lại hãm địa là người vô tài nhu nhược, chóng chày gì cũng có những biến chuyển đưa đến bất lợi.

Tóm lại có thể đặt một ít chi tiết mong rằng được coi như nguyên tắc cần thiết để nhận định:

1. Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật đắc địa dễ điều khiển được Bào và Nô (dĩ nhiên là Tử Phủ hay Sát Phá Tham) cũng đắc địa, mọi sự thành công nhưng hay bất hòa với Bào, còn Nô trung thành.
2. Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật đắc địa mà Bào và Nô hãm địa, đám quân thần kẻ như xác xơ lại hay oán trách.
3. Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật hãm địa khó mà điều động được Bào và Nô (Tử Phủ và Sát Phá Tham) đắc địa, dầu có được việc nhưng hay lấn quyền.
4. Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật hãm. Bào và Nô (Tử Phủ, Sát Phá Tham) cũng hãm, việc thành công kẻ như vô vọng, người chân tay phân tán phản bội.
5. Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham đắc địa được Bào và Nô (dĩ nhiên là Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật) đắc địa. Tôi trung thành vẫn có những thành quả chủ nhân không mấy hài lòng, vì Cơ Nguyệt Đồng Lương không mấy khi đắc lực bằng Sát Phá Tham.

125

6. Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham đắc địa gặp Bào và Nô hãm, tức là bầy tôi bất lực ăn bám.
7. Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham hãm được Bào và Nô đắc địa, công việc tiến hành vẫn được việc.
8. Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham hãm gặp Bào và Nô cũng hãm, ôi thôi bạn bè phản đông vô tài và phân tán.

126

PHỤ MẪU LIÊN QUAN GÌ TỚI TẬT ÁCH

Các đấng tiên hiền xưa đã có câu :” cha mẹ hiền lành để phúc cho con và cha ăn mặn thì con khát nước”. Thiết tưởng đó là luật nhân quả sâu xa của một truyền thống riêng cho từng gia đình, có lẽ vì thế cung Phụ Mẫu trong Tử Vi mới đứng cân phân với Tật Ách của lá số.

Biết rằng luật âm dương mật thiết cho Tử Vi như hình với bóng và vì có lý âm dương mới cho phép ta phân biệt và tìm phăng ra đầu mối nhờ mọi sự thiết yếu của số, thì mọi lý lẽ của mỗi cung số đều nên nhận xét là ở một thể tứ tượng trong lưỡng nghi nào.

Mười hai cung trong lá số dĩ nhiên căn bản là Mệnh. Cái sườn nhà có vững chắc thì nhà mới đỡ rung rinh lúc gặp mưa dông bão táp. Cái nhà có đứng vững ở không gian là do tay thợ lành nghề biết kiến tạo, nhưng một phần quan trọng cũng phải do nơi vị trí căn nhà đó dựng lên trước kia là gì? Đầm ao sinh lầy hay là đất thịt cứng chắc tức là cha mẹ sinh dưỡng truyền thống cho bản mệnh luôn luôn kinh chống tật ách.

Như Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật thì Phụ Mẫu phải là Sát Phá Tham, Tử Phủ Vũ Tướng, cung Tật Ách đương nhiên là đồng phái với Phụ Mẫu là Sát Phá Liêm Tham hay Tử Phủ Vũ Tướng, một thể đứng của tứ tượng.

1. Mệnh ở Ngọ, Phụ Mẫu ở Mùi có Tử Phá, Tật Ách là Thiên Tướng (Sửu) sinh xuất cho Di để uy hiếp Mệnh.
2. Mệnh ở Ty, Phụ Mẫu ở Ngọ có Tử Vi, Tật Ách là Tham Lang (Tí) được cung Tài sinh nhập tức là Mệnh Phải tốn hao tiền tài.
3. Mệnh ở Thìn, Phụ Mẫu ở Ty có Tử Sát, Tật Ách là Thiên Phủ (Hợi) sinh xuất cho Thê ở Dần phải hứng chịu nhiều rắc rối.
4. Mệnh ở Mão, Phụ Mẫu ở Thìn có Tử Tướng, Tật Ách là Phá Quân (Tuất), được Mệnh sinh xuất là chính mình trồng cây hậu quả.

5. Mệnh ở Dần, Phụ Mẫu ở Mão có Tử Tham, Tật Ách vô chính diệu (Dậu) phúc đức lãnh nhân quả của tiền nhân.
6. Mệnh ở Sửu, Phụ Mẫu ở Dần có Tử Phủ, Tật Ách là Thất Sát (Thân), Quan Lộc (công việc) tạo lấy nhân quả.

127

7. Mệnh ở Tí, Phụ Mẫu ở Sửu có Tử Phá, Tật Ách là Thiên Tướng (Mùi), sinh xuất cho Di để chống lại Mệnh.
8. Mệnh ở Hợi, Phụ Mẫu ở Tí có Tử Vi, Tật Ách là Tham Lang (Ngọ) gây hao tài cho Mệnh.
9. Mệnh ở Tuất, Phụ Mẫu ở Hợi có Tử Sát, Tật Ách là Thiên Phủ (Tý) đem phiền phức cho Thân.
10. Mệnh ở Dậu, Phụ Mẫu ở Tuất có Tử Tướng, Tật Ách là Phá Quân (Thìn), là Mệnh chịu lấy kết quả đã làm.
11. Mệnh ở Thân, Phụ Mẫu ở Dậu có Tử Tham, Tật Ách vô chính diệu (Mão) phúc đức lãnh hậu quả của tiền nhân
12. Mệnh ở Mùi, Phụ Mẫu ở Thân có Tử Phủ, Tật Ách có Thất Sát (Dần) công việc hành động tạo lấy nhân quả.

Mười hai trường hợp trên, lấy Tử Vi đặt vào cung Phụ Mẫu có ý muốn chứng tỏ vị chúa tể tuy được gọi là vị tối cao phúc hậu, nhưng hễ đã dính đứng chung với bộ Sát Phá Tham thì cũng không chứng nọ tật kia, như Tử Sát là có sự bất hòa giữa cha mẹ. Tử Phá có sự lìa khác. Tử Tham phải phân ly thì cung Tật Ách tất được Phủ, Tướng, mọi sự nhẹ nhàn cho đương số có bệnh tật chỉ là nội thương và dễ gặp thầy thuốc. Trái lại Phụ mẫu là Phủ Tướng, con phải hứng chịu mọi tai ách hay bạo bệnh, tùy trường hợp nào trong 12 cách ở trên để biết nhân quả. Cơ Nguyệt Đồng Lương và Cự Nhật cũng vậy. Hễ cung Phụ Mẫu đã liên hệ ít nhiều đến Cự Môn (chính cung hay tam hợp) cũng lắm chuyện chẳng lành không kém Sát Phá Tham là bao. Còn như được Đồng Lương (Âm tinh và Diệu tinh) là 2 vị Phúc tinh thủ đắc cho Phụ Mẫu thì Tật Ách chạy không khỏi Cự Môn sinh nhiều điều phải đề phòng bắt tắc.

Tại sao những đấng Phụ Mẫu được coi là có bộ mặt phúc hậu nhất như Tử Vi độc thủ, Tử Tướng, Tử phủ, Đồng Lương lại gây ra những hậu quả không tốt đẹp cho con cái, tức là cung Tật Ách phải chịu Sát Phá Tham, Cự Nhật hành hạ ?

Thưa rằng : Tử Phủ Vũ Tướng và Cơ Nguyệt Đồng Lương là 2 bộ hiền lành đâu có lực lượng chống lại Sát Phá Tham và Cự Nhật, là 2 sức mạnh có uy vũ sắc bén, sát khí hung cường, chỉ còn con đường phước thiện, cố làm điều lành để mua chuộc cho con cháu tránh nẻo chông gai tùy theo mức độ đã tạo nôi.

Việc này không phải là không có ý nghĩa như Mệnh đóng ở Tuế Phá, Tang Môn, Điều Khách là người thường xuyên không được hài lòng với công việc mình làm mà vẫn thi gan cùng tuế nguyệt bằng nghị lực Thiên Mã (trong Tử Vi chỉ có 3 hạng người này mới có Thiên Mã). Phần số của họ là coi những tai ương tật ách như cơm bữa, không có gì phải lo ngại, vì Ách cung không bao giờ vắng bóng Thiên Không (chính cung hay tam hợp). Còn những trường hợp Ách có Tuần hay Triệt hay vô chính diệu hoặc cung Phụ Mẫu khắc xuất Tật Ách đều có ý nghĩa Tử Phủ, Đồng Lương lấy đức chinh phục tai ách để giảm bớt cường độ của tật ách 5 trường hợp ở trên, người có số nếu được những vị phúc tinh như Thiên Quan, Thiên Phúc, Ân Quang, Thiên Quý phò trợ, không phải tình cờ may mà gặp, mọi sự như đã an bài. Còn ngoài ra những vị Phụ Mẫu quá hiền hậu như trên (Tử Phủ Đồng Lương) phải coi như bậc hiền nhân đã ý thức được điều phải làm mà chưa đủ âm đức cản trở được nghiệp nhân quả phải bù trừ.

Còn Phụ Mẫu phải lãnh vai trò Sát Phá Tham hay Cự Nhật, người làm con luôn luôn ở trong tình trạng đau lòng vì cảnh mất bình thường như vất vả, chia ly hay náo loạn của đảng sinh thành để cố tạo cung Tật Ách cho mình ít khi gặp bạo bệnh hay tai nạn nguy hiểm. Ở đây ta phải nhìn nhận là một đường lối hy sinh của cha mẹ cam chịu cảnh bất an để cho con đỡ gặp bước đường đời đầy vò phần xác thịt mà người đã nâng niu nuôi nấng yêu cầu cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay.

GIÀU NHỜ BẠN, SANG VÌ VỢ

Đời người từ lúc biết ăn nói đi đứng là đã có bạn. Có bạn ăn chung miếng bánh, có kẻ chụp giựt đồ chơi để chơi một mình, có bạn thấy mình sức yếu không làm lại ai thì thương hại dịu dặt đi kiếm tìm lối chơi khác. Rồi khi khôn lớn lên, biết bao đường vẽ tình thế đối đáp với xã hội bên ngoài gia đình, lớn nhỏ ai cũng không khác lúc thiếu nhi, việc gì cũng do bạn, vì bạn và có bạn hết thấy.

Vậy bạn không phải là vấn đề giản dị, nó phức tạp, không phải chỉ những ai ngang hàng với mình, thường ngày cặp kè đụng chạm với mới là bạn. Còn nhiều hạng người như nâng đỡ mình trong sự nghiệp kinh doanh, có người chịu để cho mình điều khiển, cũng có người chỉ chờ cơ hội chen ép mình để đưa thân thể lên bổng. Nói chung đều là bạn cả, tức là Quan Nô Di trong số.

Quan Nô Di đều là ngoại nhân mỗi người có một tư thế riêng đối với Mệnh viên.

Với Nô có nhiều chi tiết tế nhị, không thể đối đãi là kiếp hạng lệ thuộc xấu xa như thường nói : Nô bộc.

Cam phận vì một lẽ gì, sinh kế hay kém tài, đành đem thân cho người sai khiến. Ngoài ra có thể là người chịu sự điều khiển của mình như cấp bậc điều hành phải tuân theo quyết định cấp bậc chỉ huy, có khi là đồng hàng chỉ kém thâm niên hành sự. Có

khi là người có tài chỉ vì mặt vận, bó thân khuất phục trong một giai đoạn dung thân, rồi ra gặp hội rồng mây rồi ra cũng tung hoành như ai trong nghiệp Đố, Bá không phải tầm thường mà bị đối xử không xứng đáng như một người vô tài kém đức dưới con mắt kẻ người thường nói, vậy nó cũng là bạn, có biết bao chủ nhân ông lập nên nghiệp lớn, nhờ ở Nó có hạn.

Di là thế xung khắc. Cuộc đời không có Di thì tẻ lạnh, không có gì khích lệ, lòng hân hái sẽ lần lần hạ thấp và chí phấn đấu sẽ chẳng còn. Di là bạn nghịch đem lại quả cảm cho Mệnh quyết tâm tranh giành lấy chánh nghĩa, nếu có thể được thì sự nghiệp mới mong thành công và bền vững. Di là thế ngang hàng đỉnh đặc đối diện với Mệnh.

130

Còn Quan là bạn sống còn mật thiết với Mệnh (tam hợp) hay nhờ đỡ chịu. Người bạn này là quân sư của Mệnh, luôn luôn đồng lao cộng tác, lúc nào cũng muốn đem kết quả tốt cho Mệnh, bênh vực chỉ huy Mệnh như hình với bóng. Nếu chẳng may yếu kém Mệnh phải chịu mọi sự thua thiệt.

Trong 3 thứ bạn này, Bạn Quan đã thành tục ngữ “ Giàu nhờ bạn, sang vì vợ”. Có lẽ vì thế Quan và Thê cùng một đòn cân thăng tấp, cùng đứng trong một thế lưỡng nghi của chính tinh.

Năm cung Mệnh, Thê, Quan, Di và Nó chỉ có Nó là thế mặc cảm bị coi như tự ti ghẻ lạnh nên không cùng trong bè phái tức là ở thế khác như :

Mệnh ở Thân cung có Tử Phủ, Quan phải là Liêm Tướng ở Tí, Di có Thất Sát ở Dần, Thê có Phá Quân ở Ngọ nghĩa là cùng trong thế Tử Phủ Vũ Tướng Sát Phá Liêm Tham. Còn Nó có Thiên Lương ở trong Sửu tức là lạc lõng ở phía Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật.

Như đã biết bộ Sát Phá Tham và Cự Môn là bộ rất khó có cảm tình và hung hãn, không bao giờ nên ở trong 3 cung Phụ, Bào và Thê là 3 cung có người thân của Mệnh, không chừng nọ cũng tạt kia, đem lại những việc chẳng lành, dầu đắc địa hay hãm địa cũng vậy. Trái lại Nó cung lại cần có Sát Phá Tham đắc địa mới được việc, miễn là Mệnh được bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương, nhất là Cự Nhật đắc địa hướng dẫn mới cảm đầu nổi Nó không làm xằng phản bội. Bộ Sát Phá Tham có mặc cảm ở Nó khinh thế ngạo vật, thà làm tôi thân cho bậc minh quân, còn chúa hèn yếu thì không chịu khuất phục.

Người bạn Di của Mệnh thường xuyên trong cảnh tay mặt tay trái kiếm cách lẫn (xung khắc, cả cung và sao). Chừng nào lẫn không nổi mới đành chịu. Nếu họ giành được địa thế chánh nghĩa (Thái Tuế) Mệnh cảm chắc **lâu mau** thua thiệt, không vật chất cũng tinh thần tai tiếng ngàn năm hổ danh thẹn phận.

Còn Thê muốn được chung lưng một dạ đến khi bạc đầu nếu là bên dương của lưỡng nghi thì phải là Tử Vi Tí Ngọ, Thiên Phủ Tỵ Hợi hay Tử Phủ đồng cung. Bên phía âm thì phải là Thiên Lương ở Ngọ, Thiên Đồng ở Mão hay Đồng Lương. Thiên Cơ ở Tỵ hay Cơ Lương đồng cung, Thái Âm đắc địa hay Đồng Âm ở Tí, Cơ Âm ở Thân là tất cả vị

trí ngôi vị của người vợ hiền hậu. Nếu dính đến một sao của Sát Phá Tham và Cự Môn là có chuyện chẳng lành, nhẹ cũng gây tơ hồng phải nhuộm bùn (Hồng Loan + Hóa Kỵ) trước khi bước lên xe hoa để trở thành dâu thảo vợ hiền.

131

Dưới đây là 2 lá số cùng tuổi Canh Tuất:

1. Sinh ngày 18 tháng 3 giờ Tí
2. Sinh ngày 5 tháng 9 giờ Thìn

Phân tách 3 cung Quan Nô Di và Mệnh với Phối

1. Người trên Kim Mệnh được Vũ Khúc, Kim tinh đắc địa đơn thủ ở Thìn, vị trí của người thường xuyên					Mệnh Liên Tướng		
Hóa Lộc			Quan Tử Phủ Lộc Mã	Thê Tham Lang Quốc Ấn			Hóa Khoa
Mệnh Vũ khúc H Quyền	Khắc Thắng		Nô Th Âm Hóa Kỵ K. Dương				Quan Vũ Khúc H. Quyền Thái Tuế
Hóa khoa			Di Tham Lang Thái Tuế	Tài (Thân) Tử Phủ		Di Phá Quân Tả Phù	Hóa Lộc
Thê Thất Sát				cắm hôn vì một duyên có bên ngoài coi như đắc ý với tam hóa liên châu ở Mệnh, bản giấy ban khen đặc hạng thưởng công cho người trung			

thành đắc lực đối với chủ. Cung Quan có Tử Phủ, Hữu Bát, Lộc Mã Khốc Khách được quan thầy hết lòng nâng đỡ, cả một dàn cảnh hùng vĩ huy hoàng. Xuống đến Nô cung tuy là Thái Âm đắc cách, nhưng Hóa Kỵ, Kinh Dương có phải là một lũ có mắt như mù quáng, trung thành tuyệt đối với Mệnh (sinh xuất cho Mệnh). Ngó đến Di, lòng người không thể không thấy đâu là chính nghĩa (Thái Tuế) mà phải nghiêng mình trước những ai vô danh tận tụy vì nghĩa vụ, tuy việc không thành mà danh lưu muôn thuở.

Số này có đủ cả 2 sức mạnh : Vũ Khúc (Kim) khắc Tham Lang (Mộc), đối diện và vị trí Thân Tí Thìn (Thủy) khắc Dần Ngọ Tuất (Hỏa). Tham Lang được chính nghĩa (Thái Tuế) nhưng ở thế yếu vừa bị khắc cả cung (Tuất) vừa phải đối phó với kẻ nghịch trên tay mình. Trái lại Vũ Khúc vừa được cung Thổ phò Kim lại được ở thế mạnh Vũ Khúc (Kim) khắc Tham Lang (Mộc) làm gì mà không thành công. Nhưng Thê có Thất Sát chạy không khỏi sức mẽ (Tuần Tài Thọ đều cùng nằm ở đó).

132

Ngày nay dư âm Thái Tuế càng dội ngược, hắt người Tuế Phá lòng càng bất an trong giấc cô miên.

2. Người dưới đứng trên thế chánh nghĩa rành rành của ngôi vị (Quan có Thái Tuế, Vũ Khúc). Tam hóa liên châu ở đây khác hẳn tam hóa của trường hợp trên (một đàng ở Thìn là ngày, một đàng ở Tuất là đêm) chỉ là hư vị với tất cả quyền hành (Khoa Quyền Lộc) làm việc trong bóng tối. Ấy thế mà bị Thê cung đè nén (Thân Tí Thìn khắc Dần Ngọ Tuất) bằng Tướng Ấn nắm chặt ở tay cũng là hư mà không thật (Tuế Phá Thiên Hư). Tham Lang cư Thê ở Thìn không thể không có chuyện ngang trái. Đây là mầm rối loạn của gia đình, chờ đến lúc vận bị Thiên Không ở Hợi là đổ vỡ. Di có Phá Quân Tướng Ấn Tả Phù Lộc Mã làm gì không lợi dụng cái đà dầu đổ bìm leo quật luôn Mệnh dễ dàng như trở bàn tay (Tí khắc Ngọ). Nó tuy tuyệt đối trung thành với Thân nhưng không đủ tư cách (Thái Dương ở Hợi) chỉ là những phụ tá về kinh tài cho Thân ở Tài (Nô có Hóa Lộc) sinh xuất cho Tài ở Dần) mà thôi.

Hai bản số trên đều nhờ người bạn Quan làm nên sự nghiệp và cùng bị khôn đốn vì bạn trăm năm. Vậy đâu là sang vì vợ ?

Xin thưa chỉ có trường hợp Thê được những sao Tử Phủ, Đồng Lương, nhất là Quan cung không bị Thê cung khắc chế. Như vậy mới được giàu nhờ bạn sang vì vợ.

Trang 133

VẬN HẠN NÊN TÍNH THẾ NÀO?

Trông vào bản lập thành của lá số, thấy cung thiên bàn rộng rãi ghi năm tháng ngày giờ, mệnh, cục của nó. Ngoài giáp biên 12 cung địa bàn một vòng địa chi viết mỗi cung một chữ theo đường lối nam thuận nữ nghịch đủ một vòng. Đó là tên năm tiểu hạn. Mỗi khi xem hạn của năm nào thì lấy cung có ghi tên chữ đó làm đích, như người tuổi Bính Thân gặp năm Ty, thì lấy chữ Ty nằm sát cạnh cung Mùi. Cung Mùi đó là tiểu hạn năm Ty của tuổi Bính Thân.

Quyết định được một Đại Vận 10 năm tốt xấu là một việc rất khó, mà xuống đến tiểu hạn 1 năm tưởng sự lầm lẫn còn gấp bội. Một chữ Ty thì 12 năm lại bắt vòng tới, thành ra trong đời người cứ kể là 60 năm, có 5 năm Ty. Có lý nào Ty nào cũng giống nhau sao! Đành rằng 5 năm Ty đó còn tùy thuộc ở 5 Đại Vận tốt xấu mà thay đổi thêm bởi sự hên xui. Như trên đã nói, nhận xét được một Đại Vận tốt không phải là dễ, thì cái lầm lẫn này đưa vào tạm đem ra phân tách để tìm ra chân lý.

Mười hai cung trong lá số, mỗi cung mang một tên rành rẽ, có 1 giây liên hệ cho cung mệnh. Khi nhìn vào số thấy ngay cái quan trọng khắng khít giữa Mệnh, Quan và Tài, thường thường thấy vẽ hình tam giác bất liên lạc với nhau, trong sách số kêu là “tam hợp”, có nghĩa là Mệnh Quan Tài tuy 3 là 1. Tam hợp là thế đứng chân vạc của Mệnh, tốt hay xấu, thắng hay bại, một khi tranh đua với đời.

Thế tam hợp Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ, là thế chánh của tuổi, và người tuổi gì Thái Tuế ngồi ngay ở cung mang tên đó, mặc dầu Mệnh bị lạc ở cung khác. Một khi cơ hội vận chuyển đến Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ kể như đất sống của mình, quê quán điền sản của một bộ quý tinh chủ về may mắn hưng vượng và quyền uy. Hành của tam hợp tuổi là hành chính xác căn bản tranh đấu của Mệnh. Người tuổi Bính Thân thì tam hợp Tí Thìn là thủy hành. Mỗi thời gian đại vận chuyển đến cung nào thì lấy hành của tam hợp cung đó khắc chế với hành của tam hợp tuổi. Nếu đồng hành với mình là tốt nhất (ở trong đó có Long, Phượng, Hổ, Cáo). Nếu sinh nhập là tai hại (có Thiên Không), vì lẽ Thái Tuế là quá tốt, không thể có gì vượt qua Thái Tuế nên phải gấn ngay Thiên Không để ngăn chặn.

134

Thế tam hợp thứ nhì là hành của tam hợp tuổi bị sinh xuất như Thân Tí Thìn đi gặp Hợi Mão Mùi, là Thủy sinh Mộc. Sự nghiệp của đương số chỉ là bữa ăn thịnh soạn mời khách đến hưởng. Khắc xuất là trường hợp Thân Tí Thìn (Thủy) gặp Dần Ngọ Tuất (Hỏa), mình phải gắng công tranh đấu, nếu Mãi ở đó thuận lợi, sẽ được hài lòng. Bị khắc nhập là vận mạng tàn tạ khó gành đua.

Mỗi đại vận là một Thiên Thời. Đắc thiên thời thì đời lên hương. Mất thiên thời thì đời sẽ thấy khó khăn để rồi xuống dốc.

Còn 2 yếu tố phụ là Nhân Hòa và Địa Lợi. Nhân Hòa là tinh đầu của hạn, có cùng trong hệ phái của Mệnh là cùng 1 bộ trong thế lưỡng nghi chính tinh, và hết sức loại tránh lục sát tinh, nhất là Không, Kiếp. Địa Lợi là hành của cung và hành của Mệnh có tương đắc hay không?

Được cả 3 điều kiện là quá tốt. Thường thường chỉ cần được 1 Thiên Thời cũng mãn nguyện.

Tiểu hạn là hạn hành một năm. Một chữ hàng Chi không đủ. Như tuổi Bính Thân. Bính thuộc hàng Can hành Hỏa là gốc. Thân thuộc hàng Chi hành Kim là ngọn. Đi đến năm Tỵ, phải biết rõ Can của Tỵ, như Ất Tỵ hay Đinh Tỵ, Tân Tỵ hay Quý Tỵ, thì mới căn cứ được rành rẽ. Một chữ Tỵ là bỏ gốc chỉ xét có ngọn làm sao thấu đáo?

Trước khi tính đến sao nằm ở cung tiểu hạn. Việc chính yếu là phải so sánh **hàng Can của Mệnh với Can của năm hạn**. Được sinh nhập là tốt nhất, thứ đến là khắc xuất, trái lại bị sinh xuất ôi thôi cảnh suy bại không chừng nọ cũng tạt kia, như tiền nhân đã nói: “hữu phước tán tài, vô phước tán mạng”. Hàng Can bị sinh xuất hay khắc nhập mà cung tiểu hạn có Quyền Lộc cũng không đáng mừng, có khi là nguyên cớ để gây suy sụp. Trường hợp hàng Can giống nhau, như hàng Giáp gặp Giáp, Ất; Đinh gặp Bính Đinh, tức là thế bình thì dễ xui hơn là hên, phần sao sẽ làm lệch đòn cân thăng bằng. Nhưng còn phải để ý đến những năm xung, năm tuổi, năm phá, năm hạn, nghe một cái tên cũng biết là ngang trái cho đời sống.

Năm tuổi là năm vận hành luôn luôn đứng ở vị trí Phá Hư ở địa bàn, tức là bất mãn. Năm xung là năm đối kháng. Năm phá là năm đồng loại tiêu hao nhau (tứ sinh 2 cặp, tứ chính 2 cặp, tứ mộ 2 cặp: Tí Dậu phá nhau, Sửu Thìn phá nhau, Dần Hợi phá nhau, Mão Ngọ phá nhau, Tỵ Thân phá nhau, Mùi Tuất phá nhau). Năm hạn là năm kỵ.

Điều cốt yếu phải để ý là đại vận là phần chính, bao trùm cả tiểu hạn. Dầu tiểu hạn tốt xấu chỉ phụ giúp hay giảm bớt 10% sự việc may rủi đại vận chủ trương quyết định.

Xuống đến nguyệt hạn, thấy nhiều lỗi tính làm ra vẻ mỗi năm đều khác, như tiểu hạn ở năm Mùi thì lấy ngay cung Mùi làm tháng giêng, hoặc lấy cung Mùi làm đích tính nguyệt nghịch thời thuận đến cung nào lấy cung đó làm tháng giêng.

Xem ra chỉ là một lỗi làm theo ý riêng của từng người. Tháng Giêng đã gọi là tháng Dần, không thể để Mùi hay Tỵ, Tuất gì được. Ngay khi bắt đầu lập thành số cũng phải lấy cung Dần, đến đi là Dần. Nói trùng ảnh hưởng của sao thì hàng Can mỗi tháng giêng mỗi năm mỗi khác nhau đủ sự chế hóa phải thay đổi luôn luôn như: năm Đinh Tỵ tháng giêng là Nhâm Dần; năm sau Mậu Ngọ tháng giêng lại là Giáp Dần, năm sau nữa Kỷ Mùi tháng giêng biến là Bính Dần, ảnh hưởng đương nhiên là biến dịch.

Sau 10 tuổi đời nào những ai có đến 2 vận Thái Tuế.

Cần Khôn nhất hí trường

Thân sinh thị bị kịch.

Đã biết sự khắc chế ở hàng Can là gốc hên xui, nhưng tới mức độ nào, phải so sánh nạp âm của tuổi và nạp âm của thời hạn như: tuổi Nhâm Tí gặp năm hạn Mậu Ngọ thì thấy: Can Mậu khắc Can Nhâm, 2 chi Tí và Ngọ xung (Thiên khắc Địa xung). Nạp âm Nhâm Tí (mộc), sinh xuất cho nạp âm Mậu Ngọ (Hỏa), cho kết quả thấy 95% nguy hại. Nếu người tuổi Nhâm Ngọ thì Can cũng bị khắc, Chi bình hòa, chỉ là tuổi nạp âm vẫn Mộc sinh Hỏa, nhưng còn bị bồi thêm hạn gặp Cô Quả (Thổ) kể như 2 lần khắc Can, tất nhiên kết quả phải là tỷ lệ 90% khốc liệt.

THẾ NÀO LÀ VẬN HỘI TỐT

Nhận định được một lá số cho tốt đẹp là cả một công trình nghiên cứu không phải là dễ. Như trước chỉ nghiêng hẳn về tinh đầu từ bộ chính tinh đến trung tinh thấy nhiều bộ đôi như Khôi Việt, Hồng Đào, Tả Hữu... nhất là bộ tam Hóa Khoa Quyền Lộc là cho đặc cách. Nghĩ thật là một cái lắm quá lớn.

Nhớ lại một lá số xưa kia biết bao lời phê khen tụng cho là đẹp với tuổi Canh Tuất Mệnh Thân đồng cung ở Thìn có Vũ Khúc chủ tinh. Tuổi Canh được Vũ Khúc thủ Mệnh ở Thìn là một điều hy hữu (có nghĩa là được Tam Hóa liên châu ngay ở Mệnh Thân cung là trùng cách đẹp nhất, áo giáp mặc ban ngày). Vũ Khúc là Kim làm nòng cốt cho người tuổi Kim, bồi đắp thêm cung Quan có Tử Phủ, Hữu bật, Lộc Mã Khốc Khách Đầu quân. Thiết tưởng cái đẹp đến thế là cực điểm, Về phương diện tinh đầu phải công nhận là đẹp, cái đẹp chắc nịch gồm cả quý lẫn phú.

Thật tình mà nói chỉ có vị trí đóng Mệnh đánh ngã cái tốt đẹp này. Đó là vị trí Tuế Phá, chứng minh lá số phá cách, là cá nhân hậm hực bất mãn không thể hồi tâm được vì Mệnh Thân đồng cung sa ngã về mỗi phú quý (Lộc Tồn dành cho tuổi Canh là Thân Tí Thìn mới chánh đáng). Người này cố tâm tranh moi, có thể làm điều phi nghĩa nếu làm được. Hỡi ơi, cái đẹp này nó đẹp ở chỗ nào? Vậy những cái đẹp của tinh đầu có khác gì cái áo đẹp có thể thẳng ăn may mặc vào làm người ta hiểu lầm là thiện nhân cần cù làm nên giàu có. Chiếc cảm bào lộng lẫy của bậc minh quân bị phường nghịch tặc khoát lấy bằng đường lối phản động cầu vinh.

Bằng như tuổi Thân Tí Thìn mới đẹp nhất là Canh Thìn mới xứng đáng với Tam Hóa liên châu cùng cung Quan Tử Phủ, Hữu bật, Lộc Tồn (không cần Mã và tuổi Thân Tí Thìn Mã ở Dần không ở Thân). Khác nhau chỉ bằng vị trí Mệnh ở tam hợp nào trong vòng Thái Tuế để phân biệt đâu là phường múa rối, đâu là chính nhân quân tử, đâu là anh hùng cái thế đâu là kẻ gian manh.

Cái đẹp của Mệnh đã khó phân biệt như thế, cái đẹp của vận hội lại càng rắc rối khó hơn. Phải cân nhắc trên 3 phương diện Thiên thời, Nhân hòa, địa lợi. Người chính nhân nghĩa hiệp không phải sinh ra nhập thế cuộc là trở thành anh hùng ngay, phải trải qua những giai đoạn

137

bản hàn hay trân chuyên lao khổ tức là được định mệnh tôi luyện nên thành vĩ nhân. Vậy cái vận hội đẹp của từng cá nhân không ngoài thế thiên thời. Người không thời há dễ làm nên việc. *Thiên thời là thế tam hợp Thái Tuế*. Thái Tuế là ngôi vị của những người thắng cuộc, thì khi vận chuyển đến tam hợp Thái Tuế tức là được Thiên thời là thế cờ may nhất. Nếu thiên thời không có phải nhờ đến thế nhân hoà là lòng người. Lòng người thuận hay nghịch là tính theo tinh đầu.

Mệnh ở thế Tử Phủ Sát Phá Tham hay Cơ Lương Cự Nhật, nếu gặp đồng bộ nghĩa là cùng phe phái thì hoà thuận, bằng như đụng độ khác giới hẵn là có sự khó khăn, gia thêm lục sát tinh người có số càng thêm chuyện vất vả là may.

Hồi đầu học số trong 10 người có thể nói chắc cả 10 người theo tinh đầu đắc địa được trung tinh phò tá thì cho là vận hội rồng mây. Nhiều người cả tin cứ tiếp tục khuếch trương sự nghiệp, mất cả nhà cửa tài sản, biết đâu là hạn khắc nhập, cũng có vài người may mà trúng như gặp được thiên thời mà không biết, hay nhân hoà là bộ sao cùng phe phái với tinh đầu thủ mạng được trung tinh đắc lực ăn nên làm ra, không hiểu đó là nhờ nhân hoà là thứ cách. Địa lợi là hành của Mệnh vận chuyển đến cung được hành của **thổ** cung là cái thế sở đắc thứ 3 cho tính mạng được phần nào vững chắc yên lành. Cung không đủ sức mạnh lôi kéo phần thắng lợi cho số, như một nhà doanh thương đầu chiếm được một địa điểm ngay góc đường thuận tiện cho mình khai trương, nhưng cứ gặp cảnh mưa rơi tầm tã lợi lộc ngăn trở, người mua bán không ưa mình, hỏi làm sao sự nghiệp thịnh phát.

Vậy điều kiện ưu tiên là phải có thiên thời, rồi đến nhân hoà, còn địa lợi là yếu tố chỉ cần an thân.

Nếu thế người đời xét ra chỉ được hưởng 10 năm nào đó, còn lại suốt đời khổ

hay sao?

Xin thưa, cũng có người được gặp 2 đại vận Thái Tuế, Quan Phù hay Bạch Hổ, nghĩa là ngoài 20 một vận và ngoài 60 tuổi một lần nữa, tức là người này Mệnh không ở tam hợp Thái Tuế, thắng lợi chỉ là một giai đoạn rồi sụp đổ hoặc bị thị phi điểm phá để ô danh sự nghiệp.

138

Cũng có người được 2, 3 đại vận liên tiếp, nhưng phải là người âm nam dương nữ muốn danh công thành danh toại phải gặp Thiên Không trước cho nếm mùi cay chua mặn chát cuộc thế, hiểu cái thất bại đem đến thành công. Hạng này không giống người dương nam âm nữ qua đại vận Thái Tuế rồi gặp Thiên Không. Người âm nam dương nữ phải qua Thiên Không mới đến Thái Tuế, kẻ đó may được gặp nhân hoà, biết ra phải hy sinh một chút thì đắc sách là vì hạn sinh xuất gỡ gạch bằng nhân hoà, rồi tiếp đến đại vận khắc xuất được trung tình phò tá, nếu tam hoá liên châu càng tốt. Trái với khắc nhập gặp trung tình đắc cách là một điều nguy khôn khó cứu.

Lá số điển hình của một thể nhân sống ù lì đề mà hưởng thụ 3 đại vận liên tiếp, tuổi Ất Sửu ngày 30 tháng 10 giờ Mão. Người Ty Dậu Sửu mà Mệnh đóng ở Thân Tí Thìn là thể thua thiệt. Ngồi vào chỗ Long Đức phải đóng vai trò thầy tu trọng đạo đức để tự an ủi thân thể. Nhưng Thân lại ở Dần Ngọ Tuất là thể sáng nước khôn hơn ai, biết có ganh mạnh cũng không hơn ai (Hong Loan, Thiên Không, Cô Thân) tốt hơn mũi ni che tai, để cuộc đời đưa đẩy, gió chiều nào che chiều ấy. Bắt đầu 22 tuổi gặp hạn Thiên Không, nhờ có Thân đóng ở thể sắc sắc không không sớm tỉnh ngộ tuy bị nhồi lên ngộp xuống cố chịu đựng đến đại vận 32 gặp tam hợp Thái Tuế một nhảy thành công. Kế đến 42 tuổi gặp nhân hoà, mặc dầu ở thể sinh xuất đắc

tam hoá liên châu ở Thìn là cả một sự may ít thấy, ù lì mà sống giả khôn giả đại mặc miệng tiếng khen không hờn, chê không buồn. Tuy ở tình thể sinh xuất của Thiên thời vẫn được sinh nhập của nhị hợp bù đắp cách Tử Tướng Phi Hổ thang mây rộng mở tiến bước rong ruổi. Bề ngoài được tiếng rộng rãi hào hiệp với mọi người thực tế bên trong vẫn thụ hưởng hơn ai (hưởng Thân ở vị trí sinh nhập). Rồi 52 tuổi Cự Cơ ở Mão có Lộc Tồn, Hoá Lộc ở thể khắc xuất của thiên thời. Nhân hoà với Cự Cơ song lộc không phải là không đắc cách (Tử Phủ Vũ Tướng với Cự Nhật không cách nhau biệt bao xa) so với bản mệnh Liêm Trinh, nhưng Tử Phủ Vũ Tướng tam hợp hẳn là cuộc sống tuy có kém sút vẫn được đầy đủ. Ở đây đương số phải sống theo hai điều kiện là đối phương uy hiếp (Dậu khắc Mão ở thể xung) giao tế khôn khéo tạo thêm phúc đức (Mão nhị hợp sinh xuất cho phúc cung) cuộc đời hẳn được mãn ý thông dung.

139

Người này không phải là người vụng tính, còn sớm tỉnh ngộ hơn ai là Thân Dần tuy Tham Lang ở đó có lòng ham muốn như ai, nhưng Thiếu Dương, Hong Loan, Thiên Không, Cô Thân như có linh giác bén nhạy để tránh những gì bản thân ôm ấp tham vọng. Ta phải phục cái thân quý giá này là chính cái bản ngã của người bằng xương bằng thịt như ta, biết dẫn dắt cuộc đời đi trong đường lối định mệnh vạch ra trải 3 đại vận tốt

đẹp, biết xử thế khôn khéo dầu bao thế cuộc xoay vần thay đổi.

Còn một trường hợp đại vận phần khởi là Mệnh hay Thân bị một Tuần hay Triệt án ngữ làm cho đời như bộ máy khô dầu mỡ, mỗi lần mở máy phải 5 lần bảy lượt ra sức quay mới nổ làm cho người khó nhọc, thân mệt mỏi. Khi đại vận chuyển đến Tuần hay Triệt lại còn nghĩa là nếu Mệnh hay Thân bị Tuần thì khi gặp Triệt tháo gỡ, hay Mệnh, Thân bị Triệt gặp Tuần mới cởi mở, thì đại vận đó coi như con đường xưa kia đào kín nay đã thu dọn hết chướng ngại vật ngăn cản xe cộ việc xả hết tốc lực bon bon chạy.

Luật Tuần Triệt còn nhiều chi tiết, đây chỉ là một nguyên tắc chung nói về vận hội đẹp.

140

TRIẾT LÝ CHÍNH DANH TRONG TỬ VI

Tử Vi không phải là một khoa toán tìm hiểu số mạng một cá nhân, mà còn tiềm tàng trong phần triết học một đạo lý nhân sinh cư xử tinh tế trung thực. Đó là 2 phần nói là riêng biệt, định mệnh đã sắp đặt và hành động bản thân vẫn có liên quan mật thiết đi đôi với nhau. Định mệnh do Thiên Can (vòng Lộc Tồn) và Địa Chi (vòng Thái tuế) phối hợp quyết định hành động hàng ngày do Thân có vòng Tráng Sinh khuyên nhủ (Thiên Địa Nhân).

Cái gì thuộc sở hữu của ta, ta mới mạnh bạo coi như có quyền định đoạt. Cái gì của người định mệnh đã quy định ta phải cư xử sao cho minh bạch thì mới mong khỏi làm lỡ ân hận về sau.

Thế nhân sanh trường trên cõi đất luôn luôn có người thân (tam hợp) kẻ nghịch (xung chiếu). Sống trong tam hợp ta có bốn phận bồi đắp và hãnh diện hưởng thụ những gì là quyền lợi do công lao đào tạo. Sống trên đất người ta chỉ là kiều dân cư lợi phẩm phải là hạn chế sao cho phù hợp cảnh của người ăn nhờ ở. Vòng Thái Tuế cho biết đâu là chánh danh đâu là dân kiều ngụ. Tam hoá Khoa Quyền Lộc là tài nguyên, người sống trong hoàn cảnh phải tự hiểu để hành động theo lẽ phải thì muôn sự đều xuôi chiều êm đẹp. Tam hoá do hàng Can ấn định ban cho từng bộ sao, không như Long Phụng, Tả Hữu, Xương Khúc do năm tháng giờ có nơi xuất phát nhất định theo đường hướng thuận nghịch mà đi, nên tam hoá liên châu ở Mệnh, dầu trường hợp nào cũng ảnh hưởng mạnh tùy theo tư cách ý nghĩa của Khoa Quyền hay Lộc.

Tuổi Hợi mà được ngôi ở Ty đắc tam hoá liên châu Quyền ở Mệnh, Khoa Lộc giáp hai bên là Thìn và Ngọ. Trông vào thấy cả một bức ảnh tô màu tươi đẹp. Sự thật cái đẹp này chỉ là cái đẹp của kẻ mượn áo đẹp khoác vào mỗi câu thơm ngon như cá nuốt mồi, nếu hợp lẽ phải là tuổi Ty Dậu Sửu mới đáng giá 100% với **tư cách** công dân chính cống Long Phụng in rõ ràng trên thẻ căn cước. Thái Tuế Tam hoá liên châu này với tuổi Hợi, nếu khôn ngoan nên đó chỉ là phẩm hàm chiếc văn bằng khen cho kiều dân đã làm được việc gì gọi là giúp ích mà mình đã có cơ hội gặp thời may làm được không nên tự kiêu hành động quá trớn để rồi ăn năn muôn thuở.

Tỵ Dậu Sửu và Hợi Mão Mùi là hai thể xung khắc thường đem đến những tính cách quyết liệt khó dung hoà vì cùng một thể âm dương, còn hai thể Thân Tí Thìn và Dần Ngọ Tuất đối với Tỵ Dậu Sửu thì sao?

Thưa rằng Dần Ngọ Tuất đối với Tỵ Dậu Sửu là thể tay trên (khắc xuất mà bị sa lây) mọi sự đều thua thiệt. Còn Thân Tí Thìn so với Tỵ Dậu Sửu được lợi điểm sinh nhập, nhưng luật thừa trừ vẫn không **qua nổi** nên thường xuyên bị Thiên Không ngăn chặn mọi hành vi lạm dụng.

Tam hoá liên châu nhập Mệnh nghĩa là một hoá ở Mệnh, 2 hoá giáp hai bên, đặc cách nhất là Quyền ở Mệnh mà cũng chỉ có một tuổi Canh mới có.

Nói đến tam hoá liên châu phải để ý đến luật âm dương rất nhiều và thận trọng. Âm Dương không những ở cung mà còn đòi hỏi đâu là ảnh hưởng dương đâu là ảnh hưởng âm. Từ Dần đến Mùi thuộc Dương, từ Thân đến Sửu thuộc âm. Tam hoá liên châu là áo gấm có gắn huy chương danh dự làm đẹp cho dương nhân ở chỗ thanh thiên bạch nhật. Người khoác áo vào buổi hoàng hôn cho đến tờ mờ sáng, tưởng chỉ nên tự mãn trong lòng mà thôi với công việc mình trong bóng tối.

Vậy từ Dần đến Mùi xét ra chỉ cung Thìn là đặc cách nhất. Cung Ngọ vấp phải Triệt vì chỉ có tuổi Canh mới có tam hoá liên châu oai hùng, mà tuổi Canh có Triệt quá nặng ở ngay cạnh Ngọ. Có hai tuổi Canh là đại diện cho 6 tuổi dương Canh: Canh Thìn đại diện cho Thân Tí Thìn, Canh Tuất thay mặt cho Dần Ngọ Tuất. Ngôi vị Thìn luôn đàn áp Tuất. Người Canh Tuất ở Thìn là Tuế Phá, người Canh Thìn là Thái Tuế, thấy ngay đâu là chánh nghĩa và thắng cuộc.

Muốn có Quyền nhập Mệnh, người tuổi Canh chạy không khỏi Vũ Khúc Phá Quân ngộ Triệt đương nhiên Phúc Đức, nặng nhẹ tùy theo Thái Tuế, Tuế Phá khi đắc thời. Tật ách ở Hợi có Cự Môn là sao ngôn luận đắc địa, một đằng gặp Hồng Loan, một đằng gặp Thiên Không đường ai nấy đi. Hai vị trí Thái Tuế và Tuế Phá có tính cách tuyệt đối khác nhau. Còn lại Thiếu Dương và Thiếu Âm có thể nói là cùng hoàn cảnh thua thiệt. Người được định mệnh đặc phú cho thông minh hơn đời mà cứ thấy cuộc sống dường như bị kẹt cứng (Tử Phủ) dễ sinh ra mưu thần chước quỷ nên số phải vạch thêm ngõ rẽ tam đức (Thiên Đức Nguyệt Đức và Phúc Đức) vẫn ở trong thể tam tài Thiên Địa Nhân nương thân. Còn người ta ra công cố sức làm cho lắm vẫn thấy một làm hai lỗ trở thành khờ dại nên an ủi mà sống coi công lao của mình với thể cuộc

sánh bằng đức cao dày của bậc **nguyên huân** (Long Đức)

Biết rằng chỉ một tuổi Canh có tam hoá liên châu đắc Quyền đứng giữa mà là tuổi dương phải đóng cung dương. Còn tuổi âm cũng chỉ có một trường hợp có 3 hoá liên nhau là tuổi Quý được liệt danh là tam hoá hận đời: Hoá Kỵ ở giữa Khoa Quyền giáp 2 bên (xin lập số tuổi Quý Hợi sanh ngày 24 tháng 11 giờ Mão). Thêm một trường hợp nghịch địa âm dương là tuổi Ất (âm) mệnh phải đóng ở cung Thìn (dương) có Tử Tướng, được

Khoa đứng giữa giáp Quyền Lộc, nghịch cảnh âm dương là phải thiếu yếu tố hoàn mỹ nên khiến Quyền ra bên. Nơi đây Khoa đứng giữa lại là điều may được việc. Ất là âm đối với âm Nam nên cung Thìn có Đà La giảng lối nghĩa là Mệnh nằm ở Thiên La. Nếu không có Khoa làm sao Tử Tướng làm được việc. Nhưng đương số nên luôn luôn đề phòng luật bù trừ mà nhớ rằng điều may chỉ có giới hạn. Tuổi Ất mệnh ở Thìn, Phúc Đức ở Ngọ phải là Thất Sát ngưỡng đầu ngũ Triệt được phần nào giảm thiểu chỉ còn 30% mà thôi mới có hy vọng đề phòng. Phúc Đức Thất Sát ở Ngọ hay Triệt đứng trong tam hợp với Thê Tham Lang ở Dần. Bộ Sát Phá Tham đầu hãm hay đắc địa không nên có trong các cung thuộc người thân của Mệnh như Phụ Mẫu, Thê Thiếp...thường đem mối ưu tư làm tê tái lòng người có số.

Tại sao tam hoá liên châu quý hơn tam hoá nhập tam hợp. Tam hoá liên châu nhập Mệnh có ảnh hưởng rộng rãi liên quan tới cả một dòng giống, nghĩa là cha mẹ anh em đều thọ hưởng. Mệnh là một nét gạch nối liền cả 3 cung. Tam hoá nhập tam hợp thì chỉ một mình xuất sắc nổi bật trong gia đình. Muốn đi đến lễ chánh danh Mệnh phải có Khoa Quan Lộc có Quyền và Lộc ở Tài mới xứng danh người có đức nhân học rộng đáng lãnh quyền cao hưởng lộc hậu. thiết tưởng khó có được một lá số hợp cách.

Triết lý Tử Vi cao rộng như âm dương trong vũ trụ, đây mới chỉ thấy một phần nhỏ li ti mà thôi.

143

MỘT NGÔI: TRỜI ĐẤT NGƯỜI

Vũ trụ là thái cực. Thiên địa là lưỡng nghi, là âm dương của dịch lý điều khiển vạn vật từ cái hữu hình đến vô hình. Thánh Phục Hy lập thành bát quái làm đồ biểu cho vũ trụ vẽ bằng 2 đường kẻ ngang (vạch dài là dương vạch ngắn là âm). Một điều khiến người học dịch phải tự hỏi mỗi quẻ trong bát quái không phải là vạch lại là:

Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài
Thiên Địa Nhân

Có lẽ nào lại thừa

Thừa rằng nét đó làm vinh dự cho loài người. Vạch trên là Thiên vạch, vạch dưới là Địa, vạch giữa là Nhân tức là con người. Đầu đội Trời, chân đạp Đất: đứng đầu vạn vật đem khối óc tinh vi của mình như thể chống chọi lại với cả thiên địa danh lấy sự sống còn.

Thảo mộc cũng là một sinh vật sinh lão bệnh tử nhưng không có óc. Súc vật có óc nhưng óc chỉ để báo hiệu cho con vật biết những gì là thói quen như đói ăn, khát thì uống, thấy đồng loại khác giống thì thêm sinh lý, để con sơ sinh thì chăn dắt thể thôi.

Vậy Nhân phải là đề tài khá quan trọng của dịch lý nói chung, lý số nói riêng. Thánh nhân lập ra số đã dành ra một phần rất thiết yếu để cho người đời tự suy nghĩ.

Trong lá số ta thấy 2 chữ Mệnh Thân là cả một vấn đề khiến ta phải hiểu ý nghĩa.

Mệnh là sinh mạng của cá nhân do Thiên Địa hoá sinh thành kiếp người trong một

khuôn khổ nào, tức là định mệnh của một kiếp nhân sinh, ví như tuổi Giáp Thìn thấy ngay Thiên Can Giáp (Mộc) khắc địa chi Thìn (Thổ). Ta có thể biết tạm thời vận mạng Giáp Thìn đời sống thường chật vật vì Can khắc Chi, thêm Giáp Thìn không phải là tam hợp của Lộc Tồn, và vị trí Lộc Tồn của Giáp Thìn lại còn bị Tuần thủ tiêu mất. Kể như là *Thiên Can* không đem lại hạnh phúc gì cả *.

Còn *địa chi* Thìn thì phải tùy theo Mệnh đặt nằm ở vị trí nào của địa bàn trong vòng Thái Tuế. Nếu được trùng tam hợp Thân Tí Thìn biết ngay người này được tạo hoá nhồi nắn có tư cách, nhưng khiêm khuyết về hạnh phúc tiền tài*.

144

Thân và thân thế hành động của dương nhân có chấp nhận định mệnh hay không. Biết rằng Mệnh và Thân luôn luôn ở cùng trong một thế lưỡng nghi, ở dương cung thì cùng dương hoặc âm cung thì cùng âm tuy 6 vị trí có khác: Mệnh Thân đồng, cung Thân ở Quan, thân ở Tài, ở Di, Phúc và Phối.

Nhận thấy ngoài Mệnh Thân đồng, ở cung Quan hay Tài, Thân như hoàn toàn chấp nhận định mệnh. Còn ở Di Phúc và Phối cho thấy thân như không chấp nhận định mệnh vì khác tam hợp của Mệnh. Trùng hợp này sẽ thấy muôn hình vạn trạng khác nhau tùy theo 12 vị trí Thái Tuế. Phải chăng thấy cảnh thảm kịch của Thế nhân, vị Thánh làm ra lý số phải thêm 1 vòng Tràng Sinh để cùng với vòng Lộc Tồn (Thiên) Thái Tuế (Địa) nêu lên triết lý xử thế nhún nhường người đời lẽ thiệt hơn và hướng dẫn cuộc sống.

Tràng Sinh là bước đường dài từ lúc thụ thai trong bụng mẹ cho đến ngày thành năm mở trong mộ địa tuyệt tích, lấy trung bình là 60 năm hoa giáp, dầu làm vương tướng gì cũng gặp cảnh thịnh suy luôn phiên diễn bày.

Tràng Sinh chia ra 2 lẽ sống mà cùng ý nghĩ:

a- Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai = Đường hoàng cư xử được người quý mến lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển.

b- Dục, Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng = Ăn xổi ở thời không ai tưởng nhớ giấy rách phải cố xếp lấy lẽ.

Chia xuống thành tứ tượng tức là 4 tam hợp:

- 1- Sinh Vượng Mô = đường hoàng mô yên
- 2- Dục Suy Tuyệt = vội ham tàn tích
- 3- Đới Bệnh Thai = thịnh suy hoàn lương
- 4- Quan Tử Dưỡng = Giấy rách giữ lấy lẽ

Toàn thể cả vòng là một triết lý khuyên đời xử thế: Đường hoàng cư xử được người quý mến lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển, ăn xổi ở thì không ai tưởng nhớ, giấy rách phải cố xếp giữ lấy lẽ.

Khôi óc suy tư của đệ tam tài (nhân) thật đáng sợ. Từ một thân mình trần đây

xác thịt, ra đời lẫn lộn lang thang kiếm ăn cùng các sinh vật khác, nay nghiệm nhiên vượt khỏi quyền trái đất du lịch một hành tinh khác. Rồi đây không biết còn làm được bao nhiêu việc khiến cho Thiên Địa phải nể mặt. Ta lại càng phải sợ cái đầu óc hàng muôn vạn năm xưa đã vẽ ra dịch lý âm dương áp dụng hàng triệu năm nay vẫn không sai lệch ra ngoài lập luận.

145

Sau đây xin trình một lá số gọi là giá trị đệ tam tài “Nhân” giám kinh chống lại cái mà liệt danh bất khả xâm phạm: Thiên Địa

Tuổi Tân Dậu ngày 10 tháng 4 giờ Tuất (Khổng Minh)

Mệnh và Thân đều bị xếp vào tam hợp Tuế Phá Tang Môn Điều Khách tức là Thân cũng phải chịu lụy với Mệnh ở hoàn cảnh trái ý muốn. Mệnh thấy cả một ông trời nhỏ đủ cả ba hột ngọc quý giá nhất của Tử Vi: Nhật Nguyệt, Tả Hữu, Thiên Mã.

Biết rằng Mộc Mệnh mà vô chính diệu thì không thể có một sát tinh nào hành Mộc để làm nòng cốt cho cứng rắn được, chỉ còn thể hư không được Nhật Nguyệt tam hợp chiếu lên là sáng giá bộ Tả Hữu, phụ thêm Thiên Mã ở Hợi vô cùng giá trị cho người mạng Mộc. Đây là một kiếp lai sinh kỳ nhân quái kiệt (Thai, Thanh Long) âm Nam được Thái âm ở Hợi là một cách phù hợp đáng quý. Thiên Mã càng đẹp với tuổi Tân Dậu bao nhiêu lại càng thấy rõ tư cách phò suy chứ không phò thịnh của Mã (vị trí Tuế Tang Điều) đứng với Tả Hữu càng nổi bật (nghị lực vạn năng).

Thân mới quan trọng, Thái Dương Thiếu Dương Quyền Phá Hư một văn nhân quyết đem trí óc cải số trời, kinh chống hẳn với Cao xanh là Thái Tuế, nhưng lại không được vì vị trí Mão vẫn bị Dậu khắc chế mặc dầu Thái Tuế vị vương Địa Kiếp (thâm tâm ông hẳn nghĩ Trời đương bị rối bời, biết đâu là ông khiêu khích).

Với tất cả Mệnh Thân này của người Điều Khách (quyết tâm quyết phục) Phá Hư (quật ngược) dầu khả năng như trên chỉ kém Thượng đế có chiếc ngai vàng, cũng không sao hài lòng đắc ý.

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời
Trời kia đã bắt làm người có Thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao*

.....
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ Tài (Vòng Tràng Sinh)

Xin bái phục Nguyễn Du hẳn đã nhiều phen cay cú với lý học định mệnh. Tiên Điền tiên sinh khéo nhắc nhở người đời cái thể sơ khai của “**Một** là lòng nhân, là chữ Tâm có giá trị bằng 3 chữ Tài.

146

MỖI ĐỜI NGƯỜI MỖI NHÂN QUẢ

Vòng Tràng Sinh đã kín đáo giảng giải đời người không phải là một đường thẳng đi từ sinh đến tuyệt là hết. Còn hai giai đoạn Thai và Dưỡng nối liền Tuyệt với Sinh thành một vòng kín quay vòng luân lưu vô hạn. Thời gian biến dịch hết thịnh phải suy, suy tàn lại kéo màn hưng thịnh. Kiếp nhân sinh do 2 vòng Thiên Can (Lộc Tồn) và Địa Chi (Thái Tuế) đúc nặn nhưng không thể không có bản ngã là mình gây nghiệp quả. Một chén cơm ngon không thể không có công bằng người nấu chín. Người vô học không thể cứ ngồi chơi rồi đương nhiên thành Bác Học.

Vòng Tràng Sinh do cục diện đời đương số phát xuất, từ kẻ thất phu đến bậc tuyệt luân cùng chung hưởng sự khác biệt tùy theo hành động của cá nhân.

Hai chữ Tài Thọ do Mệnh và Thân điều động là tất cả sự hoán cải bù trừ nhân quả. Lý đương nhiên Thân có làm ra Thọ (nhân hậu) thì định mệnh mới có đủ khả năng quyền biến (Thiên tài có nghĩa là năng lực tuyệt vời) tạo những gì tốt đẹp đền đáp. Đó là trường hợp Thái Tuế. Trái lại khi Không Kiếp hãm địa xuất phát chữ Thọ thì Tài kia cũng sẵn sàng đem lại kết quả hình thức tranh vẽ mà thôi, tùy theo cá tính thành tâm tín thực hay thủ đoạn gian manh.

Thế cuộc luân lưu bằng 12 địa chi từ Tí đến Hợi, người đời nhập thế ở khoảng thời gian nào thì thấy cái căn bản của mình phải mang nặng ngay ở phần việc nào như:

- 1- Sinh năm Tí thì chính bản thân mình là điều can hệ nhất (Tài ở Mệnh)
- 2- Sinh năm Sửu thì phải làm sao với đấng sinh thành (Tài ở Phụ)
- 3- Sinh năm Dần thì căn quả chịu ảnh hưởng nơi dòng họ (Tài ở Phúc)
- 4- Sinh năm Mão thì căn quả chịu ảnh hưởng nơi **sự nghiệp** (tài ở Điền)
- 5- Sinh năm Thìn thì căn quả chịu ảnh hưởng với công việc làm (Tài ở Quan)
- 6- Sinh năm Ty thì căn quả chịu ảnh hưởng với người lui tới cửa sau (Tài ở

Nô)

147

- 7- Sinh năm Ngọ thì căn quả chịu ảnh hưởng ngoại nhân (Tài ở Di)
- 8- Sinh năm Mùi thì căn quả chịu ảnh hưởng những hoạn nạn (Tài ở Ách)
- 9- Sinh năm Thân thì căn quả chịu ảnh hưởng tiền của thâu hoạch (Tài ở Tài)
- 10- Sinh năm Dậu thì căn quả chịu ảnh hưởng con cháu (Tài ở Tử)
- 11- Sinh năm Tuất thì căn quả chịu ảnh hưởng vợ chồng (Tài ở Phối)
- 12- Sinh năm Hợi thì căn quả chịu ảnh hưởng anh em (Tài ở Bào)

Chữ Thọ tùy theo Thân sống ở 6 nơi: Mệnh, Phúc, Quan, Di, Tài và Phối hưởng mà đi. Người nào tuổi đương thì luôn luôn Thọ phải ở những cung được coi là cương cung, vì cùng thể dương hay âm với cung Mệnh, tức là 6 cung Mệnh, Phúc, Quan, Di Tài và Phối. Còn người âm Thọ thường xuyên ở cung nhược (1) cung tức là cung khác biệt âm dương với cung mệnh, nghĩa là 6 cung: Phụ, Điền, Nô, Ách, Tử, Bào. Tất cả trên đây cho thấy luật âm dương rất thận trọng rành mạch phân minh.

Hai người cùng tuổi Mão:

a- Ất Mão sinh ngày 23 tháng 10 giờ Thân

b- Tân Mão sinh ngày 14 tháng 10 giờ Hợi

Biết rằng cả hai người đều nặng căn quả ở cung Điền (sự nghiệp gồm vật chất và tinh thần). Hai người cùng bị Không Kiếp nhập Mệnh và Thân. Sự khác biệt nhau là một người Mệnh Thân Thái Tuế, người kia Mệnh Thiếu Dương, Thân Thiếu Âm. Sự khác biệt này cho biết đâu là thành thực tín nghĩa của Thái Tuế. Không Kiếp chỉ hành hạ người không được đắc ý mà thôi. Còn người Thiếu Dương Không Kiếp được bồi đắp thêm tả Hữu ở Phụ Mẫu nhị hợp dồn sang, diễn tả một kiếp nhân sinh sáng láng hơn người mà thủ đoạn cũng không chịu nhường ai cả (Tả Hữu Không Kiếp).

Người Thái Tuế mang chữ Thọ từ Quan đến Ách, đương nhiên là Ách sẽ chẳng đến nỗi nào đáng ngại. Người Thiếu Dương mang chữ Thọ từ Phối đến Phụ. Hỏi rằng có thực bụng tâm thành hay không? Hay chỉ là một thủ đoạn trá hình. Tất nhiên cung Điền của hai người do chữ Tài hoán cải khác biệt muôn vạn dặm đường.

148-149

Bánh xe Tràn sinh xoay chuyển đồng nhịp điệu với Tài Thọ luân lưu làm cho lý số học ngoài cái ưu điểm sở trường là thấu rõ tư thể cá nhân trong xã hội, còn bao gồm một triết lý cao sâu cho hết thấy mọi người phân biệt được đâu là đường đi quang minh êm đẹp, đâu là bước ngõ tối chông gai, tự mình nên sáng suốt mà rong ruổi.

(1) 12 cung số không thể coi cung nào là cường hay nhược. Mỗi cung đều có những quan hệ thiết thực với Mệnh trên khía cạnh riêng biệt, như Phụ Tử Điền Ách đâu có thể coi nhẹ đồng cân. Từ lúc mới ra đời phải có cha, khi về già có con, sự nghiệp tài sản với tai nạn đâu có phải là vấn đề bỏ qua ít ảnh hưởng đến cuộc sống bản thân.

149

NHỮNG TRẠNG THÁI DIỄN BIẾN CỦA 6 CHỮ GIÁP

Không Phụ Tử xưa kia đã nói: “Ngũ thập nhi chí tri thiên Mệnh”. Ý nghĩa là đến tuổi 50 mới rõ được chân lý của Trời. Với bộ óc sáng suốt của một vị Thánh có thể thừa thời gian để tìm biết. Còn người trần thế với cái thông minh bình thường, thiết tưởng phải đến tuổi tròm trèm 70 mới rõ được lẽ huyền diệu việc đời. Tiếc thay mấy ai đã sống đến thời gian đó (nhân sinh thất thập cổ lai hi).

Người ta nhập thế cuộc 10 năm đầu còn là tiểu nhi. Bắt đầu từ 11 đến 70 mới đủ 60 tuổi (10 năm chót bị qua 10 đầu, Can và Chi y hệt) ngắm lại đời người những đổi thay biến dịch dễ mấy ai có thể tự hào là tri thiên mệnh.

Chuỗi thời gian 60 năm cổ nhân đặt ra 2 bộ phận (10 thiên Can và 12 địa Chi) sắp xếp theo thứ lớp phân tách ra âm dương đầy đủ ý nghĩa và riêng biệt.

Âm dương là không gian, ngũ hành là thời gian. Từ cái bất dịch đến cái giao dịch

thành biến dịch. Sinh khắc chế hoá là guồng máy tinh vi của lý học.

Thiên Can là gốc, Địa Chi là ngọn. Can là Phúc Đức, Chi là thân thể. Từ Giáp Tí đến Quý Hợi biết bao bình diện nhân sinh nối tiếp tuần tự lớp lang (xem bảng 70 năm tuổi thọ) khiến cuộc sống nhân thế khác gì thủy triều sáng tối.

Mười thiên can chia làm hai phái Âm Dương thành 5 cặp. Mỗi cặp có 1 thể chất riêng là ngũ hành:

Dương	Âm	Hành
Giáp	Ất	Mộc
Bính	Đinh	Hoả
Mậu	Kỷ	Thổ
Canh	Tân	Kim
Nhâm	Quý	Thủy

150

Mộc là sơ bản tính vốn thiện chủ nhân từ. Mộc sinh hoả là Nhân sẵn có thì dễ học dễ biết lễ (Hoả). Hoả sinh Thổ là Lễ đã biết thì Tín thực (Thổ) phát sinh. Thổ sinh Kim, Tín đã giữ được thì đương nhiên có nghĩa khí (Kim), hành động theo lễ phải. Kim sinh Thủy là Trí suy nghĩ hiểu biết sự lý tức là trọn vẹn ngũ thường.

Từ Mộc (Giáp Ất) tuần tự xuống Hoả (Bính Đinh) Thổ (Mậu Kỷ) Kim (Canh Tân) Thủy (Nhâm Quý) là cả một hệ thống tương sinh, người trên chịu đựng hi sinh cho người dưới. Cuộc đời nếu biết kính người trên hy sinh cho mình và tự chịu đựng hy sinh cho người dưới, như Mộc được sinh nhập của Thủy và sinh xuất cho Hoả là cả một cuộc diện tương sinh thái bình Long Hoa. Nếu vội nhảy cách **bước** muốn khắc phục người là khắc xuất (Mộc vượt qua Hoả khắc Thổ) bằng như quá trốn đui sức thì đương nhiên bị khắc nhập, như Giáp Ất nhảy cách Bính Đinh uy hiếp Mậu Kỷ rồi qua Canh Tân bị khắc nhập lại. Phải chăng là thể chiến quốc, còn gì là hạnh phúc nhân sinh.

Những dương hành Giáp Bính Mậu Canh Nhâm đáo hạn gặp nhau sự sinh khắc phải là tuyệt đối, còn so với âm hành chỉ còn là tương đối. Những âm hành Ất Tân Đinh Kỷ Quý cũng vậy khi đụng chạm nhau sự khắc chế cũng mạnh mẽ hơn khi gặp dương hành:

Giáp hợp Kỷ
 Ất hợp Canh
 Bính hợp Tân
 Đinh hợp Nhâm
 Mậu hợp Quý

Trong địa bàn Tử Vi sự sắp xếp thấy tinh vi từng vị trí chính yếu. Từ Mão đến Thân thuộc về Dương, từ Dậu đến Dần là tư thể của âm. Tí Ngọ là 2 thể chính (lương nghị) của Thái Dương và Thái Âm. Thêm Mão Dậu (tứ tượng) là Thiếu Âm và Thiếu Dương lập

thành 2 thế khai sinh. Thìn Tuất là 2 thế nguồn chuyển biến.

Bánh xe 60 hoa giáp là một vòng kín gắn liền 6 con giáp Can Chi tuần tự phối hiệp âm dương riêng biệt ràng rẽ luân chuyển, khiến đời sống vạn vật phải chịu ảnh hưởng từ cái sáng đến cái tối, từ mỗi thịnh vượng đến lẽ suy vong.

151

Thường tình mà nói khi bắt đầu từ Tí phải tuần tự đến Dần, Thìn, Ngọ, Thân rồi đến Tuất. Nhưng khi tính ra thấy cái tinh hoa của 10 Can là tuyệt lý. Từ Giáp Tí đến Quý Dậu rồi nhảy qua Giáp Tuất chứ không thể là Quý Sửu nối Giáp Dần:

a- Giáp Tí 1 trong hai thế chính của lưỡng nghi là sơ khai trong cảnh tối âm u minh (Thái Âm). Chi sanh Can, gốc chưa bén rễ nhờ ngọn nuôi. Cuộc sống phải đơn sơ giản dị, gặp nhiều may do ngọn thu hút ở cõi hư vô đầy hơi nước (Tí Thủy). Đa số nằm trong thời gian này được Chi sanh Can.

b- Bước qua Giáp Tuất (Can khắc chi) 1 trong 2 thế nguồn gốc chuyển biến. Gốc dành lấy sống, ngọn phải héo tàn, thời gian tranh sống gò ép, nguồn gốc phát sinh ra Giáp Thân.

c- Giáp Thân (Chi khắc Can) là thời gian quật khởi nhờ ánh sáng Thái Dương, tuy là chiều tà (20 năm từ Giáp Tuất đến Quý Tỵ là một chuỗi Can Chi tương khắc, triển miên tang thương diễn chuyển)

d- Giáp Ngọ là thế chính của Thái Dương, gốc tự hiểu lẽ sống phải nuôi ngọn để trường tồn (đa số năm Can Chi tương hợp).

e- Nhảy đến Giáp Thìn (Can lại khắc Chi). Ở đây không giống như Giáp Tuất là vì thuộc phạm vi của Thái Dương (Giáp Tuất thuộc Thái Âm). Đa số năm Can Chi tương sinh nhưng có nhiều dồn ép (Can Giáp khắc chi Thìn). Đây chỉ là nguyên lý để chuyển dần đến Giáp Dần.

g- Can Chi đồng hành là biểu tượng của Giáp Dần, một cảnh bình đẳng bằng liên hiệp, một thế huy hoàng hạnh phúc.

Bánh xe luân lưu lại đến Giáp Tí, tùy hoàn cảnh, tùy thời gian, bình dị may mắn vẫn là biểu tượng của Giáp Tí, tuyệt không một khắc chế, rồi Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần tuần tự nối nhau bất tuyệt.

Ngắm nhìn sự chuyển dịch giữa 6 con Giáp, nhjaan thấy có 2 đường lối riêng biệt:

1- Từ Giáp Tí bước qua Giáp Tuất, từ Giáp Tuất sang Giáp Thân, từ Giáp Ngọ nhảy tới Giáp Thìn, từ Giáp Thìn biến thành Giáp Dần tất cả là những khắc chế ghê gớm.

2- Còn từ Giáp Thân sang Giáp Ngọ, Giáp Dần sang Giáp Tí là tình tương sinh

đằm thắm.

152

Nguyên tắc

Giáp Tuất (Hỏa)	khắc Giáp Tí (Kim)
Giáp Thân (Thủy)	khắc Giáp Tuất (Hỏa)
Giáp Ngọ (Kim)	sinh Giáp Thân (Thủy)
Giáp Thìn (Hỏa)	khắc Giáp Ngọ (Kim)
Giáp Dần (Thủy)	khắc Giáp Thìn (Hỏa)
Giáp Tí (Kim)	sinh Giáp Dần (Thủy)

Ngày nay đời sống vật chất nhờ được khoa học tiến bộ, tuy có bỏ cách xa ngàn xưa muôn vạn dặm, thiết tưởng phần tinh thần không thể không giống nhau ở mỗi hoàn cảnh phải ưu tư hay đắc ý.

(1) Trên địa bàn Tử Vi chia làm 12 cung âm dương xen kẽ nhau. Sáu cung dương là 6 chữ Giáp. Mỗi chữ Giáp là hiện tượng của mỗi thời đại. Giáp Tí là Thái Cổ. Giáp Tuất là thượng cổ. Hai thời đại này thuộc về ảnh hưởng của Thái Âm nên mọi sự đều ở trong vòng sơ khai bí hiểm. Phục Hy là vị Thánh thời Thái cổ phát minh ra dịch lý cũng phải chờ đến Khổng Tử ở thời Trung cổ mới san định được ra manh mối một phần lớn. Giáp Thân là Trung cổ, đây là thời gian đã thuộc Thái dương nên đã sản xuất là những Thích Ca, Khổng Tử ra đời trước 500 năm dương lịch. Giáp Ngọ là Cận Cổ là thời đại khoa học dồn dập phát minh (Chữ Giáp sinh chữ Ngọ). Giáp Thìn là hiện thế rồi đến Giáp Dần là Hậu thế.

Mỗi thời đại là 1080 năm tức là gồm 6 đại nguyên. Mỗi đại nguyên có 1080 năm chia làm thượng nguyên, trung nguyên và hạ nguyên (nghĩa là mỗi đại nguyên phải đi hết 1 vòng 6 Giáp mới là một thời đại)

153

CÀN KHÔN NHẤT HÍ TRƯỜNG NHÂN SINH THỊ BI KỊCH

Trời đất bao la bị thu hẹp coi như một sản phẩm của diễn đài trò chơi hỉ nộ ái ố. Kiếp nhân sinh hẳn là một bản tuồng vui ít buồn nhiều. Kịch sĩ, tùy theo nghệ thuật và vai trò thủ diễn chỉ còn hứng chịu tất cả những lời bình phẩm khen chê người đời yêu hay ghét. Mấy ai thấu đáo được tình hình tư cách diễn viên mà xét đến nghệ thuật phải đóng trò: trung, nịnh. Sự thật oan hay ung, đáng hay không chính đáng, định mệnh đã dự thảo sắp xếp do quyết định của tay thầy tuồng đạo diễn: Tạo Hóa.

Biết bao nhân thế cổ kim, đã thấm thía tủi hờn, trước cảnh éo le cuộc sống, không phân trần mình chứng nỗi sự việc. Thành tích khi đã bị hiểu lầm vì một uẩn khúc nào đó, một khi được trình bày chính xác, tất sẽ hài lòng. Lịch sử phải trung thực, ghi rõ trắng đen.

Công việc soi tỏ được nỗi niềm, phần lớn trông cậy vào những bậc có thực tài thấu hiểu lẽ huyền vi vũ trụ.

Những dị nhân như thế không phải là nhiều, dễ kiếm. Hàng trăm năm ngày tháng mới xuất hiện được một Gia Cát Lượng ở Hậu Hán Trung Hoa, một Nguyễn Bình Khiêm của Hậu Lê Việt Nam chỉ đường ngay, vạch lối thẳng đường cho người, đồng thời và soi tỏ nổi uất hận của những vai trò có liên hệ mật thiết đến cuộc sống chung.

Nhưng đã là người, sự khát khe không chừa ai. Người trước cố sức mình quyết ý phá định mệnh mà rồi công 6 lần xuất phát Kỳ Sơn cũng chẳng nên cơm cháo gì. Hồn cũng đành lìa khỏi xác trên đàn phương tinh, không hy vọng cầu cho tuổi thọ thêm một giáp. Người sau chịu bó gối, tự biết đời sống đã lỗi thời, đành lang thang đây đó, tìm cái vui tai với tiếng chim hót riu rít nơi cây cao bóng mát, hoặc mượn thú vui ngâm thơ bình phú làm khoái chí dưới mái Bạch Vân Am.

Sự thật những cao nhân siêu thặng đó đã giúp ích rất nhiều cho hậu lai biết đâu vàng thau, mắt cá hạt châu bằng những lời bóng bẩy sấm ký tiên liệu xa vời.

154

Tử vi từ ngàn xưa để lại, bị cỏ lau bao phủ mất vị trí, lại thêm cây đại mộc chia cảnh ngang làm mắc lối. Người học chỉ lượng quanh, ngại mất công một phần, không dám xông pha rừng rậm để kiếm đâu là kho tàng quý giá, phần bị nạn *mang thư* làm lạc hướng. Đã hoang mang trước tình thần thực học, lại không thấy gì xác đáng bởi thêm dư luận chê bai, đành bỏ ngang quay bước. Tiến thoái lưỡng nan, không kết quả gì khả quan, dẫu mất nhiều ngày tháng rèn luyện chỉ được một vài kinh nghiệm chấp nổi đơn sơ, phải chăng lũ khách ra khơi thiếu la bàn định hướng.

Tinh thần hiệp sĩ cứu lưu không thể lãng quên mà sa vào tục lụy.

Cần khôn nhất hí trường
Nhân sinh thị bi kịch

Trước tinh thần lý học cao siêu, dám mong những ai thử phân tích thêm điều chính xác vài bản toán dưới đây từ tư cách đến tình tiết cuộc sống mỗi nhân sinh:

- a- Nhâm Dần 23 tháng 3 giờ Tý
- b- Ất Mão 29 tháng 12 giờ Tý
- c- Đinh Mùi 20 tháng mười giờ Mão

a- Tuổi Nhâm Dần, Mệnh Thân đồng cung tại Thìn cho thấy một thể nhân có căn bản mà lấm éo le; người nặng lo mà lo hoài cũng vẫn bất mãn, đi đôi với Tử Tướng Quyền ngộ Tuần (quyền rơm vụn đá). Người này đến lúc tay buông xuôi vẫn không đang nhắm mắt. Hai đại vận 26 – 35 và 66 – 75 ở Ngọ Tuất là hai đại vận đặc thiên thời, nhân hòa vẫn không cho phép người có số đặc ý, tuy là đời sống gặp bước cao sang phải chăng Tài Thọ không thi thố đúng mức vì người ở dương cung Tử Tướng ngộ Tuần quá khát khe. Giai đoạn 66 – 75 ở Tuất tình trạng Phá Quân lại bị bao hãm trong cái lưới. Địa Vong (có Đà La), nếu được trách vụ giao phó thì cũng sôi hồng bỏng không càng thêm gánh hận vào mình. Phải công nhận Tử Tướng dẫu không trúng cách của Mệnh nhưng tư cách vẫn không hèn, bị bồi thêm Kinh Lực không cho hãnh diện là may cũng như Lý Quảng không được

phong Hầu.

b- Ất Mão được trúng cách Lộc Tồn, nhưng Mệnh Thân đồng cung ở Sửu không khác gì tuổi Nhâm Dần Mệnh Thân đồng cung ở Thìn mà còn kém cả căn bản (tam hợp Tuất Phá không cho phép đương số được hài lòng). Cái khác nhau là người nặng lo (Tang Môn) không nên com

155

cháo gì, còn người Ất Mão này ở Điều Khách ức lòng muốn phân trần mà không nổi. Tử Tướng bị Tuần là tư cách nhân hiệp bị ngăn trở. Tham Vũ bị Tuần là tham vọng thất bại gát ngang. Cả hai đều Mệnh Thân đồng cung thì cả hai cuộc đời gặp thiên thời chỉ là vui chút u sầu. Tham Vũ ngộ Tuần không chút hết nổi lòng tham, trừ phi tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi đắc Phá Toái sẽ giảm Tham Vũ đến mức tối cao. Người có số tự tu tỉnh với Tài Thọ ở cung điền mà an phận không ham trèo cao, ngã đau, chờ đại vận 66 – 75 Mùi đắc Triệt tháo gỡ Tuần họa chẳng thanh minh được lòng mình.

c- Một là số dễ làm người học lầm lạc cho là:

1. Vô chính diệu đắc tam không
2. Có tâm hồn từ bi bác ái

Mệnh ở cung Thân vô chính diệu có Thiên Không, Địa Không, Thiên Di ở Dần có cả Tuần và Triệt, Thiếu Dương, Hồng Loan, Cô Thần đều ở Mệnh. Sự thật Hồng Không vẫn là sắc sắc không không. Thiếu Dương, Thiên Không, Cô Thần là bác ái, nhưng đây còn ẩn nấp Lưu Hà, Kiếp Sát, nhất là Thủy Mệnh thì Lưu Hà là chủ nhân cùng với Kiếp Sát là một thứ gong kim quá bên phụ tá thêm Không Kiếp dầu đắc địa. Bản mệnh vốn ráo riết (dương cung) thêm cả một hàng sát tinh đâu có phải từ bi.

Đây là vô chính diệu kiến tam không, cuộc đời phú quý (có Khoa Quyền Lộc) như giấc mộng hoàng lương. Mệnh Thủy không bao giờ được vô chính diệu đắc nhất nhị tam không. Chỉ một tuổi Hỏa mà thôi.

Cần khôn nhất hỉ trường
Nhân sinh thị bi kịch

156

TỬ VI CHÍNH THỊ ĐÍCH TÔN CỦA DỊCH LÝ

Dịch lý là môn triết học thâm căn của Á Đông quán triệt vũ trụ của hai thể cách tượng hình là thời gian, với cơ bản rất đơn giản và âm dương ngũ hành. Nhất là sau ngày hai nhà bác học Á Đông đem dịch lý âm dương bác công thức song hành điện lực nguyên tử được phần danh dự lãnh thưởng giải Nobel năm 1957, sau hai lần thí nghiệm quốc tế nguyên tử lực cuộc.

Âm dương trên bình diện văn từ coi như cân phân ngang bằng, nhưng thực trạng theo luật cơ (lẻ) ngẫu (chẵn) vẽ nên hình tượng thì dương bao giờ cũng lấn âm quá bán (3 đối 2) như tất cả mọi mặt chia loại âm dương trong dịch học:

D = _____

A = _____

D = Nam, cương, thiện, đại, chính, thực, quân tử, phú quý, mạnh

A = Nữ, ác, tiểu, tà, hư, tiểu nhân, bản tiện, yếu.

Giữa Thiên Can và Địa Chi cũng vậy. Can phải là gốc Chi chỉ là ngọn. Nguồn thực lực quan trọng vẫn là Can nên Can được đặt đứng trước Chi cho biết đâu là căn bản.

Mỗi khi nói đến Thiên (Trời) nhận ngay thuộc dương với hình tượng trong sáng, mà Địa (đất) phải u minh thuộc âm. Cũng như **ngũ** đến Nam tướng thấy mây râu dừng mãnh (dương) còn nữ thì thanh mai uyển chuyển (âm).

Thời gian chữ dịch chia làm 3 giai đoạn:

1. Bất dịch = Mệnh lập
2. Giao dịch = Thân hành
3. Biến dịch = vận chuyển

Mỗi cá thể sinh vật được âm dương phối hiệp sanh ra chứa đựng ngũ hành đầy đủ hợp chất là bất dịch. Vì lẽ sống còn phải lần hồi tiếp xúc ngoại giới là giao dịch, tất nhiên đời sẽ biến dịch, tùy theo hoàn cảnh, người không hiểu tùy thời quyết định (ăn uống, ở theo thời).

Phân **cương** lãnh dịch học phải biết chia loại về nghĩa âm dương.

Dương hào phải ở dương vị, âm hào nằm ở vị trí âm vị mới đắc cách, trái lại là bất chính thường đem lại khó khăn, kết quả không lành.

157

Mỗi quẻ dịch có 6 hào bắt đầu từ dưới chồng lên. Theo luật cơ ngẫu hào sơ hào tam, hào ngũ là hào dương vị. Hào nhị, hào tứ, hào thượng là hào âm vị. Vị trí của dương vị nên được dương hào chiếm đóng, âm vị phải để cho âm hào trú ngụ, mọi việc sẽ được hanh thông, trái lại tất sở cầu bị bế tắc.

Như hai quẻ:

a) *Thủy Hỏa Ký Tế*:

Cho thấy sơ hào ở dưới cùng hào 3, hào 5 đều một vạch là dương hào đắc dương vị. Hào 2, 4 và thượng (6) đều 2 vạch là trúng âm vị có âm hào. 3 nét ở trên là Khảm (thủy), 3 nét dưới là Ly (hỏa). Theo tượng quẻ Thủy ở trên, hỏa ở dưới có nghĩa là hỏa bốc lên, thủy thấm xuống, tức thủy hỏa tương giao để đem lại thành công hợp cách 6 hào âm ở âm vị, dương ở dương vị rất hoàn toàn đầu vào đó, ý nghĩa mọi sự đắc cách.

-----> <-----

A 6 (thượng)		D 3		Ly
D 5 (thủy)	— —	— —	— —	
A 4	— —	— —	— —	
	Khảm	(Thủy)	D (sơ hào)	(Hỏa)

b) *Hỏa Thủy Bì Tế*:

Cho thấy Ly (hỏa) trên, Khảm (thủy) dưới, các vị trí âm dương hào đều đứng nghịch

vị, nghĩa là lửa không nấu được nước và nước thấm xuống không đi **tới** lửa, việc sở cầu như trống đánh xuôi, kèn thổi ngược hợp cách 6 hào âm dương không đắc vị.



Trong bản đồ Tử Vi thấy 12 cung âm dương xen kẽ không khác gì vị trí 6 hào quẻ dịch. Lý đương nhiên người dương Mệnh đóng ở dương cung, người Âm phải ngồi ở âm vị mới đắc cách, dầu là tam hợp Tuế Phá vẫn có nghị lực (thiên mã) phụ giúp hùng khí như ai tam hợp Thái Tuế đành rằng kém phần chính nghĩa.

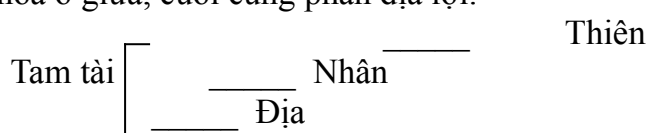
14 chính tính trên địa bàn, điển hình có bộ Nhật Nguyệt luôn luôn sao cho âm dương thuận vị.

Người âm đóng cung dương đã là nghịch vị, nếu lại Thái Dương thủ Mệnh, chưa vội nói đến hành Mệnh có hợp sao hay không, thấy ngay có phần kém sút (Thiếu Dương hay Thiếu Âm). Chẳng may cung đó lại là cung lạc hãm của Thái Dương, báo hiệu người đó bị lôi cuốn vào vòng đen tối ngay buổi ban sơ, nhưng rồi một ngày sẽ sáng tỏ với tư cách Nhật Cư dương vị. Trái lại vị trí đó lại tịnh minh cho Thái Dương sự sáng tỏ đó sẽ là dù che thân.

Người âm đóng cung âm, Mão hay Ty, Thái Dương đó chỉ nhất thời không chánh nghĩa.

158

Tử vi cũng như dịch lý lấy chữ thời làm quan trọng. Người đắc thiên thời hẳn đắc ý. Thánh Phục Hy vạch nên 8 quẻ ghi làm bát quái có ý để thiên thời trên hết, xuống đến nhân hòa ở giữa, cuối cùng phần địa lợi.



Thiên thời gặp vận hội tốt (nhập hạn tam hợp Thái Tuế) dầu đựng dầu Không Kiếp vẫn có dịp may. Tiếp đến nhân hòa được lòng người trợ giúp (bộ tinh đầu hòa hợp, với sao thủ mệnh) rồi mới đến cung hạn tốt hay xấu là sinh khắc hành bản Mệnh.

Các hành tinh trong Tử Vi chỉ là những hình tượng lý tưởng: Thiên Phủ Thiên Lương làm đại diện cho nhân hậu. Sát Phá Tham thủ vai sứt sứt ngang tàng.

Trong mỗi quẻ dịch đề ra 2 hào làm tượng hình cho nghĩa trung chính: Hào nhị phải là âm hào đóng, hào ngũ dành cho dương hào là đắc trung đắc chính. Tượng hình trong Tử Vi như Tử Phủ Dần Thân hay Phá Quân Thìn Tuất, chắc đâu là xứng đáng mến trọng và đâu là đáng khinh khi. Căn bản chính không ngoài lý âm dương của cung và ngũ hành của Mệnh có đắc cách với vị trí trung chánh đã được nêu ra hay không.

Tóm lại tất cả những quy luật của dịch lý đã áp dụng, thời Tử Vi không thể

không thực thi sao cho hòa hợp âm dương, ngũ hành một căn bản nói chung cho cả lý số dịch học.

159

TOÁN SỐ DỊCH HỌC MỘT PHƯƠNG TIỆN GIÁO HUẤN ĐẠO LÝ NHÂN SINH

Khoảng gần 3.000 năm trước dương lịch, một vị đại thánh đã biết ngưỡng, chiêm trời mà định thiên văn, cúi dòm đất để xét địa lý, nhìn thẳng không gian khảo sát vạn vật, nghĩ cách mở mang dân trí để diệt bớt dục vọng thế nhân, mới vạch ra tượng hình vũ trụ nên hình bát quái với những ý định kín đáo. Đó là Đại Thánh Phục Hy.

Phải chờ đến 3 vị thánh sau bay là Văn Vương, Chu Công và Khổng Khâu, nhất là Khổng Khâu e sợ người đời lầm đường lạc lối soạn thêm những lời giảng giải (soán từ).

Mỗi quẻ bát quái có 3 nét làm đại diện cho tam tài, (thiên nhân địa). Phải dùng đến hai quẻ chồng lên nhau mới thành quẻ, vì mỗi Tài phải có 2 hào thay mặt cho âm dương. Nếu chỉ một âm hay một dương không thể sinh thành biến hóa được.

Hạ quẻ được gọi là nội quẻ (D), thượng quẻ là ngoại quẻ (A). Mỗi quẻ có 3 hào: Hào sơ là dương vị, Hào nhị là âm vị, hào tam hào ngũ là dương vị, hào thượng (6) là âm vị. Giữa hai quẻ phải có tương ứng với nhau là hào nhị được gọi là hào lục nhị hay nhị sách (A) tương đắc với hào ngũ liệt danh là đôn hay cử ngũ (D) là đắc trung đắc chính.

Ngoài những quy luật ấn định, những toán từ là những lời vàng tiếng ngọc để cho đời làm khuôn mẫu hành sự. Hai chữ chính trung sao cho hoàn hảo. Biết việc nên làm thì làm là chính. Chính sao cho trúng lúc không thái quá cũng không bất cập là đắc trung.

Hai quẻ Thủy Hỏa Kỳ Tế và Hỏa Thủy Vị Tế:

Thủy { <u> </u> <u> </u> } Khảm	Ly { <u> </u> <u> </u> } Hỏa
<u> </u> <u> </u>	<u> </u> <u> </u>
Hỏa { <u> </u> <u> </u> } Ly	Khảm { <u> </u> <u> </u> } Thủy
<u> </u> <u> </u>	<u> </u> <u> </u>

160

Nhận xét vị trí âm dương thuận lý và giao hợp tương ứng là đắc thành (Kỳ Tế) mà nghịch lý lại âm dương bất giao là dở dang (Vị Tế)

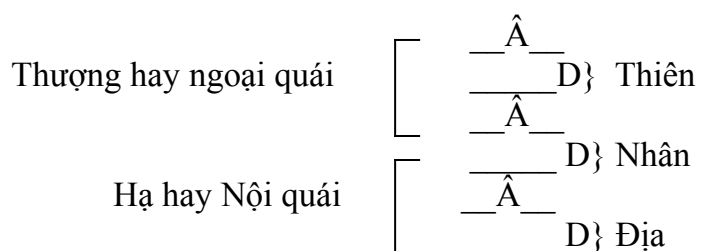
Đến như hai quẻ:

Địa Thiên Thái	Thiên Địa Bi
Khôn { <u> </u> <u> </u> } Ngoại quái	Ngoại { <u> </u> <u> </u> } Càn
<u> </u> <u> </u>	<u> </u> <u> </u>

quyết mà mấy ai đã kiên trì vững tay nắm chắc từ thừa sơ sinh cho đến lúc bạc đầu.

Hai quẻ Càn Khôn dịch lý chứng minh giảng giải cho thế nhân thấy tất cả những gì khả năng vô địch của lưỡng nghi trời đất.

Biết rằng mỗi quẻ dịch có hai quái: nội quái là dương và ngoại quái là âm. Mỗi quái có 3 hào nên mỗi quẻ có 6 hào vì lẽ tam tài (thiên nhân địa). Mỗi tài phải có một hào dương và một hào âm để biến nên vị trí chính phải như:



Lấy hai hào chính giữa mỗi quẻ để giao hợp nhau nên gọi là trung. Nếu hào nhị âm và hào ngũ là dương là đắc chính.

Thấy hai quẻ Càn nêu là Bát Thuần Càn và Khôn ghi Bát Thuần Khôn tức là mỗi quẻ 6 hào đều đứng về một phía:

162

Càn	Khôn
— — — — —	— — — — —
— — — — —	— — — — —
— — — — —	— — — — —
— — — — —	— — — — —
— — — — —	— — — — —
— — — — —	— — — — —

Theo luật âm dương thấy lệch hẳn một bên thì hẳn có sự mắc nghẽn không xuôi chiều, vì thế hai quẻ này soạn từ giảng giải rất cao siêu để biện lý tất cả những gì là khả năng của Càn Khôn xây.

Sáu hào của Càn đều là dương thấy sự khó khăn ở ba hào nhị tứ và thượng đáng lẽ phải là âm mới đắc vị. Nhưng đã là Trời mà phải khoanh tay trước thế bí sao? Soán từ đề cao 4 chữ của Càn: Nguyên Hạnh Lợi Trinh

Nguyên	= nguồn gốc đầy đủ
Hạnh	= Thông thái thuận tiện
Lợi	= Tiện ích thỏa mãn
Trinh	= Chính đính bền chặt đến cùng

Chủ yếu gồm ý phơi bày vạn năng của Trời ngay từ gốc thiện căn, đủ sáng suốt hành động công ích thỏa mãn mọi trường hợp với ý chí bền chặt đến cùng. Mặc dầu có những trở ngại chỉ là giai đoạn (nhị, tứ). Cương kiện là bản chất của Càn, nên nhu phần nào cho

trúng lúc (chữ Thời). Qua hào cửu ngũ đã thành công đến hào cửu thượng không nên quá cương, vì cùng tắc biến, đầy quá phải tràn, giữ khoan hồng nói tay để tránh vòng biến họa. Đây là chân bản sáng suốt của Thiên.

Quẻ Khôn cũng 6 hào toàn âm, thấy nghịch cảnh ngay ở hào sơ, tam **và ngũ** đáng lẽ phải dương hào nói đặc cách. Khôn cũng như Càn không lẽ không thể có chu đáo, Càn cương kiện bao nhiêu thì Khôn đương nhiên nhu thuận bấy nhiêu. Thông minh có thừa biết không được ban phát cương kiện như Càn, nên phân định đâu là thuận lợi thuận theo bước của Càn mà tiến bước. Soán từ đề ra 3 chữ: An, Trinh, Cát:

An	= Yên bề thuận theo
Trinh	= Chính dĩnh bền chặt
Cát	= Tốt đẹp hoàn hảo

163

Với đầy ý nghĩa răn khuyên giữ chữ Trinh đến cùng đến khi thấu đáo đâu là phải thì thuận theo phò trợ, cũng được tốt đẹp hoàn hảo như ai, vì với ba hào là sơ, tam và ngũ thận trọng trong việc nghĩ xét không quá vội vàng, tới lúc gặp được Càn nên thuận theo cương quyết gắng công.

Càn Khôn đã khuyên giải chữ Thời quan trọng. Cuộc nhân thế tùy theo cương kiện của Càn và nhu thuận của Khôn mà hành động tiến thoái. Trên địa bàn Tử Vi cũng chỉ là bức phóng ảnh bước đường Càn Khôn. Từ lúc mang tiếng chào ban đầu ra anh sáng cho đến ngày thất trận cổ lai hy cũng trải qua 6 giai đoạn: nào thời Thái Tuế, nào hạn Thiên Không, lúc vận sinh xuất, lúc hạn khắc nhập. Đương số đầu là Tử Phủ, Sát Phá Tham hay Đồng Lương, Cự Nhật phải tùy chữ Thời mà cương nhu. Đừng tưởng Quyền Lộc tô điểm mà múa tay nhảy vối, sáng suốt nhận định tư thế của mình với cơ duyên đặc thất. Quyền Lộc kia chỉ là bậc thang thuận tiện cho cả hai chiều đi lên hay bước xuống cùng mau lâu như nhau. Sự khác biệt tùy theo thiện tâm dẫn dắt lẽ sống./

164

ĐỨC HẠNH CÀN KHÔN ĐI ĐẾN ĐỒNG NHÂN ĐẠI HỮU

Càn Khôn biểu tượng cho vạn năng nhất là đức hạnh cương nhu kiên thuận, lần xuống Tứ tượng có Khảm Lý:

Ly thiếu dương của Càn
Khảm thiếu âm của Khôn

Đạo Càn Khôn bao gồm ban phát ra 4 chữ Nguyên Hanh Lợi Trinh (Càn) và 3 chữ An Trinh Cát (Khôn) cho đời được hưởng những gì là hoàn hảo tốt đẹp công bằng mọi người như nhau.

Với hai quẻ Thiên Hoả Đồng Nhân và Hỏa Thiên Đại Hữu thấm sâu lòng người, cho biết đâu đường lối mà thế nhân muốn thực thi tất cả tiến tu đến thánh đức, ngày ngày kiến tạo biểu hiện đức mình trong công việc.

a- Thiên Hỏa Đồng Nhân có nội quái Ly, ngoại quái Càn. Ly ở dưới Càn tượng là lửa bốc lên tới Trời chiếu sáng mọi nơi hết thảy sinh vật đều hưởng quang minh. Chữ “đồng” nơi đây có nghĩa tất cả mọi người không kể thân sơ gần xa quen lạ tức là đại đồng. Như thế mới đại đạo chí công. Thế theo quái Ly biểu hiệu đức tiến bộ. Càn có đức cương kiện. Hai hào nhị và ngũ có đức trung chính ứng hợp với nhau. Trong vốn sẵn sáng suốt, ngoài cương quyết thực thi. Tượng đó phải chính đại quân tử mới chu đáo được, vì tâm tư người đời thiên trạng vạn thái rất khó bỏ sạch được tì tâm để làm sáng tỏ chí công vô tư. Với 6 hào chỉ có hai hào tứ và thượng là trở ngại vì quá cương kiện nên pha vào nhu thuận nguyện ý cầu mong biết hồi đầu nghĩ lại đã có gì bất trực hoặc vô tư. Biết điều lỗi rồi tự tu sửa, tưởng chẳng điều gì tốt hơn.

b- Hỏa thiên đại hữu trình bày Càn nội Ly ngoại có nghĩa là cộng đồng với người, tất thảy mọi người đều là bạn. Nhận xét 6 hào chỉ một hào sơ đắc vị, hào tam tuy là dương nhưng sợ quá kiện dương hóa kiêu vì 3 hào nội quái đều dương. Nhưng đã sanh ở dòng giống thiện đức (Càn) há không biết tùy thời ứng đối. Hạ Càn nguyên gốc quân tử thượng Ly đã thông sáng suốt giao hợp. Quan trọng ở hào **ngũ là âm** vạch lỗi cho người biết khi đã công thành danh toại nên khiêm nhượng để tránh hiềm khích, làm gì mà không thâm thái được lòng người trở nên đại hữu.

165

c- Thủy Địa Tỷ thành lập do hai quái Khôn hạ, Khảm thượng tức là Thái âm và Thiếu âm chung hợp cũng như Hỏa Thiên Đại Hữu có Càn nội Ly ngoại (Thái dương, Thiếu dương cộng tác). Một bên, Trời được lửa cháy sáng quang minh. Một bên, đất được nước thấm nhập mềm dẻo.

Nguyên lý trong Càn Khôn không giống một loại vật nào sống cô lập mà thành công trường tồn mỹ mãn, luôn luôn có giao dịch phụ giúp lẫn nhau. Trông vào 6 hào thấy ngũ hào oai nghiêm dương cường hòa hợp với hào nhị ở hạ quái. Đây là hào độc nhất lãnh tụ có tất cả sáng suốt diu dặt 5 âm hào quy tụ trên dưới. Tiếc rằng nội quái toàn hào âm, quan hệ ở sơ hào nơi nguồn gốc đều quá nhu giúp sức cho hào thượng cùng tính chất. Sự bền vững khó lâu dài. Vậy người kết bạn, tìm thầy nên thận trọng ngay từ lúc đầu mới mong tránh suy tàn.

Hình ảnh của Đồng Nhân Đại Hữu chiếu ánh sang Tử Vi màu sắc hai sao Tài Thọ nhập Mệnh Thân Tài Quan và Di đồng điệu. Số được Tài Thọ nhập Mệnh có khác gì người trước khi giao dịch với đời, nhất là công việc có lợi ích chung, trước hết phải chỉnh tu đức hạnh ngay bản thân. Trường hợp Tài Thọ nhập Quan, đương nhân phải chí công vô tư, hành vi cương nhu cho đúng lúc. Tài Thọ ở Di bố buộc vị tha ngay với cả đối phương không vì ty hiềm mà hành động trái chính tâm.

166

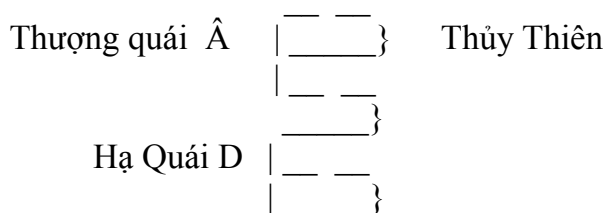
CHỮ THỜI VỚI LÝ ÂM DƯƠNG

Hình tượng bát quái cho thấy 8 lực lượng của vũ trụ (Càn=trời, Khôn=đất, Khảm=nước, Ly=lửa, Tốn=gió, chấn=sấm. Cấn=núi, Đoài=sông) do một chữ Càn (☰) biến

dịch mà nên. Sở dĩ phải để 3 nét là do một quái là muốn chứng minh trong hư không có 3 khả năng chính là trời đất và người ngôi vị đại diện cho sinh vật.

Thời tiết thay đổi do Thiên khó có gì ngăn chặn. Những sự rung chuyển đất núi thành sông biển cũng không có gì kìm hãm nổi. Cái sức thứ 3 là nhân, cái thai sản hợp đức do 2 thể âm dương thực hiện không phải là không đáng kể trải bao thời gian đã in lại bao dấu tích.

Thiên Địa Nhân chỉ là thể đứng bất dịch. Ngày tháng trôi qua phải có biến dịch tức là phải có âm dương canh cải. Vậy mỗi Tài tất có 2 thể (âm và dương) mà tài là 6 hào tức là 2 giáp hợp lại. Thiên 2 hào trên hết. Nhân 2 hào ở giữa. Địa 2 hào ở dưới cùng. Mỗi hào như trên định thực thi thể đứng âm hay dương



Quẻ Thủy Hỏa Ký Tế

Mỗi Quẻ dịch gồm hai quái mới đủ tư thể âm dương cho 3 thể Tài mà mỗi vị trí của mỗi quái nhất định: Hạ tức nội là dương, Thượng tức ngoại là âm. Sáu hào cũng có vị trí nhất định. Hào sơ là hào dương, hào nhị là âm. Thuộc tài của địa, hào tam (D) hào tứ (Â) thuộc tài nhân. Hào ngũ (D) hào thượng (Â) thuộc tài thiên. Mỗi quẻ ứng lên hào nào đóng trùng ngay vị trí của nó như sơ tam và ngũ là dương, nhị, tứ và thượng là âm như quẻ Thủy Hỏa Ký Tế có nghĩa là mọi sự được hanh thông. Nếu nghịch lý ở chỗ nào tức là có sự bế tắc nơi đó, sự việc chủ phải tùy cơ ứng biến.

Trên địa bàn Tử Vi cũng vậy. Dương Mệnh phải là dương cung, người âm nên ngôi ở âm cung mới đắc cách. Tốt đặc ý ở nơi tam hợp Thái Tuế, còn chẳng may bị đặt ở tam hợp Tuế Phá cũng vẫn có tư cách hơn ai với Thiên Mã ngầm giúp. Trái lại với người dương đóng ở cung âm hay người người âm đóng ở cung dương, tức nghịch lý âm dương phải khoác lấy thể bài khắc chữ “Thiếu” vào mệnh coi như bị thua thiệt (Thiếu dương hay Thiếu âm) nên chấp nhận ngay Thiên Không (Thiếu Dương) hay Trục Phù (Thiếu Âm) và nên tự hướng dẫn trên đường Tứ Đức.

167

Biết rằng dương thì tính tình cương kiện mà âm thì nhu nhược. Người đóng cung dương tất nhiên mọi việc đối với dương nhân hẳn là cẩn thận chu đáo kiên quyết. Trái lại đóng cung **âm trộn pha** thêm nhu nhược phần nào không thể cứng rắn như cung dương. Với người âm đóng cung âm tính tình dễ dàng miềm là việc chủ trương được hoàn thành là mãn ý không ngại sự lãng phí. Nếu ở cung dương sự rộng rãi phải phần nào nhường cho sự cầu thả. Thêm vào bộ sao Tử Phủ Sát Phá Tham có tính cách thực hành thêm phần rộng rãi với bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật luôn đề trên lý thuyết tính toán sao cho đúng mức, cũng là thể lưỡng nghi âm dương hướng dẫn.

Vận hạn xoay vần hết dương là đến âm, hết âm phải chuyển đến dương muốn thực thi chữ “thời” nên thân trọng nhận định đâu là hợp cương kiện, đâu là nhu thuận với bản chất cố hữu của Mệnh trên cung số. Quyền Lộc nghịch lý âm dương chỉ là phù vân, Mệnh nghĩa mà có mới là hoàn hảo, trường hợp Tuế Phá cũng là hư danh (Thiên Hư).

Sáu hào trong Quẻ dịch chia cho 2 quái. Nội quái là dương có 2 hào dương sơ và tam. Ngoại quái là âm có 2 hào âm là tứ và thượng cho thấy rằng trong dương có âm và trong âm có dương, đó là gốc của biến dịch. Hào sơ vốn là dương đủ cách như khi bắt đầu chủ trương một công việc phải tính toán mọi chi tiết để tiếp giai đoạn 2 còn thừa trừ cắt xén, song giai đoạn 3 không thể nhu yếu để bị gò ép, đến giai đoạn 4 phải cởi mở phần nào để thuận bước qua giai đoạn 5 thành công phải được sự thỏa mãn rộng rãi là ý nghĩa của hào thượng thuộc âm nhu thuận.

Trường hợp thông thường Mệnh hay Thân bị Tuần hay Triệt chặn đầu, chờ đến thời gian gặp Tuần hay Triệt còn lại cởi mở mới đắc ý. Nhưng nếu là người dương đóng cung âm hay người âm đóng cung dương khi gặp Tuần hay Triệt cởi mở phải tùy theo cung âm hay dương đắc cách với Mệnh dương hay âm diễn chuyển những may hay rủi, tức là người dương đáo dương cung là Thái Tuế, mà gặp âm cung là Thiên Không. Trái lại người âm gặp âm là Thái Tuế chuyển đến dương cũng là Thiên Không.

Mệnh hay Thân từ sơ sanh đã bị Tuần hay Triệt kìm hãm, nay gặp được giai đoạn tháo gỡ, dương gặp dương, âm gặp âm khác gì hạn Thái Tuế mở màn. Thiên Không cũng vậy, người bị Tuần Triệt đương đầu đã ghi nhận như là cái rủi nhưng không hẳn là không may.

168

Trường hợp 3 phương xung sát có một Triệt ở Mệnh kẻ như có gì làm đảm bảo, cũng như 4 hướng phò trợ mà không đứng chặn ngay cửa ngõ ví cũng như vô ích.

Lý âm dương chi phối vận hành cũng như tính cách nhân sinh thành một căn bản nhất định. Người dương đáo hạn dương cung hay người âm gặp vận ở âm cung có 2 cách là Thái Tuế hay Tuế Phá. Thái Tuế là trung cách hưng thịnh. Còn Tuế Phá tuy có phần không mãn ý vì Phá Hư nhưng vẫn đưa dẫn dương nhân đến chỗ cao đẹp hơn là vị trí có chữ “Thiếu” (Âm hay Dương) tức là nghịch lý âm dương đầy đủ Quyền Lộc. Người bộ hành trên đường thiên ký nên tùy nghi sáng suốt nhu thuận hay cương kiện dần bước.

Điều đáng lưu ý mỗi cá nhân đến tuổi ngoài 40 bắt đầu lập sự nghiệp lớn là đắc vị âm dương. Thái Tuế thì lưu danh thơm muôn thuở. Còn Tuế Phá chỉ là hư nghiệp hậu thế mĩa mai. Người mệnh Thái Tuế và Thân Tuế Phá có nghĩa người này vụng suy muốn 2 tay hứng gió mọi phía để cho thân được mát mẻ, rồi ra ăn năn đã muộn. Không như người mệnh Tuế Phá Thân Thái Tuế, chiếc thuyền nay xa khơi hứng chịu biết bao sóng gió nhờ lắc dề rồi thỏa mãn cùng lòng dạ vững kiên đi đôi cùng tuổi thọ trên dưới cổ lai hi hữu.

169

KHẢ NĂNG CỦA TAM TÀI HUN ĐỨC THỂ NHÂN

Vũ trụ là một khối Thái cực hoàn hảo hoàn thiện chứa đựng 2 thể lưỡng nghi cương kiện (dương) và nhu thuận (âm). Mỗi tình trạng phải do tam tài ấn định, tới mức độ nào đấy là phần tứ tượng trình bày. Ngũ hành sẽ chứng minh đâu là chính đáng hợp cách.

Địa bàn Tử vi với 12 cung là một thể Thái Cực vẹn toàn âm dương giới hạn: Tử Mão đến Thân thuộc Dương, từ Dậu đến Dần thuộc âm. Trong phần dương vẫn có cái âm xen kẽ, trái lại bên âm cũng vậy (Tý là dương, Sửu là âm... Tuất là dương, Hợi là âm).

Thể tam tài bao gồm 3 vòng: Lộc Tồn do Can ấn định (thiên), vòng Thái Tuế do chi ghi chú (địa) vòng Tràng Sinh do cục diện của Mệnh an vị (nhân). Bất cứ một mệnh viên nào đầu đứng ở cung nào cũng phải chịu ảnh hưởng của tam tài hoạch định, dầu rằng cuộc thể nhân sinh 1 phần quan trọng biến dịch bởi thiên thời, nhân hòa và địa lợi mang đến sự thay đổi. Nhưng tư thế của dương nhân vẫn bị tam tài chi phối phác họa dự thảo ghi chú là định mệnh.

Biết rằng khả năng của Lộc Tồn và Thái Tuế **kể** như 2 điều kiện tiên quyết hoạch định một khi soạn thảo hạnh phúc và tư cách cho dương nhân. Vòng Tràng Sinh dầu trong tam hợp nào, nở rộng ra trong thể lưỡng nghi hay toàn vẹn cả vòng lẫn bao hàm trong một thiên nhật tụng đạo lý xử thế vuông tròn.

Bốn tam hợp của Tràng Sinh xưa nay vẫn nhìn nhận vị trí có tư cách khả quan nhất là Sinh Vượng Mộ. Có phải vì thế trên địa bàn Tử Vi mới phân định ra 3 thể: tứ sinh, tứ chính và tứ mộ. Mỗi tam hợp có một cái chính bản ngã của mình là Kim (Dậu), mộc (Mão), thủy (Tý) và hỏa (Ngọ). Còn tứ mộ là nơi tập trung mỗi khi tàn lụi.

Công bồi đắp tứ sinh mà thành công đắc thế là ở tứ chính nên Đế Vượng đắc cách ở Tý Ngọ Mão Dậu. Đây là trường hợp thuận lý âm dương (dương nam và âm nữ theo chiều hướng thuận). Trái lại trường hợp nghịch lý âm dương đi theo chiều ngược thì Tràng Sinh ở tứ chính mà Đế Vượng thì ở tứ sinh, chứng minh đây là nghịch cảnh, tất nhiên mọi sự kiện phải thua kém những gì là thuận lý...

170

Còn Mộ có hai bình diện. Khi đã về nơi tập trung của ngũ hành Mộ chỉ là nắm đất để đưa dẫn ngũ hành đâu về đó. Lúc đắc thời khi còn gởi thân trên trần thế. Hoa Cái là khuê bài danh dự cho người tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi).

Bộ 3 này mỗi khi đắc cách người được hưởng Tràng Sinh phải là 4 tuổi Dần Thân Tý Hợi, sự nghiệp sẽ được lâu dài bên vững Đế Vượng chỉ phân phát cho 4 tuổi Tý Ngọ Mão Dậu bước thang mây sẽ nghênh ngang vượt chúng. Người Thìn Tuất Sửu Mùi được ghi danh vinh dự (Hoa Cái).

Tất cả 12 tuổi này phần cao đẹp tuyệt đối chỉ dành riêng cho những cá nhân thuộc Kim và Thủy Mệnh, còn các tuổi khác phải tùy sự sinh khắc mà **thêm** bớt đi đối với phần việc của Tài Thọ bù trừ **trộn** vện.

Mệnh viên đứng trong 12 cung địa bàn, công việc của mỗi bài chỉ tô đắp trên một công việc theo khả năng của mình mà thôi. Nhưng một khi cả 3 gặp nhau trên một khía cạnh như đặc cách liên lạc với nhau. Tất nhiên trạng thái đó phải là vượt mức khác thường tốt đẹp hơn ai như hai tuổi được đây:

- 1- Người dương nam Giáp Tý mệnh đóng ở Tý
- 2- Người âm nữ Tân Mão mệnh đóng ở Mão

Thấy cả hai người Mệnh cùng Thái tuế đắc Đế Vượng ở tứ chính (vòng Tràng Sinh) Thanh Long (vòng Lộc Tồn) ở Quan và Bạch Hổ (vòng Thái Tuế) ở Tài. Ngôi vị Đế Vượng phò tá, tướng không còn gì vượt mức hơn nữa.

Hai tuổi Giáp Tý và Tân Mão cho thấy sự phấn đấu đưa được dương nhân đến địa vị Đế Vượng trúng chỗ phải có nghị lực hơn người, nhất là người Tân Mão (Can khắc Chi). Còn người Giáp Tý còn phần nào nhờ sự may mắn (Chi sinh Can). Người Giáp Tý ở ngay Tý cung đắc Đế Vượng, sự nghiệp nắm chắc đến tuyệt đích trái lại người Tân Mão đầu ở Mão cung cũng là tứ chính, hiềm nỗi một mệnh, Đế Vượng kia không phải dễ dàng mà an vị.

Tam tài thủ diễn trong Tử Vi mỗi Tài một khía cạnh vòng Lộc Tồn do Thiên Can ấn định về phần hạnh phúc tiền tài đến mức độ nào đó cho từng cá nhân. Vòng Thái Tuế được địa chi xây dựng sắp xếp tư cách mỗi hạng người. Vòng Tràng Sinh được coi như phần chính yếu, việc xử thế của cá nhân ở hoàn cảnh nào hành động sao cho Thọ toàn vẹn (nhân hậu) thì vận mệnh mới có Tài (hoán cải) Quan Phúc Thương Sứ sẽ tùy nghi nhúng tay quyết định.

171

ĐÂY HẸN LÀ NGHIỆP BÁO

Tuổi mỗi nhân sinh là một thể tiểu thái cực do lưỡng nghi thiên can và địa chi phối hiệp đúc kết, được đề danh là nạp âm. Thiên can là phần quan trọng đứng trên như cây có gốc, địa chi chỉ là nhánh là phần phụ. Mọi sự việc diễn trải qua ngày tháng do Can ấn phác, Chi trình bày sự hợp xung cách đứng. Nạp âm phần chính xác của Mệnh phụ họa với Can quyết định mức độ màn cảnh như:

Tuổi Giáp Tý can Giáp (mộc), chi Tý (thủy) thành nạp âm Giáp Tý (kim) gặp năm Canh Ngọ phải phân tích Can Canh khắc Can Giáp chi Ngọ xung chi Tý (Thủy) khắc Ngọ (Hỏa) có ý nghĩa tu Thiên khắc Địa xung, nhưng xung khắc xuất kẻ là nhẹ. Thành phần thứ 3 nạp âm năm Canh Ngọ (thổ) sinh nhập cho tuổi Giáp Tý (kim) đem lại kết quả toàn bộ cho tuổi Giáp Tý gặp năm Canh Ngọ (thiên khắc địa xung báo hiệu thời gian nguy hiểm) chỉ gặp những sự thị phi đau bệnh qua loa mà thôi.

Biết rằng hàng Can là quan hệ, nhưng nghiệp báo của người đời phải để ý 5 cặp hàng Can (Giáp Ất, Bính Đinh Mậu Kỷ, Canh Tân Nhâm Quý) đứng cùng nạp âm của mệnh mà đồng hành như Canh Thìn, Tân Tỵ có Canh Tân đều là Can Kim mà nạp âm cũng là Kim, khi gặp một sát tinh đứng trùng cách sát là khắc toàn vẹn như Hỏa Linh. Dương nhân phải cẩn thận nếu ở Mệnh phải e ngại trọn đời, còn ở một vận hội nào phải thận trọng ảnh

hưởng thời gian đó. Trường hợp thiên thời Thái Tuế, sự tốt đẹp cũng chỉ còn 50%. Nhưng mỗi khi gặp lúc khó khăn vẫn có cái may bất ngờ dẫn cứu. Vậy có thể trình bày sắp xếp:

- a- Những tuổi Giáp Ất và mộc mạng phải đề phòng Thiên Hình (Kim).
- b- Những tuổi Bính Đinh và hỏa mạng phải né tránh Hóa Kỵ (thủy)
- c- Những tuổi Mậu Kỷ và Thổ mạng phải xa lãg Đường Phù (mộc).
- d- Những tuổi Canh Tân và kim mạng phải lo ngại Hỏa Linh
- e- Những tuổi Nhâm Quý và thủy mạng phải quan tâm đến Cô Quả (thổ)

Năm trường hợp thường đem đến.

1- Người Giáp Ất và mộc mạng dễ bị Thiên Hình mổ xẻ cắt thiếu thành vết sẹo mang trong thân thể hay yếu gan.

172

2- Người Bính Đinh hay Hỏa mạng nên đề phòng sông nước và bệnh tim thừa thiếu máu, thân danh hay bị kiềm chế.

3- Người Mậu Kỷ và Thổ mạng sự nghiệp trời sứt bao tử khó tiêu hóa.

4- Người Canh Tân và Kim mạng đề phòng họa tai mắt nhất là bệnh phổi.

5- Người Nhâm Quý và Thủy mạng thường làm ơn nên oán, khó gây tình cảm, nội thương hay hành ở thận.

Để bảo thu bổn mạng, tránh phần nào sự khắc hãm mỗi hạng người nên dùng màu sắc như sau:

- 1- Mộc mạng nên thường dùng màu xanh lá cây (quần áo hay sơn nhà cửa)
- 2- Hỏa mạng thường hợp với màu đỏ.
- 3- Thổ mạng tương đắc với màu vàng lụ.
- 4- Màu trắng cho người Kim
- 5- Màu xám đen lợi cho người Thủy.

Trong 5 hành chỉ có 4 hành Bính Đinh Mậu Kỷ, Canh Tân Nhâm Quý là có hàng Can đồng hành với nạp âm. Còn Giáp Ất không bao giờ có một tuổi Giáp Ất nào là hành mộc Giáp Tý, Ngọ (Kim) Giáp Dần, Thân (Thủy) Giáp Thìn, Tuất (Hỏa) nên tuổi này phải lấy nạp âm của mình mà dùng màu sắc.

Những Thiên Hình, Hóa Ky, Hỏa Linh, Cô Quả Dương Phù thủ những vai trò đạo phủ tác hại hơn Không Kiếp. Thấy người Thái Tuế bị Không Kiếp đứng kèm là một đời dầu ở trường hợp nào cũng là lửa hành trên sa mạc. Bộ 3 Trường Sinh, Đế Vượng, Hoa Cái đối với dương nhân nên hiểu nghĩa sâu khấu trường đời, vai trò chính mình vẫn phải thủ diễn đúng mức, nhưng nơi hậu trường sự thù lao chỉ là đạm bạc.

Bằng lá số tuổi Canh Tý sinh ngày 16 tháng 11 giờ Tý mở đường cho khả năng của số Di đến tuyệt đối với hai chưa tài nhập Mệnh và Thọ nhập Thân, chứa đựng một bầu hung sát tinh đặc chế hóa khiến ít ai thấu đáo rõ tư cách đương nhân (Mệnh có Hình, Đà, Hỏa được Triệt, Vũ Phá Linh gặp Tuần ở Thân, cả bộ Không Kiếp giáp Thân đều được cả Tuần lẫn Triệt lột xác). Bộ tam hợp bắt đầu từ Vũ Phá (tham vọng quá bạo) đi đến Tử Tham (uy hiếp hiền nhân) kết quả dẫn đến Liêm Sát (lộ thượng **mai thi** = chết đường) cần phân tích đâu là uy hiếp người đâu là người bị uy hiếp.

173

Tuổi Canh Tý thọ mạng chính là Tử Vi khắc chế được Tham Lang (Thủy) Tham Lang tuy là thủy **mà đới** mộc đầy ý nghĩa có vay là phải trả.

Người Canh Tý này đắc Đế Vượng ở tứ chính trong tam hợp mệnh đương nhiên giai đoạn Thái Tuế 53 – 62 ở Tý phải được ưu đãi địa vị và Thọ hưởng Lộc Tồn tuổi Canh ở Thân (tam hợp).

Thời oanh liệt Tài và Thọ đã làm được gì để xứng đáng với Quan Phúc trực sẵn ở Ách có Thiên Sứ sẵn sàng chỉ huy Tang Mã. Biết rằng sau Thái Tuế tiếp đến Thiên Không ở Mộ Địa ngay cung Di có Dương Phù Kinh Dương toa rập cùng Liêm Sát, mặc dầu 2 chữ Canh Tý có một căn vững chắc hơn người (Can Canh sinh cho Chi Tý).

Thật rõ ràng luật bù trừ của thiên nhiên không thể sai lệch đòn cân nhân quả nghiệp báo.

174

THÁI ĐỘ CỦA XUNG PHẢI TÙY THEO KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN

Ý nghĩa của xung là đối diện để đụng chạm. Trong Tử Vi ngoài cái thể tam hợp cục diện liên minh trợ đỡ nhau để trường tồn, còn thể xung khắc, đối diện để ganh đua kìm hãm ngăn trở đối phương thi thố khả năng.

Với 12 cung thành 6 căn: Tý xung Ngọ, Sửu xung Mùi, Dần Mão xung Thân Dậu, Thìn Ty xung Tuất Hợi. Nhưng chỉ là có 4 tư thế khắc chế rõ ràng là Tý Hợi (thủy) xung hãm Ngọ Ty (hỏa) Thân Dậu (kim) đàn áp Dần Mão (mộc). Còn 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi đồng hành Thổ được coi như là xung không có gì, chỉ có hai thể âm dương đối diện nhau (từ Dần đến Thân thuộc Thái Dương, từ Thân đến Dần thuộc Thái Âm).

Biết rằng 12 cung đó có chia thành 3 thể đứng cũng là tư cách nòng cốt của mỗi vị trí: Dần Thân Ty Hợi, tứ sinh, phục vụ bồi đắp tiếp tế cho Tý Ngọ Mão Dậu tứ chính, để rồi

một ngày nào đó sẽ tàn rụi nơi tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi. Đây là phần thuộc về không gian.

Còn thời gian, kể từ Giáp Tý đến Quý Hợi, mỗi chữ hàng Chi đều có 5 lần như Tý có Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý và Nhâm Tý tức là cuộc đời người sống đến 60 tuổi phải có 5 lần thế xung.

Vậy có phải tuổi nào cũng thế, khi đến thời gian gặp xung cũng phải hứng chịu những sự suy như nhau không?

- Xin thưa, phải phân tích từng cội rễ mới thấy sự diễn biến dị biệt can hệ.

Tư cách của 4 tuổi tứ sinh Dần Thân Ty Hợi thực hiện trong tam hợp cục luôn luôn đóng vai hậu cần tiếp tế cho tứ chính Tý Ngọ Mão Dậu. Công lao bồi đắp không phải là nhỏ nên lòng tự hào nhiều ít tự cao, tính tình hay phô trương những gì mình đã đắc cách. Gặp xung thấy mọi sự bị phản bội tình đời bạc nghĩa. Người chính đóng vai trò chính trong ngũ hành tính tình khẳng khái bất khuất, mọi sự việc tự vạch lấy hiên ngang thẳng tiến, gặp xung thấy luân phiên bị chống đối, ngăn chặn bước đi phải mất công trình bày giằng xé. Còn người tứ mộ ví như cảnh đời xé bóng về chiều sức khỏe có phần yếu kém, gặp xung phần cảm chắc nằm giường bệnh ốm đau

175

Ba thế đứng như thế trong 60 năm cuộc đời gặp 5 lần xung tất nhiên mức độ hung hãn có khi nhiều khi ít. Đó là phần thời gian giải quyết. Mỗi tuổi có Can và Chi phối hiệp. Xung do Chi làm việc. Còn can nguồn gốc chính rồi nạp âm phân tách thêm sẽ thấy mức độ nào của thế xung.

Can của tuổi và Can của xung đều y nhau tuổi Giáp Tý gặp xung Giáp Ngọ cho thấy Can và nạp âm của đôi bên đều y nhau. Nhưng chi Tý của tuổi khắc xuất chi Ngọ không đáng kể. Trái lại, nếu là tuổi Giáp Ngọ thì Chi Ngọ bị Tý xung khắc nhập phải có việc buồn phiền thua thiệt phần nào. Trường hợp Nhâm Tý gặp xung Mậu Ngọ. Trước hết thấy Mậu khắc Nhâm là quan hệ, dầu rằng chi Tý khắc chi Ngọ, bồi thêm Nhâm Tý là Mộc, Mậu Ngọ là Hỏa. Mộc sinh Hỏa phải coi là nặng. Đây là thiên khắc địa xung, trường hợp được coi là gần đất xa trời. Nếu xung là Bính Ngọ, tất cả 3 thế của xung đều kém cả:

- a- Tý khắc Ngọ
- b- Nhâm khắc Bính
- c- Bính Ngọ (thủy) sinh Nhâm Tý (mộc) mộc.

Trường hợp xung này kể như không còn gì. Có chăng chỉ những việc gì xa xăm đưa lại không trở ngại đến bốn mạng.

Cuộc thế nhân sinh cứ 12 năm 1 năm xung, phải xét chi tiết Can và nạp âm cho kỹ rồi phối hiệp với đại vận trong 10 năm đang ở trong hoàn cảnh nào. Thái Tuế hay Thiên Không. Trong vận hành tam hợp Thái Tuế dầu gì đi nữa vẫn có đường may phò trợ. Vào hạn Thiên Không nên chấp nhận sự thua thiệt trước là hơn.

Tuy 5 lần xung nhưng chỉ có 2 lần xung phải thận trọng cho tất cả mọi tuổi là năm 43

– 67. Năm 43 bị hàng Can sinh xuất, 67 bị Can khắc nhập vừa là giai đoạn tiếp vận với Thiên Thương hay Thiên Sứ.

Mừng cho ai đang rong ruổi trên bước đường đại vận ở Di mà là Thái Tuế gặp xung Thiên khắc là xung nguy hiểm nhất của cuộc đời (67 tuổi). Người này dễ dàng như chỉ còn vài bước thành cổ lai hi. Hạn này Giáp Thương Sứ liên quan đến Tài Thọ từng bước, từng ngày. Kết cuộc cho thấy nhiều khi người lương thiện sao vội non bông nước nhục. Có chăng là trúng lúc mà kẻ gian manh còn phải tiếp tục để lộ nguyên hình mới được nhập thổ.

176

(a) Trên địa bàn Tử Vi năm xung luôn đứng trong tam hợp Thái Tuế tức tay trên đóng vai trò tạo hóa gò ép số. Năm tuổi tức đương số thường xuyên đóng vị trí tam hợp Tuế Phá kém thế. Cả hai trường hợp xung và tuổi, nếu thành quả thấy bệnh hoạn ốm đau, đó là trường hợp giảm khinh cho biết Tài Thọ đã can thiệp quan trọng tránh cho dương nhân vấp những gì là bội nghĩa hay chống chọi, khiến cho cuộc sống bị khủng hoảng tinh thần phải bản khoăn lo nghĩ.

177

SAO LẠI CHỈ SỬ DỤNG CÓ “KÊ MÃ CHƯ LONG NGƯU HỔ”

Sáu chữ Kê (Dậu) Mã (Ngọ) Chư (Hợi) Long (Thìn) Ngưu (Sửu) Hổ (Dần) là sáu cung trong địa bàn Tử Vi được dùng làm nơi xuất phát cho việc tính ra chính tinh nào thủ mạng của số. Trong địa bàn có những 12 cung, sao lại chỉ dùng có 6 cung như trên đã nói? Hẳn là phải có một nguyên cơ quan hệ nào trong căn bản của sự diễn biến toán số hợp pháp.

Theo phương vị Hà Đồ ẩn dịch: Bắc (Thủy) Nam (hỏa) Đông (mộc) Tây (kim) và Trung (Thổ), với ý nghĩa trời đất sinh ra Thủy trước nhất rồi vì có nước nên bao nhiêu nhiệt chất (hỏa) chứa đựng trong đất mới phát sanh ra. Đã có Thủy Hỏa lẫn hồi Mộc mới phát sanh. Sau đó những chất chứa ngưng đọng cứng rắn dồn hút tụ hợp lại nảy nở nên đất (thổ) được nêu là nơi tập trung.

Lấy thứ tự Thủy đứng đầu (1) hỏa (2) mộc (3) kim (4) thổ (5).

Luật âm dương phân định: lẻ (cơ) là dương, chẵn (ngâm) là âm cho thấy Thủy Mộc và Thổ thuộc Dương, còn Hỏa và Kim thuộc âm rất trùng với 3 cục diện: mộc tam cục, kim tứ cục và thổ ngũ cục. Còn Thủy và Hỏa thấy thay đổi hẳn ngôi vị, nhất là thủy đáng lý phải là nhất cục thuộc dương lại biến thành thủy nhị cục thuộc âm. Còn hỏa chỉ thay đổi nhị ra lục vẫn trong âm phái.

Nhận thấy địa bàn Tử Vi với 12 cung âm dương xen kẽ không bao giờ có hai dương và hai âm sát vách nhau. Nhưng phân điểm âm dương cho thấy từ Dần đến Thân thuộc Thái Dương, từ Thân đến Dần thuộc Thái Âm, 2 địa điểm Dần và Thân là nơi phân định. Bên Dương chỉ còn Thìn và Ngọ, bên âm thấy trội hơn 1 gồm có Dậu, Hợi và Sửu.

Xuất phát một tam cục ở Thìn và Thổ cục ở Ngọ (dương) cho đến Kim tứ cục và hỏa lục cục (hỏa đầu là nhị hay lục cục cũng vậy vẫn ở bên âm) rất trùng luật âm dương cơ ngẫu (lẻ và chẵn). thủy đáng cảnh địa bàn Tử Vi (đứng đầu số) lại đổi thành âm (nhị cục) vì hoàn cảnh địa bàn vị trí. Thủy lột xác lôi kéo thêm Hỏa dương làm Trưởng nữ (số 2) hóa thành em út (số 6) mà vẫn phải giữ vị trí gánh vai trò trưởng bên âm phái.

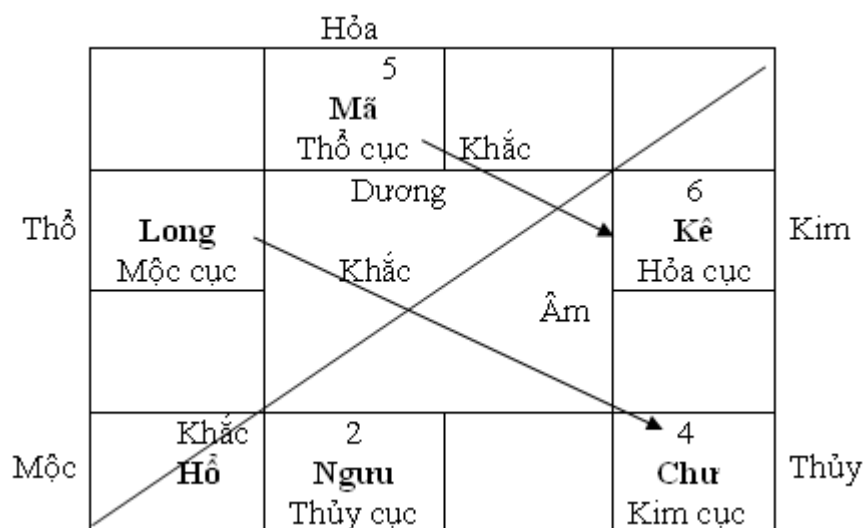
178

Đã nói ngũ hành thì đương nhiên 1, 3, 5 thuộc dương còn 2, 4 là âm. Nhưng địa bàn phân định chỉ chia cho bên dương có 2 ngôi vị là Thìn và Ngọ, bên Âm những 3 là Dậu, Hợi và Sửu. Không thể nào bên Âm hay Thân bồi đắp cho Dương và cũng không thể bớt 1 cung nào bên Âm vì 3 cung đứng cân đối trùng mức. Vậy phải để thủy đứng trưởng trong ngũ hành đối thứ cục thuộc âm tức là không mất vai trò đoàn trưởng trong ngũ hành, đổi từ bậc Hỏa số 2 xuống thành số 6 vẫn thuộc âm. Theo ngũ hành phân tách số 6 có sự thành lập do 2 số là 1 và 5 với ý nghĩa 1 (số sinh) hợp với số 5 và số 6 (số thành) bày tỏ rõ tuy là út (lục cục) mà gánh vác thực tế địa vị sau thủy vẫn trên mộc và kim.

Nhìn vào bản đồ bát quái thấy hai quái: Khảm (thủy) và Ly (Hỏa) đầy ý nghĩa trong cái âm vẫn có dương (khảm) trong dương vẫn có âm (ly). Địa vị của Ly (âm) vẫn phải nhường cho Khảm (dương) như 6 cung: Dậu, Ngọ, Hợi, Thìn, Sửu, Dần cho thấy bên trong Dương Ngọ (hỏa) khắc Dậu (kim), bên âm Thìn (thổ) khắc Hợi (thủy), Dần (mộc) khắc Sửu (thổ).

Sự việc thủy phải đặt ở vị trí thủy nhị cục cũng vẫn dẫn đầu trong ngũ hành và hỏa đặt tụt xuống tư thế lục cục cũng không phải kém thế. Tóm lại chỉ có 2 là một tam cục và thổ ngũ cục, bên âm đa số hơn gồm thủy nhị cục, kim tứ cục và hỏa lục cục, nhưng bên dương sức phấn đấu vẫn lấn khắc chế bên âm để cho hai thế âm dương được cân phân trên hai hình thức đa số và năng lực.

Sự thật trên bình diện chung dương vẫn mạnh hơn âm với tỷ số 3 và số 2 như sau 2 lần đã thí nghiệm chính xác trên phương diện khoa học tối tân năm 1957 với phần thưởng Nobel ban phát xác nhận



NGƯỜI THUỘC THỎ NGŨ CỤC TRÀNG SINH XUẤT PHÁT TỪ VỊ TRÍ NÀO?

Số Tử Vi của mỗi cá nhân có thể nói căn bản do chính 3 vòng Lộc Tồn Thái Tuế và Tràng Sinh phác họa được mệnh danh là tam tài hoạch định. Thiên Can ban phát Lộc Tồn, Địa chi nung đúc tự thể nạp âm vạch lối hành động.

Biết rằng vòng Tràng Sinh được ấn định vị trí xuất phát tùy cục diện của Mệnh như: Thủy nhị cục thì Trường Sinh bắt đầu hướng đi từ cung Thân, Mộc tam cục lấy cung Hợi, Kim tứ cục nhằm cung Tỵ, Hỏa lục cục chỉ cung Dần nghĩa là 4 hành chính, Kim Mộc Thủy Hỏa do 4 sinh xuất phát. Còn Thổ ngũ cục được cho đứng chung với Thủy mà Thổ cũng đứng đó thành ra đảo ngược Thổ phải sinh xuất cho Thân. Không còn ý nghĩa tam hợp cục sinh đóng vai hậu cần bồi đắp cho chính để đấu tranh trường tồn.

Vậy trường hợp thổ ngũ cục nên quyết định Tràng Sinh xuất phát ở vị trí nào?

Theo luật ngũ hành sinh khắc cho biết Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ. Vậy Hỏa cung phải là nơi điều động sinh cho Thổ cục. Hỏa có hai cung Ngọ và Tỵ. Tỵ đã đóng góp phần cho Kim tứ cục. Phải chăng chỉ còn 1 Ngọ. Với sinh lực dồi dào, ngôi vị cửu ngũ cao đẹp nhất trong địa bàn thuộc Thái Dương quang minh, hai chữ Ngọ môn lộng lẫy, chiếu tỏ chánh danh góp cả hai mặt âm dương thuận hay nghịch lý, vừa trùng tư cách của Thổ ở vị trí trung ương theo Hà Đồ.

Đối với 4 hành Kim Mộc Thủy Hỏa, Trường hợp thuận lý (Dương nam, Âm nữ) đi xuôi. Trường Sinh ở Tứ sinh, Đế Vượng ở Tứ chính. Trái lại nghịch lý (âm Nam, dương Nữ) Trường Sinh đối đến Tứ chính, tức là mượn nhờ ý chính thì Sinh và Vượng không được hưởng đầy đủ đúng mức. Chỉ còn Mộ cung đầy đủ ý nghĩa chỉ khi nhắm mắt an nghỉ họa chẳng được mãn nguyện nơi mộ địa.

Nói chung Thổ cục rất hợp lý cho người tứ mộ, ảnh hưởng nhiều hay ít tùy theo thuận hay nghịch lý.

180

Hán Cao Tổ Lưu Bang tuổi Giáp Ngọ sanh ngày 13 tháng 11 giờ Ngọ.

Hàn Tín tuổi Giáp Tuất sinh ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ.

Hai người Mệnh Thân đều nằm ở Ngọ, cùng tuổi Giáp nên đồng Thổ ngũ cục. Người tuổi Ngọ tứ chính, đắc Thái Tuế nhập mệnh. Người tuổi Tuất tứ mộ, chỉ là vị trí Bạch Hổ, hơn kém thấy ngay ở điểm đó (vòng Thái Tuế). Cùng hưởng Lộc Tồn tuổi Giáp nhưng Giáp Ngọ Can sinh Chi, lần hơn Giáp Tuất Can khắc Chi quá xa (vòng Lộc Tồn). Điểm thứ ba Trường Sinh, nếu ghi theo Thủy Nhị cục cũng như Thổ Ngũ cục đồng ở thân phải đi thì 2 người cùng Thai nhập Mệnh. Phúc Đức được Trường Sinh nhưng Triệt và Đế Vượng lọt

xuống Di. Trái lại lấy Trường Sinh để ở Ngọ tức nhập Mệnh. Tràng Sinh này bồi đắp hai người khác nhau.

Với tuổi Ngọ tứ chính, Tràng Sinh tô điểm cho Đế Vượng ở cung Quan (Tuất) khác với tuổi Tuất tứ mộ, Tràng Sinh nhập với Hoa Cái cũng ở cung Quan (Tuất). Một đấng tuổi tứ chính Kim Mệnh đắc Đế Vượng, Tràng Sinh tạo ngôi vị quý báu lâu dài. Một đấng tuổi tứ mộ được Hoa Cái, Tràng Sinh chỉ tô điểm cho đương danh vang nức tiếng, nhưng vì Hỏa Mệnh khắc Hoa Cái nên không lâu dài.

Theo sự trình bày 2 lá số cho thấy cách điểm Tràng Sinh của Thổ cục mới vị trí ở cung Thân cùng với Thủy cục đem lại kết quả Thai nhập Mệnh cho 2 người không hợp lý trái nghịch hẳn bản thể cá nhân. Dem Thai giáp vào Tử vi cư Ngọ Thái Tuế khác gì đem mực đen bôi lem tờ giấy trắng, vẽ lên một hôn quan ngoại triều. Liêm Tướng vương Thai còn gì tư cách ngôi vị nguyên nhung chinh đông dẹp bắc, kỷ luật nghiêm minh.

Vậy Tràng sinh của người Thổ cục nên an ở đâu cho trùng vị trí?

181

CỤC VỊ ĐÂU TRỞ THÀNH PHẦN QUAN TRỌNG CỦA SỐ

Ngoài công việc ấn định để hướng dẫn chính tinh cốt cách, cục là bộ diện dàn bày chương trình diễn biến toán số cho một mệnh viên đứng ở một vị trí nào trong địa bàn.

Thường thường cứ nghe nói cục và mệnh tương sinh là là tốt số không thấy minh chứng đâu là nguyên lý. Nói đến tương sinh phải phân tách rõ ràng hợp lẽ đâu là tốt và vì sao mà xấu. Đã có sinh đương nhiên phải có khắc theo luật âm dương lưỡng nghi. Trong cái sinh có hai đường lối, sinh nhập và sinh xuất, mà khắc cũng vậy có khắc nhập và khắc xuất như:

Người tuổi Giáp Tý, năm lên 3 tuổi là năm Bính Dần, đây là năm sinh xuất vì Giáp (mộc) sinh xuất cho Bính (hỏa) phải gọi là xấu vì năm Tật Ách. Năm lên 5 là Mậu Thìn được khắc xuất tương đối đẹp là năm Phúc Đức. Năm lên 7 Canh Ngọ gặp chữ Canh (kim) khắc nhập chữ Giáp (mộc) là năm Thiên Thương thường trực ở cung Nô Bộc. Năm lên 9 Nhâm Thân được Nhâm (thủy) sinh nhập cho Giáp (mộc) là năm Tử Tức nuôi hy vọng lâu dài, cứ thế diễn chuyển của 10 chữ Can báo hiệu với 4 chữ 3, 5, 7, 9 đâu là tốt xấu đến ngày cuối cùng tuổi thọ.

Vậy nói Mệnh và Cục tương sinh cho là tốt nhất mà không thấy giảng giải đâu là nguyên lý. Ví như tuổi Giáp Ngọ Kim Mệnh đóng ở Dần là Hỏa cục. Trường hợp này có xấu không ? (Hỏa cục khắc nhập Mệnh Kim). Thiết tưởng đây là cả một bài toán đáp số hoàn toàn sai trật. Tuổi Giáp Ngọ (Can sinh Chi) là một tuổi có một năng lực hơn người, đóng ở Dần được hưởng trọn vẹn Lộc Tồn tuổi Giáp. Vị trí Bạch Hổ (kim) trong tam hợp Thái Tuế khác gì ngôi nhà lầu đúc cốt sắt xi măng đúng mức. Hỏa Cục thì Sinh Vượng Mộ ở ngay tam hợp Dần Ngọ Tuất là Mệnh. Vậy xấu ở chỗ nào? Trái lại là một Mệnh viên trùng ngôi vị tuyệt đích. Biết rằng vòng Tràng Sinh tùy theo cục bộ ấn định thời gian thay đổi (thủy nhị cục, mộc tam cục kim tứ cục...) để cho thế nhân biết sự chuyển vận tốt sang

xấu hay xấu chuyển đến tốt luân lưu để mà xử thế với một đạo lý sao cho xứng đáng danh hiệu “nhân” trong một tư thế tam tài.

182

Vòng Tràng Sinh có 2 mặt âm dương:

a- Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai (đường hoàng xử thế đáng quý lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển).

b- Dục Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng (ham mê rồi cũng không còn gì nên tu tâm dưỡng tánh).

Bên phía dương đại diện là **Sinh Vượng Mộ** treo cao vẻ đẹp phân phối tùy theo chia phần. Tam hợp này đem lại sự thịnh đạt không khác gì tam hợp **Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ**, tới mức độ nào còn tùy nhiều pháp qui hợp lệ.

Cũng như lộc Tồn, sự đẹp mỹ mãn của **Sinh Vượng Mộ** cũng chia đều cho từng tam hợp tuổi:

- Người Dương Nam tuổi **Thân** Tý Thìn được hưởng Sinh Vượng Mộ của Thủy Nhị Cục. Người dương Nam Dần Ngọ Tuất thì Hỏa và Thổ Cục.

- Người âm nữ tuổi Tỵ Dậu Sửu hưởng Kim Tứ Cục, người âm nữ Hợi Mão Mùi hưởng Mộc Tam Cục.

- Trái lại các hạng tuổi Âm Nam hay Dương Nữ chỉ hưởng có một Mộ đầy một ý nghĩa “không toại chí” cho đến ngày xuống mộ họa chẳng an ủi*.

Mỗi khi đại vận ở trong có Sinh Vượng Mộ cuộc sống thường gặp thang mây thuận bước, nhưng một khi nghịch lý âm dương chỉ còn là phần son tô điểm, trên thực tế không đáng kể.

Hai tuổi sau đây cho thấy đâu là nguyên lý pháp quy:

- 1- Giáp Tý 11 – 15 Tý
- 2- Canh Tuất 18 – 3 Tý

a- Tuổi Giáp Tý Kim Mệnh Thủy Cục, trường hợp Mệnh sinh xuất cho Cục mà cuộc đời lại vượt mức, vì Mệnh Thân đồng cung Thái Tuế phụ lực có Sinh Vượng Mộ hợp tác thành thực (vì cùng Kim) tăng cường.

b- Tuổi Canh Tuất Kim Mệnh cũng Thân Mệnh đồng cung, được tam hóa liên châu tô màu ở chỗ thanh thiên bạch nhật (cung thìn) đắc Vũ Khúc Thiên Mã cũng Kim, so với Mệnh Giáp Tý thì nặng cân hơn quá nhiều, lại được Kim Cục, ấy thế mà thua xa Giáp Tý đến muôn vạn dặm.

183

Mệnh tuy đẹp không được Sinh Vượng Mộ giúp đỡ vì Kim Cục chỉ dành cho người Âm nữ Ty Dậu Sửu. Tuy vậy đến đại vận gặp Sinh Vượng Mộ tuổi Canh Tuất cũng được tô son dồi phấn, nhưng thực chất chỉ là hư không chánh.

Còn một khía cạnh khác cũng thường lập ngôn khi toán số phải chia làm hai giai đoạn: từ lúc sơ sinh cho đến 13 tuổi không đáng kể, đã có bảng hạn đồng niên (1 Mệnh 2 Tài 3 Ách 4 Thê 5 Phúc 6 Quan 7 Nô 8 Di 9 Tử 10 Bào 11 Phụ 12 Điền). Từ tuổi Quan Đới (20) cho đến gần 40 lấy Mệnh làm đích. Từ 40 đến ngày về già lấy Cục mà nhận xét. Thiên nghi cũng không thấy gì làm chính xác với luận lý. Vậy tại sao vẫn lấy Mệnh bắt đầu mà đi về để điểm số cho đến ngày cùng.

Vòng Tràng Sinh đã có 2 mặt âm dương Sinh Vượng Mộ và Duc Suy Tuyệt còn tùy Mệnh có thuận âm dương, vòng Thái Tuế, vòng Lộc Tồn xếp đặt có ăn ý, hay phải bì trừ cho trùng mức độ chung toàn thể.

184

DƯ ÂM BÌNH PHÊ TỬ THỂ NHÂN SINH ĐƯỢC TRIẾT LÝ MINH SÁT TRÊN ĐỊA BÀN TOÁN SỐ

Thể đứng chuyển dịch của 14 chính tinh cho thấy đủ mọi sắc thái cục diện nhân sinh. Căn bản chính ở hai thể âm dương từ hành tinh đến địa bàn trình diễn lớp **lang** thịnh **bì**. Cho biết 12 cung đủ mặt hành âm dương xen kẽ, còn xác định địa giới đâu là thuộc dương (từ Dần đến Thân) và đâu thuộc âm (từ Thân đến Dần); 14 chính tinh cũng vậy, bên dương có Tử Phủ Vũ Tướng và Phá Tham Liêm Sát, bên âm gồm Cơ Nguyệt Đồng Lương và Cự Nhật.

Tại sao 14 chính tinh lại chia cho bên dương những 8 mà bên âm chỉ có 6?

Trên hình thức lưỡng nghi âm dương hình tượng bằng nhau, nhưng thực lực bên dương luôn luôn mạnh hơn âm bằng tỷ số tương đối 3/2, bằng số 8 để chia cho 2 bộ Tử Phủ và Phá Tham có lực lượng bằng nhau.

Vậy tư thế của dương tinh và âm tinh hành động ra sao, và có sự liên hệ mật thiết gì với nhau?

Bộ Tử Phủ và Phá Tham là hai thể của Tứ Tượng thuộc dương, có tính cách linh động cương quyết, thường xuyên đấu tranh với nhau để thỏa mãn ý muốn, như khi **hai thể đạt trường hợp** tuyệt đích là Tử Vi xung Đế ở Ngọ Môn hay Phá Quân lên ngôi bá chủ ở Bắc phương (Tí). Bên dương hiếu động bao nhiêu, nhìn cuộc diện mà phát huy triết lý bình nghị mưu cầu hạnh phúc chung. Với 6 hành tinh, cặp Thái Dương và Thái Âm là hai ngọn đuốc soi tỏ, đâu là trùng cách hợp tình thuận lý, đâu là sai lầm vị kỷ, dẫn đường cho Thiên lương nêu cao triết lý để Cự Môn lên tiếng phán quyết.

Thiên Lương và Cự Môn trường hợp nào cũng nắm chắc trong tay. Thiên cơ là tất cả những gì cấu tạo tổ chức quản lý hành động và Thiên Đồng là kế hoạch cải cách **kiến tạo**. Tóm lại, nhờ hai ngọn đèn thần Thái Dương Thái Âm soi tỏ bước đường cho Thiên

Lương và Cự Môn **thấu đáo** Thiên Đồng và Thiên Cơ, tuy theo cuộc xử thế (vòng tràng sinh) mà Tử Vi hay Phá Quân lãnh đạo **đắc thất**.

185

Bộ Tử Phủ cũng như Phá Tham không phải bên nào khẳng định vĩnh viễn quân tử, bên nào nhất quyết tiểu nhân, cũng gồm đủ quân thần **tá sú** người lương thiện trung thành, kẻ tham ô phản trắc làm cái mầm gây nên cuộc hưng vong. Nếu không có Thất Sát hướng dẫn Tử Vi làm sao mà có hồi trung hưng Tham Vũ. Cũng như không có Vũ Khúc ủng hộ Phá Quân, làm gì có cảnh Tham Tử đem lại thành quả Liêm Sát. Cũng vì Vũ Khúc cặp kè Thất Sát mới sanh biến phá Tử để rồi hướng dẫn Liêm Tham. Nói chung, tất cả các hành tinh từ chính đến trung, Phúc và Hung đều sắp xếp tùy theo vòng tràng sinh là tư thế của đương nhân xử sự với cuộc diện như 4 trường hợp cùng tuổi Canh Tuất của Khổng Phu Tử, vị trí hành tinh đóng giống nhau cùng Tham Lang Tử Vi ở Dậu, chỉ khác chỗ đứng của mệnh tất nhiên sao thủ mạng phải khác diễn tả như sau:

- a) Khổng Phu Tử tuổi Canh Tuất sanh ngày 1-11 giờ Tí, Mệnh Thân đồng thân ở Tí, Thiên Lương thủ cốt, một cây cổ thụ của triết học được Nhật ở Ngọ, Nguyệt ở Thân đồng chiếu. Vì Triệt và Hóa Kỵ làm che lấp lu mờ những lời đạo lý của ông lúc đầu chỉ đem lại kết quả vô vọng (mệnh ở vị trí Tang Môn). Sự thật Thiên Đồng tuy hãm được Khoa biến cải, mà Thiên Cơ cũng không phải là hãm địa, nên Cự Môn hãm địa ở Tuất với bằng chứng Thái Tuế hợp với Mộ Hoa Cái, đời ông chỉ được hài lòng với danh nghĩa Vạn Thế Sư bắt đầu từ văn niên với dư âm sau khi nhắm mắt.
- b) Trường hợp cùng tuổi Canh Tuất, hành tinh cũng cùng vị trí mà mệnh ở Tỵ có Vũ Phá. Đây là người Vũ Khúc vì Kim mệnh, bỏ hàng ngũ Tử Vi chạy theo ủng hộ Phá Quân (kim sinh thủy – Phá Quân) đẩy Tham Lang uy hiếp Tử Vi ở Dậu. Mệnh quá đẹp với tam hóa liên **châu** cùng tràng sinh thủ đắc. Sự thật người dương đóng âm cung vị trí Long Đức (Thiếu Âm) những gì tô điểm không thể được đầy đủ nên Khoa phải kém năng lực nên từ Đồng đến Cơ đều bị Hóa Kỵ bôi lem đi mất phần nào là vai trò của Vũ Khúc ở trường hợp này phải đóng trả hàng để Tử Vi có cơ hội thoát nạn (đời Lê Lai cứu Lê Lợi). Thiên Lương vẫn nêu cao triết lý cương quả cùng với Thái Dương ở Ngọ gặp Triệt cùng Cự Môn hãm ở Tuất, Thái Tuế gặp Suy (tràng sinh) làm gì không đề cao an ủi (Dục suy Tuyệt – sớm nở tối tàn)
- c) Cùng tuổi Canh Tuất cùng vị trí sao Mệnh ở Mùi có Thiên Phủ. Gặp buổi suy loạn (Tham Lang Tử Vi ở Dậu) Thiên Phủ và Thiên Tướng đều là bầy tôi lương đồng lại ở vị trí Thiên Không, Hồng loan đành khoanh tay ở vị trí nhu âm tạm thời hưởng mộ. Cự Môn ở ngôi Thái Tuế với Dưỡng của Mộc tam cục cũng nhún nhủ ai đây giấy rách phải giữ lấy lề (Lâm Quan, Tử, Dưỡng)

186

- d) Trường hợp mệnh lập tại Tuất có Cự Môn tức là Mệnh Thái Tuế Đế Vượng, một cây bình phê đặc hạng miệng xà (Cự Môn hãm) tâm phạt (Thái Tuế Đế Vượng). Bởi vì ở

thời rồi bởi (Tham Lang tử Vi ở Dậu) người dương đóng cung dương với Thái Tuế được Thái Dương đắc cách ở Ngọ, mặc dầu triệt chỉ là giai đoạn mà thôi, rồi cái danh nghĩa vẫn trường tồn mãi mãi, khác gì Không Phu Tử thiên Lương cư Tí.

1. Tử Vi đi từ Ngọ sang Tỵ lần lượt xuống đến Sửu là thất thế suy vong, bắt đầu từ Tí sang Hợi, lần hồi đến Ngọ vẫn hồi hưng thịnh
2. Phá Quân đi từ Thân xuống Dậu đến Tí và Sửu là lần hồi xây dựng nghiệp bá, bắt đầu từ Dần lên đến Ngọ, Mùi là xuống dốc.
3. Bốn vị trí tứ sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) là nơi đất quan trọng phát khởi mọi sự hưng phong của đế bá

Thân nơi khởi bước cho Phá Quân thành lập căn bản và cũng là nơi Tử Vi lấy lại uy thế
Dần nơi xuống bước của cả 2 Tử Vi và Phá Quân.

Tỵ nơi phát sanh nhiều mưu kế như Thất Sát trá hàng Tử Vi để Phá Quân khởi **hán** (Liên Phá ở Dậu). Vũ Khúc vờ phù Phá Quân để Tử Vi thoát vòng vây của Tham Lang ở Dậu.

Hợi nơi đất dữ diễn tả cảnh phản bội của Thất Sát dẫn đường Tử Vi tảo thanh Phá Quân và cũng là nơi Vũ Khúc đầu hàng Phá Quân để Tham Lang uy hiếp Tử Vi ở Mão.

Trường hợp Liêm Tham ở Hợi là nơi hình ngục nan đào, còn Liêm Tham ở Tỵ chỉ là dư âm thanh trừng hay tạm thời cầm giữ.

187

PHẨM CÁCH GIỮA TỬ VI VÀ PHÁ QUÂN

Theo tên ghi đặt phụ thêm nếp sống thấy đề cao hần Tử Vi vào giai cấp cao đẳng của xã hội. Còn hai tiếng Phá Quân như của miệng bình dân thường nói “quân phá hoại, hạng tàn nhẫn bất lương” đủ nghĩa phân biệt giữa giá trị tư cách hai cấp nhân sinh.

Có sự thực như thế không?

Ba chữ số tử vi chỉ là quen thói đề cao sao Tử Vi là phương pháp toán số mạng, một nhánh của dịch lý người khai sanh là Phục Hy. Với bộ óc thông minh tuyệt đỉnh ông sống thời Thái Cổ (khoảng 2850 trước dương lịch) sách vở chữ nghĩa chưa có sự sinh hoạt dễ dàng (đại cuộc Giáp Tí: Tí sinh Giáp) chỉ lấy khối óc suy tư theo dõi thời tiết vũ trụ mà phát huy ra lý âm dương nguồn gốc của ngũ hành cùng với thời gian dịch chuyển biến hóa cát hung. Ông biết tham vọng của người đời sẽ có ngày gây nên hỗn loạn, mới nghĩ cách mở mang dân trí để tự kiềm chế lấy mình, hành động tùy thời gian cương nhu, kẻ vẽ ra bát quái bằng 3 nét tượng trưng cho tam tài, thiên địa nhân, ghép thành một quái tạo ra 64 quẻ truyền lại mà thôi.

Trải qua thượng cổ (đại cuộc Giáp Tuất: Giáp khắc Tuất) phong kiến độc tôn đế nghiệp, đến Trung cổ (đại cuộc Giáp Thân: Thân khắc Giáp) hết Xuân Thu đến Chiến quốc, những cuộc cách mạng nổi dậy liên hồi. Muốn nhắc nhở người đời nên cư xử với nhau bằng nhân nghĩa, xã hội nên sắp xếp trật tự thì người trên phải minh, người dưới phải thành, nếp sống tam cương (vua tôi, cha con, chồng vợ), ngũ thường (nhân nghĩa lễ trí tín)

cho đúng mực. Văn Vương phụ thêm lời Soán, Chu Công làm hào từ. Khổng Tử đặt thập **đức** để cho 64 quẻ Phục Hy được bội phần sáng tỏ.

Toán số mạng (số tử vi) với trên 100 hành tinh phản ánh cả một cục diện nhân sinh mà hai sao Tử Vi và Phá Quân là hai lãnh đối diện. Tử Vi là hình bóng của đức hạnh lập nghiệp đang lúc thịnh thời dưới ánh sáng thái dương sáng ngời nơi cửa ngõ môn ghi để hiệu, còn Phá Quân trung chính thành thực mà định nghĩa có tính cách cương trực hành động phản kháng những gì bất công tức là hình tượng của cách mạng.

188

Toán số mạng trải qua mấy ngàn năm dưới phong cách độc tôn đế quyền, những gì chống đối lại là bất nhất lưu truyền theo đà đến tận nay. Một việc cuối đời **Mạt** Hán, sau khi chiếm lại ngai vàng vua Quang Vũ hạ lệnh loại bỏ hết thầy mọi người có Phá Quân chủ mạng ra khỏi chính quyền, dầu là nội ngoại hoàng tộc. Ông cho công cuộc cách mạng của Vương Mãng trước đây chỉ là một hành động bất nhân cướp quyền của một Phá Quân thực chất (1).

Vị trí của Phá Quân đóng từ Thân đến Hợi là tất cả những gì tiến triển hợp nguyện vọng chung làm bậc thang đưa đến Tí, ngôi vị minh chủ được ánh sáng mát dịu của Thái Âm chiếu tỏ chỉ là ngôi vị bá chủ thuộc âm. Tóm tắt, Tử Vi là phe chánh quyền mà Phá Quân là phái đối lập. Tất nhiên trong cả hai phe phái đều có người thành thực đức hạnh, kẻ gian trá bất nhân, không thể cứ nhất quyết Phá Quân là tiểu nhân mà Tử Vi lúc nào cũng quân tử.

Vậy muốn biết chính xác phải căn cứ vào đâu?

Hành tinh chỉ là hình tượng phản can hệ ở ba vòng Lộc Tồn, Thái Tuế và Trường Sinh (Thiên Địa Nhân). Thiên Can ấn định phần thụ hưởng. Địa Chi phân định giới hạn tư cách, còn Tràng Sinh là cục bộ đường dài đương nhân tiến bước, xử thế ra sao như hai trường hợp sau đây cho thấy đâu là phẩm cách nhân sinh khá rõ ràng.

Hai người cùng tuổi Giáp Tý, một người Mệnh ở Ngọ cư Tử Vi, một người ở Tý có Phá Quân.

- a) Tử Vi, Tràng Sinh, Lộc Tồn, Tuế Phá: đủ nghĩa một nhân sinh thấy Lộc trước tay chủ vì tự kỷ tức khí (Tuế Phá) trước đối phương về một lý do (Thái Tuế) mà hành động đưa thân thể lên đầu bất cứ phương tiện nào miễn được thỏa dục nhất thời.
- b) Phá Quân, Đế Vượng, Hóa Quyền, Thái Tuế: một lãnh tụ hiên ngang được đưa lên ngôi vị minh chủ để lo công việc chính nghĩa.

Cả hai người đều Kim Mệnh có thể nói đều vô chính diệu, phải xét trong thế tam hợp có được gì phù trợ thì người có Vũ Khúc, người được Thất Sát.

1. Tử Vi, Vũ Khúc chung đức ảnh hưởng: Tử Vi ủng hộ cho Vũ Khúc hành động (Thổ sinh Kim, đủ nghĩa của **a** ở trên).

2. Thất Sát, Phá Quân bao gồm chân tướng: Thất Sát thuận ý Phá Quân nhúng tay (Kim sinh Thủy, ý nghĩa của **b**)

189

Cả hai trường hợp trên cho thấy sự quan trọng lực năng tam tài nếu thêm hung sát tinh chỉ thêm chi tiết trên bước đường dài phải băng qua. Thực chất bản ngã định mệnh đã như gói ghém trong thể tam tài, hành tinh được coi là hình tượng tốt xấu lâu nay một phần do thói quen người đời làm tướng. Muốn tránh những gì ngộ nhận, những bậc được liệt là minh đạt kế tiếp nhau biên soạn lần hồi đoán số mạng, đã không quên nhắc nhở sơ sai nhân thế: thân mình có kiến tạo gì nên chữ Thọ thì định mệnh kia mới là dự thảo sẽ được chữ Tài cải cách theo luật bù trừ kết quả.

- (1) Sau khi chiếm lại ngôi vị, việc làm trước nhất truyền lệnh cho thủ hạ lập thành một lá số có Mệnh Phá Quân Thìn Tuất để gắn tư cách bất nhân làm ô danh Vương Mẫn bằng tuổi Giáp Dần sanh ngày 27 tháng 1 giờ Tuất. Trường hợp Phá Quân ở Thìn Tuất dám thẳng thắn đối diện tư tưởng công khai nghênh địch không còn úp mở là trường hợp nguy hiểm cho đế quyền nên phải đặt ngay câu phú (Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất) để lập dư âm bình phê tủy theo cục diện cho những ai nhẹ dạ cứ tin theo không cần suy tính trùng **trật**.

190

THẤT SÁT NGƯỠNG VÀ TRIỀU ĐẦU (TỬ VI HAY PHÁ QUÂN)

Toán số học ra đời trải qua mấy ngàn năm dưới đế quyền độc tôn, mọi sự phát huy đều có ý dè dặt lừng lơ làm tướng như đề cao Tử Vi (hình bóng đế nghiệp). Sự thật phải ý thức vấn đề tìm hiểu đâu là nguyên lý công bằng.

Luật âm dương chia 14 chính tinh làm 2 phe. Bên âm 6 sao tượng trưng văn thái tìm kiếm căn quả ghi thành tích những gì bên dương hành động. Bên dương diễn tả những màn cảnh tranh đấu hưng vọng cuộc thế nhân sinh bằng hai phe Tử Phủ và Phá Tham sắp xếp ngụ ý trật tự trên dưới tùy theo địa vị:

- a) Tử Vi, Thiên Phủ, Vũ Khúc, Thiên Tướng: Đế ở trên rồi đến quân sư, hàng dưới khanh tướng.
- b) Thất Sát, Phá Quân, Liêm Trinh, Tham Lang: Sát đứng đầu ngầm ý như ghi công khi hộ giá Đế tuần du ở Ty Hội. Phá Quân thứ nhì khẳng định không thể chìm sâu hơn nữa. Thứ ba Liêm Trinh có tính nhu thuận ít hợp ý đồng phe, khiến hiệu năng của Sát Phá Tham có nghĩa cương quyết mạnh bạo hơn là Sát Phá Liêm Tham. Tham Lang, người gây tai nạn hung hãn nhất cho Tử Vi đứng cuối bậc. Thấy sự sắp xếp đặt bên Phá Tham Liêm Sát toàn lựa người hàng hai đứng trên kẻ chống đối.

Những hành tinh chuyển dịch trên các vị trí với hành vi bản lãnh không phải không ý nghĩa.

Tại sao Thiên Phủ trường hợp nào cũng không chịu đứng chung hàng với Thất Sát (Thiên Phủ đối xung Thất Sát), cũng như Thiên Tướng thường trực ngăn chặn Phá Quân? Thiên Phủ một hình tượng nhân sinh điềm tĩnh có đủ tư cách phò trợ mình quân an bang tế thế, thấy những gì không trung tín là không chấp nhận. Thất Sát vốn người nóng tính, vụng suy, lại đứng trong hàng ngũ đối lập, vì một lý do gì nhảy qua hàng ngũ đối phương dẫn đường Tử Vi tuần tiễu ở Tỵ Hợi, trong lúc Phá Quân bước đầu hoạt động (cùng trong tam hợp Tử Sát Liêm Phá Tham Vũ) khác gì Ngụy Diên ở hàng ngũ quân Tào nhảy sang đầu hàng quân sư Gia Cát Lượng.

191

Vốn đầy đủ thông minh nhận xét hạnh kiểm nhân sinh, Khổng Minh sai lầm ra hành quyết dễ răn trừng. Ông không chấp nhận những kẻ **sớm đầu tối đánh** Thiên Phủ chống Thất Sát là màn cảnh Khổng Minh không ưa Ngụy Diên ở cuối đời Tam Quốc, nên trường hợp nào cũng đứng đối xung, luôn luôn cùng Thiên Tướng sát cánh trong hàng ngũ (tam hợp) đồng tâm hiệp lực ngăn chống Phá Quân (Thiên Phủ sung Thất Sát, Thiên Tướng xung Phá Quân)

Thất Sát có hai vị trí đáng được đề cao nghiêm chỉnh là triều đầu (Thất Sát Thân Dần) và ngưỡng đầu (Thất Sát Tử Ngọ). Triều ý nghĩa mặt triều kiến, ngưỡng là ngẩng trông lên có vẻ tôn kính phục tùng. Còn Đầu là hành tinh.

Quan sát trên địa bàn, một khi Thất Sát đứng ở Ngọ (Ngưỡng) thì Tử Tướng ở Thìn, Phá Quân ở Tuất, trường hợp 2 bên dàn bày trận thế khuất phục nhau. Vậy Thất Sát ở Ngọ ngưỡng mộ ai? Tử Tướng hay Phá Quân? Chắc chắn Thất Sát không thể lùi lại ôm chân Tử Tướng ở Thìn mà cảm phục Phá Quân cùng đứng trong tam hợp với nhau. Vị trí triều ở Thân, lúc đó Phá Quân ở Tí hiên ngang một cõi sơn hà lên ngôi mình chủ Thất Sát ngẩng mặt triều kiến là trùng cách. Khi Thất Sát ở triều kiến Phá Quân ở Ngọ với tư cách một thủ lĩnh đơn thân độc mã dám hùng dũng đến thủ phủ của Tử Vi không phải là không xứng đáng. Nếu cho ngưỡng và triều Tử Vi tất phải danh chính ngôn thuận (ngưỡng triều Đế Vi), thấy không có mối liên hệ gì trong tam hợp (nội bộ) và vị trí Tử Vi cũng đứng không đẹp gì để hưởng ngưỡng triều.

Toán số mạng chỉ đề ra khép mở không nhất quyết minh định vì nhiều nỗi e dè không khỏi nhiều khi nhận lầm lạc hướng, ngày nay tưởng nên ý thức đâu là hợp lý để soi tỏ chính tâm của tác giả xa xưa không thể nói ra vì nhiều uẩn khúc.

192

NĂNG LỰC QUAN TRỌNG CỦA NHỊ HỢP

Toán số mạng tùy thuộc vào luật âm dương thì một tam hợp không đủ phương tiện nhận chân bảnchuyên dịch trên địa bàn. Qui phạm đã ghi khuôn phép có tam hợp, nhị hợp và xung chiếu.

Tam hợp, một thể liên minh ba cung có thể đứng **chân** vạc (Sinh, Chính, **Mộ**) đồng lao cộng tác để tranh đấu với đối cực là thể xung, cùng lẫn lút thiếu dương và thiếu âm. Còn nhị hợp bỏ khuyết những gì nêu rõ bnr lãnh tiềm tàng trong nội tâm mà tam hợp không phơi bày phân tích nổi, chỉ là một lực lượng dương hay âm hoàn toàn, nhị hợp phối hợp âm dương trọn vẹn.

Diễn hình 14 chính tinh cho thấy, trừ ra 4 sao có tư cách khẳng định, còn lại 10 sao trường hợp nào cũng nêu rõ âm dương liên lạc như hình với bóng

4 Sao không có nhị hợp:

Tử Vi: đầy đủ đức hạnh
Thất Sát: nông nổi quá mức
Thiên Tướng: uy dũng đến cùng
Cự Môn: đàm luận đánh thép

10 Sao có nhị hợp:

Thiên Phủ cặp đôi với Thái Dương } Thường tình nhân
Vũ Khúc Thái Âm } sinh quan chia
Thiên Lương Liêm Trinh } làm 2 phần:
Phá Quân Thiên Cơ } thực tính
Tham Lang Thiên Đồng } và tinh thần

Trường hợp nào Thiên Phủ cũng có Thái Dương đầy đủ ý nghĩa Thiên Phủ sáng suốt cương nhu tùy lúc Thái Dương đóng ở dương hay âm cung. Vũ Khúc luôn luôn sống nhu thuận theo Thái Âm lập nghiệp. Thiên Lương không những đôn hậu mà còn liêm chính. Phá Quân bất khuất còn có tài tổ chức. Tham Lang vọng tưởng nhưng biết hối cải. Trái lại Thái Dương, Thái Âm, Liêm Trinh, Thiên Cơ và Thiên Đồng cũng vậy, trường hợp nào nhị hợp cũng cặp kè

193

bộ đôi với ý trung nhân như có ý nhắc nhở người có số cuộc đường dài (tràng sinh) phải dẫn dắt lấy mình cho hợp lý âm dương, đành rằng tam hợp chiếm phần chính, nhưng nhị hợp không thể quên. Trường đời đã cho thấy thói hư tật xấu dễ bành trướng, đức hạnh liêm chính thì khó nhập tâm. Nhìn vào địa bàn tướng số, những Liêm Tham, Vũ, Sát, Tử Tham đều đóng ở âm cung, dễ sinh xuất sang dương cung tiềm nhiễm nọc độc mà Cự Dương, Đồng Lương, Liêm Phủ rất chặt chẽ chỉ treo cao ảnh hưởng cho âm cung nhìn nhận.

Thiên Cơ	Tử Vi		Phá Quân
Thất Sát			

Thái Dương Thiên Lương	----- -----		Thiên Phủ Liêm Trinh
Thiên Tướng Vũ Khúc	Thiên Đồng Cự Môn	Tham Lang	Thái Âm

Người Canh Tuất sinh ngày 6 tháng 5 giờ Mão.

Mệnh Tuế Phá Cơ Lương, Thân Thái Tuế vô chính diệu. Kim mạng được Thiên Lương (Mộc đối Thổ) phò trợ hẳn là một triết nhân hiền hậu có khả năng tổ chức, nhưng không bỏ qua Liêm Trinh, nhị hợp của Lương và Phá Quân nhị hợp của Cơ ở Dậu sinh nhập bổ khuyết liêm chính và vững tâm khuôn xử Quan cung ở Thân vô chính diệu. Tử Sát ở Ty chỉ là bức tranh vẽ cho đẹp buổi ban sơ và những cái gì lôi kéo sanh nhị hợp (Quan) bởi Tử Vi, Thất Sát không có cặp đôi với sao nào, nhưng vì ở âm cung xuất phát cung Quan ở dương được thâm nhập ảnh hưởng phải chậm. Lộc Mã Khốc Khách tuy vang dội no đủ lại thiếu chỉ huy nên không quá mộng tưởng. Cung Tài Đồng Âm (Tí) chỉ từng giai đoạn thay đổi (Thái Âm ở dương cung) được Tham (nhị hợp của Đồng), Vũ (nhị hợp của Âm), trợ lực đem lại kết quả hậu lai, nhưng Phá Toái ngăn chặn lối khiến khách bộ hành nhiều lúc bờ ngõ như lầm đường lạc lối.

194

Thân đứng Thái Tuế vô chính diệu được Hoa Cái đắc Thái Dương Cự Môn ở Dần hợp chiếu, tuy vương Tuân mà thành đắc cách (Hỏa phùng Không), không khỏi khiến bản mạng kém sức khỏe (Hỏa khắc Kim). Thiên Tướng không có cầu để sang đắc lực cho Hoa Cái (Kim) thêm phẩm cách một danh sư chánh đạo, chỉ phần nào phụ họa lần lần ảnh hưởng (Mão sinh xuất cho Tuất). Thiết tưởng một Hoa Cái (Kim) cho người Tứ Mộ mạng Kim bao trùm hiệu lực cho người kim mệnh cũng rất đầy đủ thỏa mãn.

195

DI – MỘT LỰC LƯỢNG PHẢI ĐỂ Ý (1)

Trên địa bàn toán số Di đứng đối diện với Mệnh, thường thường cho là tình trạng đi ra ngoài, sự thật còn là ý nghĩa kẻ đối nghịch tranh đua với Mệnh, bởi vị trí đối kháng ở thế xung (giận hờn). Diện tích 12 cung, hành Thổ chiếm đến 4 (2 Dương Thìn Tuất, 2 Âm Sửu Mùi). Kim Mộc Thủy Hỏa mỗi hành chỉ có 2 (1 Dương 1 Âm) sắp xếp đối diện nhau.

Lý đương nhiên đối diện là phải có chuyện khắc chế. Hai hành Thủy và Kim luôn luôn tay trên kẻ địch (Hỏa và Mộc). Còn 4 hành Thổ tranh đua nghiêng ngửa. Tính đến sát nước cờ Thìn và Sửu vẫn ở trên Tuất và Mùi vì lẽ Thìn đứng trong hàng ngũ Thủy nhị cục và Sửu, một thành phần Kim tứ cục. Vậy toàn diện đã phân cao thấp, tư thế hành tinh cung một cách bảo đảm phần nào thắng bại.

Phân tách âm dương Mệnh và Di các sao luôn luôn đồng đều cùng trong một phái lưỡng nghi (Tử Phủ Vũ Tướng Phá Tham Liêm Sát hay Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật). Phe văn tranh đua về lý tưởng, phái võ tranh đấu bằng sức mạnh. Hành của sao phân biệt lực lượng như Tham Lang (Mộc) đối diện Vũ Khúc (Kim). Vũ Khúc được thể thượng phong, Cung và Sao không khác gì địa thế và năng lực. Còn một cách mà thể nhân từ ngàn xưa cho đến nay đều trọng vọng viện nhiều lý lẽ đã có để tô điểm hành động, dầu thua hay thắng, vẫn được tiếng tốt để đời, đó là chánh danh. Phần này thuộc vòng Thái Tuế.

Tư cách Thái Tuế nâng phẩm cách nhân sinh viên mãn đời Hoa Cái Dương cho như 3 trường hợp sau đây nên thận trọng phân tách đầu rõ trắng đen:

a – Tuổi Canh Tuất Mệnh Thân ở Thìn có Khúc làm cốt cách thấy cả một ngôi dinh thự nguy nga vững chắc (Kim Mệnh đắc Vũ Khúc, Kim). Đối xung (Di) ở Tuất phải là Tham Lang (Mộc) cho thấy cả vị trí và sao đều thắng, khắc đối phương một cách dễ dàng (Tam hợp Thìn ,Thủy khắc tam hợp Tuất Hỏa, Vũ **khúc** Kim khắc Tham Lang Mộc) Tuổi Canh Vũ Khúc hưởng thụ tất cả những gì tam hóa liên châu (Mệnh Quyền giáp Khoa và Lộc). Ở Thìn vị trí thuộc Thái Dương (Cầm bào phô diễn ban ngày) chỉ kém đối phương có 1 Thái Tuế chứa đựng Hoa Cái Thanh Long (Long có rồng uốn khúc) đành thua cuộc vĩnh viễn ngàn năm.

196

b – Tuổi Giáp Ngọ, Mệnh Vũ Phủ ở Tý, Thân Thất Sát ở Ngọ. Cuộc diễn biến chuyển cho thấy người này sanh ra gặp nhiều bất như ý mà rất coi thường đối phương. Nhưng cuộc Trùng Sinh luôn luôn bị người nghịch gò ép.

c- Tuổi Nhâm Tuất có Phá Quân thủ mệnh ở Ngọ. Thân Liêm Tướng ở Tý là cả một cuộc đấu tranh lâu dài. Người này có công tạo sự nghiệp cho đời mình thụ hưởng vì đối phương quá nghiêm nghị. Nhưng khi bắt tay hành động lại coi thường đối phương, chỉ đem đến kết cuộc không mãn ý.

Tóm tắt trường hợp Di được khen tốt đẹp, chứa đựng nhiều trung tín đặc cách thì mệnh phải khắc phục nắm chắc trong tay mới mong kẻ đón người rước phản ảnh màn cảnh nhân sinh thực trạng còn Thân ở Di Thái Tuế là cuộc sống trường sinh lý tưởng.

(¹) Luật âm dương chi phối chỗ đứng 14 chính tinh để biểu lộ ảnh hưởng khác nhau. 12 cung địa bàn chia thành 4 sinh (Dần, Thân Dương, Tỵ Hợi âm) 4 chính (Tý Ngọ Dương, Mão Dậu âm) và 4 mộ (Thìn Tuất Dương, Sửu Mùi âm). Mỗi bộ sau khi đứng cặp đôi ở Dương, thì đứng ở Âm phải chia lìa đối diện hay tụ hợp ở âm, bước sang dương phải xé lẻ nhìn nhau như :

a- Tử Phủ Dần Thân, sang Tỵ Hợi Tử ở một đầu, Phủ ở đối diện.

b- Cơ Lương Thìn Tuất sang Sửu Mùi mỗi sao đứng 1 thế góc nhau.

c- Liêm Tướng Tý Ngọ sang Mão Dậu đường ai nấy đi.

A			D
Tử hay Phủ			Tử Phủ

	3 Sinh		
D Tử Phủ			A Tử hay Phủ

197

		A Cơ hay Lương	
D Cơ Lương	Mộ		
			D Cơ Lương
	A Cơ hay Lương		

	D Liên Tương		
	Chính		
A Liên hay Tướng			A Liên hay Tướng
		D Liên Tương	

Hai thể đứng có 2 ý nghĩa :

1/ Đứng cặp đối cùng 1 cung tức bổ khuyết cho nhau.

2/ Đứng đối diện là có sự bất đồng ý (trừ bộ Nhật Nguyệt chính không bằng chiếu).

198

LƯƠNG NGUYỆT ĐỒNG CƠ CỤ NHẬT MỘT KHỐI ĐỒNG TẤN NHẤT TRÍ

Hai thể âm dương đã định thành phép tắc tạo tính cách hoàn toàn dị biệt như trắng với đen, sáng và tối. Vì vậy, 14 chính tinh, bên dương 8 sao Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá

Liên Tham thường xuyên tranh đấu lẫn nhau từng bước, trái lại bên âm Lương Nguyệt Đồng Cơ Cự Nhật cả 6 sao đứng thành 1 khối liên kết hành động chung mật thiết.

Bộ Nhật Nguyệt 2 vàng sáng suốt như chỉ điểm đâu là đường đi thẳng tiến, đâu là ngõ bí bế tắc để Thiên Lương trình bày luận lý theo dõi Thiên Đồng canh cải **kiến** tạo và Thiên Cơ tổ chức xếp đặt tức là nội Trạng Tử Phủ hay Phá Tham một khi đắc thế tạo nên sau đó Cự Môn lên tiếng khuyên răn nhần nhủ :

Toán số mạng không phải chỉ là 1 pháp toán tìm hiểu hồi hưng thịnh lúc suy vong, còn là một giáo lý trình bày nhân quả hướng dẫn nhân luân trên bước đường dài làm sao cho trọn vẹn, dư âm còn lưu truyền mãi mãi.

Tại sao lại cũng chia làm hai phái, xếp Cơ đứng đầu mà Lương đứng cuối, không để Lương Cự Đồng Cơ và Nhật Nguyệt ?

Theo phép âm dương, lưỡng nghi chia xuống là phái tứ tượng. Bên dương đã chia làm 2 thì bên âm cũng phải chia 2. Để Cự Nhật có ý nghĩa lời phê bình cương trực sáng láng như vàng Thái dương. Bên kia Thiên Lương đáng lẽ dẫn đầu đoàn lại để Cơ chiếm đoạt ra ngồi khiêm nhường ở ghế chót. Đây thiết tưởng cũng là trường hợp như Phá Quân bắt nhân Thìn Tuất, chê bai triết nhân một phường hán nho nông cuồng chỉ ngồi suy tưởng nông cạn không đáng kể, Cơ & Đồng mới là 2 giềng mối, cần thiết phải được tôn trọng.

Sự thật, những vị trí trên địa bàn, Lương và Cự theo qui phạm áp dụng luân phiên chia nhau sát nách Cơ Đồng như Lương Cơ (Thìn Tuất) Lương Đồng (Dần Thân) Cự Cơ (Mão Dậu) **Cự** Nhật (Dần Thân).

Ba trường hợp dưới đây cũng như các trường hợp khác thấy khối thống nhất Nhật Nguyệt Lương Cự Đồng Cơ luôn luôn liên lạc mật thiết chu đáo.

199

a- Tử Vi ở Ngọ thấy cả một triều đường uy nghi quân thần tả sứ. Liên Phủ văn ban ở Tuất, Vũ Tướng võ bá ở Dần, Thái Dương (Mão) dẫn đường Thiên Lương phối hợp Thái Âm ở Hợi, tuy rằng âm dương tịnh minh, sự thật Thái Âm đắc cách hơn thì mọi sự phải **nhu** thuận mới đắc sách. Tổ chức (T.Cơ) có phần khéo léo, nhưng không che lấp được cái cách kiến tạo không hợp tình trạng (T.Đồng hãm ở Sửu). Cự Môn (Sửu hãm) không thể làm ngơ không mĩa mai nghiêm nghị. Đây chỉ là tất cả sự dàn bày của chính tinh, còn 1 phần nó tùy thuộc ở tuổi (Thái Tuế) cục diện (tràng sinh) phụ thêm 1 đoàn trung phúc và sát tinh thêm bớt.

b- Phá Quân ở Tý cùng Tham Lang ở Thìn Tuất Sát ở Thân, mọi hình ảnh cuộc liên minh hảo hán bất khuất. Thiên Lương ở Mùi được Thái Âm (Mão) Thái Dương (Hợi) đồng chiếu, cho biết mọi sự còn trong vòng chưa được tỏ rõ phải từ từ khôn xử thì hơn (Thái Âm đắc cách hơn Thái Dương). Sự tổ chức (Cơ) tạm thời đúng lúc, nhưng cái cách còn bế tắc (Đồng hãm ở Dậu). Cự Môn ở Tỵ (hãm) không thể không mạnh tiếng bỏ khuyết.

c- Tử Tướng ở Thìn, Phá Quân ở Tuất, một màn cảnh quyết liệt chống chọi. Thiên Lương ngao ngán thế cuộc tàn du sơn thủy. Cuộc xáo trộn chưa phân hắc bạch (âm dương tương tranh ở Sửu) Cự Môn nắm chắc Cơ và Đồng (cả 3 Cự Cơ Đồng đều đắc địa)

lên tiếng dân hòa sao cho mọi sự được êm đẹp. Kết quả phải trái cũng nhờ ở Thái Tuế mới qui định hẳn bên nào chịu trách nhiệm tình trạng xảy ra.

200

TỨ HÓA ĐEM LẠI SẮC THÁI GÌ TRONG 10 CAN

Mỗi lần lập một bản số mạng, lúc điền 4 Hóa, cứ lấy Can của số làm gốc, tùy theo qui phạm sắp xếp tinh đầu nào được phân phối Hóa nào là điểm ghi. Phẩm chất 4 Hóa trình bày bằng tên hiệu như Lộc Quyền Khoa Kỵ cho phép thấy ngay đâu là tốt xấu tính cách

- Nhưng do đâu mỗi Can qui định bằng cách nào cho những tinh đầu đó được có Tứ Hóa và nghĩa lý ra sao ?
- Thừa rằng đây là cả một lộ trình muôn vạn dặm đạo lý vẽ nên bức tranh thủy mặc ghi lại bóng gió nhẩn nhủ cuộc thế nhân sinh bằng 2 nét âm dương dị biệt sinh ra ngũ hành căn bản : thịnh phải có suy, quả phải có khinh, trọng phải có ghét. Dịch lý được khai thông làm sao cương nhu cho đúng lúc.

Tứ Hóa được áp đặt vào những tinh đầu theo hàng Can của mỗi tuổi có ý nghĩa tiêu cực không nên quá mộng tưởng ngoài sự sống tự nhiên.

Trong số mạng trình bày ra 14 chính tinh có 4 sao khẳng định không chịu có bộ mặt 2 khía cạnh, nhất là Thiên Tướng và Thất Sát hành động theo như trực giác cương quyết chống náo loạn (Thiên Tướng) nông nổi không cần tính toán (Thất Sát) nên 2 sao này không chấp chức Tứ Hóa theo chân đứng sau Thiên Phủ là tinh đầu có đủ tính cách bao gồm Khoa Quyền Lộc và không trở ngại đứng trước Hóa Kỵ. Muốn bỏ khuyết cho thật đầy đủ, Xương Khúc (chi tiết của giờ) ngoài chi tiết ngày (chính tinh) và chi tiết năm (Long Phụng đặt năm theo Thái Tuế)

Vai trò của Tứ Hóa khi Khoa được công nhận là đặc biệt đứng giữa dung hòa sao cho 2 phái Lộc Quyền không lệch đòn cân với Hóa Kỵ. Nếu Quyền Lộc nặng tay tất ghen ghét đồ kỵ phải căng thẳng đem lại kết quả nguy hiểm gấp bội (trèo cao ngã đau). Vậy Khoa đương nhiên phải được những sao có đủ tư cách thông minh, nhân hậu và từ thiện mới mong đủ uy tín dàn xếp. Thiết tưởng không ngoài Tử Vi, Thiên Lương, Tử Phủ, Văn Xương (Đế quân) và Thái Âm, còn các sao kia có thể quá thiên về 1 bên nên khó đóng được vai trò trọng tài cho cuộc trường sinh đầy bối cảnh nhìn vào 10 hàng Can thấy sắp xếp :

201

Tuổi	Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ
Giáp	Liêm	Phá	Vũ	Dương
Ất	Cơ	Lương	Tử	Nguyệt
Bính	Đồng	Cơ	Xương	Liêm
Đinh	Âm	Đồng	Cơ	Cự
Mậu	Tham	Âm	Bật	Cơ
Kỷ	Vũ	Tham	Lương	Khúc
Canh	Nhật	Vũ	Đồng	Âm
Tân	Cự	Dương	Khúc	Xương

Nhâm	Lương	Vi	Phụ	Vũ
Quý	Phá	Cự	Âm	Tham

Bằng cách sắp xếp như trên cho thấy 5 tuổi Ất Bính Kỷ Nhâm Quý được những tinh đầu đóng vai trò dẫn dắt đầy đủ tư cách hiền lương nhân hậu, hẩn con thuyền ra khơi ít gặp phong ba bão lớn. Thuận buồm xuôi gió còn tùy thuộc ở hàng Chi (Thái Tuế) và dòng nước theo chiều cuộc diện (Tràng Sinh) hay không. Lấy 2 tuổi Giáp Ất đem ra phân tách :

a- Giáp là dương mộc Liêm hưởng Lộc, Phá cầm Quyền kể là xứng đáng quý cách (1) nhưng Vũ nắm Khoa nếu biết thuận theo Thái Âm (nhị hợp phải nhu thuận) thì mặt trái đối Thái Dương (Hỏa) mới bớt bị Hóa Kỵ (Thủy) diệt hại. Tuổi Giáp là Dương, lý dương luôn luôn phải Mệnh đóng Dương cung mới trúng cách, mà Thái Dương bị đặt ngồi ở âm cung lại bị thêm Hóa Kỵ tương khi tự do thật rất khó ngăn chặn.

202

TAM HÓA LIÊN CHÂU ĐEM HẠNH PHÚC TỚI MỨC ĐỘ NÀO MÀ LẠI CHỈ XUẤT HIỆN CHO TUỔI CANH VÀ ẤT.

Những hành tinh dịch chuyển trên địa bàn toán số có 4 sao khoác huy hiệu là Hóa (tạo thành) như tên đã đặt : Khoa (đức năng) Quyền (uy vũ), Lộc (phú cường) và Kỵ (hòn ghen).

Ba Hóa ở trên cần được trợ lực cho nhau mới chuyển đến hoàn hảo. Có Khoa mới dẫn đến Quyền rồi tạo ra Lộc. Nối đuôi ba sao này dễ khiến sanh ra Kỵ.

Quy phạm cho biết bộ tứ Hóa do hàng Can điều động bằng đường lối phụ thuộc cho 1 hành tinh quan trọng chi phối mỗi Hóa. Riêng 3 bộ Khoa Quyền Lộc được nêu danh như 3 viên ngọc quý một khi song hành nối tiếp nhau.

- Vậy tam hóa liên châu nhập Mệnh khác nhau với tam hóa cùng Mệnh thế nào ?
- Cùng Mệnh và Khoa Quyền Lộc đứng lối chân vạc trong tam hợp gồm Mệnh Quan và Tài tức là mệnh này tự tạo lấy Tam Hóa cho bản mạng. Còn liên châu nhập Mệnh gồm Phụ có 1 Hóa, Bào có 1 Hóa, ráp vào với Hóa của Mệnh tức là Mệnh đắc hạnh phúc nguyên nhân nhờ gia đình sẵn nếp vinh quang, tất nhiên hưởng rước rõ hơn tam Hóa cùng Mệnh.

Vì sao chỉ có tuổi Canh mới có tam Hóa liên châu ?

Nhìn vào 10 tuổi hàng Can đứng trên 12 cung toán số, cho thấy chỉ có 4 tuổi Giáp Ất Canh Tân được hợp trúng mức âm dương mà Canh Tân đương nhiên mạnh hơn Giáp Ất (Kim khắc Mộc). Sở dĩ Ất nổi bước theo chân Canh nhờ ở lý dương động âm tính tác hợp sinh thành đã sắp xếp thứ tự theo chỉ số :

Giáp là 1 hợp với Kỷ 6;
 Ất là 1 hợp với Canh 7;
 Bính là 1 hợp với Tân 8;

Cơ : lẻ là sinh
 Ngẫu : chẵn là thành.

Đinh là 1 hợp với Nhâm 9;
 Mậu là 1 hợp với Quý 10;
 203

Năm cặp tác hợp cho thấy luôn luôn Dương khắc chế Âm mà Ất cũng được số tam Hóa liên châu cho dầu cách hợp cùng Canh trúng mức âm dương sinh thành từ tư thế ở ngôi vị đến hoàn hảo cặp đôi

Giáp hợp Kỷ đứng nghịch âm dương
 Ất hợp Canh : cặp đôi trúng vị
 Bính hợp Tân : Bính đứng nghịch
 Đinh hợp Nhâm : cả 2 đều trái nghịch
 Mậu hợp Quý

Trường hợp nào tuổi Canh cũng có tam hóa liên châu ... (Quyền giáp Khoa Lộc) còn tuổi Ất chỉ khi nào đắc Tử Tướng ở Thìn Tuất mới xuất hiện Khoa giáp Quyền Lộc. Đặc sắc nhất là Ty Dậu Sửu ở Thìn là vị trí Thiếu Âm, Khoa Quyền Lộc này được Quan Phúc và Thiên Ất quý nhân ủng hộ ai kia với tư thế nhân dân đảm nhận trách nhiệm kẻ cả. Đối với tuổi Hợi Mão Mùi thân thể Mệnh nhân ở trường hợp Thiếu Dương, Thiên Không nên thức tỉnh ghi nhớ Tứ Đức thực thi xây dựng đến mức độ nào. Cây thước Tài Thọ là kim thẳng bằng cán cân sẽ báo hiệu cho biết kho tiết kiệm (Lộc Tồn) từ ngàn xưa tích lũy lại còn đầy hay vơi hay đã cạn hết để 3 quý nhân tùy cơ ứng dụng.

Bộ tam Hóa liên châu, một kho ngọc quý, nhận xét cho kỹ nhập Mệnh có vẻ kém phần thích đáng như ở cung Tử cả 2 tuổi Canh cũng như Ất.

Tuổi Canh thuộc Dương, một khi Mệnh chiếm cung Dương cung Tử phải là âm, nếu đắc Tam Hóa liên châu thì Lộc & Khoa phải là cung Dương có Thái Dương an vị nên hưng vượng được chính thức lâu bền, hơn hẳn Mệnh đắc Quyền ở dương cung giáp Khoa Lộc nằm ở 2 cung âm. Thái Dương nơi đó chỉ sáng ngời trong giai đoạn mà thôi.

Tuổi Ất xuất hiện ở Mùi (âm), Tử Tướng hiện ngang ở cung Thìn là cung Tử đắc Hóa liên châu cho thấy nếp gia đình đã hun đúc nên con người đầy đủ đức năng.

Kiểm điểm lại khả năng của Tứ Hóa đứng trong thập Can tuổi Canh có Hóa Kỵ mằm gây hấn, nằm chung cùng Lộc Khoa. Thương nhân nên khiêm tốn xử thế sẽ được vinh vì Khoa sẽ giải được Kỵ. Tuổi Ất Hóa Kỵ đứng chung Quyền Lộc, Mệnh đứng nghịch lý âm dương. Tử Tướng đắc Khoa, tướng cũng nên nhu thuận, hướng dẫn cuộc đời đến ...

204

Lại có thuyết trình bày tứ Hóa tuổi Canh tuần tự theo 4 sao Nhật (Lộc) Vũ(Quyền) Âm(Khoa) Đồng (Kỵ) tức là Quyền giáp Lộc và Kỵ.

Xin thưa, đã nêu danh là tam Hóa liên châu, không lẽ chỉ có 2 viên ngọc quý trộn lẫn 1 viên mất cá dính bùn nhơ. Mười tuổi hàng Can, những sao được trao cho sử dụng 4 Hóa thì Thái Âm đứng đầu được 5 lần :

Tuổi Ất Thái Âm có Ky
 Tuổi Đinh Thái âm có Lộc
 Tuổi Mậu Thái Âm có Quyền
 Tuổi Canh Thái Âm có Ky
 Tuổi Quý Thái Âm có Khoa

Thái Âm đã đóng đủ vai Khoa Quyền Lộc và Ky. Hóa Ky được trao cho cả cặp Ất Canh vì bộ đôi này đều đắc vị âm dương, bộ Tứ Hóa diễn chuyển cùng ý nghĩa (bộ Tử Phủ ở giữa làm nòng cốt) khi khác Canh là dương tất cương (Quyền), Ất là âm phải nhu (Khoa). Hóa Ky đứng ngoài để phản ứng khuyên răn hai tuổi này đã được hoàn hảo đắc vị âm dương, lại đứng bộ đôi cùng chung cộng tác (2) cố gắng nên tự hiểu mà hướng dẫn cuộc đời :

Ất : Cơ Lương Vi Nguyệt : sống đều hơn tội lỗi.
 Canh : Nhật Vũ Đồng Âm : khiêm tốn đắc vinh

Toán số học không phải chỉ là môn học để tìm biết thời cơ thuận nghịch, còn là một khoa giáo huấn nhắc nhở nhân toàn kín đáo để người đời thấu nhận đâu là giá trị của đệ tam “Tài” vũ trụ.

205

ĐÂU LÀ NGÔI VỊ CHÍNH XÁC CỦA THIÊN ẤT QUÍ NHÂN (KHÔI VIỆT)

Bốn chữ Thiên Ất quý nhân cho thấy một phúc tinh ở ngôi vị khiêm nhường “thứ” (Ất) mà đảm nhiệm trách vụ của Đấng trưởng (Giáp) nâng đỡ ai kia đã dày công xây đắp “chữ Thọ” nơi thế gian đang ở trong hoàn cảnh đáng che chở để đền bù thiên tâm ơn đức.

Nhìn vào những vị trí của Thiên Ất đứng lên hành động, thấy có nhiều chỗ khó hiểu nguyên ý như :

- Tuổi Giáp Mậu có Khôi ở Sửu, Việt ở Mùi.
- Tuổi Ất **Kỷ** có Khôi ở Tý, Việt ở Thân.

Bốn tuổi hoàn toàn ở nghịch địa âm dương nhất là Khôi (dương) của Giáp Mậu và Việt (âm) của Ất **Kỷ**.

Sáu tuổi Bính Đinh có Khôi ở Hợi, Việt ở Dậu.

Sáu tuổi Canh Tân có Khôi ở Ngọ, Việt ở Dần.

Sáu tuổi Nhâm **Quý** có Khôi ở Mão, Việt ở Tỵ.

Có sách lại ghi : Giáp Mậu Canh cùng ở Sửu Mùi, còn lại một Tân ở Dần Ngọ (hoàn toàn nghịch âm dương). Thật là vạn nan khó hiểu, ghi không cho biết nguyên do.

Nay xin thỉnh ý quý vị cao học, đâu là nguyên vị chính thức của bậc quý nhân tài đức đầy quả cảm này. Theo ý riêng xin trình bày :

12 cung địa bàn, 2 nơi mộ địa Thìn Tuất được ghi là nơi Thiên La, Địa Võng, thường đem lại sự chặt vật cùng khó nhọc cho đương nhân ở cảnh sá lưới trời đất (tình trạng có Đà

La mới trúng cách). Hai cung này được Khôi Việt sử dụng làm biên giới phân chia thế đứng.

Biết rằng Thiên Ất là ngôi vị thứ “Ất” thay mặt cho Trưởng “Giáp” làm nhiệm vụ thì đương nhiên Khôi phải ở hoàn cảnh không thuận tiện mà Việt hẳn ở tình trạng vững vàng uy lực.

Căn cứ theo 2 tuổi Bính Đinh (Hỏa) Khôi (+) ở Hợi, Việt (-) ở Dậu, 2 tuổi Khôi bị sa lây, Việt được thăng thế.

2 tuổi Nhâm Quý (thủy) có Khôi ở Mão bị tiêu hao. Việt ở Tỵ đắc cách khai ca. Còn Canh Tân (Kim) Mậu Kỷ (Thổ) Giáp Ất (Mộc) cũng chia làm 3 cặp phân phối như sau :

206

- a- Canh Tân (Kim) để Khôi ở Ngọ bị khắc nhập, Việt ở Tí được sinh nhập.
- b- Giáp Ất (mộc) thì Khôi ở Thân bị khắc nhập, Việt ở Tí được sinh nhập.
- c- Mậu Kỷ (Thổ) Khôi ở Sửu bị Triệt và Phá Toái, Việt ở Mùi nhất là 3 tuổi Hợi, Mão, Mùi được Giải Thần và Hoa Cái phò tá.

Ngoài sứ mạng cứu khổ giải nguy Khôi Việt còn khả năng đặc sắc nâng cao những gì gặp gỡ về văn chương (Xương) nghệ thuật (Khúc) chiếm ngôi vị nguyên huân, nên đã được hàng Can trao cử nhiệm vụ vinh dự trên địa bàn như các bạn Quan, Phúc, Tứ Hóa, Lộc Tồn.

Thiết tưởng trong vũ trụ thời gian có luân lưu theo thời tiết biến dịch, nhưng không gian không bao giờ có gì nảy nở thêm hay tiêu hao mất. Nắng gắt phải có mưa lớn. Sông biển có chỗ bồi rộng tất có khúc quẹo sụp lở.

Tất cả hành tinh trên toán số, chỉ là những yếu tố dự bị trình bày lớp lang được xuất sắc còn tùy thuộc thiện chí khả năng diễn viên có chịu khó ra công đào luyện.

Xin thưa vẫn là luật bù trừ Tài Thọ.

Đảng Khôi Việt đứng trên Địa bàn.

Việt	Khôi	Việt	Khôi
La	Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh		Việt
Khôi			Võng
Việt	Khôi	Việt	Khôi

ĐỊNH Ý GÌ ĐẶT NĂM TUỔI Ở MỘ CUNG ĐỐI XUNG VỚI TAM HỢP THÁI TUẾ

Đứng trên địa bàn toán số 12 địa chi tranh đua lập thành 4 tam hợp cục. Mỗi cung trong cục đều có tính cách riêng mà đương nhân nên hiểu để hành động cho phải lý đúng cách.

Người tứ sinh nhất là ở vị trí tứ sinh có bốn phận bao dung nâng đỡ tùy theo cương (Dần Thân) hay nhu (Tỵ Hợi) mà thực thi mới đúng cách, mới bền vững lâu dài (Trường Sinh).

Người tứ chính nên rõ vai trò của mình là hiền ngang bất khuất (tí ngọ) hay không chấp nê những ti tiện (Mão Dậu) mới xứng đáng ngôi vị đàn anh (Đế Vượng) đại diện của mọi ngành.

Còn người tứ mộ biểu hiện của sự tàn tạ trong tam hợp cục mà Mệnh, Thân lại cùng nằm ở vị trí Mộ cung thì dầu đương nhân là vị lương y đại danh thì sức khỏe cũng năm ngày ba tật yếu kém hơn ai, như ý thức được cuộc đời cuối cùng chỉ là một địa mà dốc tâm xây dựng chữ Thọ sẽ được lưu truyền hậu lai một vinh dự với chiếc lọng che “Hoa Cái”.

Thái Tuế đã được ghi vào cung có tên hàng chi của tuổi, vậy tại sao lại ghi năm tuổi vào cung mộ đối xứng với tam hợp Thái Tuế ?

Hai chữ Thái tuế nêu ra đề ca tụng phô bày khí thế của nghĩa vụ nhất là Thân ở Thái Tuế có ý nghĩa thời gian khó nhọc (Phá Hư) đương nhân phải phấn đấu đến mức độ nào do bộ máy tiếp xúc (Thiên Mã) được bao nhiêu mã lực. Biết rằng chỉ có tam hợp của Phá Tang Môn Điều Khách bất cứ tuổi nào đều có Mã để bồi đắp nghị lực cho ai kia cũng thế âm hay dương như Thái Tuế để tranh đua mong đem lại sự hoàn hảo một mục đích thích đáng.

Mà cũng có nhiều thứ, nào là Bạch Mã (Thân), Ô Mã (Hợi) Mã Trạng Nguyên (Dần) xích thố (Tỵ) đương nhân có đồng hành thì mọi sự cố gắng được dễ dàng còn như khắc chế phải có nhiều ít khó khăn.

Thế nhân dầu cả Mệnh lẫn Thân đều ở Thái Tuế cũng phải phấn đấu vì là thời gian đối kháng (Phá Hư) rồi ra thành công đến mức độ nào nêu cao Thiên Mã của Vĩ nhân càng nhiều giá trị.

Vậy cái nguyên lý để năm Tuổi ở mộ cung để trình bày các mức tàn tạ của nhân sinh đến mức nào phải phấn đấu mới mong đem lại cái gì là vinh quang, không thể ỷ lại trông chờ ở sự phụ giúp hay may mắn chỉ là chừng nào thuận lợi mà thôi.

Phép toán số theo cổ thư để lại tính đại vận đặc cách cho Dương nam và Âm nữ đi thuận, còn Âm nam và Dương nữ phải đi ngược. Với tiểu hạn chỉ nói nam đi thuận nữ đi nghịch. Chỗ này thiên nghĩ cần phải thẩm duyệt lại đâu là chân lý.

Thuận hay ngược có nghĩa là thuận hay nghịch lý âm dương đã cho thấy hạn hành 10 năm một rất trùng cách lại tiểu hạn hằng năm bị nghi ngờ như sách bị tam sao thất bản hay

vì tư kỳ mà làm lạc hướng đi năm tuổi để năm ở tứ một đối xung Thái Tuế có ý nghĩa để dành sự thông đạt cho riêng môn phái.

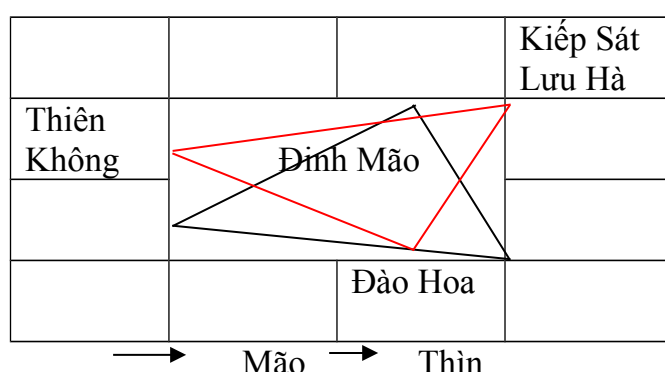
Người Dương nam đi thuận và người Dương nữ đi nghịch là thuận lý cho người Âm nam và Âm nữ cũng theo như trên cho thấy trên địa bàn toán số trình diễn sai lạc mất hẳn hướng đi.

Căn cứ ở nghịch lý âm dương theo tư thế của 4 cách : Thái Tuế, Tuế Phá, Thiếu Dương và Thiếu Âm nên đã xếp đặt bộ 3 Đào Hoa, Thiên Không, Kiếp Sát để răn chừng ngăn cản (tương đối) thêm Lưu Hà như có gì nặng nề hay mới về cõi thọ do hồ sơ nghiệp quả đã thanh toán.

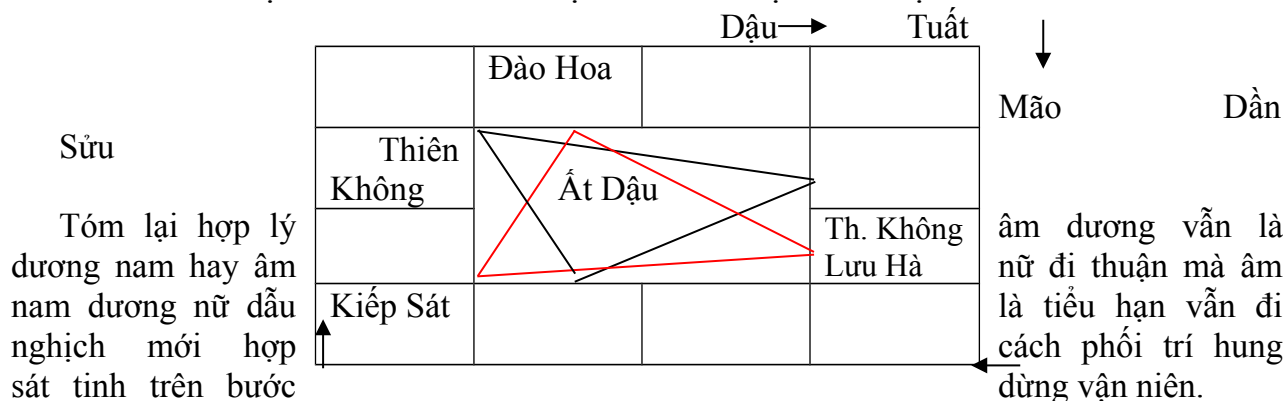
Căn cứ vào nhiều bản toán âm nam và âm nữ thấy nhiều tiểu hạn ngõ ngang vì lối đi thuận nghịch lạc lũng (Nam thuận nữ nghịch)

Như 2 bản số sau đây âm nam đi nghịch và âm nữ đi thuận rất xác thực :

a- Cụ Sào Nam sinh năm Đinh Mão về cõi Thọ năm Canh Thìn 74 tuổi



b- Bà Đoàn thị Diễm sanh năm ất Dậu mất năm Mậu Thìn thọ 44 tuổi :



210

**NGHĨA VỤ BỘ TAM MINH RA SAO MÀ
THIÊN HI LẠI ĐỨNG ĐỐI DIỆN HỒNG LOAN**

Bộ ba Đào Hồng Hi được liệt danh làm bộ tam minh như có phân sự cởi mở hoán cải tình trạng đen tối, nhất là đối với bộ Âm Dương đứng trong vị trí lạc hãm. Lý đương nhiên bộ 3 này phải có sự liên lạc để phối hợp hành động cho được dễ dàng. Vậy Thiên Hi lại đứng đối diện Hồng Loan như khất khe chống lại không cùng cộng tác hẳn là có sự bí hiểm nên khai thông minh bạch nguyên lý.

Trên 12 cung địa bàn 4 tam hợp chia nhau đứng ganh đua, thấy rằng Kim tứ Cục (Ty Dậu Sửu) dễ dàng lấn bước Mộc tam Cục (Hợi Mão Mùi) và Thủy nhị Cục thường trực làm khó Hỏa lục Cục (Thân Tí Thìn khắc chế Dần Ngọ Tuất). Sự thực vẫn có những then ngang làm cân phân đôi lực lượng.

Trong Kim tứ Cục thường xuyên có Phá Toái làm rời rã khả năng để cho Mộc tam Cục sánh đôi ngang ngửa, mà Thủy nhị Cục đặt nằm ở khu vực thuộc Thái Âm phải kém uy danh sáng lạn của Hỏa lục Cục thuộc Thái Dương. Hai chữ “Ngọ Môn” chiếm phần chánh nghĩa Đế quyền hơn hẳn Tí cung bá chủ.

Mỗi tuổi số cũng chia làm 4 thế đứng :

Thái Tuế là danh hiệu của tuổi đứng trong tam hợp cung của mình nhưng đầy đủ xứng đáng với trách nhiệm nên được bộ Long Phượng lộ điểm uy nghi. Với tuổi dương chủ nhận một lòng tự hào là đầy ý nghĩa, bằng tinh thần hào hiệp nhường cho đối phương (xung) một Phượng coi như khen tặng cho ai kia có tư cách tranh đua (tuổi Dương chỉ có 1 Long trong tam hợp Thái Tuế) còn tuổi âm đầy đủ cả 2 (Long Phượng) vốn tính điềm đạm nhu thuận ít phô trương.

Ba thế đứng còn lại đều có những khuyết điểm cần có những lá bài phụ như kinh nhật tụng nhắc nhở vỗ về an ủi..

Đứng đầu là tam hợp Tuế Phá (Tang Môn Điều Khách) đầy tự hào như ai Thái Tuế đồng thể Âm Dương, lẽ nào đương nhiên bó tay nhường bước. Vậy Thiên mã bộ máy bồi đắp nghị lực để đi tới mức hạ màn phân tách rõ ràng hắc bạch. Đây là hai thế ganh đua ngang ngửa chẳng đường chung kết. Thiên Mã **chi** dành riêng cho **thế** đứng tam hợp này.

211

Thiếu Dương và Thiếu Âm (Thiếu Dương Tử Phù, Phúc Đức và Thiếu âm, Long Đức, Trục Phù) là 2 thế nghịch lý âm dương với tuổi. Nhưng trên bước đường đi Thiếu Dương thường được ưu đãi trong tình trạng được sinh nhập hay khắc xuất, nên dễ khinh thường mà lạm dụng. Vì thế , cả 3 bộ Đào Hoa Thiên không Kiếp Sát đứng chặn chỉ đường Tử Đức cho đương nhân thức tỉnh tiến bước.

Còn lại Thiếu Âm trong tư thế Long Đức Trục Phù bị thua thiệt mọi lẽ, nên Hồng Loan và Thiên Hi chia nhau làm nghĩa vụ chia sẻ phần nào phù vân an ủi.

Ngẫm nhìn 2 vị trí của Hồng Loan và Thiên Hi đều đứng trong nghịch lý âm dương với tuổi và 2 sao đối xứng nhau tức có phần việc khác nhau trong hoàn cảnh phải gánh vác và tùy hoàn cảnh vẫn phải liên lạc với Đào Hoa là vai trò chủ chốt trường hợp nào cũng đứng ở tứ chính chỉ huy.

Nhận thấy rằng đối với những tuổi Dương Hồng Loan không bao giờ liên hệ với Đào Hoa đứng vào vị trí Thiếu Âm để phò trợ.

Tóm lại Hồng Loan đứng ở vị trí thiếu Âm để an ủi riêng cho tuổi Dương. Trái lại Thiên hỉ đối xứng với Hồng Loan để phò trợ riêng cho tuổi âm cung ở trường hợp Thiếu Âm. Đây đủ ý nghĩa Hồng Loan nhắc nhở người Dương bị hãm vào thế âm nhưng đừng quên chân bản ngã kiên nhẫn rồi cũng được dự phần sáng tỏ. Với Thiên Hỉ khuyên bảo đương nhân vốn người hiền lương thì hoàn cảnh nào cũng gửi cho được hòa nhã vui vẻ.

Bảng ở 4 yếu tố tinh thần Long Phượng Thiên Mã Thiên Không và Hồng Hỉ phân phối nhân sinh những gì chánh đáng, nghị lực gắng công, rắn chùng lăm dụng và khuyên nhủ an ủi trường hợp chẳng may.

Với bộ ba Đào Hồng Hỉ nghĩa vụ đặt vào hoàn cảnh nghịch lý âm dương, giao phó Đào Hoa ngôi vị tứ chính để có sức quyến rũ tham vọng mãnh liệt xếp vào thế Thiếu Dương vĩnh viễn, bị kẹp cứng bằng lưới hái Kiếp Sát càng thêm mạnh mẽ. Đôi khi quá nguy hiểm đủ mặt cả Lưu hà (1cặp Thiên Hà Địa sát) thời gian coi như gần mộ địa hầu gần hết danh nhân đều được lấy đó làm thời gian chót mẫn số(1).

212

Hồng Loan vốn nghiêm trang đứng trong cảnh Thiếu Âm tô điểm riêng cho tuổi Dương không nên thiếu khí phách. Trái lại Thiên Hỉ vốn tính vui vẻ tươi hiền dịu được trao điều khiển tuổi Âm sao cho thùy mị hợp nét, vì thế Hồng Loan và Thiên Hỉ phải đối diện để làm việc nghĩa trong hoàn cảnh Thiếu Âm, nhưng khác phái Âm Dương

(1) a- Cụ Phan Thanh Giản sanh năm 1796 (Dương nam Bính Thìn) chết năm 1867 Đinh Mão

b- Cụ Phan
1867 (Âm
chết năm

c- Bà
năm
Dậu)
Thìn

Sử

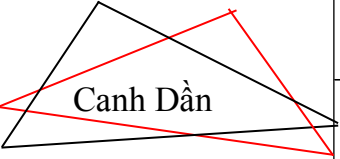
Th.Không Sát		Hà	Sát
Thiên Không	Bính Thìn		Mão Đào Hoa Thìn
Dương Nam			Hà Sát
Thiên Không	Đinh Mão		
Âm Nam	Mão	Đào Thìn	
	Đào Hoa		
	Ất Dậu		
Âm Nữ			
Kiếp Sát Thìn			Lưu Hà Th. Không

Bội Châu sanh năm
nam Đinh Mão)
1940 Canh Thìn.

Đoàn thị Điểm sanh
1705 (Âm nữ Ất
chết năm 1748 Mậu

Dậu
Mão
Dần

d- Bà Ngọc Hân công chúa vợ Đại đế Quang Trung sanh năm 1770 (Dương nữ Canh Dần) chết năm 1803 (Quý Hợi)

	Đào Hoa	Hợi	
Dương Nữ			
Hà Đào Th.Không			Thân Kiếp Sát



a, c Dương nam Âm nữ đi thuận đại cung như tiểu hạn.
b, d Âm nam Dương nữ đại tiểu hạn đều đi nghịch

214

NGHỊCH LÝ ÂM DƯƠNG LÀ MỨC CÂN PHÂN CÔNG ĐỨC XÂY DỰNG và LỖI LÀM DỤC VONG

Toán số mạng là một nhánh của dịch lý mà căn bản chính của dịch lý là Âm Dương. Thuận lý âm dương tức là điều hòa thông suốt. Nghịch lý âm dương cho thấy sự thua sút không phù hợp với tính cách như âm nam dương nữ hẳn phải có sự thiệt thòi trong muôn một so với dương nam âm nữ.

Nhìn vào địa bàn toán số 14 chính tinh chia ra hai phái âm dương, xuống dần tứ tượng, bên dương 2 bộ Tử Phủ và Phá Tham không ngừng tranh đua. Trái lại 6 sao bên âm có tinh thần thống nhất. Nhờ ở cặp Âm Dương Thiên Lương, nêu cao đạo lý để Cự môn theo dõi Đồng Cơ (ảnh hưởng tinh thần của bên Tử Phủ Phá Tham) lên tiếng phê bình tức là Âm Dương thực thi luôn luôn dị biệt. Vậy khi gặp nghịch lý phải có trái cảnh không hợp cách.

Vì thế toán số trình bày thêm Nhị hợp để nhấn nhủ sự thiệt hơn giữa tư cách chánh bản nên thêm tinh thần suy tính tùy lúc nhu kiện, cũng như lúc ba trường hợp cho giữa 3 bộ cũng phải e dè:

- Tử Vi bị Cự Môn: uy thế phải e dè bình phê
- Thiên Tướng bị Thiên Cơ: cương quyết phải tùy theo tổ chức
- Thất Sát bị Thái Dương: nhẹ dạ phải sáng suốt

Trường hợp nghịch lý âm dương thường xuyên cho thấy có mặt các phúc tinh Quan, Phúc, Thiên Ất, Thiên Đức, Nguyệt Đức, Long Đức và Phúc Đức. Tại sao vậy?

Với ba vị Quan Phúc và Thiên Ất luôn luôn che đậy cho ai kia ở ngoài hoàn cảnh đáng cứu vớt, nhất là Thiên Ất mách bảo các thứ nhân dâm thọ lãnh gánh vác những vai trò quan hệ phần trường từ gia đình đến xã hội cũng như trách vụ của là Ất thay mặt cho Giáp làm bốn phận. Còn Tứ Đức là con đường rõ ràng vạch ra cho ai trong tình trạng Thiên Không, Kiếp Sát, Đào Hoa nên sớm tỉnh ngộ dầu chậm cũng hy vọng được phần nào nâng đỡ.

Đứng đầu một đoàn sát tinh trong tình trạng nghịch lý âm dương là Hà – Sát do Can Chi phối hợp cắt đặt bởi Đào Hoa múa gậy vườn hoang Thiên Không phải phúc trình. Trường hợp vắng bóng Lưu Hà là hoàn cảnh suy bại nhưng chính đích cho Giáp Dần Ngọ Tuất, Ất Hợi Mão Mùi, Canh Thân Tí Thìn và Tân Tỵ Dậu Sửu. Tiếp theo Không Kiếp hiện ngang không cần biết đến tuổi nào đầu là Thái Tuế, khinh mạng đứng theo giờ nghịch lý âm dương (giờ Tí ở âm, giờ Sửu ở Dương ...) làm cho điều đứng như sinh bất phùng thời.

Rồi đến Kinh Đà rất nghiêm khắc với sự lâm dụng của bốn tuổi Ất Giáp Canh Tân, dùng nghịch lý để canh chừng. Những người Bính Đinh Dần Ngọ Tuất và Nhâm Thân Tí Thìn nên giữ phần mình khiêm nhường vì Kinh ở Tí Ngọ rất kiêu hùng rước lấy nghiệp quả.

Còn lại Hỏa Linh rất âm thầm đứng theo hàng Chi gây bất hạnh như vi trùng nhập mạch máu lần bước theo:

- 1/ Tuổi Dần Ngọ Tuất Hỏa cục, Hỏa Linh phát khởi ở âm cung
- 2/ Tuổi Thân Tí Thìn Thủy cục, Hỏa Linh phát khởi ở dương cung
- 3/ Còn lại 6 tuổi Âm Tỵ Dậu Sửu và Hợi Mão Mùi: Hỏa Linh xâm nhập khởi ở cả hai mặt âm dương như Quan Phúc đã coi chừng 5 tuổi Bính Đinh Canh Kỷ Quý (trường hợp chiêm chế).

Hai nhóm Phúc tinh và Sát tinh phận sự mỗi bên mỗi khác, cũng như Long Phương Tả Hữu, Xương Khúc theo năm tháng và giờ khởi từ hai cung dương (Thìn Tuất) mà hợp cách âm dương trên phương diện thời gian, Thìn thuộc Thái Dương Ất thuộc Thái Âm, để tô điểm phẩm cách hạng bậc cao đẳng nhân sinh xuất sắc.

Mỗi Hoa giáp thành lập cho thấy hàng Can đứng trên làm gốc, Chi đứng sau là phụ . Thời gian biến dịch mỗi khi Can được sinh nhập hay khắc xuất, tương đối thấy có phần nào lành mạnh, trái lại khi bị sinh xuất hay khắc nhập đều có vẻ khó khăn đều là con số lẻ 5 và 9 (tốt) 3 và 7 (xấu) tức là dương gặp dương và âm gặp âm, không hề âm dương nghịch lý là tại sao vậy?

- Hàng Can tuy là gốc nhưng nạp âm mới là toàn thể. Mỗi khi toàn thể đắc thắng (nạp âm được sinh nhập) hàng Can có bị suy bại cũng không đến nỗi mệnh hệ nào. Trong 60 Hoa giáp, luôn luôn mỗi hành có hai hoa liên tiếp tức là dương và âm như Giáp Tí (dương Kim)

là có Ất Sửu n(Âm Kim). Thời gian thiên khắc địa xung không phải chỉ đề phòng có một âm hay dương và nạp âm ở tình trạng sinh hay khắc, nhập hay xuất.

- Bảng 4 yếu tố năm, tháng, ngày, giờ lập thành chỉ có trên nửa triệu bản số khác nhau, sao vẫn thấy mỗi cá nhân một mệnh hệ không ai giống ai?

- Những hành tinh di chuyển trên địa bàn toán số cho thấy những điểm phác họa của một tư thế. Riêng Phúc tinh và Sát tinh đứng ở hai bên đòn cân so sánh độ lượng : Thọ kia đã xây dựng đến mức độ nào thì Tài nọ sẽ đền đáp sao cho ngang bằng xứng đáng.

Vậy dương nhân phải biết cách nào thực thi?

- Nhân số có âm có dương: Thân luôn luôn liên hệ với Mệnh ở Mệnh, Phúc, Quan, Di, Tài và Phối. Bản tính của dương là cường kiện chu đáo, người dương phải hành động sao cho hợp ngoại giao bề rộng chữ Thọ mới ở nội tộc (Phúc) nghề nghiệp (Quan) ngoại giới (Di), sự nghiệp (Tài) và ngoại tộc (Phối). Người âm thì buông thả dễ dãi nhu thuận nên chu đáo trong nội gia (hiếu cha mẹ) tài sản (Điền) phụ thuộc (Nô) anh em (Bào) con (Tử) và Tai (Ách). Sự khác biệt ở chỗ là người khôn kẻ dại, người làm nhiều kẻ làm ít, trong mức độ nào đó cũng được Quan Phúc Thiên Át luận đàm cùng Thương Sứ sau đó giao kết cuộc cho Sát tinh thừa hành nghiêm lệnh.

Công lao xây dựng nhân luân để cho loài người được hãnh diện liệt vào hàng đầu các sinh vật xứng đáng một năng lực của Tam Tài hiện ngang trong vũ trụ. Phải chăng cũng chỉ một thứ Tài Thọ mà tiền nhân trông trọt từ Thái cổ để sinh thọ hưởng nếu ngày nay không biết ra công xới bón.

217

NHỮNG NÉT ĐẶC KHOẢN CỦA BỐN TUỔI ẤT MẬU TÂN NHÂM

Được biết mỗi hoa giáp được lập thành bằng hai chữ Can và Chi phối hiệp mệnh danh là nạp âm. Mỗi chữ Can Chi có một hành riêng, nạp âm lại có một hành chung như Giáp Tí thì nạp âm thuộc kim, mà phân tách thấy chữ Giáp thuộc Mộc, chữ Tí thuộc Thủy. Vậy nạp âm là toàn bộ bao quát, Can trình bày nguồn khai thông biến dịch, CHI là phần gốc như được trình bày theo thời gian tuổi tiểu nhi: 1 tuổi ở Mệnh, 2 ở Tài, 3 ở Ách, 4 ở Phối, 5 ở Phúc, 6 ở Quan, 7 ở Nô, 8 ở Di, 9 ở Tử, 10 ở Bào, 11 ở Phụ, 12 ở Điền.

Người sanh năm Giáp Tí, năm 3 tuổi ở Ách là năm Bính Dần, chữ Giáp phải sinh xuất cho Bính (Mộc sinh Hỏa) phải hao tổn tức là Ách. Năm lên 5 tuổi ở Phúc tức là Mậu Thìn, chữ Giáp khắc xuất chữ Mậu (Mộc khắc Thổ) có hy vọng thắng lợi tức là Phúc. Năm lên 7 tuổi ở Nô tức là Canh Ngọ, chữ Giáp bị chữ Canh khắc nhập (Kim khắc Mộc) đối phải tranh đua để thua thiệt ở Nô. Năm lên 9 ở Tử tức là Nhâm Thân, chữ Giáp được chữ Nhâm sinh nhập (Thủy sinh Mộc) có nghĩa con cháu là nguồn hy vọng. Từ đó trở đi cứ những năm có số 3 như 13, 23, 33, 43 ... và số 7 như 17, 27, 37, 47 ... đều phải e dè đề phòng mọi sự bất trắc, vì thế Thương Sứ được điều động tới Nô Ách để nhắc nhở người đời khoảng thời gian đó nên thận trọng, nhất là đại vận ngoài 40 ngấp nghé chữ Thọ làm sao tránh được yếu vong (1).

Trái lại những năm có các số như 15, 25, 45 ... và 9 như 19, 29, 39, 49 ... được hy sự may mắn. Tóm lại tốt nhất chữ 9, tốt nhất là chữ 9, tốt vừa là số 5, xấu nhất là số 7, xấu vừa là số 3. Hàng Can này chỉ phô bày nét đại, còn đặc thất phải tùy ở nạp âm di chuyển theo thời gian so sánh kết thúc.

- Vậy làm sao chỉ có 4 tuổi Ất Mậu Tân Nhâm có những nét đặc khoản khả dĩ phân biệt với 6 tuổi còn lại?
- Biết rằng hàng Can có nhiệm vụ quan trọng xếp đặt các hành tinh trọng yếu trên địa bàn toán số. Với 4 tuổi Ất Mậu Tân Nhâm thấy những diễn cảnh các vị Phúc tinh thường chung lưng với nhau làm việc, và cũng chỉ có 4 Can này mới bày ra khu đất "La Vồng" lưới sắt gò bó người đời khó khăn vùng vẫy nơi hậu cứ kho tàng quý giá của định mệnh, mà đằng trước có lực sĩ kiêu hùng canh gác (2).

218

4 tuổi Ất Mậu Tân Nhâm đã bị Đà La tranh giật khép kín hai khu Thìn (Ất Mậu) và Tuất (Tân Nhâm) như được thất tuổi Ất cả ba vị Thiên Quan Thiên Quý và Thiên Ất quay tròn tam hợp cung Thìn. Tuổi Nhâm có Quan Phúc đứng ở Ngọ Tuất nơi Địa Vồng ngó chung THIÊN MÃ của Thân Tí Thìn bị Triệt, còn Thiên Ất đón đường Hà Sát. Tuổi Mậu tất cả 3 vị Thiên Ất, Thiên Phúc thường trực ở Mão Mùi để tham dự hỷ Thiên Không của người Mậu Dần Ngọ Tuất. Tuổi Tân có Thiên Ất chờ sẵn ở Dần Ngọ trông chừng Địa Vồng (TUẤT) và Quan Phúc ở Dậu và Tí giúp đỡ cho Hợi Mão Mùi khỏi bị mất nghị lực (Mã bị Triệt) khách hào hoa có đủ khả năng trình bày nghệ thuật xa lánh uy quyền như bảng tứ Hóa đã mở khép 4 chữ Cự Dương Khúc Xương (tuổi Âm) – Tân – để Thái Dương chấp quyền, nghệ thuật – Khúc – đến mức độ nào cũng dễ ghi danh để quân văn học).

Tuổi Ất có Cơ Lương Vi Nguyệt. Người tuổi Âm có Cơ Nguyệt ở Âm, hoàn cảnh Quyền Khoa nghịch địa, hẳn là một bài học kín đáo khuyên ai sống đều hơn tốt lỗi, để mang lụy trong đường lối éo le nên cả 3 vị quý nhân đều sẵn sàng nhúng tay trong trường hợp đương nhân có thiện tâm.

Tuổi Mậu có Tham Âm Bất Cơ. Tuổi dương Tham ở Dương năm Lộc, Âm, Quyền Cơ Kỵ với sức mạnh Bất thi thổ Khoa là tất cả then chốt của giấc mộng mơ hồ cho nên tất cả Quan Phúc Ất quý nhân đều cùng nhau xúm quanh nghịch địa đón cảnh suy tàn hiểm nguy.

Tuổi Nhâm có Lương Vi Phủ Vũ, cả 4 chữ nêu một cảnh thanh bình vô vị lợi, một diễn xuất thiên nhiên đặc sắc thành thực, khác hẳn 4 chữ của Giáp Liêm Phá Vũ Dương. **Liêm năm Lộc rất hay**, Phá giữ Quyền rất nên thận trọng vì sao chỉ tinh thần CỐ phù hợp với Vũ để dễ dàng tròn bổn phận bằng tinh thần, Thái Âm nhu thuận gỡ bớt phần nào Thái Dương lạc địa âm cung ngộ Hóa Kỵ.

Kính thưa, đây là một diễn cảnh tranh đua ở thế gian mà người đời nên thận trọng "Cần khôn nhất hí trường, nhân sinh thi bị kịch"

Người Nhâm Tí, sinh ngày 2 tháng 9 giờ Mão. Nguyên 2 chữ Nhâm Tí đã chứng minh cho người có khả năng dù không hơn ai, nhưng khó nhường bước trước một ai. **Kinh Dương ở Tí một biểu hiện không quá kiêu như ở Ngọ**, sự thực cũng không quên sức (sự?) tự hào Là một bạch diện thư sinh với Thiên Lương (Mệnh) và Thiên Cơ (Thân) nhưng không thể không tinh thần Liêm Tướng (nhị hợp

219

Mệnh) ở Ngọ và Phá Quân, Kinh Dương (nhị hợp Thân) ở Tí. Chẳng may gặp vận suy tàn ở Ách có Tử Phủ và Mã bị Không Kiếp đành chấp nhận cả Triệt lẫn Tuần lời cuốn có đầy đủ Quan Phúc chung giám lòng sắt son thành thực.

- (1) Những năm tiểu hạn đến Nô và Ách không bao giờ ở số lẻ như 3,5,7,9 mà là số chẵn, vì Nô Ách luôn luôn đứng nghịch lý âm dương với Mệnh.
- (2) **Tuổi Bính cũng có Đà La ở Thìn, nhưng bị Triệt đã tháo gỡ đến 70% không còn trở ngại gì mấy**, nên Quan Phúc đứng lẻ loi mỗi vị một chỗ không cùng tam hợp.

220

ĐÂY LÀ NGUYÊN NHÂN ĐÃ CHẤP NHẬN ĐỂ TẢ HỮU XƯƠNG KHÚC ĐƯỢC NHẬP ĐOÀN ĐIỀU ĐỘNG TẢ HỮU – XƯƠNG KHÚC

Tứ Hóa là những hình thể đa dạng chuyển dịch của 10 hàng Can để quyết định cho những hành tinh trình diễn. Những hành tinh phải có những nghệ thuật riêng biệt thực thi cho trúng cách vai trò cắt cử.

Ngắm trong hàng 14 chính tinh thấy có 3 sao từ chối thi thố khả năng nên vắng mặt như:

- a. Thiên Phủ thi Khoa Quyền Lộc nào sánh kịp, và Kỵ cũng thể giảm uy danh.
- b. Thiên tướng chỉ biết có bồn phận với tấm lòng trung hậu luôn luôn chịu dưới quyền Thiên Phủ để chung lo công việc (thường xuyên trong tam hợp cùng Thiên Phủ).
- c. Thất Sát bồn tánh nhẹ dạ cả tin nên e dè ảnh hưởng sáng suốt của Thiên Phủ (Thái Dương nhị hợp của Thiên Phủ cũng là lục hại của Thất Sát).

Vậy chỉ còn 11 sao đối với thập can, tính trung bình mỗi sao phải thủ diễn 3 hay 4 lần. Thực trạng những sao có uy tín như Tử Vi, Phá Quân, Liêm Trinh, mỗi sao chỉ có 2 lần xuất hiện tượng trưng cho đến Thiên Lương cũng chỉ 3 lần phơi bày tư cách.

Biết rằng bộ Âm Dương phải làm việc nhiều nhất để nêu tính cách lợi hại khẳng định quy luật âm dương làm con đường chính.

Thái Dương trình diễn trong 3 tuổi Giáp Canh Tân phơi bày cái thể dương cường nhất quyết.

1. Giáp (Liêm Phá Vũ Dương): dồn tất cả Khoa Quyền Lộc vào thể dương lưỡng nghi (Tử Phủ Phá Tham – Dương; Cự Nhật Đồng Lương – Âm) đảo hạn nghịch địa cùng Thái Dương Hóa Kỵ là cảnh vực sâu đen tối.

221

2. Canh (Nhật Vũ Đồng Âm) phô trương tam hóa liên châu hợp cách dương đắc Quyền bị kẹp Lộc thuộc Thái Dương ở nghịch địa âm, cho thấy nền hưng vượng không được lâu bền.
3. Tân thuộc Âm mà Thái Dương cầm quyền tức là thể lẩn nghịch cảnh dầu cho nghệ thuật thiện mỹ đến đâu cũng vẫn khó khăn cho uy tín của 1 vị Đế quân văn học (Xương ngộ Kỵ).

Thái Âm xuất hiện những 5 lần trong những tuổi Ất Đinh Mậu Canh và Quý đủ vai thủ diễn Khoa (Quý) Quyền (Mậu) Lộc (Đinh) và Kỵ (Ất và Canh) nhấn nhủ người đời đường lối nhu diệu tất được trời quang gió mát.

Những sao còn lại không thể ôm quá nhiều, e ngại không đủ tài năng thi thố nghệ thuật, vậy phải tuyển thêm đào kép trong hàng ngũ đàn em (trung tinh) có hy vọng phát triển bắt đầu xuất phát từ Thìn (Dương), Tuất (Âm) hợp lý âm dương (Tí ở Thìn Tuất, Sửu ở Tỵ Dậu) có thể đủ tài trình diễn không ngại ngừng sơ sót.

Tại sao chỉ tuyển dụng 2 bộ Tả Hữu - Xương Khúc mà loại bỏ bộ Long Phụng?

Xin thưa là bộ Long Phụng là trung tinh đứng ra để phơi bày tư thế quý cách của Thái Tuế, ngôi vị thượng đẳng cao đẹp, nên bộ Long Phụng thường trực đứng trong tam hợp để làm phận sự tô điểm chiếc ngai vàng uy nghi, có lọng che (Hoa Cái). Tả Hữu – Xương Khúc tuy chỉ là đại diện cho tháng và giờ, nhưng bộ sao này đều có tùy tùng phụ thuộc Thai Tọa (1) và Quang Quý (2) chạy trong quỹ đạo của mình đề cao mình chủ đủ tài năng xuất chúng điều khiển được chữ “Khoa” trong mọi lãnh vực và nhấn nhủ người đời dẫn dắt cuộc sống ở hoàn cảnh bị Kỵ, không bao giờ mơ tưởng tham gia Quyền Lộc, điển hình như:

- a. Xương thủ vai Khoa trong tuổi Bính để bào chữa cho giá trị Liêm Trinh bị Kỵ.
- b. Khúc trong tuổi Tân ra tay cứu vãn ô danh cho thấy (Xương thường trực đề cao bằng Thai Phụ, Phong Cáo xuất phát từ Khúc) nhấn nhủ ai kia Quyền Lộc không hợp pháp chỉ là phù vân.

- c. Tả Hữu đã khoác áo Khoa thực thi rất tài danh trong 2 tuổi Mậu và Nhâm là 2 tuổi đầy đặn khó khăn trong 5 tuổi dương (Giáp Bính Mậu Canh và Nhâm) tốt độ như Mậu Dần Ngọ Tuất, Thân Tí Thìn có Kinh Dương tứ chính sánh vai Thái Tuế.

222

1. Tuổi Mậu có Tham Lang ôm Lộc, Thái Âm nắm quyền, Thiên Cơ bị Kỵ. Hữu Bật nơi đây làm sao quân bình được 2 phe Quyền Lộc trong thế lưỡng nghi, rồi lại cân phân giữa Quyền Lộc với Kỵ phụ lực cho thế hiên ngang Kinh Dương ở Ngọ. Tất cả một giấc mơ mộng tưởng.
2. Nhâm đắc Thiên Lương giữ gìn Lộc, Tử Vi chấp chánh Quyền đều hòa trong thế lưỡng nghi, Tả Phù có phần dễ dàng đủ tài an ủi Vũ Khúc bị Kỵ. Nhưng Kinh Dương ở Tí có phần sâu sắc bén nhọn hơn ở Ngọ. Tả Phù phải đủ khả năng như đệ nhị Thiên Phủ mới mong giải quyết êm đẹp.

Kinh Dương Tí Ngọ với 6 tuổi Dần Ngọ Tuất, Thân Tí Thìn đều phát huy biệt tài hơn người, tất lòng tự hào không thể không cao, sẽ hứng chịu phần nào thừa trừ nguy hiểm. Tiếc thay công nhiều quả thiếu.

Hai bộ Tả Hữu - Xương Khúc được đầy đủ tín nhiệm được nhập đoàn chỉ huy Tứ Hóa do thực lực uy danh có trong quỹ đạo của mình một chi nhóm phụ thuộc làm sáng tỏ khả năng cao quý với trách nhiệm một trong 4 thành phần chính của toán số mạng học:

- Đại diện năm: Thái Tuế
- Đại diện tháng: Tả Hữu
- Đại diện ngày: Chính tinh
- Đại diện giờ: Xương Khúc

(1) Giá trị ngôi tam công, bát trụ của 1 triều đại

(2) Xứng đáng ghi trong đề danh bảo vật.

223

MUỐN ĐỐI CHIẾU DƯƠNG LỊCH VÀ ÂM LỊCH

Biết rằng âm lịch diễn biến cứ theo 60 hoa giáp liên hồi luân chuyển từ cổ xưa đến nay, còn dương lịch từ lúc xuất hiện đến nay, cứ chồng chất lên thành số, cứ mỗi ngày mỗi lớn. Dem khép vào âm lịch phải chia ra làm hai giai đoạn: Trước Công Nguyên và Công Nguyên. Ở giai đoạn giữa này thấy 6 năm như sau:

Mậu Ngọ: năm thứ 3 trước Công Nguyên

Kỷ Mùi: năm thứ 2 trước Công Nguyên

Canh Thân : năm thứ 1 trước Công Nguyên

Tân Dậu: năm thứ 1 khởi đầu Công Nguyên

Nhâm Tuất: năm thứ 2 Công Nguyên

Quý Hợi: năm thứ 3 Công Nguyên

Nhìn vào 6 năm trên của Âm lịch, từ Mậu Ngọ đến Quý Hợi tuần tự Can Chi của 6 năm cuối cùng của 60 hoa giáp. Vậy 3 năm đầu của Công Nguyên là 3 năm cuối của 60 hoa giáp, vậy muốn đối chiếu dương và âm lịch phải chia làm 2 giai đoạn và nguyên tắc áp dụng phải khác nhau.

1. Trước Công Nguyên:

Lấy tuổi sinh năm dương lịch chia cho 60, còn lại bao nhiêu phân tánh như sau:

- 10 thuộc Tân Hợi
- 20 thuộc Tân Sửu
- 30 thuộc Tân Mão
- 40 thuộc Tân Tị
- 50 thuộc Tân Mùi

Vì năm 1 thuộc Công Nguyên là Canh Thân đếm ngược lại 10 là Tân Hợi, 20 là Tân Sửu... còn hàng đơn vị đếm ngay trước cung hàng chục đi ngược lại đến số đơn vị, còn thừa là năm tuổi âm lịch.

Ví dụ: như năm 453 trước Công Nguyên số còn lại là 33, thì 10 là Tân Hợi, 20 là Tân Sửu, 30 là Tân Mão. Số đơn vị 1 là Canh Dần, 2 là Kỷ Sửu, 3 là Mậu Tý – 453 trước Công Nguyên.

Khổng Phu Tử sinh 551 trước Công Nguyên thời Trung cổ, lấy 551 chia 60 được 11, số 1 đơn vị đứng trước 10 là Canh Tuất – 551 trước Công Nguyên.

224

2. Sau Công Nguyên

Bởi 3 năm đầu của Công Nguyên là 3 năm cuối của 60 hoa giáp, vậy phải lấy năm dương lịch trừ ngay với 3. Còn lại chia cho 60, còn dư bao nhiêu thì phân tánh như sau:

- 10 thuộc Giáp Tý
- 20 thuộc Giáp Tuất
- 30 thuộc Giáp Thân
- 40 thuộc Giáp Ngọ

Hàng đơn vị 7 của 10 năm thuộc Giáp Thìn:

01 là Giáp Thìn

02 là Ất Tị

03 là Bính Ngọ

04 là Đinh Mùi

05 là Mậu Thân

06 là Kỷ Dậu

07 là Canh Tuất – 1910 dương lịch (**ghi là “08 là Canh Tuất – 1910 dương lịch” nhưng có lẽ “07...” chính xác hơn**)

NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Trước Công Nguyên: sau khi chia cho 60, số còn lại, hàng chục bắt đầu từ Hợi tính là Tân Hợi, đi thuận sang Sửu (20), Mão (30),... hàng đơn vị đứng ngay trên đi nghịch lại.

2. Sau Công Nguyên: sau khi trừ cho 3 và chia cho 60, hàng chục bắt đầu Giáp Tý đi nghịch (10), Giáp Tuất (20), Giáp Thân (30),... hàng đơn vị thuộc con Giáp nào bắt đầu đi thuận lại.

Sanh năm Âm lịch muốn tìm ra năm Dương lịch thì lấy số tuổi của âm lịch trừ đi 01, vì âm lịch thường tính trội hơn dương lịch 1 tuổi, sau đó lấy số năm dương lịch đang sống trừ đi số tuổi âm lịch (bớt đi 01) thì thấy số còn lại là năm sanh dương lịch như:

Tuổi Kỷ Mão ở năm 1984 là 46 tuổi, trừ bớt đi 1 còn lại 45 tức là 1984 trừ 45 còn lại 1939 là Kỷ Mão.

Thiết tưởng, nếu cứ nói 60 hoa giáp diễn **đi** trình lại cứ thế thật quá nông cạn, còn đâu sự dị biệt. Xin nói đó chỉ là 1 phần của nguyên đại bao gồm 3 giai đoạn: Thượng Nguyên – Trung Nguyên – Hạ Nguyên.

Tất cả có 180 năm. Mỗi đại nguyên chỉ là 1/6 của một địa cuộc hoa giáp: $180 \times 6 = 1080$ năm. Vậy 6 hoa giáp có $6 \times 180 = 6480$ năm.

Vậy 1 thời gian dài từ Thái Cổ cho đến sau này biết bao đời thay khác nhau. Bằng ở Thể điển hình “Can - Chi” thực dụng, lấy âm dương ngũ hành chế hóa, chuyển đổi thành muôn hình vạn trạng. Đó mới là căn bản chính của Dịch học toán học.

- 1- Thái cực
- 2- Lưỡng nghi
- 3- Tam tài
- 4- Tứ tượng
- 5- Ngũ hành

VÀI QUAN ĐIỂM VỀ : LIÊM TRINH – THAM LANG

1. Hai chính diệu Liêm Tham (chỉ ở 2 cung Tị và Hợi) gặp nhau là có ý nghĩa 2 bộ tam giác âm dương Sát Phá Tham gặp Liêm Tử Vũ hội nhập nhau (Tử Phá ở Sửu Mùi, điểm tụ của âm dương, nhưng lại là điểm tán của 2 sao Nhật Nguyệt) mà bộ Sát Phá Tham (dương) gặp Liêm Tử Vũ (âm) thì luôn luôn gây ra hãm địa ở 3 cung có 6 sao này đụng độ nhau. Tất yếu điểm lành thì ít, điểm xấu thì nhiều. Và chẳng cơ cấu chung quanh Liêm Tham cũng xấu: cung Bào là Thái Âm đóng cung dương Thìn Tuất (tệ nhất là Thái Âm ở Thìn), rồi cung Phúc lục hình cung Ách (mà Thân cư Phúc lại càng bá thở !). Cung Tài ôm gọn 2 ông Tử Phá chán ơi là chán.

2. Tuy nhiên nếu Liêm Tham lại thuộc tuổi Tị-Dậu-Sửu hay tuổi Hợi-Mão-Mùi (để có vòng Thái Tuế ở cung Mệnh) thì chưa chắc đã xấu gì? Lại trở thành phán quan (nếu ôm vòng Thái Tuế!) hay trở thành lực sỹ (hâm mộ thể thao là yếu nhất) một khi Liêm Tham ở mệnh lại thuộc vòng Tuế Phá - Thiên Mã.

3. Hình ngục nan đào là khi đương số sinh giờ Tý (tức là Ách có Thiên Hình) hay giờ Ty (mệnh có Thiên Hình) hoặc giả đương số sinh vào các tháng âm thì Không Kiếp (nhất là Địa Không) luôn bám trụ ở các cung mạnh (ảnh hưởng trực tiếp tới đương số) như: Mệnh-Quan-Tài và Phúc-Di-Phối (nếu như Thân cư ở các cung này Thân cư Phúc, Thân cư Di, Thân cư Phối)

4. Còn chỉ luận chung mạng Hỏa (hay mạng Thủy nếu Liêm Tham ở Hợi) thì có Liêm Tham ở mệnh (Tị Hợi) không sợ gì mấy về tù tội, điều này mơ hồ lắm. Tất cả phải bám vào cơ cấu của tinh đầu trong lá số (như 1 bàn cờ thế đã bày ra) và luôn luôn quan sát 3 vòng chính: Tràng Sinh – Thái Tuế – Lộc Tồn, được coi như xương sống của lá số Tử vi. Một khi Liêm Tham đã có đủ 3 vòng này hội nhập (vòng Tràng Sinh chỉ có Kim cục và Mộc cục) thì lo gì hình ngục nan đào?.

5. Việc luận thêm Tuần Triệt và Hóa Kỵ đóng thêm vào cung của Liêm Tham vẫn chỉ là cách coi Tử vi trên cơ chế “Vocabulary” chứ chưa có cú pháp văn phạm gì cả thì làm sao mà sáng tỏ được.

Vậy chừng nào mà người nghiên cứu Tử vi quên cái cơ cấu ổn định trong từng lá số thì vai trò của các nhà tử vi gia chuyên coi sao (tinh đầu) còn đất dụng võ và tử vi còn...mơ hồ ! Có thêm Tuần Triệt và Hóa Kỵ ở Liêm Tham chỉ là thêm gia vị cho món ăn, còn món ăn

này ngon hay dở thì phải luận tới các sự liên hệ vào các cơ cấu tinh đầu trong lá số tử vi nữa.

Lê Hồng Đức
(Học phái Thiên Lương)

228

KỸ THUẬT ỔN ĐỊNH CỦA VÀI TINH ĐẦU TRONG KHOA TỬ VI

A. Cách an vĩnh viễn của Văn Xương và Tả Phù

Theo sách vở xưa thì tinh đầu Văn Xương an theo giờ, còn Tả Phù an theo tháng sinh, độc đáo là ở chỗ ấy:

1. An sao Văn Xương:

Sinh tháng giêng, an Văn Xương ở cung Tài Bạch

Sinh tháng hai, an Văn Xương ở cung Ách

Sinh tháng ba, an Văn Xương ở cung Di

Sinh tháng tư, an Văn Xương ở cung Nô

Sinh tháng năm, an Văn Xương ở cung Quan

Sinh tháng sáu, an Văn Xương ở cung Điền

Sinh tháng bảy, an Văn Xương ở cung Phúc

Sinh tháng tám, an Văn Xương ở cung Phụ mẫu

Sinh tháng chín, an Văn Xương ở cung Mệnh

Sinh tháng mười, an Văn Xương ở cung Bào

Sinh tháng mười một, an Văn Xương ở cung Phôi

Sinh tháng mười hai, an Văn Xương ở cung Tử tức

2. An sao Tả Phù:

Sinh giờ Tý, Tả Phù ở cung Phúc Đức

Sinh giờ Sửu, Tả Phù ở cung Điền

Sinh giờ Dần, Tả Phù ở cung Quan

Sinh giờ Mão, Tả Phù ở cung Nô

Sinh giờ Thìn, Tả Phù ở cung Di

Sinh giờ Tị, Tả Phù ở cung Ách

Sinh giờ Ngọ, Tả Phù ở cung Tài

Sinh giờ Mùi, Tả Phù ở cung Tử

Sinh giờ Thân, Tả Phù ở cung Phối

Sinh giờ Dậu, Tả Phù ở cung Bào

Sinh giờ Tuất, Tả Phù ở cung Mệnh

Sinh giờ Hợi, Tả Phù ở cung Phụ Mẫu

3. Sao Văn Khúc thì căn cứ vào vị trí của sao Văn Xương mà di chuyển theo luật tán ở Thìn Tuất, tụ ở Sửu Mùi.
4. Sao Hữu Bật cũng vậy, nghĩa là theo luật tán với Tả Phù ở Thìn Tuất, và tụ với Tả Phù ở Sửu Mùi.

B. Sự liên quan của sao Thiên Hình với cung an Thân:

Thiên Hình với cung an Thân (cùng căn cứ vào giờ sinh) có sự liên quan và rõ ràng đây là dấu ấn của mỗi hành động của ra tạo ra. Như chúng ta đã biết Thân là hành động còn Thiên Hình là sự phán xét, kết cấu với nhau như bóng với hình:

Thân cư Mệnh thì Thiên Hình ở Ách hay Phụ Mẫu

Thân cư Quan thì Thiên Hình ở Tử hay Điền

Thân cư Tài thì Thiên Hình ở Bào hay Nô

Thân cư Di thì Thiên Hình ở Phối hay Quan lộc

Thân cư Phúc thì Thiên Hình ở Tài hay Phúc.

Theo sách cổ thì an Thiên Hình theo tháng sinh nhưng nay học phái Thiên Lương lại chỉ căn cứ vào giờ sinh (điều này rõ ràng là nghiệm lý) mà phán xét. Thiên Hình nằm ở cung nào, trong số 12 cung liên hệ chung thân với cuộc đời của đương nhân. Bây giờ lại tìm ra cái liên hệ ổn định giữa cung an Thân với Thiên Hình như vừa nêu, rõ ràng có nhiều điều hay lạ. Lại nữa, những cung Thiên Hình đóng luôn luôn ở thế xung đối (không bao giờ khác được) như Ách với Phụ mẫu (khi Thân cư Mệnh), Tài Bạch với Phúc Đức (khi Thân cư Phúc), điều này giờ sinh đóng vai trò quyết định rất quyết liệt, chẳng hạn sinh giờ Sửu

thì Thiên Hình ở Tài Bạch, mà sinh giờ Mùi thì Thiên Hình ở Phúc Đức (dù rằng cả hai giờ này đều là Thân cư Phúc). Các mô hình khác cũng vậy cả: sinh giờ Tý thì Thiên Hình ở cung Phụ Mẫu, còn sinh giờ Ngọ thì Thiên Hình chạy sang Ách cung (là cung xung đối) dù cả hai đều ở thế “Mệnh Thân đồng cung”. Đây là nguyên lý nhị nguyên của Triết học biện chứng, bao giờ cũng vậy, thời cùng 1 hiện tượng (Thân cư nào đó) nhưng có hai bản chất trái hẳn nhau (Thiên Hình đóng ở 2 cung xung đối nhau) thế nên cuộc đời con người bao giờ cũng bất ngờ (hay gọi là ngẫu nhiên), ta tưởng như vậy là do 1 tha (**thế**) lực chi phối ? Không phải vậy đâu! Cái gọi là sự nghiệp đời ta chẳng qua là do cả 1 quá trình hành động của ta mà thôi! Chúng ta không nên tin có 1 **tha** lực (hay còn gọi là thần thánh gì đó) nào, bắt ta làm nô lệ cho một số phận (chung thân bị an bài sắp đặt trước), tất cả không có gì ngẫu nhiên thần bí đâu: chỉ có tất nhiên mà mỗi bản thân ta phải gánh chịu hậu quả mà ta đã làm. Vậy làm sao mà khám phá ra những dự án phác đồ một đời người ? Chỉ có phác đồ trong lá số mà khoa tử vi họ nô lực kín đáo diễn tả ra. Người này Thân cư Quan mà Thiên Hình ở Điền, còn Thân cư Quan mà Thiên Hình ở Tử Tức? Hẳn nhiên 2 cuộc đời này sẽ không thể giống nhau (dù rằng cùng đồng dạng Thân cư Quan !) cái yếu tố thời gian nhỏ bé lúc sinh ra (giờ Dần hay Thân) đã giúp ta dự kiến trước khả năng sẽ phải đương đầu (mất con hay phải chịu thiệt hại nhà đất, chẳng hạn) mà đương nhân tự do chọn lựa cách xử thế trong quá trình làm việc công ích xã hội (Quan Lộc).

Lê Hồng Đức – Học phái Thiên Lương.

231

TỬ VI THỜI LÝ HỌC

Tử vi là một học khoa cổ đại của triết học phương Đông nhằm giúp cho kẻ sỹ xưa và trí thức ngày nay, biết phép xuất xử ở đời, sống với tha nhân (trong quần thể xã hội) sao êm đẹp và tiên bộ chung. Do đó học phái Thiên Lương chúng tôi mạnh dạn đặt tên cho Tử vi là “**Tử vi thời Lý học**” nghĩa là môn học nghiên cứu thêm chiều thứ tư (trong hình học không gian chỉ có 3 chiều) là thời gian, đã ảnh hưởng đến chuỗi dài sinh sống của sinh vật nói chung và của con người nói riêng như thế nào? Nói cách khác thì khoa “**Tử vi thời Lý học**” nhằm xem xét cấu trúc thời gian và các diễn biến sự sống của con người, kể cả các ảnh hưởng của các yếu tố **ngoài môi**. Chứ tuyệt nhiên, không bao giờ xem Tử vi là môn thần bí (mê tín dị đoan) để cho một số người lợi dụng hầu có tình lòn bịp thiên hạ để trục lợi, nói năng bậy bạ, hủ hóa một ngành học có tính nhân văn, đạo đức. Cụ thể hơn nữa, học thuyết âm dương hình thành một cách sinh động (nhờ yếu tố tác động mà phạm trù âm dương trở thành dịch động uyên áo) nhất trong khoa Tử vi. Âm và Dương đối lập nhau (là tính thời gian) để sự vật không ngừng vận động (phát sinh, phát triển và tiêu vong). Lý học phương Đông là như vậy đấy và khoa Tử vi là cố gắng của người xưa (tuy chưa hoàn chỉnh) giải thích dòng sông có quy luật của mỗi con người một cách tổng thể (nghĩa là người xưa tìm hiểu thiên nhiên để sống thuận lý với thiên nhiên). Chứ khoa Tử vi thời Lý học không tin có định mệnh sắp đặt trước của tha lực thần quyền nào cả. Con người là một vi thể của tạo vật, có những quy luật ràng buộc (một cách tinh diệu phức tạp) như những sinh vật khác nhưng không phải là con người nô lệ cho những quy luật sinh học ấy. Trình độ hiểu Tử vi của một số lớn người còn nặng nề về vị trí (lợi ích vật chất riêng tư, cầu tài, cầu danh) nên dễ bị bọn người xấu (buôn Thần bán Thánh lác hậu) lợi dụng, hốt bạc, chứ đã mấy ai chịu nghiệm lý cái đạo sống đầy nhân bản tính trong lá số ?

Thập kỷ cuối của thế kỷ 20 này, do công trình gian khổ của 2 nhà bác học Halberg và **Reimberg** mà khoa Thời sinh học (chronobiologic) ra đời, nhằm khám phá thêm những qui luật sinh học bấy lâu chi phối sự sống của muôn loài. Bốn thông số Toán học trong khoa Thời sinh học là : chu kỳ T, biên độ A, Thông số và mức điều chỉnh M đã giúp nhân loại hiểu rõ rằng: có thể con người là một hệ thống sinh học tinh diệu, hoạt động theo qui luật của các nhịp sinh học có thể giúp chúng ta xác định những giờ có năng suất cao trong sản xuất cũng như tránh được những giờ dễ bị tai nạn lao động. Tiếc thay, do hoàn cảnh và trình độ non yếu nhiều người lầm lạc về nhịp sinh học trong thiên nhiên là tha lực huyền bí, đã gieo rắc đầu óc mê tín dị đoan!

Ngôn ngữ xưa và nay có khác nhau, nhưng rõ ràng nhân loại luôn chủ động vươn lên làm chủ thiên nhiên (để mưu cầu hạnh phúc chung) thì khoa Tử vi thời Lý học có những dữ kiện (tinh đầu hay sao) chia làm 4 nhóm thông số Toán học trong thời sinh học hiện đại:

1. Chu kỳ T: khoa Tử vi dùng vòng Thái tuế làm ý niệm thời gian để định mức thuận lợi hay khó khăn (từng đại vận 10 năm, tiểu vận 1 năm, tháng, ngày,...), Học phái Thiên Lương nhấn mạnh vào chu kỳ T của vận Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ là thời điểm tối ưu (và nghiệm lý sơ sài đã thấy hiển nhiên trong tam giác Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ luôn có Long Cái Phượng). Chu kỳ T trong Tử vi như vậy có 4 loại tam giác của Thái Tuế, tam giác của Tuế Phá (Mã Hư), tam giác của Thiếu Dương (có Đào Không Sát), tam giác của Thiếu Âm (có Long Đức). Với 4 tam giác vừa nêu, chỉ có 2 tam giác Thái Tuế, Tuế Phá là thuận Âm Dương với tuổi sinh, từ đây rút ra hệ luận: những ai mệnh cung ở kiểu (modèle) “tiền Cái hậu Mã hay tiền Mã hậu Cái” đều là trái Âm Dương cả (cách đóng của Thiếu Âm) không thể sáng giá... vô có như sách cổ Tử vi đã in bấy lâu nay.

3. Thông số (Acrophase): theo thuật ngữ Hi-lạp thì Akcras có nghĩa là nhiều nhất, cao nhất. Thông số trong tử vi là thời điểm có nhiều biến động nhất (hiểu theo nghĩa tốt nhiều hơn), như vậy là xét vòng Tràng sinh và 4 bộ mặt chuyên đề của 14 chính diệu (tùy theo hàng Can của tuổi sinh) tức Khoa Quyền Lộc Kỵ. Cơ bản vốn là vòng Tràng sinh trụ ở tam giác Sinh Vượng Mộ diễn tả cái hanh thông suông sẻ của lực phát triển trong mỗi lá số. Chu kỳ T thuận lợi là tam giác Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ nếu hội nhập được tam giác Sinh Vượng Mộ cộng thêm tam giác Bác Sỹ Quốc Ấn Tướng Quân thì chính là thông số ngon lành nhất vậy. Trong nhãn quan thời lý học này phải nghiệm lý đã không nhìn nhận công thức: mệnh Vô chính diệu đắc Tam không nhi phú quý khả kỳ. Vì rằng: đắc Tam không (Tuần Không, Địa Không và Thiên Không trong tam hợp) là đã trái âm dương (mất tính chu kỳ T thuận lợi), thì không thể phú quý khả kỳ được. Phải đổi lại dạng thông số: mệnh VCD đắc tam luân... phú quý khả kỳ được. Các thông số khác là Khoa Quyền Lộc cũng phải nằm trong cách Mệnh cung thuộc dạng Thái Tuế mới là hữu hảo (tệ lắm thì cung an Thân phải nằm trong modèle Thái Tuế có Khoa Quyền Lộc tam hợp). Một đôi khi nhà nghiên cứu Tử vi thời lý học cũng phải xem cả các “**lỗm tiểu cực**” của nhịp sống trong dòng sống của đương nhân, tức là các tụ điểm thời gian có nhiều sự xấu, không may mắn (Suy Tuyệt Mộc Dục có thêm Hóa Kỵ và cá hung tinh khác nữa), các “**lỗm cực tiểu**” này là hình thái thông số phản diện trong Tử vi.

4. Mức điều chỉnh M: cái hay lạ và cũng phong phú tính đạo đức cao thượng của con người, trong Tử vi thời lý học, là mức điều chỉnh M, điều chỉnh cân đối các dạng chu kỳ.

Thí dụ 1: Công thức Tuần Triệt tháo gỡ cho nhau (Trong đại vận Triệt gỡ cho Tuần)

Thí dụ 2: Chu kỳ Thiên Không (bị Đào Sát dần mất) thì cũng có quý tinh Thiên Nguyệt Đức hóa giải (nếu đương nhân chọn cái cõi bỏ, cái buộc vào người, tự do tính của đạo đức).

Thí dụ 3: Thiên Quan, Thiên Phúc đóng cung nào thì báo hiệu ở cung đó có sự xấu (đe dọa họa hại) đương nhân cần suy nghĩ mà xử lý với đời.

Thí dụ 4: tuổi Âm vốn dĩ thua sút tuổi Dương (về cái thuận lý, trong sáng, thanh khiết) nên khi gặp chu kỳ Thái tuế bao giờ cũng gặp đủ Tứ Linh – Phượng Long Cái Hồ, rõ ràng là Phượng các (có Giải thần bên cạnh) là mức điều chỉnh M trong lá số vậy. Các tinh đầu đóng vào thông số M khá nhiều: Thiên Hình, Không Kiếp, Tả Hữu, Xương Khúc,...nói chung, là chỉ cần một trong số các dữ kiện nêu trên xuất hiện ở cung nào cũng đủ làm lệch đòn cân thuận lợi hay họa nạn rồi!

233

Thí dụ 5: chỉ cần biết sinh vào giờ Tý là biết ngay cung Ấch có Thiên Hình, sinh giờ Tị là mệnh cung có Thiên Hình, làm một mỗi đương nhân không ít trong dòng sống của cuộc đời, tất nhiên chỉ về mặt sức khỏe là chính. **trải nghiệm lý** lý thú đã tìm ra quy luật: người sinh vào tháng **chấn** Quan, Tái, Di, Phối, Phúc bộ Địa không phá tán, gây phiền phức (chưa kể Địa Kiếp tam hợp nếu sinh vào giờ lẻ).

Tóm lại Khoa Tử vi thời Lý học là một cách nhìn xứng đáng cho Khoa cổ học Tử vi, nhằm thật sự nghiên cứu về con người trong tạo vật, chủ động đưa ý thức con người vươn lên làm chủ cuộc sống bản thân, đồng thời ích thiện với xã hội.

MỤC LỤC

Nguyên lý của Hoa Giáp.....	1
Ý nghĩa mỗi năm trong 60 Hoa Giáp.....	4
Đâu là nguyên lý ngũ hành nạp âm của 60 Hoa Giáp.....	8
Những câu phú nên thận trọng khi áp dụng.....	11
Những sao Lộc, nhất là Lộc tồn ban phát ra nên rất chặt chẽ.....	14
Danh dự của Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc.....	17
Bùa mê thuốc lú Khoa Quyền Lộc	19
Cô Thần Quả Tú không bao giờ được đóng góp chung với Thái Tuế	22
Căn bản huyền diệu của Tử vi có phải là những hành tinh.....	24
Hiệu năng của Quốc Ấn đường Phù	27
Chớ coi thường quyền uy của Đẩu Quân	30
Thế nào là Thiên La Địa Vọng	34
Lưu niên văn tinh là gì mà được Thiên Can định vị.....	37
Thiên Trù cũng quan hệ lắm sao?	39
Oan trái nghiệp quả Hình Riêu Không Kiếp.....	41
Hùng Khí của Lục Sát Tinh	43
Những Sát tinh ngộ chế là đáng quý	46
Phẩm chất riêng biệt giữa Văn Xương và Văn Khúc	49
Bởi đâu mà Bạch Hồ Đường trở nên ác hại.....	54
Những trường hợp ngoại lệ của Bại Lục Tinh.....	56

Luật Âm Dương của địa bàn thay đổi hẳn tình trạng các chính tinh.....	58
Thật khéo hai chữ Tài Thọ	60
Thương Sứ là hai độn canh cho 3 đoạn đường lượn khúc	63
Những đắng đức hạnh cao dày không có gì ngăn cản nhiệm vụ.....	66
Khôi Việt Thiên Ất Quý Nhân	71
Trường hợp nào là người Tứ Đức	74
Tinh thần và thể xác khác biệt tùy theo Mệnh Thân đóng ở Tứ Sinh, Tứ Chính hay Tứ Mộ	76
Phải minh xác thận trọng Phúc Đức, Mệnh, Thân.....	79
Khu đất phì nhiêu trong cung địa bàn	82
Bộ Nhật Nguyệt đòi hỏi sự thận trọng	85
Mười 14 chính tinh đâu là ngọc châu quý giá.....	88
Tuần Triệt có ích lợi gì cho Mệnh có chính diệu	92
Tác dụng của Nhị hợp Tam hợp và Xung chiếu	96
Căn cứ vài yếu điểm nào để quyết định giờ sinh	100
Trong Tử vi vòng Tràng Sinh có ý nghĩa gì?	103
Chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp	107
Đâu là một lá số đẹp	110
Bản thể thực chất của Thái Tuế	114
Sự ngang ngửa giữa Tam hợp Cục	118
Bào đay liên lạc với Nô	122
Phụ Mẫu liên quan gì tới Tật Ách	126
Giàu nhờ bạn, sang nhờ vợ	129
Vận hạn nên tính thế nào?	133
Thế nào là vận hội tốt?	136
Triết lý chính danh trong Tử vi	140
Ba ngôi: Trời, Đất, Người	143
Mỗi đời người, mỗi nhân quả	146
Những trạng thái diễn biến của sáu chữ Giáp.....	149
Cần khôn nhất hỉ trường, nhân sinh thị bi kịch.....	153
Tử vi chính thị đích tôn của dịch lý.....	156
Toán số dịch học, một phương tiện giáo huấn đạo lý nhân sinh.....	159
Cần Khôn một khối vĩ đại Đức Hạnh.....	161
Đức Hạnh Cần Khôn đi đến đồng nhân đại hữu chữ Thời với Lý Âm Dương	166
Khả năng của Tam tài hun đúc thể nhân.....	169
Đây hẳn là nghiệp báo	171
Thái độ của xung phải tùy theo không gian và thời gian.....	174
Sao lại chỉ sử dụng "Kê Mã Chư Long Hồ"	177
Người thuộc Thổ ngũ Cục Tràng Sinh xuất phát ở đâu?	179
Cục vì đâu trở thành phần quan trọng của số	181
Dư âm phê bình tư thể nhân sinh được triết lý minh xác trên địa bàn toán số	184
Phẩm chất giữa Tử vi và Phá Quân.....	187
Thất Sát Ngưỡng và Triều Đầu (Tử Vi hay Phá Quân).....	190
Năng lực quan trọng của nhị hợp	192
Di, một lực lượng cần phải để ý	195
Cơ Nguyệt Đồng Lương Cục Nhật một khối đồng tấu nhất trí.....	198
Tứ Hóa đem lại sắc thái gì trong 10 Can	200
Tam Hóa Liên Châu đem hạnh phúc tới mức độ nào mà chỉ xuất hiện cho Tuổi Canh và Ất.....	202

Đâu là ngôi vị chính xác của Thiên Ất Quý Nhân (Khôi Việt)	205
Định ý gì đặt 5 tuổi ở Mộ Cung đối xứng với Tam Hợp Thái Tuế.....	207
Nghĩa vụ bộ Tam Minh ra sao mà Thiên Hỉ lại đứng đối diện Hồng Loan	210
Nghịch lý Âm dương là mức cân phân công đức xây dựng và lỗi lầm dục vọng.....	214
Những nét đặc khoản của bốn tuổi Ất Mậu Tân Nhâm	217
Đâu là nguyên nhân đã chấp nhận Tả Hữu, Xương Khúc được nhập đoàn điều động Tứ Hóa	220
Muốn đối chiếu Dương lịch và Âm lịch.....	223
Nguyên tắc chung	225
Vài quan điểm về Liêm Trinh và Tham Lang.....	226
Kỹ thuật ổn định của vài tinh đầu trong Tử Vi.....	228
Tử Vi theo Lý học	231

HẾT

Chân thành cảm ơn các Hội viên Tử Vi Lý Số đã tham gia cùng Helen gõ cuốn sách này: [PhuongMai06](#), [VothienKhong](#), [Nhencn](#), [Uonfs](#), [TuDuc](#), [Muctim](#), 08-2007